

CECELIA AHERN



nhật
ký của
ngày
mai

hồ
chế nam



NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI

Nhật Ký Của Ngày Mai

- Cecelia Ahern -



Công ty phát hành: Nhã Nam



Nhà xuất bản: NXB Thời Đại



Kích thước: 14 x 20.5 cm



Số trang: 386



Ngày xuất bản: 08/2014



Giá bìa: 92.000 đ



Chụp pic: Viễn Ảnh



Type: Lam Vy, Hồng Lệ, Dandelion, chidochikarin



Beta: Phạm Huỳnh Uyên Khôi



Ebook: Annabelle Tran





CECELIA AHERN

(30/09/1981) là nhà văn người Ireland, con gái cựu thủ tướng Ireland Bertie Ahern. Trước khi bắt đầu sự nghiệp sáng tác, Cecelia Ahern đã tốt nghiệp đại học ngành Báo chí và Truyền thông Đại chúng. Ở tuổi hai mốt, cô viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Tái bút: Anh yêu em* và tác phẩm ngay lập tức trở thành cuốn sách bán chạy nhất ở tầm quốc tế, được chuyển thành phim với sự tham gia của Hilary Swank. Tiểu thuyết thứ hai của cô, *Nơi cuối cầu vồng*, cũng là sách bán chạy số một ở Ireland và Vương quốc Anh, và giành giải CORINE của Đức năm 2005.

Sách của Cecelia đã được xuất bản ở 46 quốc gia và bán ra 13 triệu bản. Cô hiện sống ở Dublin cùng gia đình.

Những tác phẩm của Cecelia Ahern do Nhã Nam xuất bản:

Nơi cuối cầu vồng

Nếu em thấy anh bây giờ

Nhật ký của ngày mai





“Ahern đã thêm thắt yếu tố ma mị huyền hoặc vào tác phẩm mới nhất này... Ai say mê những câu chuyện có những tòa lâu đài đồ nát, những bí mật gia đình quái gở... sẽ bắn loạn lên vì quyển sách này.”

- ENTERTAINMENT WEEKLY

“Một câu chuyện ma mị thời hiện đại đúng nghĩa, cuốn tiểu thuyết mới đây mê hoặc của Ahern chất chứa những bí mật gia đình, những điều huyền bí trên ghẹo trí tò mò.”

- BOOKLIST





Trong thư viện lưu động của Marcus, số phận trở trêu đã trao vào tay Tamara một quyển sách bìa da khóa chặt. Đến khi khóa được mở, không có gì hé lộ, bởi trong đó chỉ toàn giấy trắng.

Rồi một ngày, Tamara sững sốt thấy trong sách toàn chữ mình viết nhật ký cả ngày hôm sau, và càng sững sốt hơn khi sự việc thực tế diễn ra đúng như vậy. Cứ thế, mười hai giờ đêm mở sách ra và Tamara biết ngày mai chuyện gì sẽ đến.

Tamara không hiểu, cũng không ai hiểu. Nhưng cuốn nhật ký ngày mai là có thật. Một thời gian sau, sự hoang đường còn được đẩy đi xa hơn. Thế giới tương lai bị giấu kín khỏi mắt cô, chỉ còn những trang giấy cháy sém như vừa sống sót qua một đám cháy. Một bí mật bàng hoàng về quá khứ của cô đã dần hé lộ...





*Tặng Marianne, người di chuyển khế khàng
nhưng luôn gây ra tiếng động đúng lúc.*

*Tặng các độc giả của tôi, cảm ơn các bạn đã tin
trưởng tôi.*





Chương 1: Cánh đồng nụ hoa

Chương 2: Hai con nhặng

Chương 3: Sự khởi đầu mới

Chương 4: Voi trong phòng

Chương 5: Niềm đau

Chương 6: Xe buýt chờ sách

Chương 7: Tôi muốn

Chương 8: Khu vườn bí mật

Chương 9: Một lời tạm biệt dài

Chương 10: Nấc thang lên thiên đường

Chương 11: Nơi có khói

Chương 12: Không tránh khỏi

Chương 13: Tòa lâu đài ồn ã

Chương 14: Một giờ

Chương 15: Những thứ bạn thấy trong kho nhà bếp

Chương 16: Trừu tượng tuyệt đối

Chương 17: Ma ám

Chương 18: Yên nghỉ

Chương 19: Luyện ngục

Chương 20: Bà nội trợ trong bếp với bột ca cao

Chương 21: K nghĩa là... Kangaroo

Chương 22: Căn phòng tối

Chương 23: Vụn bánh mì

Chương 24: Cô bé con

Chương 25: Những giấc mơ về người đã khuất

Chương 26: Những điều chúng ta đã học được hôm nay



Chương 1: Cánh đồng nụ hoa

Người ta thường nói mỗi lần kể lại, câu chuyện sẽ mất đi một chút gì đó. Nếu điều đó là thật, câu chuyện này sẽ không hề bị suy suyển, bởi vì đây là lần kể đầu tiên.

Vài người sẽ không tin đâu. Nếu tôi không phải là tôi, và câu chuyện không phải xảy ra với tôi, tôi cũng sẽ giống như bọn họ mà thôi.

Nhưng nhiều người không khó để tin chuyện đó, bởi vì đầu óc bọn họ khá phóng khoáng nhờ được mở ra bởi một thứ chìa khóa niềm tin nào đó. Bẩm sinh họ đã như vậy, hay khi họ còn thơ bé, đầu óc họ giống như những nụ hoa nho nhỏ, chúng được nuôi dưỡng cho đến khi những cánh hoa từ từ hé nở, mặt trời chiếu rọi, chúng lớn lên, lớn lên, lớn lên mãi. Nhờ vào đầu óc cởi mở, bọn họ nhận thức được cuộc sống xung quanh, chấp nhận cuộc sống như nó vốn thế, nhìn thấy ánh sáng trong bóng tối, nhận ra cơ hội nơi ngõ cụt, nhấm nháp chiến thắng trong lúc kẻ khác chát đắng thất bại, tìm tòi đặt câu hỏi khi kẻ khác chỉ biết chấp nhận. Ít chán chường một chút. Ít hoài nghi một chút. Ít khi vầy cờ trắng đầu hàng. Một số người chỉ cởi mở hơn vào giai đoạn sau của cuộc đời, thất bại và vinh quang đóng vai trò như chìa khóa để mở nắp của chiếc hộp biết-tuốt, giúp họ chấp nhận những điều bí ẩn, giúp họ tạm biệt tính thực dụng và cuộc sống bị đóng khung.

Nhưng có nhiều người đầu óc như một bó cây, nảy chồi mỗi khi học thêm một kiến thức mới. Một nụ hoa cho một thông tin mới, nhưng chúng không bao giờ hé nở, không bao giờ khoe sắc. Bọn họ là những người quen với câu chữ viết hoa cùng những dấu chấm câu hoàn chỉnh, không hề biết đến dấu chấm hỏi hay dấu ba chấm tỉnh lược...

Ba mẹ tôi là kiểu người như vậy. Kiểu người-biết-tuốt. Kiểu người mà “nếu nó không có trong sách hoặc bố mẹ chưa bao giờ nghe nói đến trước đây thì đừng tỏ ra lỗ bịch thế”. Kiểu người suy nghĩ một cách logic và rõ

ràng, đầu chứa đầy những nụ hoa muôn sắc tuyệt đẹp, được tía tốt tỉ mẩn và tỏa hương thơm nức, nhưng chúng chẳng bao giờ hé nở, chẳng bao giờ đủ nhẹ nhàng và yếu điệu lướt trong làn gió nhẹ. Cứng nhắc, khô khan, hết sức thực tế, bọn họ vĩnh viễn chỉ là những nụ hoa cho đến lúc chết.

Ừ thì mẹ tôi chưa chết.

Vẫn chưa chết. Chưa chết theo định nghĩa luật pháp hay theo định nghĩa sinh học hay bất cứ định nghĩa nào, nhưng đầu bà chưa chết, bà chắc chắn không thực sự “sống”. Mẹ cứ như một xác chết biết đi, thỉnh thoảng lăm băm như muốn kiểm tra xem mình có đang sống hay không. Nhìn từ xa thì bạn sẽ cho rằng mẹ tôi vẫn ổn. Nhưng khi đến gần, bạn có thể nhận thấy lớp son môi hồng sen được tô mỗi sáng hơi gồ ghề, mắt bà mệt mỏi và vô hồn, cứ như những ngôi nhà cảnh giả trên tivi: bề ngoài hào hoáng, bên trong trống rỗng. Mẹ đi lòng vòng trong nhà, mặc chiếc áo ngủ tay phồng phấp phới, lướt từ phòng này sang phòng khác như một người đẹp miền Nam ở biệt thự trong phim *Cuốn theo chiều gió*, lo lắng về việc phải lo lắng cho ngày mai. Đầu bề ngoài duyên dáng như một nàng thiên nga, bên trong mẹ ra sức vùng vẫy. Bà cố giữ cho đầu ngẩng cao, thỉnh thoảng lại phô bày nụ cười lo lắng để cho chúng tôi biết mẹ vẫn còn đó, đầu những hành vi đó không đủ sức thuyết phục chúng tôi. Ồ, tôi không trách mẹ. Từ từ tan biến như vậy quả là điều hết sức xa xỉ, nhất là khi để mặc cho những người khác dọn dẹp đồng đồ nát và gom lại những mảnh vỡ còn sót lại của cuộc đời.

Tôi chưa kể gì cho bạn nghe cả, nhất định là bạn đang cảm thấy rất mù mờ.

Tên tôi là Tamara Goodwin. Goodwin - Thắng Tốt. Một trong những từ quái dị mà tôi khinh bỉ. Đã thắng lại chẳng tốt. Y như cái kiểu “thua thảm”, hay “chết ngắt”. Hai từ thừa thãi đi cùng với nhau chỉ để nói điều có thể dễ dàng diễn tả bằng một từ. Đôi khi tôi tự động bỏ một âm khỏi tên khi báo danh: Tamara Tốt, thật mĩa mai khi tôi chẳng bao giờ là một đứa tử tế, hay Tamara Thắng, giấu nhại ám chỉ một loại may mắn không có thực.

Tôi khoảng mười sáu tuổi, người ta nói với tôi như vậy. Bây giờ tôi tự hỏi tuổi thực của mình là bao nhiêu vì tôi cảm thấy mình già dặn gấp hai lần thế. Hồi mười bốn, tôi cảm thấy mình mười bốn tuổi. Tôi cư xử như một con bé mười một tuổi và muốn mình mười tám. Nhưng trong mấy tháng vừa qua, tôi đã già đi cả mấy tuổi. Có thể nào không? Những nụ hoa khép chặt sẽ lác đầu: không, những đầu óc cởi mở sẽ nói *rất có thể*. Mọi thứ đều có thể, họ sẽ nói vậy. Không, không phải vậy. Không phải mọi thứ. Không thể nào làm ba tôi sống lại. Tôi đã cố, khi tôi tìm thấy ông nằm trên sàn văn phòng, chết ngất, mặt tím tái với một hộp thuốc viên rỗng bên cạnh và một chai whisky rỗng trên bàn. Tôi không biết mình đang làm gì nhưng tôi vẫn ép sát miệng vào môi ông, luống cuống ấn lên ấn xuống ngực ông. Chẳng ích gì.

Cũng như khi mẹ tôi nhảy xuống quan tài của ba khi nó đang được hạ huyệt và bà bắt đầu gào thét, cào vào lớp gỗ sơn vecni. Phải nói là huyệt mộ được phủ kín bởi thứ cỏ xanh bằng nhựa đầy kẻ cả, cứ như thể muốn lừa phỉnh chúng tôi rằng ba tôi sẽ nằm trong đó chứ không phải trong lớp đất đen đầy dòi bọ suốt khoảng thời gian vĩnh hằng còn lại. Dù tôi khâm phục sự cố gắng của mẹ, hành động suy sụp tinh thần của bà bên mộ ba không thể làm ông sống lại.

Lại còn những câu chuyện dằng dặc về ba tôi được kể đi kể lại trong buổi tiếp đón sau đó, cứ như một cuộc thi tài kể chuyện “Ai hiểu George nhất” vậy. Bạn bè và gia đình tay cầm bánh, câu cửa miệng của bọn họ là “Câu chuyện tôi sắp kể mới tức cười nè”, “Có lần George và tôi...”, “Tôi không bao giờ quên lần George nói...” Mọi người đều quá phấn khích, họ ngắt lời nhau, đỏ nước mắt và rượu xuống tâm thần Ba Tư mới của mẹ. Có thể thấy là họ đã cố hết sức, và về một phương diện nào đấy, ba *gần như* đang tồn tại trong phòng, nhưng những câu chuyện của họ không làm ông sống lại. Rồi đến lúc mẹ phát hiện ra tài chính của ba cũng chẳng khỏe mạnh hơn ông bao nhiêu. Ba bị phá sản, nhà băng nắm quyền sở hữu ngôi nhà của chúng tôi và mọi tài sản khác của ông. Mẹ phải bán mọi thứ - *mọi thứ* - chúng tôi có để trả nợ. Đến lúc ấy mà ba cũng không hề quay lại giúp

chúng tôi. Vậy nên tôi biết ba đã đi rồi. Ba đã đi thực rồi. Tôi cho rằng nếu ba để chúng tôi đơn độc trải qua mọi chuyện - để tôi thôi không khí vào thân thể lạnh giá của ông, để mẹ cào vào quan tài của ba trước mặt mọi người, rồi giương mắt nhìn chúng tôi bị lột sạch hết mọi thứ chúng tôi từng có, tôi hoàn toàn chắc là ba đã thực sự đi.

Ba cũng tính toán rất khéo léo khi bỏ đi như vậy. Tôi dám chắc mọi chuyện khủng khiếp và nhục nhã y như ông hằng hãi sợ.

Nếu ba mẹ tôi là những nụ hoa, thì có thể, có thể họ sẽ tránh được những chuyện đó. Nhưng họ không như vậy. Không có ánh sáng ở cuối đường hầm, nếu có đi nữa cũng chỉ là dấu hiệu của một chuyến tàu sắp chạy tới. Không có khả năng nào khác, không còn cách giải quyết nào khác. Ba mẹ đều là người thực tế, ngoài niềm tin, hy vọng và ý tưởng mơ hồ nào đó, không một giải pháp thực tế nào có thể giúp ba vượt qua cơn khó khăn này. Nhưng ba không có niềm tin, không có hy vọng, nên ba tôi đã làm điều ông có thể làm: kéo tất cả chúng tôi vào chung mồ với ba. Tôi cảm thấy tò mò muốn biết làm sao cái chết, vừa đen tối vừa lạnh lùng thế kia, lại có thể soi tỏ tính cách thực sự của một con người. Những tuần vừa qua, tôi được nghe kể vô số những câu chuyện cảm động về ba. Chúng an ủi tôi, và tôi thích đắm chìm vào những câu chuyện đó. Nhưng nói thực, tôi chẳng tin vào tính xác thực của chúng. Ba không phải là một người dễ mến. Đương nhiên là tôi yêu ba, nhưng ba không phải người tốt. Chúng tôi hiếm khi nói chuyện với nhau, mỗi khi nói thì lại tranh cãi về một chuyện gì đó, hoặc là ba đưa tiền cho tôi để tôi đi khuất mắt. Ông cáu kỉnh, hay càu nhàu và nóng như lửa. Ba áp đặt quan điểm của mình lên người khác và khá ngạo mạn. Ông khiến người ta cảm thấy không thoải mái, thấp kém và ông thích như thế. Ba sẵn sàng đổi món thịt nướng ba bốn lần trong nhà hàng chỉ để nhìn thấy người bồi bàn toát mồ hôi. Ông gọi chai rượu đắt tiền nhất rồi phàn nàn rượu bị đóng băng chỉ để chọc tức ông chủ nhà hàng đang dám đấu với ba. Ông gọi điện phản ánh với cảnh sát về tiếng ồn mà chúng tôi không sao nghe thấy nổi phát ra từ một buổi tiệc tổ chức trong khu phố, ông khiến buổi tiệc bị hủy chỉ bởi vì chúng tôi không được mời. Tôi không kể những

câu chuyện này trong lễ tang của ba hay buổi chiều dài nhỏ sau đó ở trong nhà. Trên thực tế, tôi chẳng nói gì cả. Tôi tu hết một chai rượu đỏ rồi ói mửa trên sàn, kế bên bàn làm việc của ba, nơi ba qua đời. Mẹ tìm thấy tôi ở đó, và tát cho tôi một bạt tai. Mẹ nói tôi đã làm hỏng tất cả. Tôi không biết mẹ muốn nói về tấm thảm hay buổi lễ tưởng niệm ba, nhưng dù sao thì tôi cho rằng chính ba mới là kẻ đã làm hỏng cả hai.

Tôi sẽ không trút hết mọi cáo buộc vào ba tôi. Tôi cũng là một con người xấu xa. Một đứa con gái tồi tệ nhất trên đời. Ba mẹ cho tôi tất cả, nhưng tôi hiếm khi nào thềm nói lời cảm ơn. Nếu có nói thì tôi cũng không thực sự nghĩ như vậy. Tôi không cho rằng mình hiểu rõ nghĩa của hai từ này. Lời cảm ơn là dấu hiệu bày tỏ sự cảm kích. Ba mẹ thường kể cho tôi nghe câu chuyện về những đứa bé đói khát ở châu Phi cứ như đó là cách duy nhất giúp tôi biết ơn mọi thứ. Nghĩ lại, cách tốt nhất để giúp tôi biết trân trọng thứ gì đó có lẽ là không cho tôi tất cả mọi thứ.

Chúng tôi sống trong một tòa nhà hiện đại sáu phòng ngủ rộng hơn 740 mét vuông, có hồ bơi, sân tennis và bãi biển riêng ở Killiney, quận Dublin ở Ireland. Phòng tôi nằm ở phía bên kia ngôi nhà, đối diện với phòng ba mẹ, và có ban công nhìn ra bãi biển nhưng tôi nghĩ mình chưa bao giờ thềm ghé mắt đến. Phòng tắm riêng có vòi sen, bồn tắm mát xa, với một chiếc plasma - nói cụ thể hơn thì là một chiếc ti vi - trên tường phía trên bồn tắm. Tôi có một tủ đầy túi xách hàng hiệu, máy tính, máy trò chơi và chiếc giường công chúa. Tôi mới may mắn làm sao. Và đây là một sự thật khác: tôi là một đứa con ác mộng. Tôi thô lỗ, tôi cãi lời họ, tôi mong có mọi thứ, và tệ hơn, tôi nghĩ rằng tôi đáng có mọi thứ chỉ bởi mọi người tôi biết đều đang có mọi thứ. Tôi chưa bao giờ may mắn nghĩ tới chuyện những con người tôi biết ấy cũng chẳng xứng đáng với những đó như tôi.

Tôi đã tìm ra cách trốn khỏi phòng ngủ vào ban đêm để lên đi gặp bạn bè: trèo khỏi ban công phòng ngủ, lần theo ống nước, hạ xuống mái hồ bơi rồi chỉ vài bước dễ dàng là đặt chân lên mặt đất. Có một khu trên bãi biển riêng của chúng tôi nơi tôi và bạn bè nhậu nhẹt. Đám con gái đa số uống

rượu trộn Dolly; lấy tất cả rượu trong tủ rượu của ba mẹ trộn lại trong một chai nhựa, nhưng mỗi chai chỉ rót ra một ít để ba mẹ không nghi ngờ. Bọn con trai thì uống bất cứ loại rượu táo nào bọn chúng tìm được. Bọn chúng cũng sẵn sàng đi với bất cứ đứa con gái nào mà bọn chúng sờ soạng được. Thông thường đứa con gái đó chính là tôi. Tôi từng cướp tay trên một thằng nhóc tên Fiachra từ tay bạn thân nhất của tôi, Zoey. Ba nó là diễn viên nổi tiếng. Nói thật tình thì cũng chính vì vậy mà tôi để cho nó thò tay vào trong váy của mình nửa tiếng mỗi đêm. Tôi cho rằng sẽ có ngày mình gặp được ba nó. Nhưng tôi không bao giờ có dịp đó. Ba mẹ tôi cho rằng tôi cần phải nhìn thấy thế giới và cách thức những người khác sống. Họ thường nói với tôi rằng tôi thật may mắn khi được sống trong một căn nhà lớn bên bờ biển, và để giúp tôi biết trân trọng thế giới, chúng tôi nghỉ hè ở biệt thự tại Marbella, đón Giáng sinh trong căn nhà gỗ ở Verbier, tổ chức lễ Tạ ơn ở khách sạn Ritz New York trong một chuyến đi chơi mua sắm. Một chiếc Mini Cooper mui trần màu hồng khắc tên tôi, sẵn sàng đợi tới ngày sinh nhật mười bảy tuổi của tôi. Một người bạn của ba tôi có một phòng thu âm đang đợi tôi đến hát và rất có thể sẽ ký hợp đồng với tôi. Nói thực tình sau khi ông ta sờ mông tôi thì tôi không còn muốn ở một mình trong phòng với ông ta nữa. Dầu đó là cái giá cho sự nổi tiếng.

Ba mẹ tham dự đủ các cuộc họp mặt từ thiện suốt năm. Mẹ tiêu tiền cho váy áo hơn cả thức ăn và hai lần một năm, mẹ phải lục lọi vớt hết những thứ mua về mà bà ghét và không thèm mặc, gửi chúng cho người chị dâu Rosaleen sống ở vùng quê, trong trường hợp Rosaleen muốn mặc một chiếc áo đầm Pucci để vắt sữa bò.

Giờ thì tôi biết, khi chúng tôi rời khỏi cái thế giới mình từng sống, chúng tôi không phải là những người dễ mến. Tôi nghĩ ở đâu đó dưới vẻ ngoài đờ đẫn của mẹ, mẹ cũng biết điều đó. Chúng tôi không phải là những kẻ xấu xa, chúng tôi chỉ không *dễ mến* thôi. Chúng tôi không cho ai thứ gì trên thế giới này, nhưng chúng tôi lại lấy đi quá nhiều thứ.

Nhưng, chúng tôi không đáng phải chịu tình cảnh thế này.

Lúc trước, tôi không bao giờ nghĩ tới ngày mai. Tôi sống trong hiện tại. Lúc này tôi muốn cái này. Lúc này tôi muốn cái kia. Lần cuối gặp ba, tôi đã quát vào mặt ông, nói với ông là tôi ghét ông rồi đóng sầm cửa. Trong giây phút đó, tôi ghét ba. Tôi chưa bao giờ lùi lại, hay bước ra khỏi thế giới bé nhỏ của mình để suy nghĩ về những điều tôi nói hay những chuyện tôi làm đã làm người khác đau lòng thế nào. Tôi nói với ba tôi không bao giờ muốn gặp lại ba nữa, và quả thật tôi đã không có cơ hội đó. Tôi chưa bao giờ nghĩ về ngày mai, hay về chuyện đó có thể là những lời cuối cùng của tôi với ba và rằng *đó* là những giây phút cuối cùng tôi ở bên cạnh ba. Có quá nhiều thứ phải đối diện. Có quá nhiều chuyện tôi phải tự tìm cách tha thứ cho mình. Tôi cần có thời gian.

Nhưng bây giờ, vì cái chết của ba và vì chuyện tôi chưa kể với bạn, tôi không còn cách nào khác ngoại trừ việc nghĩ tới ngày mai và tất cả những người bị ngày mai của tôi tác động đến. Giờ đây, tôi vui mừng khi mỗi sáng thức dậy, tôi sẽ có một ngày mai.

Tôi đã mất ba. Ba đã mất đi mọi ngày mai, và tôi mất đi mọi ngày mai với ba. Bạn có thể nói rằng, giờ đây, tôi biết trân trọng mỗi ngày mai đang đến. Giờ đây, tôi muốn khiến ngày mai của tôi luôn trở nên tốt đẹp nhất có thể.

Chương 2: Hai con nhặng

Để tìm được con đường an toàn nhất dẫn đến chỗ có thức ăn, bọn kiến cử một con đi dò đường. Khi con kiến đơn thương độc mã ấy đã tìm thấy đường đi, nó sẽ lưu lại dọc đường một chất hóa học để đồng bọn bám theo. Khi bạn giẫm lên một hàng kiến, hay nhẹ nhàng hơn một chút, bạn làm rối loạn lối đi vạch sẵn bằng chất hóa học của bọn chúng, chúng sẽ hóa điên. Nửa hàng bị bỏ lại đằng sau sẽ bò lung tung trong cơn hoảng loạn, cố tìm lại lối đi. Tôi thích nhìn chúng hoàn toàn mất phương hướng, quay mòng mòng và va vào nhau trong lúc tìm kiếm con đường cần đi. Nhưng tôi không thích quan sát chúng chỉ vì điều đó; tôi thích nhìn bọn chúng tập hợp lại, tổ chức lại và cuối cùng thẳng hàng tiến bước cứ như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Sự rối loạn của bọn chúng khiến tôi liên tưởng đến tôi và mẹ. Ai đó đã làm rối hàng chúng tôi, bắt đi người dẫn đầu, phá hủy lối đi và cuộc đời chúng tôi rơi vào vực thẳm hỗn loạn. Tôi nghĩ, tôi *hy vọng*, rằng với thời gian, chúng tôi sẽ tìm lại được con đường đúng đắn. Nhưng luôn cần một người dẫn đầu. Một khi mẹ tôi đã quyết định ngồi thông tay chờ mọi việc trôi qua, tôi nghĩ mình phải lãnh phần một mình đi về phía trước. Hôm qua tôi quan sát một con nhặng. Trong lúc cố gắng thoát khỏi phòng khách, nó cứ va vào cửa sổ, đập đầu vào kính hết lần này đến lần khác. Rồi nó dừng việc lao mình vào cửa sổ như tên lửa lại và gí sát thân vào một ô kính, kêu vo vo cứ như thể nó đang trong cơn khiếp hãi cùng cực. Nhìn nó như vậy thật là bức bối, nhất là nếu nó chịu khó bay lên cao một chút vượt qua chớp cửa sổ thì nó sẽ được tự do. Thế mà nó cứ lặp đi lặp lại sai lầm. Tôi hiểu nó đang rất bức bối khi nhìn thấy ánh nắng, thấy cỏ cây, hoa lá, bầu trời nhưng không tài nào tiến được lại gần. Tôi cố giúp nó vài lần, hướng nó về phía cửa sổ đang mở nhưng nó hoảng sợ và bay vụt khỏi tôi. Cuối cùng nó lại quay lại cánh cửa sổ cũ và tôi gần như có thể nghe thấy tiếng nó làu bàu, “Tôi đã vào bằng đường này mà...” Tôi tự hỏi việc tôi ngồi trên ghế bành quan sát con nhặng có giống như Chúa trời không, nếu

quả thật Chúa trời có tồn tại. Ông ta ngồi ở đằng sau và nhìn thấy toàn cảnh, cũng như tôi có thể thấy được chỉ cần con nhặng xanh bò cao một chút, lên chóp cửa sổ, thì nó sẽ được tự do. Nó đâu có bị giam hãm, chỉ là tìm sai lối ra mà thôi. Tôi tự hỏi ngồi títt đằng sau, Chúa trời có thể nhìn thấy lối ra cho tôi và mẹ được không. Nếu tôi có thể nhìn thấy cánh cửa sổ mở toang cho con nhặng, có lẽ Chúa trời cũng có thể nhìn thấy ngày mai cho mẹ và tôi. Suy nghĩ đó khiến tôi cảm thấy được an ủi. Ồ đúng vậy, cho tới khi tôi rời phòng và quay lại vài giờ sau đó, nhìn thấy một con nhặng xanh nằm chết bên bệ cửa sổ. Có thể không phải là con nhặng xanh khi nãy, nhưng dù sao thì cũng đau lòng. Bạn phải biết tinh thần tôi lúc đó ra sao, tôi bắt đầu òa lên khóc. Sau đó tôi nổi khùng với Chúa trời, bởi vì trong suy nghĩ của tôi, cái chết của con nhặng xanh có nghĩa là mẹ và tôi sẽ không bao giờ tìm được lối ra khỏi đồng hồ độn này. Ngồi títt đằng sau, nhìn thấy mọi thứ thì có ích gì nếu không chịu ra tay giúp đỡ chứ? Sau đó tôi nhận ra chính mình là Chúa trời trong trường hợp này. Tôi đã cố giúp con nhặng xanh, nhưng nó khước từ. Rồi tôi cảm thấy có lỗi với Chúa bởi tôi hiểu được sự bực bội của ngài. Đôi khi bàn tay chìa ra giúp đỡ lại bị đẩy đi. Người ta luôn muốn tự giúp mình trước tiên. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến những chuyện thế này trước đây: Chúa trời, nhặng xanh, kiến. Tôi thà chết còn hơn bị bắt gặp đang ngồi trên ghế bành, tay cầm sách và mắt nhìn chăm chăm vào một con nhặng bản thủi đang gõ gõ vào cửa sổ vào một ngày thứ Bảy. Có lẽ đó là suy nghĩ của ba trong giây phút cuối cùng. Tôi thà chết trong phòng làm việc còn hơn phải chịu sự nhục nhã khi bị tước đi mọi thứ. Những ngày thứ Bảy của tôi thường trải qua trong cửa hàng Topshop cùng với đám bạn bẽ, thử đủ mọi thứ và cười bòn chòn khi Zoey cố nhét càng nhiều phụ kiện vào quần càng tốt trước khi rời khỏi cửa hàng. Nếu không ở Topshop, chúng tôi sẽ ngồi cả ngày trong Starbuck, uống cà phê sữa vị gừng và ăn bánh muffin mật ong hương chuối. Tôi biết chắc cả đám bạn lúc này hiện đang làm như vậy. Chẳng có ai liên lạc với tôi kể từ tuần đầu tiên tôi chuyển tới đây, ngoại trừ một tin nhắn từ Laura trước khi điện thoại của tôi bị cắt, thông báo cho tôi mọi chuyện ngồi lê đôi mách. Chuyện đáng kể nhất là Zoey và Fiachra đã quay lại với nhau, đồng thời bọn họ đã làm chuyện ấy trong nhà của

Zoey khi ba mẹ nó đi Monte Carlo vào cuối tuần. Ba Zoey nghiện bài bạc, Zoey và cả bọn chúng tôi rất khoái vì điều đó có nghĩa tất cả chúng tôi có thể ở lại nhà nó, ba mẹ nó về nhà trễ hơn ba mẹ của những đứa khác nhiều. Dù sao thì nghe đồn Zoey nói chuyện ấy với Fiachra còn đau hơn cái lần con ả đồng tính trong đội hockey Sutton dùng gậy thọc vào chỗ giữa hai chân Zoey. Tin tôi đi, lần đó rất tồi tệ, chính mắt tôi nhìn thấy mà. Do vậy, cô bạn của tôi không hào hứng muốn lặp lại kinh nghiệm đó chút nào. Trong khi đó Laura bảo tôi đừng kể với ai, bởi cô ta có hẹn gặp Fiachra vào cuối tuần này để thử làm chuyện đó. Cô ta hy vọng tôi không bực và làm ơn đừng mét Zoey. Cứ như là tôi có thể bép xép với ai khác vậy, hãy xem tôi đang ở đâu nào.

À, tôi chưa kể cho bạn nghe tôi đang ở đâu, phải không? Tôi có nhắc tới chị dâu của mẹ tôi rồi. Bà ta là người chuyên được mẹ tôi tặng khur cho đồng đồ mua trong cơn bốc đồng mà chưa bao giờ mặc tới. Đồng đồ đó được dôn vào bao đen, còn nguyên nhãn giá. Tên bà là Rosaleen, bà ta lấy cậu Arthur, anh mẹ tôi. Họ sống ở nông thôn, vùng đó có tên gọi là Meath, trong một ngôi nhà bên cổng dẫn vào một tòa lâu đài. Cả đời tôi, chúng tôi chỉ đến thăm họ vài ba lần và lần nào tôi cũng chán muốn chết. Phải lái xe một tiếng mười lăm phút mới đến nơi, và đích đến chỉ mang tên thất vọng. Ở một nơi heo hút và vắng vẻ hết chỗ nói, tôi nghĩ bọn họ đúng là dân quê kệch chính hiệu. Tôi từng gọi bọn họ là “cặp người ngoài hành tinh”. Đó là lần đầu tiên ba tôi cười trước lời nói đùa của tôi mà tôi còn nhớ được. Ba không bao giờ đi cùng chúng tôi đến thăm Rosaleen và Arthur. Tôi không nghĩ là bọn họ có bất đồng gì, nhưng cũng như chim cánh cụt và gấu Bắc Cực, họ sống quá xa nhau để có thể dành thời gian ở gần nhau. Sao cũng được. Đó là nơi chúng tôi sống hiện giờ. Trong căn nhà ở rìa cổng lâu đài với cặp Người ngoài hành tinh. Đó là một căn nhà xinh xắn, nhỏ bằng một phần tư căn nhà cũ của tôi, điều này cũng không có gì phiền muộn lắm. Nó khiến tôi nhớ đến căn nhà trong truyện *Hansel và Gretel*. Nhà được xây bằng đá vôi, cửa sổ viền gỗ cùng với mái ngói sơn màu xanh lá. Có ba phòng ngủ trên lầu cùng một phòng bếp và một phòng khách dưới lầu. Mẹ

tôi có phòng tắm riêng trong khi Rosaleen, Arthur và tôi phải dùng chung phòng tắm trên lầu. Từng sở hữu căn phòng tắm có bồn mát xa cùng ti vi plasma, tôi nghĩ dùng chung phòng tắm kiểu này thật là kinh tởm, nhất là bước vào phòng sau khi Arthur kết thúc bữa đọc báo. Rosaleen là một người sạch sẽ đến dị hợm, mắc bệnh nghiện dọn dẹp, chẳng bao giờ chịu ngồi yên cả, lúc nào cũng đòi cái này, dọn cái nọ, xịt thuốc khử mùi và nói lảm nhảm về Chúa cũng như những di sản của người. Có lần tôi nói với mẹ là hy vọng di sản của Chúa khá hơn phần ba để lại cho chúng tôi. Mẹ tròn mắt kinh hãi nhìn tôi rồi lùi thui đi quét bụi chỗ khác.

Rosaleen sâu sắc chẳng khác gì một cái ly cạn. Mọi điều mẹ nói đều hoàn toàn chẳng liên quan gì với nhau, chẳng có chút ý nghĩa gì. Thời tiết. Tin buồn về một người nghèo nào đó sống ở một nước xa xôi, cha của ai đó chỉ còn sống được thêm hai tháng, con gái của ai đó đã lấy phải một tên khốn nạn, kẻ đã bỏ rơi cô ta khi cô ta đang mang thai đứa con thứ hai. Mọi thứ đều tuyệt vọng và ảm đạm, theo ngay sau đó là vài lời lảm bảm về Chúa, chẳng hạn như “Chúa thương yêu bọn họ” hay “Chúa nhân từ” hay “Xin Chúa rủ lòng ban phúc cho bọn họ”. Điều tôi nói cũng chẳng quan trọng gì, nhưng mỗi lần tôi muốn thảo luận sâu hơn về những chuyện đó, chẳng hạn như muốn tìm kiếm nguồn cơn câu chuyện, Rosaleen hoàn toàn không thể đối đáp được với tôi. Mẹ chỉ muốn lảm nhảm về những chuyện buồn, không quan tâm đến lý do hay cách giải quyết. Mẹ chặn họng tôi bằng những lời ca ngợi Chúa trời, khiến tôi cảm thấy mình đang lạc đề hay như thể tôi còn quá non dại để có thể chấp nhận được thực tế. Tôi cho rằng ngược lại mới đúng. Mẹ ta nhắc đến những chuyện thảm thương đó để gạt bỏ cảm giác trốn tránh, và một khi đã nói xong, mẹ chẳng bao giờ nhắc lại nữa. Tôi nghĩ cả đời tôi chỉ nghe cậu Arthur nói được năm chữ là cùng. Cứ như mẹ tôi đã giành phần nói thay cho cả hai bọn họ vậy, tuy rành rành là cậu chẳng đồng quan điểm với bất cứ điều gì mẹ nói. Dạo gần đây, Arthur còn nói nhiều hơn mẹ. Cậu có một ngôn ngữ riêng biệt mà tôi dần dần, chậm mà chắc, học được cách giải mã. Cậu nói qua những tiếng làu bàu, gập đầu và hít mũi rột rột; hít hết đồng nước mũi nhầy nhụa vào trong mỗi lần

không đồng ý với chuyện gì đó. “À” một tiếng rồi ngả đầu ra sau nghĩa là cậu không quan tâm đến chuyện gì đó. Để ví dụ, tôi xin kể ra một bữa ăn sáng tiêu biểu.

Arthur và tôi ngồi ở bàn bếp, Rosaleen cũng như mọi khi bận bịu trong bếp với những chiếc đĩa lớn chất đầy bánh mì nướng và những đĩa nhỏ đựng mứt tự làm, mật ong và mứt cam. Như mọi ngày, radio vặn âm ỉ đến mức tôi có thể nghe mọi điều phát thanh viên nói từ phòng ngủ. Một gã đàn ông thậm hại đáng chán cứ đều đều lải nhải những chuyện khủng khiếp xảy ra trên thế giới. Tiếp đó, Rosaleen đến bên bàn với một đĩa bánh mì nướng cao ngất.

“Trà nhé, Arthur.”

Arthur ngả đầu ra sau cứ như một con ngựa cổ giữ một con ruồi ra khỏi bờm. Cậu muốn uống trà.

Và gã đàn ông trên radio nói về chuyện một nhà máy nữa ở Ireland đã đóng cửa, khiến một trăm người mất việc.

Arthur hít mũi và một dòng chất nhầy được hút vào trong lỗ mũi rồi chảy xuống cổ họng. Cậu không thích chuyện này.

Rosaleen xuất hiện ở bàn với ấm trà, một hũ sữa và một đĩa bánh mì nướng cao ngất khác. “Ôi thật khủng khiếp quá, xin Chúa rủ lòng thương gia đình bọn họ. Và những đứa bé đáng thương có ba bị thất nghiệp nữa chứ.”

“Mẹ của chúng cũng vậy, mợ biết mà,” tôi vừa nói vừa cầm một lát bánh mì.

Rosaleen giương mắt nhìn tôi cắn bánh mì, đôi mắt xanh mở to trong lúc tôi nhai. Mợ lúc nào cũng nhìn tôi ăn và điều đó làm tôi phát khiếp. Cứ như mợ là bà phù thủy trong truyện *Hansel và Gretel*, chờ cho tôi đủ mập để trói giạt cánh khuấy tôi lại, nhét một trái táo vào miệng rồi ném tôi vào

lò nướng. Tôi thì không chê táo đâu. Đó sẽ là món ít calo nhất mà mẹ từng đưa cho tôi.

Tôi nuốt miếng bánh đang nhai rồi đặt phần bánh ăn dở xuống đĩa.

Mẹ thất vọng quay đi.

Trên đài tin tức, họ lại nói về một vụ tặng thuế của chính phủ, Arthur lại hít mũi rột rột. Nếu phải nghe thêm vài ba tin xấu nữa, cậu sẽ chẳng còn chỗ để nhét bữa sáng vào cùng với đám nước mũi nhầy nhụa đó nữa. Cậu chỉ khoảng bốn mươi tuổi nhưng vẻ ngoài và cử chỉ của cậu già dặn hơn nhiều. Từ vai trở lên, cậu khiến tôi nhớ đến con tôm hùm, bao giờ cũng cong gập lại, lúc ăn cũng như lúc làm.

Rosaleen quay lại bàn với một đĩa đồ ăn sáng Ireland đủ để nuôi sống con cái của một trăm công nhân nhà máy vừa thất nghiệp.

Arthur lại ngả đầu ra sau. Cậu thích thế.

Rosaleen đứng sau lưng rót trà cho tôi. Tôi không thích gì hơn là một cà phê sữa vị gừng, tuy vậy tôi vẫn đổ sữa vào chén trà đậm và nhấp một ngụm. Mắt cậu dán chặt vào tôi cho đến khi tôi nuốt xuống.

Tôi không biết chính xác Rosaleen bao nhiêu tuổi, nhưng tôi đoán mẹ mới khoảng bốn mươi mấy. Tôi không biết mình có nghĩ vớ vẩn không, nhưng tôi chắc chắn mẹ bao nhiêu tuổi thì trông mẹ vẫn già hơn tuổi thật của mình mười lăm tuổi. Mẹ trông chẳng khác nào một người sống vào thập niên bốn mươi, với váy hoa lòe xòe mặc ở nhà, nút cài tận eo, bên trong mặc váy lót. Mẹ chẳng bao giờ bận quần lót, bà hiếm khi nào thêm mặc đồ lót. Rosaleen có mái tóc màu nâu lông chuột, lúc nào cũng để xõa, rẽ ngôi giữa thẳng băng để lộ chân tóc hoa râm, mái tóc chỉ dài đến cằm. Mẹ lúc nào cũng vén tóc ra sau tai, đôi tai hồng hồng nhỏ như tai chuột lộ ra. Mẹ chẳng bao giờ đeo hoa tai. Hay trang điểm. Mẹ luôn đeo một sợi dây chuyền vàng mảnh quanh cổ có mặt là cây thánh giá bằng vàng. Mẹ là loại phụ nữ mà con bạn Zoey của tôi sẽ nói rằng cả đời chẳng biết cực khoái là

gì. Trong lúc mợ đang trợn mắt nhìn tôi gỡ phần mỡ ra khỏi thịt ba rọi hun khói, tôi tự hỏi Zoey làm tình với Fiachra đã đạt cực khoái hay chẳng. Nhưng khi nhớ tới tổn thương mà cây gậy hockey đã gây cho cô ta, tôi lập tức nghi ngờ về điều đó. Bên kia đường, đối diện với căn nhà ở rìa cổng này là một căn nhà gỗ một tầng. Tôi không biết ai sống ở đó nhưng ngày nào Rosaleen cũng chạy qua chạy lại đem theo những gói thức ăn nhỏ. Đi dọc theo con đường khoảng hai dặm thì đến bưu điện, được đặt ngay trong nhà dân, đối diện với nó là trường học nhỏ nhất mà tôi từng thấy, khác hẳn với ngôi trường cũ của tôi suốt năm lúc nào cũng nhộn nhịp đủ mọi hoạt động, nơi này vắng hoe trong suốt mùa hè. Tôi hỏi có lớp học yoga hay gì đó tương tự ở đó không thì Rosaleen nói với tôi là mợ sẽ đích thân chỉ tôi cách làm yaua. Mợ tỏ vẻ sung sướng đến mức tôi không thể đánh chính được gì. Tuần đầu tiên, tôi quan sát cách mợ làm yaua dâu. Tuần thứ hai tôi vẫn đang ăn yaua dâu. Tôi đã kể chuyện căn nhà của Arthur và Rosaleen nằm ở rìa cổng của một lâu đài. Nó từng bảo vệ lối vào bên hông của lâu đài Kilsaney vào thế kỷ 17, cửa chính được trang trí theo kiến trúc Gothic hết sức đáng sợ và không ai đi đến, mỗi lần đi qua tôi lại tưởng tượng thấy cảnh đầu lâu treo đầy. Lâu đài được xây dựng như một công sự có tháp canh của vùng Hàng rào Norman, đó là khu vực nằm dưới quyền kiểm soát của người Norman và người Anh ở vùng Đông Ireland sau khi Strongbon xâm lược. Tòa lâu đài được xây dựng vào giữa thế kỷ 12-13 nếu nghĩ kỹ thì thời gian khá là lơ mơ. Lơ mơ như kiểu ngôi nhà được xây vào giữa thời tôi với đám chút chít muôn đời nửa người nửa robot của tôi xây vậy. Dù sao chẳng nữa, tòa lâu đài thuộc về một thủ lĩnh quân phiệt Norman, đó cũng là lý do mà tôi liên tưởng đến những cái đầu lâu. Bọn họ khát máu như vậy mà, chẳng phải sao?

Nó nằm trong vùng được gọi là quận Meath. Vùng này vốn có tên là Đông Meath, cùng với vùng Tây Meath, ngạc nhiên chưa nào, tạo thành một tỉnh độc lập đứng thứ năm ở Ireland, từng là lãnh địa của một vị vua. Cơ ngơi của các vị vua, đồi Tara chỉ cách đó vài ki lô mét. Các bản tin gần đây thường nhắc đến nó bởi vì người ta đang xây một đường cao tốc gần

đó. Chúng tôi đã có một buổi tranh luận về việc này trong trường học vài tháng trước. Tôi thuộc phe ủng hộ xây dựng đường cao tốc vì tôi nghĩ vua cũng muốn có một con đường giống vậy vài thời của ông ta, vì nó giúp ông ta ngự triều dễ dàng hơn là lội bộ qua những cánh đồng bùn lầy. Cứ tưởng tượng đồng bùn đất bám trên giày ông ta đi. Tôi cũng cho rằng khách du lịch sẽ thuận đường hơn. Họ có thể lái xe thẳng tới đó hay chụp hình từ những chiếc xe buýt mui trần chạy tốc độ 120 ki lô mét trên đường cao tốc. Tôi chỉ muốn phá bình chút thôi nhưng giáo viên dạy thể đã phát điên vì tưởng tôi nói thật. Cô ta có chân trong một ủy ban đang tìm cách ngăn cản việc xây dựng đường cao tốc. Chọc cho cô ta suy sụp thật quá dễ dàng. Nhất là loại người tin tưởng rằng mình sẽ đem lại điều tốt đẹp cho học sinh. Tôi đã nói rồi mà, tôi chẳng vừa gì đâu. Sau đám tâm thần Norman, nhiều quý ông và quý bà đã sống ở lâu đài này. Họ xây chuồng ngựa và nhà vệ sinh xung quanh. Một viên lãnh chúa thậm chí còn cải sang đạo Thiên chúa sau khi cưới một phụ nữ Thiên chúa giáo, và xây một nhà thờ để làm quà cho gia đình. Tôi và mẹ tôi có quà là bể bơi, nhưng đâu phải ai cũng có sở thích giống nhau chứ? Bao quanh điền sản là bức tường Nạn đói vốn được xây lên để cung cấp việc làm cho những người dân đói trong nạn đói khoai tây hồng. Bức tường chạy dọc theo vườn và nhà của Arthur và Rosaleen, và mỗi lần nhìn thấy nó tôi lại cảm thấy xương sống ớn lạnh. Nếu trước đây Rosaleen từng có dịp đến ăn tối ở nhà chúng tôi, chắc hẳn mẹ sẽ bắt đầu xây tường bao lấy chúng tôi, bởi vì chẳng ai trong chúng tôi ăn tinh bột cả. Ít nhất thì chúng tôi chưa từng quen ăn tinh bột. Giờ thì tôi ăn nhiều đến mức có đủ năng lượng cung cấp cho tất cả đám nhà máy đang bị đóng cửa.

Con cháu dòng họ Kilsaney tiếp tục sống trong lâu đài cho đến thập kỷ 1920, rồi bị đám phá hoại đốt cho tan tành. Sau đó bọn họ chỉ có thể sống trong một phần nhỏ của tòa lâu đài vì không đủ tiền sửa chữa và sưởi ấm và rồi cuối cùng bọn họ phải dọn ra ngoài vào những năm 90. Tôi không biết ai là chủ hiện thời của nó nhưng giờ nó đã điêu tàn lắm rồi; không mái che, tường lở, không cầu thang, bạn biết rồi đấy. Có đủ thứ mọc lên bên trong cùng vô số thứ chạy lon ton bên ngoài. Tôi biết được những điều này

khi làm một chuyên đề về nó cho trường. Mẹ đề nghị tôi đến ở với Rosaleen và Arthur vào cuối tuần để tự tìm tòi nghiên cứu. Ba mẹ đã tranh cãi một trận nhớ đời vào hôm đó, và ba đã nổi điên khi mẹ đề nghị tôi chuyển đi. Nói thật thì bầu không khí quá u ám đến mức tôi chỉ muốn thoát khỏi ba mẹ, hơn nữa, việc mẹ muốn tôi rời nhà khiến ba phát khùng, và trách nhiệm của một đứa con gái là khiến cuộc đời của cha như địa ngục, vì vậy tôi chỉ ngoan ngoãn nghe theo lời mẹ thôi mà. Nhưng khi đến nơi, tôi chẳng mấy quan tâm đến việc đi rình mò tìm hiểu lịch sử của nơi này. Tôi chỉ rảnh ở với Rosaleen và Arthur đến buổi trưa rồi chui vào phòng tắm gọi cho Mae, bà bảo mẫu người Philipines (hiện giờ thì chúng tôi phải cho bà về nhà rồi) để bà đến đón tôi và đưa tôi về. Tôi nói với Rosaleen là mình bị đau bụng và cố nhin cười khi mợ ta hỏi có phải vì món bánh táo hay không. Cuối cùng, tôi chôm một bài luận về tòa lâu đài từ Internet. Tôi bị gọi vào phòng hiệu trưởng, bà ta đánh rớt tôi vì tội gian dối. Đúng là lố bịch vì Zoey cũng làm chuyên đề về lâu đài Malahide, sao chép mọi thứ từ Internet, sửa vài chữ và ngày tháng, cố ý ghi *sai* vài ba chỗ để người ta tưởng là do nó viết ra thật, thế mà điểm của nó vẫn cao hơn tôi. Công lý ở đâu chứ? Mảnh đất bao quanh lâu đài rộng tới một trăm mẫu. Arthur là người quản lý, với một trăm mẫu đất cần phải coi sóc, cậu ra khỏi nhà từ sáng tinh mơ và quay về đúng 5 giờ 30 chiều, đen đúa bẩn thỉu như người thợ mỏ. Cậu không bao giờ phàn nàn hay rên rỉ về thời tiết, cậu chỉ thức dậy vừa ăn sáng vừa dán chặt tai vào radio rồi đi làm. Rosaleen đưa cho cậu một phích trà và vài miếng bánh mì kẹp cho cả ngày và cậu hiếm khi quay trở lại nhà, ngoại trừ thỉnh thoảng cần lấy đồ gì đó để quên trong gara hoặc đi vệ sinh. Cậu là một người đơn giản, chỉ có điều tôi chẳng tin vào điều đó chút nào. Một người ít nói như cậu thì không đơn giản như vẻ ngoài đâu. Muốn không nói nhiều cũng không phải dễ dàng gì, bởi vì bạn luôn suy nghĩ trong lúc im lặng. Và cậu thì suy nghĩ *nhieu* lắm. Ba mẹ tôi thì lại nói huyền thuyên suốt ngày. Những kẻ ba hoa thì không sâu sắc. Ngôn từ của họ nhấn chìm những câu hỏi yếu ớt của tiềm thức, “*Sao mi lại nói vậy? Mi nghĩ cái quái gì thế?*” Tôi thường ngủ nướng trên giường càng lâu càng tốt, cả những ngày đi học lẫn cuối tuần cho đến khi bị Mae lôi xềnh xệch ra khỏi giường. Nhưng ở

đây tôi dậy sớm. Được bao quanh bởi đám cây cối khổng lồ, nơi này đông nhóc chim. Tiếng riu rít của bọn chúng quá ồn ào khiến tôi cứ thế tỉnh giấc mà không cảm thấy mệt. Tôi lúc nào cũng dậy đúng 7 giờ sáng mà không cần phải nỗ lực gì, thật là một điều phi thường. Mae nếu biết sẽ rất tự hào. Buổi tối ở đây cũng rất dài, do đó tôi luôn phải tự ép mình bận bịu khi trời còn sáng. Một khoảng thời gian dài dằng dặc mà chẳng có việc gì làm để lấp đầy. Vào tháng Năm, ba quyết định là mình đã chịu đựng quá đủ, ngay trước kỳ thi tốt nghiệp trung học của tôi, thật là bất công bởi cho đến tận lúc đó, tôi cứ nghĩ tôi mới chính là người phải chịu khổ nhiều nhất. Dù sao thì tôi cũng đã tham gia kỳ thi, có thể tôi đã rớt rồi nhưng tôi không quan tâm và tôi nghĩ cũng chẳng ai thêm quan tâm. Tôi sẽ sớm biết kết quả vào tháng Chín thôi. Cả lớp tôi đến dự đám tang, tôi nghĩ bọn chúng rất vui sướng vì được nghỉ học một ngày. Với tình hình như vậy, bạn có tin nổi là tôi thật sự cảm thấy xấu hổ khi khóc trước mặt bọn nó chẳng. Dù sao thì tôi vẫn cứ khóc, điều đó làm Zoey rồi đến Laura ngạc nhiên. Fiona, một đứa con gái trong lớp, kể chẳng ai thêm nói chuyện, ôm tôi thật chặt và đưa cho tôi một tấm thiệp chia buồn từ gia đình của bạn ấy, nói là tất cả bọn họ đều nghĩ tới tôi. Fiona đưa cho tôi số điện thoại di động và quyển sách ưa thích của bạn ấy và nói là nếu tôi cần tâm sự thì gọi cho bạn ấy bất cứ lúc nào. Vào lúc ấy, tôi cho rằng hành động muốn làm thân với tôi trong đám tang của ba tôi thật là vớ vẩn, nhưng sau đó nghĩ lại - điều mà tôi hiện đang làm - thì đó là hành động tử tế nhất dành cho tôi trong ngày hôm đó. Tuần đầu tiên chuyển đến Meath, tôi bắt đầu đọc quyển sách Fiona tặng. Đó là câu chuyện ma về một đứa con gái vô hình trước tất thảy mọi người trên thế giới, kể cả gia đình và bạn bè cô ta, tuy họ vẫn biết cô ta tồn tại. Ngay từ khi sinh ra cô ta đã là người vô hình. Tôi sẽ không tiết lộ câu chuyện nhưng sau đó, cô ta đã trở thành bạn với một người có thể nhìn thấy cô ta. Tôi thích ý tưởng của câu chuyện và nghĩ Fiona muốn nói với tôi điều gì đó. Nhưng khi tôi đến ngủ qua đêm ở nhà Zoey và kể cho nó và Laura, thì bọn nó cho rằng đó là điều kỳ cục nhất mà bọn nó từng nghe và cho rằng Fiona đúng là một con dị hợm. Bạn biết không tôi càng lúc càng cảm thấy khó mà hiểu được bọn nó.

Vào tuần đầu tiên khi chúng tôi chuyển tới đây, Arthur chở tôi đến Dublin để tôi ở chơi qua đêm tại nhà Zoey. Chuyến đi dài hơn một tiếng, vậy mà chúng tôi chẳng nói với nhau câu nào. Từ duy nhất cậu nói là “Radio?” và khi tôi gạt đầu thì cậu bật một kênh tin thời sự, không có chút nhạc nhẽo nào, cậu vừa khịt khịt mũi vừa chăm chú lắng nghe. Nhưng ít ra thì như thế còn đỡ hơn im lặng. Sau khi trải qua một đêm với Zoey và Laura - nói xấu cậu nguyên buổi tối - tôi cảm thấy tự tin. Trở lại con người cũ. Chúng tôi nhất trí rằng Arthur và Rosaleen đúng là cặp người ngoài hành tinh và tôi không nên để cho họ lôi kéo vào cuộc sống lập dị ấy. Điều đó có nghĩa là tôi phải được quyền nghe bất kỳ thứ quái gì tôi muốn trên xe. Thế mà ngày hôm sau khi cậu đến đón tôi trên chiếc xe jeep lăm lem bẩn thỉu mà Zoey và Laura không ngừng cười cợt, tôi lại cảm thấy tội nghiệp cho Arthur. Tôi cảm thấy thật khó chịu.

Phải quay về căn nhà không phải của tôi, trên một chiếc xe không phải của tôi, ngủ trong một căn phòng không phải của tôi, cố nói chuyện với người mẹ chẳng chút thân thuộc của tôi, khiến tôi muốn bấu chặt lấy ít nhất một thứ gì đó thân thuộc. Con người của tôi trước đây. Đó không nhất thiết là một điểm tựa đúng đắn, nhưng có còn hơn không. Tôi quậy tung trong xe và nói với Arthur là tôi muốn nghe một thứ gì khác. Cậu bật đài SPIN FM cho tôi nghe một bài hát để rồi lại chán chường khi nghe cái nhóm Pussycat Dolls gào thét về việc muốn có một cặp ngực bự, cậu cầu nhàu rồi chuyển lại về kênh thời sự. Tôi giận dữ nhìn ra ngoài cửa sổ, căm ghét cậu và căm ghét bản thân mình. Suốt nửa tiếng chúng tôi lắng nghe một phụ nữ thút thít qua điện thoại kể với người dẫn chương trình việc chồng bà ta mất việc trong một xưởng sản xuất máy tính, không thể tìm được một công việc gì khác mà họ có tới bốn đứa con. Tóc tôi xòa xuống che kín mặt và tôi chỉ biết hy vọng Arthur không nhìn thấy tôi khóc. Giờ thì những chuyện buồn thực sự khiến tôi cảm động. Trước đó tôi nghĩ nó hoàn toàn không tồn tại. Chuyện đó đơn giản là không xảy ra với tôi.

Tôi không biết chúng tôi sẽ ở đây bao lâu. Sẽ chẳng có ai trả lời câu hỏi đó cho tôi. Arthur không nói chuyện, mẹ tôi thì chẳng nói được thứ gì ra

hôn, còn Rosaleen thì không đủ sức đối phó với một câu hỏi như vậy. Cuộc đời không diễn ra như tôi định trước. Tôi hiện mười sáu tuổi và lẽ ra tôi phải ngủ với Fiachra, lẽ ra tôi phải đang bơi lội suốt ngày trong căn biệt thự của chúng tôi ở Marbella, ăn thịt nướng, chơi bời hằng đêm ở Angels & Demons, và tìm ai đó mới mẻ để hâm mộ và làm tình. Nếu tôi phải cưới người đàn ông tôi ngủ chung lần đầu trong đời thì tôi thà chết quách cho xong. Thay vào đó, tôi sống ở một nơi khi ho cò gáy, trong một căn nhà ở rìa cổng với ba kẻ điên, láng giềng gần nhất sống trong căn nhà gỗ một tầng mà tôi chưa gặp lần nào, bưu điện là căn phòng khách trong nhà của một ai đó tôi không biết, ngôi trường trông hoác cùng một tòa lâu đài đổ nát. Tôi hoàn toàn chẳng có gì để làm với cuộc đời mình. Hay ít ra tôi đã nghĩ như vậy.

Tôi quyết định bắt đầu câu chuyện kể từ khi tôi đến nơi này.

Chương 3: Sự khởi đầu mới

Barbara, cô bạn thân nhất của mẹ lái xe chở chúng tôi đến Meath, nơi chúng tôi sẽ bắt đầu cuộc sống mới. Suốt đoạn đường, mẹ chẳng hề nói tiếng nào. Không một tiếng nào. Kể cả khi được hỏi. Giờ thì đến hỏi tôi cũng khó mà mở miệng nổi. Tôi bức dọc đến mức quát thẳng vào mặt mẹ trong xe, lúc ấy tôi còn cố gắng buộc bà phải đáp lời.

Chuyện xảy ra vì Barbara lạc đường. Bộ định hướng bằng vệ tinh trên chiếc BMW X5 của cô không nhận ra được địa chỉ cần tìm cho nên chúng tôi đành lái thẳng về thị trấn gần nhất mà nó có thể chỉ dẫn. Khi đến thị trấn, một nơi có tên gọi Ratoath, Barbara phải lái xe dựa theo óc phán đoán của chính mình thay vì trông cậy vào bộ định hướng trong chiếc SUV. Rõ ràng là đầu óc Barbara cũng chẳng hay hoạt động cho lắm. Sau mười phút lái dọc theo những con đường quê lác đác vài căn nhà và không có bảng chỉ đường, Barbara bắt đầu lo lắng. Chúng tôi đang đi trên những con đường “không tồn tại” theo như lời của bộ định vị vệ tinh. Lẽ ra tôi phải biết đó là điềm báo. Đã quen việc đi tới một nơi có thật chứ không phải dọc theo những con đường vô hình, Barbara bắt đầu mắc lỗi, lao âm âm qua những ngã tư, lấn sang phần đường bên kia một cách nguy hiểm. Tôi chỉ đến đây vài ba lần trong nhiều năm trời nên tôi cũng chẳng giúp được gì, nhưng kế hoạch như sau: tôi nhìn về phía bên trái và Barbara nhìn về phía bên phải để tìm những căn nhà ở rìa cổng lâu đài. Barbara có căn nhắc tôi một lúc vì tôi không tập trung, nhưng nói thật, tôi có thể nhìn thấy là không có cánh cổng nào trong ít nhất một dặm đường, vì vậy có nhìn cũng chẳng để làm gì. Tôi cũng nói với cô như vậy. Điểm điểm là cô ấy quát lên “mịa kiếp”, khi thấy rằng chúng tôi đang đi trên “những con đường mịa kiếp không tồn tại”, mà không hiểu tại sao lại không có một “căn nhà mịa kiếp không có cánh cổng mịa kiếp” chứ. Thật lớn chuyện khi nghe từ *mịa kiếp* thốt ra từ miệng của Barbara, một con người coi *vớ vẩn* cũng là một từ chửi thề!

Mẹ chắc hẳn đã có thể giúp được chúng tôi nhưng bà chỉ ngồi ở ghế trước, nhìn ra ngoài cửa sổ và mỉm cười. Vì vậy, cố gắng để giải quyết vấn đề, tôi nghiêng người về phía trước và – thôi được rồi, hành động đó không đúng đắn mà cũng chẳng thông minh, nhưng tôi vẫn cứ làm – tôi hét vào tai mẹ, tiếng hét lớn nhất mà cổ họng của tôi có thể gào lên được. Mẹ giật bắn người vì sợ hãi, bịt tai lại và khi cơn sốc trôi qua, mẹ dùng cả hai bàn tay đập mạnh liên hồi vào đầu tôi cứ như tôi là một bầy ong vậy. Tôi bị đau thực sự. Mẹ kéo tóc tôi, cào tôi, tát tôi mà tôi không sao thoát khỏi tay bà. Barbara hốt hoảng tới mức phải dừng xe lại để gỡ tay của mẹ ra khỏi người tôi. Sau đó cô bước ra khỏi xe, đi qua đi lại ven lề đường và òa lên khóc. Tôi cũng khóc, đầu tôi đau nhói ở những nơi bị mẹ kéo tóc và cào cào. Ở nơi tôi sống, một mái tóc xù ra như đồng rơm được coi là thời thượng, nhưng mẹ đã phá hủy nó, mẹ làm tôi trông giống như người vừa mới thoát khỏi trại tâm thần vậy. Chúng tôi để mặc mẹ trong xe, mẹ ngồi thẳng lưng, nhìn thẳng về phía trước với vẻ tức giận.

“Lại đây nào cưng,” Barbara nói giữa hai làn nước mắt, và chìa tay về phía tôi.

Tôi không cần được mời lần thứ hai. Tôi khao khát được ôm vào lòng. Ngay cả khi mẹ còn khỏe, bà cũng không phải là một người ưa ôm ấp. Mẹ gầy nhom, luôn ăn kiêng, mối quan hệ giữa bà và thức ăn chẳng khác gì mối quan hệ giữa bà và ba. Yêu đấy nhưng đa số thời gian thì không cần, bởi mẹ cảm thấy nó không tốt cho sức khỏe; tôi biết điều này bởi vì tình cờ nghe được cuộc trò chuyện giữa mẹ và một người bạn lúc 4 giờ sáng, sau khi quay về từ bữa ăn trưa của các quý bà. Về chuyện ôm ấp, tôi cho rằng chẳng qua mẹ chỉ thấy lúng túng khi có ai đó ở gần sát mình. Mẹ không phải là một người dễ chịu nên bà cũng không thể đem lại sự dễ chịu cho người khác. Cũng như bạn không thể khuyên người khác trừ phi bạn có sẵn những lời khuyên trong đầu. Tôi không cho rằng đó là vì mẹ là người nhẫn tâm. Tôi không bao giờ cảm thấy mẹ là người nhẫn tâm. Ừ thì có lẽ tôi cũng cảm thấy thế vài ba lần gì đó.

Barbara và tôi đứng ở ven đường, ôm chầm lấy nhau và khóc nức nở trong khi cô xin lỗi tôi hết lần này đến lần khác, cô hiểu mọi chuyện thật chẳng công bằng với tôi tí nào. Khi đậu xe, cô để đuôi xe hướng ra đường, do đó mỗi lần có một chiếc xe quẹo cua, chúng tôi lại bị làm bầm chửi rửa nhưng chúng tôi cứ lờ tịt đi.

Sau đó bầu không khí căng thẳng đã được xoa dịu phần nào, bạn biết chuyện những đám mây đen tụ lại và sau đó trời sẽ mưa rồi đấy. Đó là những gì đã xảy ra với chúng tôi trên đường rời khỏi Killiney. Mọi chuyện tích tụ lại rồi cuối cùng cũng bùng nổ. Vì vậy, cảm thấy mọi người đều có cơ hội để giải tỏa ít nhất một phần thống khổ, chúng tôi chuẩn bị để sẵn sàng đối mặt với mọi khó khăn phía trước. Chỉ có điều chúng tôi không có thời gian vì ngay ở khúc quanh phía trước, chúng tôi đã đến nơi. Tổ ấm thân thương. Phía bên phải có một cái cổng, và ngay bên trong nó về phía bên trái là một căn nhà. Rosaleen và Arthur đang đứng bên cánh cổng nhỏ màu xanh lá cây của căn nhà y như trong truyện *Hansel và Gretel*, chỉ có Chúa mới biết họ đã chờ ở đó bao lâu. Chúng tôi đến trễ gần cả tiếng đồng hồ. Dẫu họ cố tỏ ra không lo lắng, thì đó cũng là một nhiệm vụ bất khả thi khi họ nhìn thấy khuôn mặt chúng tôi. Không biết đã đến rất gần nhà và không đủ thời gian để sửa soạn, mắt tôi và Barbara đỏ ngầu vì khóc, mẹ ngồi ở ghế trước, mặt sầm lại vì giận còn tóc tôi thì tả tơi – ừ thì tả tơi hơn lúc bình thường.

Tôi không bao giờ nghĩ tới chuyện Arthur và Rosaleen cảm thấy khó xử thế nào vào lúc ấy. Tôi còn mãi suy nghĩ về bản thân và việc tôi không muốn ở đó đến mức nào, tôi chưa một lần nghĩ về cách họ mở cửa dang tay đón chào hai con người chẳng chút liên hệ gì với họ. Chắc là điều đó khiến họ căng thẳng đến mức không tưởng tượng nổi, vậy mà tôi chưa cảm ơn họ được một lần. Barbara và tôi ra khỏi xe. Cô đi vòng xuống cốp xe để soạn hành lý, tôi cho là cô cố ý cho tất cả chúng tôi thời gian để chào hỏi. Chuyện không hề xảy ra như cô mong muốn. Tôi đứng sững đó nhìn Arthur và Rosaleen vẫn còn đang đứng sau cánh cổng xoay màu xanh lá,

thầm tiếc nuối giá như mình đã rải vụn bánh mì suốt dọc đường từ Killiney tới đây để có thể tìm được đường trở về nhà.

Rosaleen mắt lão liên trông giống như chú chồn Meerkat, muốn thu hết chiếc SUV, mẹ, tôi và Barbara vào tầm mắt. Mợ đan hai tay vào nhau, nhưng vẫn không ngừng thò tay vuốt nếp váy, cứ như thể mợ đang tham dự cuộc thi hoa khôi trong một hội chợ đồng quê. Mẹ cuối cùng cũng mở cửa và bước ra khỏi xe. Mẹ đặt chân lên nền sỏi và ngẩng mặt lên nhìn căn nhà. Rồi cơn giận của mẹ biến mất và mẹ mỉm cười, để lộ vết son môi dính trên răng cửa.

“Arthur”, bà vươn tay như thể vừa mở rộng cửa nhà mình để chào đón cậu đến dự tiệc tối. Cậu khịt khịt mũi, nước nhầy chui tọt trở vào trong – lần đầu nghe được tiếng động kỳ quái như thế – khiến tôi cong môi ghê tởm. Cậu bước về phía mẹ, mẹ cầm lấy tay cậu và nhìn thẳng vào cậu, đầu nghiêng nghiêng, nụ cười kỳ dị vẫn còn đọng lại trên môi mẹ như một bộ mặt bị phẫu thuật hỏng. Mẹ vụng về nghiêng người về phía trước, áp trán vào trán cậu. Arthur để yên trong khoảng thời gian dài hơn một mili giây so với dự đoán của tôi, sau đó vỗ vỗ vào gáy mẹ và rời khỏi vòng tay bà. Cậu xoa đầu tôi thật mạnh cứ như tôi là con chó săn trung thành của cậu, khiến tóc tôi thêm phần rối bù, rồi đi vòng ra cốp xe giúp Barbara xách túi hành lý. Vì vậy, chỉ còn lại tôi và mẹ nhìn chăm chăm vào Rosaleen, à không, mẹ không hề nhìn chăm chăm vào mợ. Mẹ hít sâu một hơi không khí trong lành, mắt lim dim, miệng mỉm cười. Mặc cho tình cảnh trở trêu, tôi mơ hồ cảm thấy có lẽ nơi này sẽ đem lại điều tốt đẹp cho mẹ.

Lúc ấy tôi chưa quá lo lắng cho mẹ như bây giờ. Đám tang của ba chỉ vừa một tháng trước, cả hai chúng tôi đều chết lặng và không thể thực sự nói gì nhiều với nhau cũng như bất cứ ai khác về chuyện đau buồn ấy. Mọi người còn mãi trò chuyện với chúng tôi, nói những điều tốt đẹp, những câu chuyện nhạt nhẽo hay bất cứ thứ gì họ chợt nghĩ ra trong đầu – bọn họ dường như chờ mong chúng tôi an ủi họ chứ không phải ngược lại. Cũng chính vì vậy, không ai để ý tới hành vi của mẹ. Mẹ chỉ thỉnh thoảng thờ dãi,

nói vài ba câu ậm ừ với tất cả mọi người. Đám tang quả thật cũng giống như một trò chơi, bạn chỉ cần tới cho có mặt, nói đúng lúc và hành động đúng chỗ cho tới khi nó kết thúc. Thân mật nhưng đừng cười nhiều, buồn bã nhưng đừng quá đáng, nếu không tang gia thậm chí sẽ cảm thấy tồi tệ hơn. Tỏ vẻ lạc quan nhưng đừng để bị hiểu lầm là thiếu cảm thông hay xa rời thực tế. Bởi vì nếu ai nấy đều cư xử đúng với lòng mình, sẽ có rất nhiều lời cãi vã, buộc tội, nước mắt, chửi rủa, và gào thét.

Tôi nghĩ rất cần phải có một giải Oscar cho những diễn xuất đời thường. Và giải thưởng Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất phải thuộc về Alison Flanagan! Bởi thứ Hai vừa đây, ung dung đi dọc theo lối đi chính của siêu thị, trang điểm kỹ càng, tóc uốn đúng nếp, và đầu cảm thấy *chết điếng* trong lòng, cô vẫn đủ sức mỉm cười tươi rói với Sarah và Fiona trong Hội phụ huynh và hành xử như thể chồng cô không hề bỏ rơi cô cùng với ba đứa con! Hãy đến đây và nhận giải thưởng đi, Alison! Giải Nữ diễn viên phụ xuất sắc nhất thuộc về người đàn bà thứ ba mà chồng cô chạy theo, ả ta chỉ đứng cách đó có hai quầy hàng, và phải hấp tấp rời khỏi siêu thị, quên mất không mua hai món đồ cần thiết để làm món mì lasagne ưa thích của tình nhân mới. Nam diễn viên xuất sắc nhất chính là Gregory Thomas, vì tài năng diễn xuất của anh ta trong tang lễ của người cha mà anh ta từng không thém nói chuyện suốt hai năm trời. Nam diễn viên phụ xuất sắc nhất thuộc về Leo Mulcahy với vai diễn rể phụ tại lễ thành hôn giữa Simon, người bạn tốt nhất của anh, và người đàn bà duy nhất mà anh yêu thương sâu sắc. Hãy đến và nhận lấy huy chương này, Leo!

Đó là điều mà tôi nghĩ mẹ đã làm, chỉ tham gia cho có với vai trò là một góa phụ tốt, nhưng sau đó, khi hành vi của mẹ không hề thay đổi, khi tôi cảm thấy như mẹ không thực sự biết chuyện gì diễn ra và mẹ cứ ậm ừ ờ ờ và thờ dãi trong mọi cuộc nói chuyện, tôi đã tự hỏi liệu mẹ có đang làm trò lòe thiên hạ hay không. Tôi vẫn thắc mắc bao nhiêu phần của mẹ thực sự sống với chúng tôi và bao nhiêu phần mẹ chỉ giả vờ để không phải đối diện với sự thật. Bên trong mẹ, có một vết nứt rạn ngay sau cái chết của ba, nhưng khi mọi người không còn dòm ngó đến mẹ và quay trở lại với cuộc

sống của họ, vết rạn đó ngày một bành trướng, và dường như chỉ có mình tôi mới có thể nhìn thấy nó.

Không phải ngân hàng đã hành động vô lý khi đột ngột tống chúng tôi ra khỏi nhà. Họ đã thông báo cho ba ngày tịch biên tài sản, nhưng ngoài lời *chào tạm biệt*, ba đã quên nói lại điều đó cho chúng tôi. Vì vậy, mặc dù họ để chúng tôi ở lại lâu hơn thời gian cho phép, sớm muộn gì chúng tôi cũng phải dọn ra thôi. Mẹ con tôi chuyển tới ở căn hộ nhỏ của người vú em người Philippines, phía sau nhà Barbara, trong một tuần. Đương nhiên, chúng tôi cũng phải tiếp tục rời đi vì Barbara phải tới nghỉ hè ở nhà riêng của họ ở St Tropez, và cô ấy rõ ràng là sợ chúng tôi sẽ ăn cắp các món đồ dùng bằng bạc của mình.

Dẫu lúc ấy mẹ không làm tôi lo lắng như khi chúng tôi lần đầu tiên đến ngôi nhà ở rìa công lâu đài này, điều đó không có nghĩa là tôi không quan tâm đến mẹ. Trước khi đến đây, tôi đề nghị mẹ đi khám bác sĩ, trong khi bây giờ tôi nghĩ mẹ nên nhập viện, nơi người ta mặc áo choàng trắng hở mông và lúc lắc đi qua đi lại ngoài hành lang. Tôi nói với Barbara rằng mẹ nên đi khám bệnh. Barbara trích thượng bắt tôi ngồi xuống trong bếp, nói với tôi rằng chẳng qua mẹ chỉ đang “đau buồn” mà thôi. Vào năm mười sáu tuổi, bạn có thể tưởng tượng ra niềm vui sướng khi lần đầu tiên học được nghĩa của từ đó thế nào rồi đấy. Và sau đó tôi chuẩn bị tinh thần cho những lời an ủi nụng nịu vô bổ. Nhưng Barbara không làm vậy. Thay vào đó, cô ấy nhờ tôi ngồi lên va li để cô ấy kéo khóa đóng lại, bởi vì Lulu, bàn tay toàn năng thu xếp cuộc đời của cô ấy, đã đưa đám trẻ con đi học cưỡi ngựa. Khi ngồi trên chiếc va li Louis Vuitton căng phồng nhét đầy những bộ bikini dọc màu hồng, dép quai vàng và những chiếc mũ lô bịch, tôi đã cầu cho nó sẽ vỡ tung ra trên băng chuyền hành lý ở sân bay St Tropez, để cho món đồ chơi người lớn của cô ấy rớt ra ngoài và rung lên bần bật cho mọi người xem no mắt.

Cứ như vậy, vào ngày đầu tiên trong phần đời còn lại của tôi, chúng tôi đứng bên ngoài căn nhà ở công lâu đài, mẹ với đôi mắt lim dim,

Rosaleen nhìn chăm chăm vào tôi với đôi mắt xanh biếc mở to hơn hở cùng cái lưỡi hồng nhỏ xíu thỉnh thoảng lại liếm liếm môi, Arthur khịt khịt mũi với Barbara, ám chỉ rằng cậu không muốn cô ấy mang bất kỳ cái túi xách nào, và Barbara, với bộ đồ thể dục thùng thình, dép kẹp và bộ mặt nhìn như một quả cam, quan sát cậu với vẻ hoang mang, có lẽ đang cố hết sức để không nôn ọe trước hành động hít mũi rột rột của cậu. Cô vừa mới đi làm rám da sáng nay mà.

“Jennifer,” Rosaleen cuối cùng đã phá vỡ sự im lặng của chúng tôi. Mẹ mở mắt, mỉm cười rạng rỡ khiến tôi cứ ngỡ mẹ đã nhận ra Rosaleen và biết chính xác mình đang làm gì. Nếu bạn không ở chung suốt từng giây từng phút trong tháng vừa qua với mẹ như tôi, bạn sẽ nghĩ rằng mẹ vẫn ổn. Mẹ lừa bịp khá tốt đấy. “Chào mừng em,” Rosaleen mỉm cười. “Vâng. Cảm ơn chị,” mẹ đã chọn được câu trả lời phù hợp từ vốn từ ít ỏi của mình.

“Vào đi, vào đi nào, vào uống trà thôi,” Rosaleen thúc giục, như thể nếu không uống trà thì chúng tôi sẽ chết vậy.

Tôi không muốn đi theo bọn họ. Tôi không muốn vào trong vì không muốn mọi thứ sẽ bắt đầu. Ý tôi muốn nói đến hiện thực. Không còn nửa nọ nửa kia như khi tổ chức tang lễ hoặc khi ở lại cái tổ chim của Barbara. Đây là một cuộc sống mới và nó phải bắt đầu từ lúc này.

Arthur, Con Tôm Hùm, vội vã đi lướt qua tôi, thoăn thoắt chạy xuôi chạy ngược con đường dẫn qua vườn, tay nặng trĩu túi xách. Cậu khỏe mạnh hơn bề ngoài.

Cốp xe đóng sầm, tôi quay phắt lại nhìn. Barbara lắc lắc chùm chìa khóa xe và nhún nhún đôi chân mang dép kẹp hiệu Louis Vuitton. Đến lúc này tôi mới nhận ra giữa các ngón chân của cô có kẹp bông. Cô ngập ngừng nhìn tôi, trong bầu không khí im lặng nặng nề khi cố tìm cách nói với tôi rằng cô sắp phải rời đi.

“Cháu không biết là cô vừa làm móng chân,” tôi nói để lấp đầy không khí im lặng.

“Ừ”. Cô nhìn xuống và ngoe nguẩy ngón chân như để xác nhận điều đó. Ánh sáng lấp lánh phản chiếu từ đám đá quý khảm trên móng chân cái của cô. Rồi cô nói thêm, “Danielle mời bọn cô đến dự tiệc rượu trên du thuyền của mình vào tối mai.”

Hầu hết mọi người sẽ nghĩ hai câu trên chẳng liên quan gì với nhau, nhưng tôi hiểu ra ngay. Bạn không thể mang giày trên du thuyền của Danielle, do đó không thể để trần ngón chân mà cạnh tranh với đủ loại đá quý lấp lánh khảm lên móng của những quý bà quý cô khác được. Đám phụ nữ đó sẵn sàng đeo cả trang sức vào xương bánh chè nếu đó là phần duy nhất được phô ra trên người họ.

Chúng tôi nhìn nhau trong im lặng. Cô ấy muốn đi đến chết được. Tôi khao khát được đi với cô ấy. Tôi cũng muốn được đi chân không trên bờ biển Địa Trung Hải trong khi Danielle lả lướt giữa đám khách mời, kiêu kỳ cầm một ly martini giữ bộ móng được cắt tỉa theo hình vuông kiểu Pháp, mặc chiếc áo đầm cổ sâu hiệu Cavalli để lộ núm vú sỗ sàng chẳng khác gì trái ô liu nhồi ớt cay trôi nổi trên ly rượu, và trên đầu là chiếc mũ thuyền trưởng đội lệch khiến cô giống như thuyền trưởng Birdseye giả dạng thành phụ nữ. Tôi muốn tham dự buổi tiệc đó.

“Cháu ở đâu sẽ ổn mà, bé cưng,” cô nói, và tôi cảm nhận sự chân thành trong câu nói của cô. “Ở đây cháu có người nhà.”

Tôi ngáp ngừng quay nhìn căn nhà như trong truyện cổ tích *Hansel và Gretel* và lại chột muốn òa lên khóc.

“Ôi bé cưng,” cô kêu lên, cảm nhận được cảm xúc của tôi và tiến lại gần tôi với đôi tay dang rộng. Vòng ôm của cô ấy thật tuyệt, toàn thân cô ấy thật dễ chịu. Có lẽ là vậy, hoặc bộ ngực bơm căng của cô ấy vừa vặn đỡ lấy đầu tôi. Tôi siết chặt cô ấy lần nữa và nhắm mắt lại, nhưng cô buông tay sớm hơn tôi muốn và tôi lại rơi tõm trở về hiện thực.

“Được rồi,” cô nhích về phía xe và đặt tay trên nắm đấm cửa. “Cô không muốn làm phiền bọn họ nên cháu hãy nói giùm...” “Mời vào, mời vào,” giọng Rosaleen ngân nga vang lên từ hành lang tối om, ngăn không cho Barbara leo vào trong chiếc xe jeep. “Xin chào,” Rosaleen bước ra cửa. “Cô không vào uống tách trà sao? Xin lỗi vì không biết tên cô, Jennifer không nói gì với tôi cả.”

Mợ phải làm quen với việc đó thôi. Jennifer sẽ không nói rất nhiều thứ.

“Barbara,” Barbara trả lời, và tôi nhận thấy cô siết chặt nắm đấm cửa xe.

“Barbara,” đôi mắt xanh như mắt mèo của Rosaleen lóe lên. “Uống tách trà rồi hăng lên đường nhé, Barbara? Có bánh mới nướng và mứt dâu nhà làm đó.”

Nụ cười đông cứng trên khuôn mặt Barbara trong khi cô cố nghĩ cách thoát thân.

“Cô ấy không vào được đâu,” tôi trả lời thay. Barbara nhìn tôi đầy vẻ biết ơn, có đôi chút hồi lỗi.

“Ồ,” Rosaleen nhìn tôi, mặt xịu xuống, như thể tôi vừa làm hỏng bữa tiệc trà của mợ vậy.

“Cô ấy phải về nhà rửa sạch lớp rám nắng giả,” tôi thêm vào. Tôi đã nói rồi. Tôi là đứa tẻ kinh khủng, đối với tôi, dầu tôi chẳng dính dáng gì với Barbara và cô ấy phải quay về với cuộc sống của chính mình, cô ấy vẫn có tội là đã bỏ rơi tôi ở lại. Tôi trách móc ba mẹ. “Vớ lại móng chân cô ấy vẫn còn ướm sơn.” Tôi nhún vai.

“Ồ,” Rosaleen ngơ ngác cứ như tôi đang nói ngôn ngữ Celtic Tiger cổ xưa vậy. “Vậy cà phê nhé?”

Tôi phá lên cười, Rosaleen lộ vẻ tự ái. Tôi nghe tiếng dép kẹp của Barbara vang lên phía sau, cô ấy đi ngang qua mà chẳng thèm nhìn tôi. Để yên có phải tôi sẽ giúp cô ấy bỏ đi dễ dàng hơn không. Bên cạnh Rosaleen, ngay cả trong bộ đồ thể thao nhưng, với đôi tông và cái cổ dính đầy lớp rám nắng giả, Barbara vẫn trông giống như một nữ thần diễm lệ. Và rồi cô ấy bị hút vào trong nhà, giống như cây bẫy ruồi Venus đớp lấy một con bướm vậy.

Mặc cho ánh mắt trông đợi của Rosaleen, tôi vẫn không tài nào bước được chân vào nhà.

“Cháu đi xem loanh quanh chút,” tôi nói.

Mợ lộ vẻ thất vọng, như thể tôi từ chối cho mợ một thứ gì quý giá lắm vậy. Tôi đợi mợ quay vào trong nhà, biến mất trong bóng tối của hành lang chẳng khác gì một không gian khác, nhưng mợ không hề nhúc nhích. Mợ đứng ở hàng hiên, quan sát tôi và tôi nhận ra mình phải bỏ đi trước. Với đôi mắt của mợ dán chặt vào tôi, tôi nhìn quanh. Đi đường nào bây giờ. Bên trái tôi là căn nhà, đằng sau tôi là cánh cổng mở dẫn ra đường chính, trước mặt tôi toàn cây là cây, còn bên phải là một con đường nhỏ dẫn vào hàng cây râm mát. Tôi bắt đầu đi bộ ra đường chính. Tôi không ngoảnh lại dù chỉ một lần, tôi không biết mợ có còn đứng đó nhìn theo hay không. Tuy nhiên, đi càng xa và khi ngôi nhà khuất sau lưng, tôi càng cảm thấy không chỉ Rosaleen đang nhìn mình. Tôi cảm thấy như bị lộ trần, như thể có ai đó bên ngoài hàng cây um tùm đang theo dõi tôi. Cảm giác như khi bạn xâm nhập vào thế giới tự nhiên, khi bạn ở nơi mình không nên ở, không có ai chào đón. Hàng cây ven đường nhất loạt quay đầu nhìn tôi.

Nếu có đám đàn ông mặc áo giáp vung vẩy gươm giáo phi ngựa về phía tôi, điều đó cũng chẳng có gì là kỳ lạ. Nơi này thấm đẫm lịch sử, chen chúc những bóng ma của quá khứ, giờ đây tới phiên tôi, chỉ là thêm một kẻ khác sắp bắt đầu câu chuyện của mình. Hàng cây đã nhìn thấy tất cả, nhưng tôi vẫn thu hút được sự chú ý của chúng và khi làn gió mùa hạ nhẹ nhàng

lướt qua, lá cây thì thâm xào xạc như những đôi môi lẩm chuyện, hăng hái đổi theo cuộc hành trình của một thế hệ mới.

Tôi đi dọc theo con đường chính và cuối cùng, hàng cây, được trồng tỉa khéo léo để che giấu tòa lâu đài, cũng lùi lại phía sau. Dầu tôi mới là người đang đi về phía trước, tòa lâu đài hiện ra trước mặt tôi một cách hết sức đột ngột, cứ như nó bất ngờ lên đến trước tôi mà tôi chẳng hề biết, một đồng gạch đá rón ra rón rén bước đi với ngón tay đặt trên môi, như thể mấy trăm năm nay chưa từng được đùa giỡn tí nào vậy. Tôi đứng lại khi tòa lâu đài hiện ra trong tầm mắt. Tôi bé nhỏ đứng trước tòa lâu đài đồ sộ. Đối với tôi, nó có vẻ độc đoán và oai vệ giống một tòa phế tích hơn là một tòa lâu đài, bởi vì nó phơi bày trước mắt tôi những vết sứt sẹo đầm máu từ những trận chiến. Và tôi cũng vậy, đứng trước nó, tôi cảm thấy mình chỉ còn là một cái bóng của tôi trước đây, với những vết sẹo phơi bày. Chúng tôi ngay lập tức cảm thấy gắn bó với nhau.

Chúng tôi quan sát nhau, rồi tôi đi thẳng về phía nó mà nó không thèm chớp mắt đến một lần.

Mặc dù có thể đi vào lâu đài thông qua lỗ hổng ở bức tường bên hông, tôi cảm thấy có lẽ sẽ lễ phép hơn nếu đi vào theo cái lối từng là cửa chính, giờ chỉ còn là một vết tấp nham nhở của cuộc đời. Tôi không biết mình cần giữ lễ phép với ai, nhưng tôi đang cố lấy lòng tòa lâu đài. Tôi dừng một chút ở cửa, tỏ vẻ tôn trọng, rồi bước vào bên trong. Có rất nhiều cỏ dại, rất nhiều gạch vụn. Bên trong các bức tường, bầu không khí yên tĩnh lạ thường, khiến tôi cảm thấy như mình đang xâm nhập vào nhà người ta. Cỏ dại, bồ công anh, cây tầm ma, tất cả dừng việc đang làm lại để ngừng đầu lên. Không biết tại sao, tôi chợt òa khóc.

Cũng như cái cảm giác buồn cho con nhặng xanh, tôi cảm thấy tiếc thương cho tòa lâu đài, nhưng trên thực tế, tôi nghĩ rằng tôi có những cảm xúc đó chủ yếu là vì tôi đang tự thương thân mình. Tôi cảm thấy như tôi có thể nghe thấy tiếng kêu van rên rỉ của tòa lâu đài khi nó bị bỏ lại, sụp đổ, xuống cấp trong khi hàng cây xung quanh vẫn không ngừng vươn cao. Tôi

bước tới gần một bức tường, những tảng đá thô kệch, to đùng, tôi có thể tưởng tượng được những đôi bàn tay khiêng hoặc bị buộc phải khiêng chúng mạnh mẽ đến mức nào. Tôi ngồi thụp xuống góc, áp tai vào tường đá rồi nhắm mắt lại. Tôi không biết mình đang lắng nghe cái gì, tôi không biết mình đang làm cái gì, an ủi một bức tường chăng? Nhưng dù gì tôi vẫn cứ tiếp tục hành động của mình.

Nếu tôi kể những gì mình đang làm cho Zoey và Laura nghe, tội nó sẽ tổng tôi đến ngay ngôi nhà thời trang của đám người mặc áo choàng hở hông, nhưng chẳng hiểu sao tôi lại cảm thấy mình hòa nhịp với tòa nhà này. Tôi không biết, có lẽ bởi vì tôi đã mất đi căn nhà của mình, vì vậy, khi đi ngang qua tòa nhà vô chủ, tôi muốn chiếm hữu nó. Hoặc có lẽ khi người ta cô đơn, họ sẽ bám víu vào bất cứ thứ gì để không cảm thấy cô đơn nữa. Đối với tôi, thứ gì đó chính là tòa nhà này.

Tôi không biết mình đã ở đó bao lâu, nhưng mặt trời đã khuất sau rặng cây, rắc ánh vàng lấp lánh lên tòa lâu đài mỗi lần tán cây xào xạc. Tôi dỗi mắt nhìn hồi lâu, tới khi tôi để ý thấy xung quanh đã chìm vào bóng tối nhá nhem. Bây giờ chắc khoảng mười giờ tối.

Chân tôi tê rần vì ở nguyên một tư thế quá lâu, tôi từ từ đứng dậy. Qua khóe mắt, tôi nghĩ mình đã nhìn thấy một cái gì đó đang di chuyển. Một bóng đen. Một bóng người. Không phải một con vật, nhưng nó nhảy vọt qua. Tôi không chắc lắm. Không muốn bất cứ thứ gì hoặc bất cứ ai lên đến từ phía sau, tôi quay lưng ra lối vào rồi nhanh chóng lùi lại. Tôi nghe thấy một tiếng động khác, một con cú, một con chim hay một con gì đó kêu quác một tiếng, tôi nhảy dựng sợ hãi và chuẩn bị bỏ chạy. Không thể nhìn thấy mặt đất dưới lớp cỏ dại um tùm, tôi vấp phải một tảng đá và ngã bật ngửa ra sau. Đầu va phải thứ gì đó, tôi rên rỉ, và tôi có thể nghe thấy nỗi sợ hãi trong giọng nói của mình, tôi lại ngã vào một đám cỏ dại um tùm kinh tởm, có trời mới biết có thứ gì đang sống trong đó. Mắt tôi hoa lên, những đốm đen xuất hiện trên má nhà bị tàn phá hằn lên bầu trời tím thẫm. Tôi co chân, dùng tay đẩy người đứng dậy, đám sỏi đá vụn cửa vào da tôi, tôi

không dám nhìn lại mà cứ co giò chạy với tốc độ nhanh nhất mà đôi bốt Uggs có thể chịu nổi. Sau một thời gian dài như vô tận tôi mới nhìn thấy căn nhà, cứ như thể con đường và cây cối âm mưu chống lại tôi, khiến tôi chẳng khác gì con chuột chạy trên guồng xoay vậy.

Cuối cùng ngôi nhà cũng hiện ra trước mắt. Chiếc SUV của Barbara đã đi mất, tôi biết mình đã hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới. Chiếc cầu treo đã được cất lên. Gần như ngay khi ngôi nhà hiện ra trong tầm mắt, cửa trước mở ra và Rosaleen đứng đó nhìn tôi, như thể mẹ đã đứng sẵn kể từ giây phút tôi rời đi.

“Vào đi, vào đi,” mẹ thúc giục.

Cuối cùng tôi cũng đặt chân lên ngưỡng cửa và bước vào cuộc sống mới của mình, bắt đầu một khởi đầu mới. Đôi bốt Ugg màu hồng sạch sẽ một thời của tôi giờ đã lấm lem sau chuyến viếng thăm lâu đài, và trông chúng càng bẩn thỉu hơn khi giẫm lên hành lang lát đá. Ngôi nhà chìm trong bầu không khí im lặng đầy chết chóc.

“Để mẹ xem nào,” Rosaleen lên tiếng, giữ chặt cổ tay tôi và bước lùi lại để quan sát tôi từ đầu đến chân. Nhưng rồi một lần, hai lần, ba lần... Tôi giật tay ra, vòng tay của mẹ bắt giắc siết chặt hơn, nhưng khi mẹ nhận ra mình đang thất thố, hoặc cũng có thể là do sắc mặt tôi thay đổi, mẹ đành chịu buông tay.

Giọng nói của mẹ ngọt ngào hơn. “Mẹ sẽ vá lại cho cháu. Để chúng trong giỏ kế bên ghế bành trong phòng khách nhé.”

“Vá cái gì ạ?”

“Quần cháu.”

“Đó là quần jean mà. Nó phải trông rách rưới một chút.” Tôi nhìn xuống chiếc quần jean te tua của mình, nó toi tả đến mức chẳng có chỗ nào lành lặn cả. Chiếc quần lót đốm hồng của tôi lờ mờ ẩn hiện sau lớp vải jean, đó là lý do phải có những vết rách. “Nhưng nó không cần bản thể này.”

“Ồ. Vậy thì cháu để nó trong giỏ ở nhà bếp vậy.”

“Mợ có nhiều giỏ thật.”

“Chỉ có hai thôi.”

Tôi không chắc mình vừa nói đùa hay châm biếm khéo léo, nhưng dù sao thì mợ cũng chẳng hiểu.

“Được rồi. Cháu về phòng đây...” Tôi chờ mợ chỉ đường nhưng mợ chỉ nhìn chăm chăm vào tôi. “Phòng cháu đâu mợ?”

“Một tách trà nhé? Mợ làm bánh táo đấy.” Giọng mợ như van vãn.

“Ồ, không cảm ơn, cháu không đói lắm.” Tôi cảm thấy dạ dày mình sôi lên phản ứng, hy vọng mợ không nghe thấy.

“Đương nhiên rồi. Đương nhiên là cháu không đói lắm.” Mợ tự trách mình.

“Phòng cháu đâu ạ?”

“Trên lầu, cánh cửa thứ hai bên trái. Mẹ cháu ở phòng cuối cùng bên phải.”

“Được rồi, cháu sẽ vào thăm mẹ.” Tôi bắt đầu đi lên lầu.

“Thôi nào bé con,” Rosaleen vội can. “Để mẹ một mình đi. Mẹ cháu đang nghỉ ngơi.”

“Cháu chỉ muốn nói chúc ngủ ngon thôi,” tôi mỉm cười miễn cưỡng.

“Không, không, cháu nên để mẹ cháu yên,” mợ kiên quyết.

Tôi nuốt nước bọt, “Được rồi.”

Tôi từ từ lùi lại rồi đi lên cầu thang, từng bậc từng bậc kêu cọt két dưới chân. Từ chiếu nghỉ, tôi có thể nhìn thấy hành lang, Rosaleen vẫn

đứng đó nhìn theo tôi. Tôi cười gượng rồi bước vào phòng, đóng chặt cửa lại, dựa người vào nó, tim đập thành thịch.

Tôi đứng đó khoảng năm phút, chỉ nhìn lướt qua căn phòng, biết mình sẽ có đủ thời gian để làm quen với nơi ở mới, nhưng trước tiên, tôi cần phải nhìn thấy mẹ. Từ từ mở cửa, tôi ló đầu ra ngoài và nhìn qua ban công xuống hành lang bên dưới. Rosaleen đã bỏ đi. Tôi mở cửa rộng hơn và bước ra ngoài. Tôi nhảy dựng. Mẹ đứng ngay bên ngoài cửa phòng mẹ, cứ như một chú chó giữ nhà.

“Mẹ vừa vào thăm mẹ cháu,” mẹ thì thầm, đôi mắt xanh lấp lánh sáng. “Mẹ cháu đang ngủ. Tốt nhất cháu hãy đi nghỉ ngơi đi.”

Tôi ghét bị ra lệnh, tôi chưa bao giờ làm việc mình bị sai khiến, nhưng có gì đó trong giọng của Rosaleen, trong ánh mắt của mẹ, trong cảm giác về ngôi nhà và cách mẹ đứng nói cho tôi biết lúc này tôi không có quyền phản kháng. Tôi quay trở lại phòng, đóng cửa lại, không nói tiếng nào.

Khuya hôm đó, khi bên trong và bên ngoài căn nhà im phăng phắc và tối om om, không thể nhìn thấy rõ bất cứ thứ gì, tôi chợt tỉnh dậy, cảm thấy có ai đó ở trong phòng. Tôi nghe thấy tiếng thở ở phía đầu giường và ngửi thấy mùi xà phòng oải hương quen thuộc, vì vậy tôi nhắm tịt mắt giả vờ ngủ. Tôi không biết Rosaleen đứng đó nhìn tôi bao lâu, nhưng tôi cảm thấy thời gian như kéo dài vô tận. Ngay cả sau khi nghe tiếng mẹ rời khỏi phòng và cánh cửa nhẹ nhàng khép lại, tôi vẫn nhắm chặt mắt, tim đập thành thịch đến mức tôi sợ rằng mẹ có thể nghe thấy, cho đến khi cuối cùng tôi cũng chìm vào giấc ngủ.

Chương 4: Voi trong phòng

Sáng hôm sau tôi thức dậy vào khoảng 6 giờ trong tiếng véo von của đám chim chóc gọi bầy. Tiếng hót líu lo và tiếng chuyện trò lách chách của chúng khiến tôi cảm thấy như căn nhà đã được nhắc bổng lên trong đêm và bay thẳng đến thế giới của các loài chim. Tiếng đùa cợt ích kỷ của bọn chúng khiến tôi nhớ tới đám công nhân xây dựng bể bơi của chúng tôi, bọn họ làm việc ồn ào và vênh váo cứ như nhà vắng chủ vậy. Có một anh chàng tên Steve cứ cố nhìn lên vào phòng tôi khi tôi đang mặc quần áo. Vì vậy, một buổi sáng nọ, tôi cho anh ta nhìn đã mắt. Đừng hiểu lầm, tôi lấy ba túm tóc giả kẹp vào bikini - bạn có thể đoán được chỗ nào - rồi tôi cởi phăng áo choàng tắm và điểu hành vòng quanh căn phòng như chú chó Chewbacca trong *Chiến tranh giữa các vì sao*, vờ như không biết anh chàng đang nhìn lên. Hắn không bao giờ nhìn lên thêm lần nào nữa, nhưng một vài tên còn lại cứ nhìn chăm chăm vào tôi mỗi khi tôi đi qua, vậy nên tôi cho rằng hắn đã bép xép mọi chuyện, đúng là đồ ruồi bọ bản thủ. Tiếc là không thể giờ trò tương tự ở nơi này, trừ phi tôi muốn làm cho một con sóc đỏ hoảng loạn phóng khỏi cành cây.

Màn cửa ca rô xanh trắng chẳng chắn được bao nhiêu ánh sáng mặt trời, căn phòng sáng rờ rờ như một quán bar vào giờ đóng cửa, để lộ những nhóp nhúa, cùng đám say rượu và lũ cờ gian bạc lặn. Tôi nằm trên giường, hoàn toàn tỉnh táo và nhìn chăm chăm vào căn phòng bây giờ được coi là phòng *của tôi*. Nó không có vẻ *của tôi* tí nào, tôi tự hỏi chẳng biết bao giờ nó mới mang được dấu ấn *của tôi*. Đó là một căn phòng đơn giản, ấm áp một cách đáng ngạc nhiên. Không chỉ bởi ánh mặt trời buổi sáng đang ào ạt tràn vào, nó ấm cúng theo phong cách nội thất của Laura Ashley và dấu tôi thường ghét tất cả những thứ suốt mượt ảo lá, thì ở đây chúng lại khá hợp. Chúng chỉ không hợp với căn phòng ngủ của Zoey bạn tôi, vốn được mẹ cô nàng trang trí chẳng khác gì dành cho một đứa nhóc mười tuổi, trong nỗ lực

tự thuyết phục mình rằng cô con gái Zoey thật ngọt ngào và trong sáng. Căn phòng đó tương đương với việc tống cô con gái của bà vào một bình dưa chua. Không ăn thua. Không phải là chuyện nắp bình mở tung ra khi mẹ cô nàng không để ý, mà vấn đề ở chỗ Zoey đâm ra mê mẩn dưa chua nhiều hơn mức cần thiết.

Phòng ngủ nằm dưới mái chìa, trần nhà nghiêng về phía cửa sổ. Một chiếc ghế gỗ sơn trắng loang lổ nằm trong góc, bên trên là chiếc gối cũ bọc vải xanh trắng kẻ ô. Tường sơn màu xanh nhạt, nhưng không gây cảm giác lạnh lẽo. Một tủ áo sơn trắng đứng riêng rẽ chỉ lớn đủ để cất đám đồ lót của tôi. Khung giường làm bằng sắt, khăn trải giường vải lanh trắng, chăn lông vịt hoa xanh cùng một tấm chăn len màu xanh trứng đặt ở cuối giường. Bên trên cửa phòng có treo một chiếc thánh giá Thánh Bridget đơn giản. Một bình đầy hoa tươi - hoa oải hương, hoa chuông xanh và vài loài hoa khác tôi không nhận ra nổi - đặt trên bệ cửa sổ. Rosaleen đã tốn khá nhiều công sức để bày biện thế này.

Tiếng động không ngừng vang lên từ dưới nhà. Tiếng đĩa va vào nhau lách cách, tiếng nước chảy, tiếng âm nước rin rít, tiếng thức ăn xèo xèo trên chảo và cuối cùng mùi chiên xào lan lên lầu và len lỏi vào phòng tôi. Tôi nhận ra mình chưa ăn gì từ trưa hôm qua, sau món cá sống sashimi tuyệt vời mà Lulu làm cho chúng tôi ở nhà Barbara. Tôi cũng chưa đi vệ sinh nữa, bàng quang và dạ dày tôi hợp tác lôi tôi ra khỏi giường. Đúng như tôi nghĩ, cách bức tường dán giấy mỏng dính, phòng vệ sinh nằm cạnh phòng tôi, cửa đóng và khóa chặt. Tôi nghe tiếng mở nắp bồn cầu, tiếng nước tiểu chảy róc rách xuống bồn. Rõ ràng nước tiểu từ trên cao chảy xuống, trừ phi Rosaleen mang cà kheo đi tiểu, trăm phần trăm là Arthur đang ở bên trong.

Dựa vào âm thanh phát ra từ phòng bếp và phòng tắm, tôi đoán mẹ tôi không ở trong hai phòng này. Bây giờ là cơ hội tốt để tôi đến thăm mẹ. Tôi mang đôi bột hồng, khoác tấm chăn len màu xanh trứng quanh vai để che đi chiếc quần lót và chiếc áo cộc tay hiệu Juicy Couture rồi xuôi hành lang tới phòng mẹ.

Mặc cho tôi hết sức nhẹ nhàng, ván sàn vẫn cọt kẹt theo từng bước chân. Nghe tiếng gõ nước trong phòng tắm, tôi chạy vội dọc hành lang vào phòng mẹ mà không gõ cửa. Tôi không biết mình sẽ thấy gì nhưng đoán là chẳng khác gì những cảnh mà mình vẫn gặp mỗi sáng trong hai tuần trước đó. Cảnh tượng đó là một căn phòng tối tăm như hang động, mẹ tôi nằm chôn vùi đâu đó dưới lớp chăn lông vịt. Nhưng sáng nay, tôi đã có một bất ngờ thú vị. Phòng mẹ thậm chí còn sáng hơn phòng tôi. Màu vàng bơ, trong lành và sạch sẽ. Bình hoa trên bệ cửa sổ cắm đầy bông mao lương vàng, bồ công anh, cỏ cọng dài, tất cả được bó lại bằng một dải băng màu vàng. Phòng mẹ chắc là nằm ngay phía trên phòng khách bởi có một lò sưởi ven tường cùng một bức hình của đức Giáo hoàng bên trên, tôi nhìn mà phát rùng cả mình. Không phải đức Giáo hoàng - tôi thà treo hình Zac Efron còn hơn - ông ta không làm tôi phát ói. Chính lò sưởi là cái làm cho tôi khó chịu. Tôi không bao giờ thích chúng. Gờ trắng, bên trong màu đen và trông có vẻ như hay được dùng đến, thật lạ khi đây là căn phòng trông dành cho khách, tôi nghĩ. Chắc là họ phải có rất nhiều khách, dẫn theo tôi, họ không thuộc tí người giao du rộng rãi. Sau đó, tôi phát hiện có phòng tắm bên trong và nhận ra Rosaleen và Arthur chắc hẳn đã nhường phòng ngủ cho mẹ tôi.

Mẹ đang ngồi trên ghế ngựa trắng, không bập bênh chút nào, quay mặt ra cửa sổ nhìn ra phía vườn sau. Tóc được ghim lại gọn gàng, mẹ mặc chiếc áo choàng bông bành bằng lụa màu vàng mơ, tô son môi hồng, màu mẹ hay dùng kể từ ngày tang lễ của cha. Mặt mẹ thoáng một nét cười, nét cười rất khế nhưng nó đã ngự ở đó, trên gương mặt mẹ, và trông mẹ có vẻ như đang chăm chú suy ngẫm về quá khứ. Khi tôi đến gần, mẹ ngẩng lên và nụ cười nở rộng hơn.

“Chào buổi sáng, mẹ,” tôi hôn lên trán mẹ rồi ngồi xuống bên cạnh mẹ ở mép chiếc giường đã được dọn gọn gàng. “Mẹ ngủ ngon không?”

“Có, cảm ơn con,” mẹ vui vẻ đáp, và trái tim tôi như được cất đi gánh nặng.

“Con cũng vậy,” tôi đáp, nhận ra đó là sự thật. “Ở đây yên tĩnh nhỉ?” Tôi quyết định không nói bất cứ điều gì về chuyện Rosaleen ghé qua phòng tôi đêm qua, phòng trường hợp tôi chỉ nằm mơ thôi, thật xấu hổ khi nằm mơ mà lại tưởng thật rồi đi đổ oan cho người ta. Ít nhất phải chờ đến khi tôi có thêm bằng chứng.

“Ừ, đúng vậy,” mẹ lên tiếng.

Chúng tôi ngồi bên nhau nhìn xuống khu vườn phía sau. Một cây sồi lớn mọc giữa khu vườn rộng một mẫu, cành cây vươn ra mọi hướng, như đang mời gọi người ta trèo lên. Dáng cây rất đẹp, oai hùng vươn lên bầu trời, cành lá xanh um. Thân cây cứng cáp và vững chãi và tôi hiểu tại sao mẹ cứ mãi nhìn vào nó. Nó đem lại cảm giác an toàn và yên tâm, một khi nó đã đứng đó mấy trăm năm, bạn có thể tin nó sẽ còn đứng đó lâu hơn thế. Sự vững chắc duy nhất trong cuộc sống biến động của chúng tôi hiện giờ. Một con chim cổ đỏ lách chách chuyển từ cành này sang nhánh cây khác, nó có vẻ hớn hờ vì đã một mình chiếm giữ cả cái cây, giống như một đứa trẻ đang chơi trò giành ghế theo tiếng nhạc. Tôi chưa bao giờ để ý tới khung cảnh như thế này. Một cái cây với một con chim. Và thậm chí nếu tôi có nhìn thấy, tôi cũng không bao giờ so sánh nó với cảnh một đứa trẻ đang chơi trò giành ghế theo tiếng nhạc. Zoey và Laura chắc chắn sẽ bó tay với tôi đây, đến tôi còn bắt đầu bó tay với mình nữa là. Nghĩ đến bọn nó làm nổi nhớ nhà của tôi chột trĩu dậy.

“Con không thích sống ở đây mẹ ạ,” cuối cùng tôi cũng lên tiếng, để rồi nhận ra giọng mình run rẩy và tôi chực khóc. “Chúng ta không thể ở lại Dublin sao? Ở cùng bạn bè ấy?”

Mẹ nhìn tôi và mỉm cười âm áp, “Ồ, ở đây chúng ta sẽ ổn thôi mà. Mọi chuyện sẽ đều ổn thỏa.”

Tôi hết sức nhẹ nhõm khi nghe mẹ nói vậy, nghe được sự tự tin, sức mạnh và sự lãnh đạo mà tôi đang cần.

“Nhưng chúng ta sẽ ở lại đây bao lâu? Kế hoạch của chúng ta là gì? Con sẽ đi học ở đâu vào tháng Chín? Con vẫn có thể đến trường Thánh Marry được chứ?”

Mẹ tránh nhìn tôi, mặt vẫn giữ nét cười nhưng quay ra ngoài cửa sổ. “Ở đây chúng ta sẽ ổn thôi. Mọi chuyện sẽ đều ổn thỏa.”

“Con biết, mẹ à,” tôi nói, bắt đầu nản lòng, nhưng cố gắng không gằn giọng. “Mẹ vừa nói thế đấy thôi, nhưng trong bao lâu?”

Mẹ im lặng.

“Mẹ?” tôi dần giọng.

“Ở đây chúng ta sẽ ổn thôi,” mẹ lặp lại. “Mọi chuyện đều sẽ ổn thỏa cả.”

Tôi là người tốt, nhưng chỉ khi tôi muốn mà thôi, và thế là tôi chồm tới sát tai mẹ và chuẩn bị nói một điều thực sự khủng khiếp đến mức tôi thậm chí không thể viết ra, ngay khi đó, có tiếng gõ cửa nhẹ và Rosaleen nhanh chóng mở cửa ra.

“À, cả hai mẹ con đều ở đây,” mợ nói cứ như đã tìm kiếm chúng tôi khắp cả căn nhà vậy.

Tôi nhanh chóng dời miệng ra xa lỗ tai mẹ và ngồi lại xuống giường. Rosaleen nhìn chăm chăm vào tôi như thể mợ đọc được ý nghĩ của tôi. Sau đó, nét mặt mợ dịu lại và mợ bước vào phòng, tay bưng một khay ăn bằng bạc, mặc chiếc váy lờ xòe để lộ váy lót màu da dài chấm gối.

“Jennifer, chị mong đêm qua em có một giấc ngủ ngon.”

“Vâng, rất ngon,” mẹ nhìn mợ và mỉm cười khiến tôi cảm thấy rất tức giận: mẹ lừa mọi người khác nhưng không qua mặt được tôi.

“Vậy thì tốt quá. Chị có làm mấy món ăn sáng cho em, em ăn vài miếng thôi cho khỏe nào,” mợ vừa lải nhải vừa đi vòng quanh phòng, di

chuyên đồ đạc, kéo ghế, vỗ vỗ gối, trong khi tôi chăm chăm nhìn theo.

Vài miếng xôi, mợ đã nói vậy đấy. Vài miếng cho cả đến vài trăm người. Trên khay ngòn ngòn thức ăn. Trái cây cắt lát, ngũ cốc, một đĩa bánh mì nướng, hai quả trứng luộc, một chén nhỏ đựng thứ gì trông giống như mật ong, một chén mút dâu tây và một chén mút cam. Ngoài ra, trên khay còn có một ấm trà, một hũ sữa, một bát đường, đủ loại dao nĩa và khăn ăn. Với một người thường chỉ ăn một nắm yến mạch trộn vùng với vài quả việt quất vào buổi sáng, và chỉ bởi vì đó là bắt buộc, như mẹ thì mẹ đang phải đối mặt với một nhiệm vụ bất khả thi.

“Tuyệt,” mẹ nhìn vào khay thức ăn đặt trên một chiếc bàn gỗ nhỏ trước mặt, chẳng để ý gì đến Rosaleen. “Cảm ơn chị.”

Lúc ấy tôi đã tự hỏi liệu mẹ có biết những thứ trước mặt mẹ là để mẹ ăn chứ không phải chỉ là một tác phẩm nghệ thuật hay không.

“Em đừng khách sáo thế, em còn cần thêm gì nữa không?”

“Lấy lại ngôi nhà của mẹ, lấy lại tình yêu của đời mẹ...” tôi nói đầy vẻ châm biếm. Tôi không định trêu chọc Rosaleen, việc mợ bất ngờ trở thành bia nhắm của lời bình luận đó nằm ngoài ý định của tôi. Nói chung thì tôi chỉ muốn tiết giận một chút thôi. Nhưng tôi cho rằng Rosaleen phật ý, mợ nhin quanh, run rẩy, ồ, tôi không biết liệu mợ có giận, lúng túng hay bị tổn thương gì không, nhưng dù sao thì mợ không vui vẻ chút nào. Mợ nhìn sang mẹ để biết chắc là mẹ không bị tổn thương vì những lời của tôi.

“Đừng lo lắng, mẹ không nghe cháu nói gì đâu,” tôi lên tiếng, buồn chán kiểm tra phần ngọn tóc màu nâu sẫm bị chẻ. Tôi giả vờ không bận tâm nhưng lời bình phẩm của tôi làm trái tim tôi đập thành thịch trong lồng ngực.

“Đương nhiên là mẹ có nghe cháu nói chứ, cô bé,” Rosaleen thoáng trách móc tôi trong lúc vẫn đi lại khắp phòng di chuyển đồ đạc, chỉnh trang cái này, lau dọn chỗ kia.

“Mợ nghĩ vậy hả?” Tôi nhướn mày. “Mẹ nghĩ sao, ở đây chúng ta có ổn không?”

Mẹ ngược nhìn tôi và mỉm cười. “Đương nhiên là chúng ta sẽ ổn mà.”

Tôi chồm miệng vào nói leo theo câu thứ hai, bắt chước cái giọng véo von đến mức đáng sợ của mẹ, tôi và mẹ đồng thanh nói hết câu, tôi nghĩ Rosaleen nghe cũng phải lạnh sống lưng. Câu nói đó rõ ràng làm tôi ớn lạnh khi chúng tôi đồng thanh, “Tất cả đều sẽ ổn thỏa mà.”

Rosaleen ngừng lau bụi nhìn sang chúng tôi.

“Đúng rồi mẹ, tất cả đều sẽ ổn thỏa mà,” giọng tôi run rẩy. Tôi quyết định tiến thêm một bước. “Nhìn con voi trong phòng ngủ kia, dễ thương chưa?”

Mẹ nhìn chăm chăm vào cái cây trong vườn, đôi môi hồng vẫn tùm tùm nét cười, “Ừ. Dễ thương đó.”

“Con biết mẹ sẽ nghĩ vậy mà,” tôi nuốt khan, cố gắng không khóc trong lúc nhìn thẳng vào Rosaleen. Lẽ ra tôi phải cảm thấy thỏa mãn, nhưng không, tôi chỉ cảm thấy mát mát. Tính đến thời điểm đó, trong đầu tôi luôn biết rằng mẹ có gì đó không ổn, nhưng bây giờ tôi đã chứng minh được đó là sự thật và tôi không thích điều đó chút nào.

Có lẽ *lúc này* mẹ nên được gửi đến một bác sĩ chuyên khoa hoặc một bác sĩ tư vấn, rồi chữa trị đảng hoàng để chúng tôi có thể tiếp tục đi theo con đường mòn được đánh dấu sẵn của mình.

“Bữa ăn sáng của em ở trên bàn đó,” Rosaleen chỉ đơn giản nói như vậy rồi quay lưng về phía tôi và rời khỏi phòng.

Và đó là cách thức giải quyết mọi vấn đề của nhà Goodwin. Chỉ giải quyết phần ngọn mà bỏ qua phần gốc, luôn vờ như không thấy con voi to đùng ở trong phòng. Tôi nghĩ buổi sáng hôm đó chính là lúc tôi nhận ra tôi

đã lớn lên với một con voi ở mỗi phòng, nó đã trở thành vật cưng của gia đình chúng tôi.

Chương 5: Niềm đau

Tôi dùng khá nhiều thời giờ mặc quần áo, biết rằng mình chẳng có bao nhiêu chuyện khác để làm trong ngày hôm đó. Tôi đứng run rẩy trong phòng tắm màu xanh bơ, nước nóng chảy nhỏ giọt chẳng khác nào đứa bé sơ sinh chảy dãi, và thêm khát mớ về căn phòng tắm cũ của tôi, với tường khảm gạch hồng phản quang, sáu vòi nước công suất lớn và ti vi plasma trên tường.

Cho đến khi cố gắng lắm thì cũng gội sạch đầu - tôi chả hơi đâu đi đánh vật với dầu xả - và sấy khô tóc, tôi xuống lầu ăn sáng. Arthur đang cạo mẩu thức ăn cuối cùng khỏi đĩa. Tôi tự hỏi liệu Rosaleen có kể với cậu chuyện xảy ra trong phòng ngủ của mẹ hay không. Có lẽ là không, bởi vì nếu cậu là ông anh trai đang hoàng cậu hẳn đã phải làm gì đó để giải quyết vấn đề chứ. Tôi không nghĩ gì mũi tận đáy tách trà với cái mũi quá khổ của cậu có thể giúp chuyện trở nên tốt hơn.

“Chào buổi sáng Arthur,” tôi nói.

“Chào buổi sáng,” cậu nói vào đáy tách trà.

Rosaleen, con ong nội trợ bận rộn, lập tức chạy ngay đến chỗ tôi với đôi tay đeo cặp găng chân bông to đùng.

Tôi khẽ nắm hai tay mợ như kiểu nắm bốc. Mợ không hiểu trò đùa của tôi. Dầu Arthur không nói tiếng nào, thậm chí mặt cậu không hề nhúc nhích, tôi vẫn cảm thấy rõ cậu hiểu được.

“Cháu chỉ ăn bột ngũ cốc thôi, Rosaleen,” tôi nhìn xung quanh. “Cháu sẽ tự lấy, mợ để đâu ạ?” Tôi bắt đầu mở mấy ngăn tủ bếp cố tìm hộp ngũ cốc, và hết sức kinh ngạc khi phát hiện ra cái tủ đôi chứa đầy nhóc các hũ mật ong. Có lẽ lên đến hơn một trăm hũ.

“Trời,” tôi để cửa tủ mở và lùi lại. “Bộ mẹ bị bệnh cuồng mật ơng hả?”

Rosaleen lộ vẻ không hiểu, nhưng mẹ mỉm cười và đưa cho tôi một tách trà. “Ngồi xuống đó đi, mẹ sẽ bung bữa sáng đến cho cháu. Xơ Ignatius cho mật ơng đó,” mẹ mỉm cười. Thật không may tôi lỡ hớp một ngụm trà trong khi nghe mẹ nói, nên đã bị sặc vì phá lên cười. Trà phun cả ra mũi tôi. Arthur đưa khăn ăn cho tôi, và nhìn tôi với vẻ thích thú. “Mẹ quen một bà xơ tên Ignatius?” Tôi cười sằng sặc. “Tên hết như tên đàn ông vậy. Bà ấy chuyển giới sao?” Tôi lúc lắc đầu cười khúc khích.

“Chuyển giới ư?” Rosaleen hỏi, trán nhăn tít.

Tôi phá lên cười rồi nín lại lập tức khi nụ cười của mẹ bất ngờ tan biến, mẹ đóng cửa tủ bếp lại và đi ra bếp chuẩn bị bữa sáng cho tôi. Mẹ đặt một đĩa chất đầy thịt xông khói, xúc xích, trứng, đậu, bánh pudding và nấm giữa bàn. Tôi hy vọng bà xơ Ignatius của mẹ sẽ đến ăn sáng cùng tôi vì một mình tôi thì không đời nào ăn hết được chỗ thức ăn ư nụ này. Rồi mẹ lại biến mất, loay hoay làm gì đó sau lưng tôi, và quay lại với một đĩa bánh mì nướng cao ngất. “Ồ không, không cần đâu ạ, cháu không ăn chất bột,” tôi cố nói hết sức lịch sự.

“Chất bột?” Rosaleen hỏi.

“À, tinh bột ấy mà,” tôi giải thích. “Nó làm cháu béo ra.”

Arthur đặt tách trà lên đĩa và nhìn tôi từ bên dưới hàng lông mày rậm rạp.

“Arthur, cậu chẳng giống mẹ cháu chút nào.”

Rosaleen làm rơi một hũ mật ơng xuống sàn khiến tôi và Arthur giật bắn người và quay lại nhìn. Thật đáng ngạc nhiên là nó không bị bể. Rosaleen, với tốc độ tên lửa, tiếp tục đặt mứt, mật ơng và mứt cam cùng một đĩa bánh nướng trước mặt tôi.

“Cháu đang tuổi lớn, cần ăn nhiều chút.”

“Lúc này thì cháu chỉ muốn lớn chỗ này thôi,” tôi chỉ xuống bộ ngực cỡ 34B của mình, “Trừ phi cháu nhét đám bánh pudding đen trắng vào áo ngực, chứ bữa ăn sáng này chẳng đem lại tác dụng mà cháu mong muốn đâu.” Đến lượt Arthur sặc nước trà. Không muốn xúc phạm bọn họ thêm nữa, tôi lấy một lát thịt xông khói, một miếng xúc xích và một trái cà chua.

“Nào, ăn thêm đi,” Rosaleen nói, nhìn vào đĩa của tôi.

Tôi kinh hoàng nhìn sang Arthur.

“Đề từ từ nó mới ăn hết được,” Arthur nhẹ nhàng nói rồi đứng dậy với đồng đĩa trên tay.

“Ồ, cứ đề đó,” Rosaleen rồi rít quanh cậu khiến tôi cứ muốn lấy một cái vĩ đập ruồi để tấn công Rosaleen. “Anh đi làm đi.”

“Cậu Arthur, có ai làm việc trong lâu đài không cậu?”

“Cái đồng phế tích ấy hả?” Rosaleen hỏi.

“Tòa lâu đài,” tôi đáp lại, ngay lập tức cảm thấy phải bảo vệ nó. Nếu muốn bêu xấu, thà bắt đầu với mẹ còn có lý hơn. Mẹ rõ ràng là một phụ nữ đang tan nát nhưng đâu ai coi mẹ là phế tích? Mẹ vẫn là một người phụ nữ. Tòa lâu đài đã không còn như xưa, nhưng nó vẫn là một tòa lâu đài. Tôi không biết niềm tin này từ đâu mà tới, nhưng nó đã xuất hiện đêm qua, và tôi biết từ nay về sau, tôi sẽ không bao giờ gọi nó là phế tích.

“Cháu hỏi có việc gì?” Arthur hỏi, xỏ tay vào chiếc áo sơ mi tay dài rồi khoác thêm một chiếc áo gi lê chân bông.

“Cháu có đi vòng vòng quanh đó hôm qua, cháu nghĩ là cháu nhìn thấy cái gì đó. Không có gì quan trọng đâu,” tôi đáp nhanh rồi cầm đầu ăn, hy vọng họ sẽ không cấm tôi đi đến đó lần nữa. Nhớ tới cú ngã lần trước, tôi chợt hiểu ra lý do vì sao đầu mình lại nhức đến vậy. Cục u sau gáy tôi to đùng như quả trứng.

“Chắc là chuột thôi,” Rosaleen nói, nhìn sang Arthur.

“Tuyệt, giờ cháu thực sự cảm thấy tốt hơn rồi.” Tôi nhìn sang Arthur chờ cậu nói thêm nhưng cậu im lặng.

“Cháu không nên đi lang thang tới nơi đó một mình,” Rosaleen nói, đẩy đĩa thức ăn lại gần tôi.

“Tại sao?”

Chẳng ai lên tiếng.

“Được rồi,” tôi nói, lờ đi đĩa thức ăn. “Mọi chuyện đã rõ ràng. Đó là một con chuột khổng lồ, to bằng người thật. Vì vậy, nếu cháu không thể đến đó chơi, có việc gì khác để làm quanh đây không ạ?” tôi hỏi.

Im lặng. “Loại việc gì?” Rosaleen cuối cùng cũng lên tiếng, dường như e ngại điều gì đó.

“Loại cháu có thể làm đó. Quanh đây có gì không mợ? Cửa hàng? Cửa hiệu quần áo? Tiệm cà phê? Bất cứ thứ gì gần đây?”

“Thị trấn gần nhất cách chúng ta mười lăm phút,” Rosaleen đáp.

“Tuyệt. Ăn sáng xong cháu sẽ đi bộ tới đó. Để tiêu hóa hết đồng này,” tôi mỉm cười cắn một miếng xúc xích.

Rosaleen mỉm cười vui sướng, tay chống cằm nhìn tôi.

“Vậy phải đi đường nào mợ?” tôi hỏi, nuốt miếng xúc xích và mở to miệng ra để cho Rosaleen tha hồ kiểm tra.

“Đường nào là sao?” mợ cuối cùng cũng cắn câu, không nhìn chăm chăm tôi nữa.

“Thị trấn. Đi ra cửa, rồi cháu rẽ trái hay phải?”

“Ồ không, cháu không thể đi bộ được. Nó cách chỗ chúng ta mười lăm phút chạy xe hơi. Arthur sẽ lái xe chở cháu đi bất cứ nơi nào cháu cần.

Cháu muốn đi đâu nào?”

“À, cháu chưa biết, cháu chỉ muốn nhìn ngó quanh quần thôi.”

“Arthur sẽ chở cháu đi và đón cháu về.”

“Cháu định ở đó bao lâu?” Arthur vừa hỏi vừa kéo khóa chiếc gi lê lên.

“Cháu không biết,” tôi trả lời, hết nhìn Rosaleen lại quay qua Arthur, cảm thấy bực bội.

“Hai mươi phút? Một giờ? Nếu cháu chỉ ở đó một lát thì cậu Arthur có thể chờ cháu,” Rosaleen nói thêm.

“Cháu không biết mình sẽ ở đó bao lâu. Làm sao cháu biết được chứ? Cháu không biết ở thị trấn có cái gì, hoặc cháu có thể làm những gì ở đó.”

Họ nhìn tôi vẻ mờ mịt không hiểu.

“Cháu sẽ đi xe buýt hoặc một thứ gì đó tương tự để xong việc thì về.”

Rosaleen nhìn Arthur vẻ lo lắng. “Tuyến đường này không có xe buýt.”

“Cái gì?” tôi há hốc miệng. “Vậy cậu mợ đi lại bằng gì?”

“Lái xe,” Arthur trả lời.

“Nhưng cháu không biết lái xe.”

“Arthur sẽ đưa đón cháu,” Rosaleen lặp lại. “Hoặc cậu ấy sẽ đi mua bất kỳ thứ gì mà cháu cần. Cháu định mua gì không? Arthur sẽ mua giúp cháu, phải không Arthur?”

Arthur hít mũi rột rột.

“Cháu cần thứ gì?” Rosaleen hỏi, nghiêng mình về phía trước vẻ hăm hở.

“Băng vệ sinh,” tôi buột miệng, cảm thấy tuyệt vọng cực điểm.

Tôi chỉ không biết tại sao tôi lại nói như vậy.

À, thực ra thì tôi có biết. Bởi bọn họ đều làm tôi phiền lòng. Tôi đã quen thói tự do ở nhà, ba mẹ tôi cũng không phải là thẩm phán của Tòa án địa giáo Tây Ban Nha. Tôi quen thói đi đâu tùy thích, bất kỳ lúc nào, bao lâu tùy thích. Ngay cả ba mẹ tôi cũng chưa bao giờ hỏi tôi lắm thế.

Bọn họ im phăng phắc.

Tôi nhét thêm một miếng xúc xích vào miệng.

Rosaleen mân mê tấm khăn lót bánh nướng. Arthur nháp nhồm đứng gần cửa, chờ đợi xem mình có phải đi mua băng vệ sinh hay không. Tôi cảm thấy mình có nghĩa vụ làm dịu bầu không khí.

“Không cần thiết đâu,” tôi bình tĩnh lại một chút. “Hôm nay cháu sẽ đi dạo vòng quanh nhà. Có lẽ mai cháu mới lên thị trấn.” Có gì đó để mong chờ.

“VẬY anh đi đây,” Arthur gật đầu với Rosaleen.

Rosaleen nhảy ra khỏi ghế như bị một ngón tay chọc thẳng vào mông. “Nhớ đem theo phích nước,” mẹ tắt bếp trong bếp cứ như là có bom hẹn giờ. “Đây này,” mẹ đưa cho Arthur một chiếc bình thủy và một hộp thức ăn trưa.

Tôi bất giác mỉm cười khi nhìn thấy cảnh đó. Rosaleen cư xử với Arthur cứ như thể Arthur là một đứa nhóc chuẩn bị đi học vậy, lẽ ra tôi phải thấy kỳ lạ, nhưng không, tôi lại thấy nó rất dễ thương,

“Cậu có muốn bỏ thêm mấy thứ này vào hộp đồ ăn không?” tôi hỏi, chỉ tay vào đĩa đồ ăn trước mặt. “Không đời nào cháu ăn nổi chỗ này.”

Tôi nói vậy với ý tốt. Ý tôi là tôi không thể ăn được vì số lượng đồ ăn qua nhiều chứ không phải vì chúng quá dở, nhưng dường như tôi đã diễn

đạt sai. Hoặc là tôi đã diễn đạt đúng, nhưng bị hiểu sai. Tôi cũng không biết nữa. Dù sao thì tôi cũng không muốn lãng phí thức ăn. Tôi muốn chia sẻ chúng với hộp đồ ăn trưa xinh xắn của Arthur, nhưng câu nói của tôi chẳng khác gì một cú đấm nữa vào bụng Rosaleen.

“Ừ được đó, cậu cũng muốn ăn thêm một chút,” Arthur lên tiếng, tôi cảm thấy cậu nói như vậy chẳng qua là để làm cho Rosaleen vui thôi.

Gò má Rosaleen ửng hồng trong khi mợ lục lợi ngăn kéo tìm một hộp nhựa khác.

“Bữa ăn thực sự rất tuyệt, Rosaleen à, thực đấy, nhưng cháu thường không ăn nhiều như thế này vào bữa sáng đâu.” Tôi không thể tin nổi chỉ một bữa sáng thôi mà cũng gây ra lắm chuyện đến thế.

“Đương nhiên, đương nhiên,” mợ gật đầu lia lịa như là mợ thật ngu ngốc mới không biết trước chuyện này. Mợ gom đông đồ ăn bỏ vào hộp nhựa nhỏ. Và sau đó Arthur ra khỏi nhà.

Trong khi tôi ngồi bên bàn cố gắng nhai ba ngàn lát bánh mì nướng, chúng nhiều đến mức có thể dùng để xây dựng lại tòa lâu đài, Rosaleen bung khay ăn từ phòng mẹ đi xuống. Đồ ăn y nguyên không hề được động tới. Đầu cúi gằm, Rosaleen bung khay đến thẳng thùng rác và bắt đầu đổ vào một cái túi. Sau chuyện xảy ra vừa nãy, tôi biết mợ đang bị tổn thương.

“Mẹ con cháu không ăn nhiều vào buổi sáng,” tôi giải thích nhẹ nhàng hết mức. “Mẹ thường chỉ dùng một thời đồ ăn sáng và một ly cà phê thôi.”

Rosaleen thẳng người lên và quay phắt lại, hào hứng khi nghe nhắc đến thức ăn. “Một thời đồ ăn sáng?”

“Mợ biết đấy, một thời ngũ cốc trộn nho khô và sữa chua và những thứ tương tự.”

“Như thế này à?” Mợ chỉ cho tôi một bát ngũ cốc và nho khô và một chén sữa chua.

“Vâng, nhưng... được nén thành thỏi.”

“Nhưng có gì khác nhau chứ?”

“À, ta có thể cắn thỏi đồ ăn.”

Rosaleen cau mày.

“Ăn nhanh hơn. Mợ có thể vừa đi vừa ăn,” tôi cố gắng giải thích thêm. “Trong khi mợ lái xe đi làm hoặc chạy bộ, mợ hiểu chứ?”

“Nhưng bữa ăn sáng gì mà kỳ cục vậy? Một thỏi đồ ăn ăn trong xe hơi?”

Khó khăn lắm tôi mới không phá lên cười. “Nó giúp, à, mợ biết đấy... tiết kiệm thời gian vào buổi sáng.”

Mợ nhìn tôi như thể tôi có mười cái đầu, sau đó lặng yên đi dọn dẹp nhà bếp.

“Mợ nghĩ gì về mẹ?” tôi hỏi sau một khoảng im lặng dài.

Rosaleen vẫn tiếp tục lau bàn, quay lưng lại với tôi.

“Rosaleen? Mợ nghĩ gì về cách cư xử của mẹ cháu?”

“Mẹ cháu đang đau buồn, bé con,” mợ đáp nhanh.

“Cháu không nghĩ người ta đau buồn kiểu ấy, mợ có đồng ý không? Kiểu cứ nghĩ có voi trong phòng ấy?”

“À, mẹ cháu không nghe rõ cháu nói gì,” mợ nói bỏ ai tin. “Tâm trí mẹ cháu đang ở nơi nào khác.”

“Đang ở vùng đất điên khùng thì có,” tôi lầm bầm.

Bởi vì mọi người cứ ném từ “đau buồn” vào mặt tôi, như thể tôi vừa chào đời ngày hôm qua và không biết rằng việc mất một người bạn đời cận kề bên mình suốt hai mươi năm trời là khó khăn lắm vậy, từ ngày ba mất, tôi đã đọc rất nhiều sách nói về nỗi đau. Tôi đã học được rằng đau buồn không có chuẩn mực nào cả, không có đúng cũng không có sai, sách nói như vậy. Tôi không biết mình có đồng ý với điều đó không. Tôi cho rằng cách đau buồn của mẹ là sai lầm. Từ “đau buồn” bắt nguồn từ một từ tiếng Pháp cổ *grève* có nghĩa là gánh nặng. Ý muốn nói là đau buồn khiến bạn trĩu xuống bởi nỗi buồn thương và đủ loại cảm xúc khác. Tôi cảm thấy như vậy; nặng nề hơn, như thể tôi phải kéo lê thân xác, tất cả mọi việc đều phải nỗ lực, mọi thứ đều tôi tăm và ngớ ngẩn, như thể đầu tôi được nhét đầy những ý nghĩ mà tôi chưa từng có trước đây, luôn luôn suy nghĩ khiến đầu tôi đau như búa bổ. Nhưng còn mẹ? Mẹ có vẻ nhẹ nhàng hơn. Đau buồn dường như không đè nặng lên mẹ, thay vào đó, nó làm mẹ như đang bay đi. Cũng giống như mẹ đang lơ lửng giữa không trung mà không ai quan tâm hay để ý đến, chỉ mình tôi đứng bên dưới mẹ, ở ngay mắt cá chân của mẹ, cố gắng kéo mẹ xuống.

Chương 6: Xe buýt chở sách

Phòng bếp đã được dọn dẹp và lau rửa sạch sẽ; không có chỗ nào chưa được chùi đến bóng loáng, và tôi là thứ duy nhất chưa được cất lên kệ.

Tôi chưa bao giờ thấy người phụ nữ nào lại lau chùi với tinh thần phần chân và quả quyết như thế, cứ như cả cuộc đời mình phụ thuộc vào việc dọn dẹp vậy. Rosaleen xắn tay áo, mồ hôi nhễ nhại, bóp tay rắn chắc đến kinh ngạc, mớ cặm cùi lau chùi, xóa sạch mọi dấu vết của sự sống từng tồn tại trong căn bếp. Thế là tôi ngồi đó say sưa quan sát mợ, không khỏi cảm thấy có chút thương hại bề trên trước công việc lau chùi đánh bóng hùng hục mà chẳng cần thiết tí nào.

Mợ ra khỏi nhà mang theo một lô bánh mì màu nâu vừa nướng, mùi bánh thơm ngào ngạt khiến khứu giác và cái bao tử đã đầy căng của tôi sượng mê tơi. Tôi theo dõi mợ từ cửa sổ phòng khách đằng trước, mợ rảo bước băng qua đường, xăm xăm đi chẳng chút nữ tính tới thẳng đến căn nhà gỗ một tầng. Tôi đứng đợi bên cửa sổ, tò mò muốn xem ai sẽ mở cửa, nhưng mợ đã đi vòng ra đằng sau làm tôi mất hết cả hứng.

Nhân cơ hội đó, tôi đi lang thang tham quan căn nhà mà không bị Rosaleen tò tò đi theo và giải thích lịch sử đằng sau tất cả mọi thứ mà mắt tôi lướt qua, mợ đã hành hạ tôi suốt cả buổi sáng nay như thế đó.

“Ồ, đó là tủ buýp phê. Gỗ sồi đấy. Một cây sồi bị bật gốc vào một mùa đông nọ, sấm sét ầm ầm, bọn mợ mất điện mấy ngày trời. Arthur không thể làm gì, mợ muốn nói tới cây sồi ấy, chứ không phải chuyện mất điện, về sau lại có điện.” Cười khúc khích. “Câu làm cái tủ buýp phê này từ cây sồi đó. Để chứa đồ thì tuyệt vời. Mary, nhà ở bưu điện cuối đường, cháu sẽ sớm gặp cô ấy thôi, mê tí nó nên nhờ Arthur làm cho một cái. Chị gái của cô ấy ở Carlow có lẽ giờ cũng cần một cái.”

“Cơ hội làm ăn tốt cho cậu Arthur,” tôi mỉm cười.

“Ồ không,” Rosaleen nhìn tôi như thể tôi báng bổ thánh thần. “Đó là sở thích của Arthur thôi. Và ông ấy muốn giúp đỡ Mary. Đương nhiên ông ấy sẽ không tính tiền. Đây không phải trò moi tiền.”

“Không phải moi tiền, đó là một công việc làm ăn. Làm thế chẳng có gì sai cả,” tôi giải thích. “Thật vui khi người ta thích tác phẩm của Arthur nhưng điều đó không có nghĩa là cậu ấy nên làm miễn phí cho bất kỳ ai. Cháu chắc rằng Mary cũng thích tủ buýp phê ở cửa hàng Ikea nhưng cô ấy sẽ không đòi một cái tủ miễn phí trong đó phải không ạ?”

Rosaleen tắc lưỡi tỏ vẻ không tán thành. Nghe những lời mình thốt ra, tôi cảm thấy mình nói chuyện y hệt như ba. Dẫu tôi luôn ghét tính cách coi mọi thứ là cơ hội làm ăn của ông, trong lòng tôi chợt thấy âm ập. Hồi còn nhỏ, khi tôi đem tranh vẽ từ trường về, ba nghĩ ngay rằng tôi có thể là một họa sĩ, nhưng chỉ là loại họa sĩ có tác phẩm đáng giá triệu đô. Nếu tôi hăng máu tranh cãi, tôi đột nhiên biến thành một luật sư tiềm năng, nhưng chỉ là loại luật sư đòi hỏi lương mấy trăm đô một giờ. Tôi có giọng hát tốt và đột nhiên tôi nên đi thu âm ở studio của bạn ba và sẽ trở thành một phát hiện mới của ngành giải trí. Ba không làm thế với riêng tôi, ba cư xử như vậy với mọi thứ xung quanh. Đối với ba, cuộc đời đầy ắp những cơ hội, tôi không cho đó là điều xấu nhưng tôi nghĩ ba muốn chiếm hữu tất cả vì những lí do sai lầm. Ba không đam mê nghệ thuật, ông cũng không quan tâm đến chuyện giúp đỡ người dân của giới luật sư, ông thậm chí không quan tâm đến giọng hát của tôi. Tất cả chỉ nhằm để kiếm thêm tiền. Và vì vậy, tôi cho rằng chính việc mất sạch tiền đã giết chết ba. Thuốc và rượu whisky chỉ là những cây đinh đóng thêm vào cỗ quan tài.

“Cháu đang nhìn bức ảnh đó hả?” Rosaleen tiếp tục lái nhai trong lúc tôi liếc mắt nhìn quanh phòng. “Bức ảnh đó do Marjorie chụp vào lễ kiên tín của Fionn, con trai cô ấy. Cô ấy sống cách đây một dặm. Đó là một ngày tuyệt vời. Cô ấy làm món thịt cừu hầm ngon tuyệt. Cháu sẽ sớm được nếm thử thôi.”

Và mợ tiếp tục lái nhai không ngừng.

“Mợ thấy cháu đang nhìn mấy tấm màn cửa, chúng cần giặt chút cho sạch. Mai mợ sẽ tháo xuống giặt. Mợ mua vải của một bà bán rong. Mợ ít khi mua như vậy nhưng bà ta là người nước ngoài, không rành tiếng Anh, không có nhiều tiền và chỉ có đồng vải này. Mợ thích họa tiết của chúng. Mợ nghĩ nó hợp với cái gối kia, cháu thấy sao? Loại vải này mợ còn rất nhiều trong ga ra đằng sau.” Khi tôi nhìn về hướng ga ra, mợ lại nói tiếp:

“Arthur đích thân xây đây. Lúc mợ chuyển tới đây thì chưa có ga ra.”

Câu nói đó làm tôi cảm thấy lạ. *Lúc mợ chuyển đến đây.* “Trước ai sống ở đây vậy mợ?”

Rosaleen nhìn tôi với đôi mắt mở to kỳ lạ, đôi mắt dành riêng để theo dõi lúc tôi ăn. Mợ không đáp. Mợ cứ hay như vậy, vào những lúc bất ngờ nhất. Làm đứt quãng các cuộc nói chuyện của chúng tôi bằng nét mặt hoặc những khoảng dừng thật lâu, cứ như não của mợ mất tín hiệu vậy.

Mợ làm tôi ớn lạnh đến mức phải nhìn đi chỗ khác. Hình như tôi nhìn xuống tấm thảm mà ai đó đã tặng cho mợ vào một dịp gì đó, tôi không nghe rõ nữa... Nhưng sáng hôm đó, chỉ có một mình và không bị những lời làm nhảm chán phèo của mợ quấy rối suy nghĩ, tôi cuối cùng cũng có thể ngắm nghía căn nhà đúng cách tôi muốn.

Căn phòng khách có vẻ ảm cúng, tôi chắc vậy, nếu nó không mang một thoáng cổ xưa. À, phải nói là nó mang đậm nét cổ xưa, không giống như nhà của tôi, à, nhà cũ của tôi, nơi mọi thứ đều hiện đại và sạch sẽ, đường nét nổi bật và cân xứng, căn phòng khách này bày biện mọi thứ lung tung cả lên. Cách trang trí không phù hợp, ghế trường kỷ, đồ bài trí ngô nghĩnh, chân bàn chân ghế khẳng khiu, phía dưới xòe ra như móng thú, hai chiếc trường kỷ bọc vải lót hoàn toàn khác nhau: một màu xanh dương có hoa văn màu ngà, chiếc còn lại trong như mèo mửa, bàn cà phê được dùng như bàn cờ vua. Sàn nhà có cảm giác như không bằng phẳng, dốc từ lò sưởi

đến kệ sách, khiến tôi cảm thấy hơi say sóng. Khu vực màu mè nhất là chung quanh lò sưởi; một cái lò sưởi kiểu mở làm tôi rung mình với những dụng cụ quái dị như bước ra từ phòng tra tấn thời Trung cổ, que cời lửa bằng sắt rèn đầu thú, xẻng xúc than đủ cỡ, một ống thổi lửa kiểu cổ, một tấm chắn lửa bằng gang đen có in hình con gì đó phía trước. Tôi quay lưng lại lò sưởi và tập trung vào tủ sách nằm dọc theo tường, cao từ sàn đến tận trần nhà, cùng với một chiếc thang đặt kế bên. Nó được chất đầy sách vở, ảnh, hộp thiếc, hộp lưu trữ và mấy thứ nữ trang vô dụng. Đa số sách là sách làm vườn, nấu ăn, chủ đề rất hẹp không phải gu của tôi. Cũ mèm và mòn gáy, một số đã bị rách toang, một số mất bìa, giấy vàng khè và một số đã bị nước làm hỏng, nhưng tuyệt không thấy một hạt bụi nào. Có một cuốn sách rất lớn màu đỏ trông rất cổ xưa, giấy màu đen lem nhem mực đỏ. Đó là *Tập 2 Đăng kiểm tàu biển giai đoạn 1919-1920 của Lloyd*. Bên trong là hàng trăm trang sách ghi chép các loại tàu thuyền sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái, ghi rõ trọng tải, sức chở hàng và lượng nhiên liệu cố định. Tôi ấn nó vào chỗ cũ và chùi tay vào áo, không muốn bị thứ vi khuẩn hồi năm 1919 nhiễm vào người. Một cuốn sách khác nói về các tín ngưỡng trên thế giới, trên bìa là một biểu tượng thập tự giá màu vàng in nổi cùng một con rắn quấn xung quanh. Bên cạnh nó là một cuốn sách nấu ăn Hy Lạp, tôi ngờ rằng không có chỗ cho món bánh mì *souvlaki* trong bếp của Rosaleen. Cuốn sách tiếp theo là *Toàn thư về Ngựa*, dẫu nó rõ ràng không phải là toàn thư vì có đến mười hai cuốn khác giống như vậy.

Tôi chỉ mới đọc chương đầu cuốn sách Fiona đưa cho trong tang lễ của ba, đó là lần đọc nhiều nhất của tôi suốt cả năm trời. Do đó, những cuốn sách chất đầy trên kệ không khiến tôi lưu tâm mấy. Tôi chỉ quan tâm đến quyển album ảnh để kế bên thôi. Nó nằm trong khu vực sách cỡ lớn, kế bên mấy cuốn từ điển, bách khoa toàn thư, sách bản đồ thế giới và những thứ tương tự. Một quyển album kiểu xưa, trông như một cuốn sách, hoặc ít nhất là gáy của nó trông như gáy sách. Nó có bìa nhung đỏ với khung vàng rập nổi, tôi lấy nó ra và lướt ngón tay lên mặt trước, ngón tay của tôi để lại một vết đen sẫm trên lớp vải nhung. Tôi cuộn mình trên chiếc ghế bành bọc da,

nôn nóng được chìm đắm vào trong ký ức của một người khác. Tôi vừa mở trang đầu tiên thì chuông cửa reo vang, tiếng chuông ngân dài và gay gắt, phá vỡ sự im lặng, khiến cho tôi giật mình nhảy dựng.

Tôi đợi, gần như hy vọng Rosaleen sẽ học tôi chạy băng qua đường với chiếc váy lờ xòe xắn lên tới đùi, để lộ ra gân khoeo căng cứng đến mức Jimmi Hendrix^[1] có thể chơi đàn trên chúng được. Nhưng không thấy mợ đâu. Thay vào đó là sự im lặng. Mẹ tôi ở trên lầu cũng chẳng thêm động đậy. Chuông cửa lại reo lần nữa, vì vậy tôi đặt quyển album ảnh xuống bàn rồi đi ra cửa trước, khi tôi làm như vậy, ngôi nhà có cảm giác gần gũi hơn.

[1] Nghệ sĩ ghi ta, ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ gốc Phi, được đánh giá là một trong những nghệ sĩ âm nhạc có ảnh hưởng nhất trong lịch sử nhạc *rock and roll*.

Qua lớp cửa kiếng mờ, tôi có thể thấy đó là một người đàn ông. Khi mở cửa ra, tôi thấy đó là một chàng trai tuyệt đẹp. Hai mươi tuổi đầu, tôi đoán vậy. Tóc nâu sẫm, xịt keo thẳng đứng, hệt như cái cổ áo thun của anh ta vậy. Anh ta trông giống một cầu thủ chơi bóng bầu dục. Anh ta đưa mắt nhìn tôi từ trên xuống dưới, rồi mỉm cười.

“Xin chào,” tôi nói, cong lưng tựa người vào cánh cửa.

“Ngài Ignatius?” anh hỏi.

Tôi mỉm cười: “Không phải tôi.”

“Có ngài Ignatius Power trong căn nhà này không?”

“Hiện giờ thì không, ông ấy đi săn cáo với Công tước Casper rồi.”

Mắt anh nheo lại, vẻ nghi ngờ. “Khi nào ông ấy mới trở lại?”

“Sau khi bắt được cáo, tôi chắc vậy.”

“Hừm,” anh chậm rãi gật đầu nhìn quanh. “Đám cáo quanh đây có nhanh chân không?”

“Anh rõ ràng không phải người khu này rồi. Người ở đây ai cũng rành đám cáo ấy cả.”

“Hừm. Quả thật tôi không phải người vùng này.”

Tôi mím môi, cố không mỉm cười.

“Vậy là ông ấy có thể còn lâu mới về,” anh mỉm cười, cảm thấy tôi đang trêu chọc anh.

“Có thể là khá lâu đấy.”

“Tôi hiểu rồi.”

Anh dựa vào cây cột trước hiên nhà và nhìn chăm chăm vào tôi.

“Gì vậy,” tôi nói về phòng thủ, cảm thấy mình như đang tan chảy dưới cái nhìn của anh.

“Nói nghiêm túc đi.”

“Nghiêm túc gì cơ?”

“Ông ấy có sống ở đâu đó quanh đây không?”

“Chắc chắn không phải ở đằng sau cánh cửa này rồi.”

“Thế em là ai?”

“Một cô gái nhà Goodwin.”

“Anh biết em thắng tốt rồi, nhưng tên em là gì?”

Tôi cố gắng không cười nhưng không nhịn được nữa.

“Sến chảy nước, anh biết, xin lỗi em,” anh ta xin lỗi một cách chân thành, rồi lần dò hồ sơ của mình về bối rối, tay gãi gãi đầu khiến cho mái tóc trở nên rối bù.

Tôi nhìn qua vai anh ta thì thấy một chiếc xe buýt màu trắng, bên hông có dán chữ *Thư viện lưu động*.

Anh ta cuối cùng cũng ngẩng lên khỏi xấp hồ sơ. “Được rồi, rõ ràng là anh đã lạc đường. Nhà Goodwin không có trong danh sách này.”

“Ồ, ngôi nhà này không đứng tên dòng họ Goodwin đâu.” Byrne là họ thời con gái của mẹ tôi và là họ của Arthur, ngôi nhà này chắc sẽ đăng ký theo họ Byrne. Arthur và Rosaleen Byrne. Jennifer Byrne, nghe chẳng thuận tai chút nào. Rõ ràng là mẹ tôi phải mang họ Goodwin mới hợp.

“Vậy đây là gia trang Kilsaney phải không?” anh hỏi giọng hy vọng, ngẩng đầu lên khỏi xấp hồ sơ.

“À, nhà Kilsaney ấy à,” tôi nói, và anh nhẹ nhõm ra mặt. “Họ ở ngôi nhà kế tiếp bên trái, bên kia rặng cây này,” tôi mỉm cười.

“Tuyệt vời, cảm ơn em, anh chưa đến đây lần nào. Anh trễ một giờ rồi, gia đình Kilsaney là người thế nào?” anh nhăn mũi. “Liệu họ có cho anh một trận hay không?”

Tôi nhún vai. “Họ ít nói. Đừng lo quá, họ yêu sách lắm.”

“Tốt. Em có muốn anh ghé lại đây lúc quay trở lại để em nhìn qua đám sách không?”

“Chắc chắn rồi.”

Tôi đóng cửa lại và phá lên cười. Tôi hồi hộp đợi anh ta quay trở lại, tôi và bao tử tôi cuộn lại, náo nức như một đứa trẻ đang chơi trốn tìm vậy. Tôi đã không cảm thấy như thế này ít nhất một tháng nay rồi, có thứ gì đó lại được mở ra trong tôi. Chưa đầy một phút sau, tôi nghe tiếng xe buýt quay trở lại. Nó dừng lại bên ngoài căn nhà và tôi mở cửa. Anh ta trèo ra khỏi xe buýt, miệng cười toe toét. Khi nhìn lên, anh bắt gặp ánh mắt tôi và lắc đầu.

“Gia đình Kilsaney không có nhà sao?” tôi hỏi.

Anh cười, bước về phía tôi, ơn trời anh không tức giận mà chỉ thấy thích thú. “Họ quyết định không lấy bất kỳ cuốn sách nào, vì dường như, kệ sách của bọn họ đã biến mất cùng với nguyên tầng hai, hầu hết các bức tường và cả mái nhà.”

Tôi cười khúc khích.

“Rất buồn cười, thưa cô Goodwin.”

“Xin hãy gọi là bà Goodwin, cảm ơn trước.”

“Anh là Marcus,” anh giơ tay ra và chúng tôi bắt tay nhau.

“Tamara.”

“Tên đẹp lắm,” anh dịu dàng nói. Anh ngả người dựa vào cây cột bằng gỗ dưới mái hiên. “Nói thật đi, em có biết Ngài Ignatius Power của dòng nữ tu sống ở đâu không?”

“Từ từ, để tôi xem nào,” tôi chớp lấy cuốn hồ sơ từ tay anh ta. “Đó không phải là ngài. Mà là xơ, x-ơ,” tôi nói chậm rãi. “Đồ ngổ tào,” tôi dùng cuốn hồ sơ gõ lên đầu anh ta. “Ông ấy là một bà xơ.” Dù sao thì cũng không phải là một người chuyên giới.

“Ồ,” anh phá lên cười và tóm lấy cuốn hồ sơ. Tôi giữ chặt không buông. Anh kéo mạnh hơn và tôi bị lôi ra ngoài hàng hiên. Ở gần như vậy trông anh càng đáng yêu. “Đó là em chẳng, xơ?” anh hỏi. “Em nhận được lời kêu gọi của đảng Tối cao rồi à?”

“Lời kêu gọi duy nhất mà tôi nhận được là gọi đi ăn tối.”

Anh cười. “Vậy đó là ai?”

Tôi nhún vai.

“Em cố ý làm cho tôi lạc lối, phải không?”

“À, tôi chỉ mới tới đây hôm qua vì vậy tôi cũng lạc lối như anh thôi.” Tôi nói mà không mỉm cười, và anh cũng không mỉm cười khi nghe tôi nói. Anh đã hiểu.

“À, tôi thực sự mong điều đó không xảy ra với em.” Anh nhìn căn nhà. “Em sống ở đây à?”

Tôi nhún vai.

“Em thậm chí không biết nơi em *sống* ư?”

“Anh là một người đàn ông lạ mặt đi khắp nơi với một chiếc xe buýt đầy sách. Anh nghĩ rằng tôi sẽ cho anh biết nơi tôi sống sao? Tôi đã nghe nói về loại người các anh rồi,” tôi nói, bước ra khỏi nhà và thẳng tiến về phía xe buýt.

“Ồ thế hả?” anh đi theo tôi.

“Có một thằng cha tương tự như anh chuyên dùng kẹo mút dụ dỗ trẻ em vào xe buýt của mình, rồi khi chúng đã vào bên trong, hắn bèn nhốt chúng lại rồi lái xe đi.”

“Ồ thế hả, tôi cũng có nghe nói về thằng cha đó,” anh nói, mắt sáng lên. “Tóc đen dài, nhờn mỡ, mũi lớn, da tái, nhảy chồm chồm trong chiếc quần bó và ca hát om sòm. Mê thích mấy hộp đồ chơi nữa, phải không?”

“Chính hắn. Bạn anh hả?”

“Đây này,” anh thò tay vào túi áo, lôi ra một chiếc thẻ. “Em nói đúng, lẽ ra anh nên cho em xem cái này ngay từ đầu. Đây là thư viện công cộng, hợp pháp trăm phần trăm. Của Chính phủ. Vì vậy, anh hứa là sẽ không nhốt em vào trong đâu.”

Trừ khi tôi yêu cầu anh ta. Tôi xem xét thẻ chứng minh. “Marcus Sandhurst.”

“Anh đó. Muốn nhìn xem mấy cuốn sách không?” anh chìa tay về phía chiếc xe buýt. “Xe ngựa của em đang chờ kia.” Tôi nhìn quanh, chẳng có bóng người nào, kể cả mẹ. Căn nhà gỗ một tầng vẫn im lìm như mọi khi. Không có gì để mất, tôi leo lên trên, trong lúc tôi leo, Marcus reo lên, “Tóm được rồi,” bằng giọng nói của tên bắt cóc trẻ em rồi phá lên cười khàn khặc. Tôi cười và bước vào trong. Bên trong, hàng trăm cuốn sách được xếp dọc hai bên thùng xe; theo thứ tự bảng chữ cái, chia thành nhiều danh mục khác nhau. Tôi lướt ngón tay dọc theo chồng sách, không thực sự đọc, và thoáng cảnh giác khi ở trong xe buýt với một người đàn ông lạ. Tôi nghĩ Marcus cũng cảm nhận được điều này bởi vì anh cố ý lùi lại cách tôi vài bước, cho tôi có không gian, và đứng ngay bên cánh cửa mở rộng.

“Vây cuốn sách ưa thích của anh là gì?” tôi hỏi.

“À... *Mặt sẹo*.”

“Đó là một bộ phim.”

“Dựa trên một cuốn sách,” anh nói.

“Không, không phải. Cuốn sách ưa thích của anh là gì?”

“*Coldplay*,” anh trả lời. “Hay là pizza gì đó, anh không biết nữa.”

“Được rồi,” tôi cười. “Vây là anh không đọc sách.”

“Không hề,” anh ngồi lên bậc cửa. “Nhưng anh hy vọng rằng trải nghiệm này sẽ giúp anh thay đổi một cách tích cực, và anh sẽ trở thành một độc giả say mê.” Anh kéo dài giọng về chán chường và không có sức thuyết phục, cứ như lặp lại lời giảng đạo vậy.

Tôi quan sát anh. “Vây chuyện gì đã xảy ra, cha yêu dấu nhờ bạn bè cho anh một việc làm hả?”

Hàm của anh bạnh ra, anh im lặng hồi lâu và tôi cảm thấy mình thực xấu xa, lẽ ra tôi không nên thọc mách như vậy. Tôi thậm chí không biết tại sao mình lại nói câu đó nữa. Tôi thậm chí không biết câu nói đó bắt nguồn

từ đâu. Tôi chỉ cảm thấy rất lạ, nhất định là tôi đã tiến rất gần đến sự thật. Tôi nghĩ có lẽ tôi nhận ra một phần của tôi trong anh.

“Xin lỗi, thật không nên đùa như vậy,” tôi xin lỗi. “Vậy anh làm cái gì đây,” tôi cố gắng phá vỡ bầu không khí căng thẳng. “Anh đi tới tận nhà người ta giao sách?”

“Nguyên tắc hoạt động giống như một thư viện vậy,” anh đáp, vẫn còn một chút hờn mát với tôi. “Người ta gia nhập, nhận được thẻ hội viên, và được phép mượn sách. Anh đi đến các thị trấn không có thư viện.”

“Hoặc bóng người,” tôi nói, và anh cười.

“Em cảm thấy sống ở đây quá khó khăn sao, cô gái thị thành?”

Tôi lờ đi câu hỏi đó mà tiếp tục xem xét mấy quyển sách.

“Anh biết ở đây người ta sẽ thích cái gì hơn những đồng sách này không?”

Anh mỉm cười chờ đợi.

“Không phải cái đó,” tôi cười. “Anh có thể kiếm bọn tiền từ chiếc xe buýt này nếu anh tống hết số sách này đi.”

“Hà! Thật là có ý thức bảo tồn văn hóa đấy,” anh nói.

“À, quanh đây không có dịch vụ xe buýt công cộng. Thị trấn cách đây mười lăm phút lái xe, thử hỏi người ta đi lại bằng cách nào chứ?”

“Ồ... câu hỏi của em cũng là câu trả lời còn gì.”

“Đúng, nhưng tôi không lái xe vì tôi...” tôi ngừng lại, và anh mỉm cười, “bởi vì tôi *không thể* lái xe,” tôi nói nốt câu.

“Gì cơ? Em muốn nói là ba em chưa mua cho em một chiếc Cooper Mini màu hồng sao? Thật chẳng hợp thời tí nào,” anh bắt chước giọng của tôi.

“Trúng bon.”

“Được rồi,” anh hăng hái nhảy từ bàn xuống. “Bây giờ anh phải đến đó. Vậy chúng ta hãy đi đến thị trấn ma thuật diệu kỳ mà không có đôi chân phàm nhân nào đến được đi.”

Tôi cười khúc khích. “Được thôi.”

“Em không cần xin phép ai à? Anh không muốn bị nghi ngờ là bắt cóc trẻ em đâu.”

“Tôi có thể không phải *người biết lái xe* nhưng tôi không phải một đứa nhóc đâu đấy.” Tôi nhìn chăm chăm về phía căn nhà gỗ một tầng, Rosaleen đã đi khá lâu.

“Em chắc chứ?” anh hỏi, nhìn xung quanh. “Cứ báo với ai đó đi.”

Anh có vẻ lo lắng và chỉ vì thế, tôi rút điện thoại ra gọi vào số di động của mẹ, dẫu tôi biết mẹ chưa hề động đến nó suốt một tháng trời nay. Tôi để lại tin nhắn vào hộp thư thoại.

“Mẹ ơi, con nè. Con đang ở bên ngoài nhà trong một xe buýt đầy nhóc sách và một chàng trai đáng yêu sẽ lái xe chở con đến thị trấn. Con sẽ trở lại trong vòng vài giờ. Trong trường hợp con không quay lại, tên chàng ta là Marcus Sandhurst, cao khoảng mét tám, tóc đen, mắt xanh lơ. Có hình xăm gì không?” tôi hỏi.

Anh ta kéo áo lên. Ô la la, anh chàng vạm vỡ thật.

“Anh ấy có xăm một chữ thập Celtic chỗ bụng dưới, ngực không có lông và cười khá ngớ ngẩn. Anh ấy thích *Mặt sẹo*, *Coldplay* và pizza, đang hy vọng sẽ kinh doanh sách phát đạt. Hẹn gặp lại mẹ lát nữa.”

Tôi cúp máy và anh ta cười rộ. “Em biết rõ anh hơn hầu hết mọi người đấy.”

“Hãy đi khỏi đây thôi,” tôi nói.

“Có phải lúc nào em cũng ngỗ nghịch như vậy không?” anh hỏi.

“Luôn luôn,” tôi trả lời, và leo lên ghế hành khách, chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu ra khỏi lãnh địa Kilsaney của tôi.

Chương 7: Tôi muốn

Trước khi đến thị trấn, tôi có một cuộc nói chuyện dễ chịu với Marcus suốt mười hai phút liền mà chẳng có lấy một giây ngưng ngáp. Chỉ có điều “thị trấn” hoàn toàn không được như tôi mong đợi. Ngay cả khi sự mong đợi của tôi đã hạ thấp đến mức kỷ lục, nó thậm chí còn tệ hơn thế rất nhiều. Đó là một thị trấn bé tí như tàu ngựa, mà chẳng có con ngựa nào trong tầm mắt. Một nhà thờ. Một nghĩa trang. Hai quán rượu. Một cửa hàng bán cá và khoai tây chiên. Một trạm xăng với một quầy báo. Một cửa hàng đồ gia dụng. Chấm hết.

Chắc hẳn tôi đã rên rỉ ghê gớm lắm vì Marcus nhìn tôi vẻ lo lắng.

“Có chuyện gì không ổn vậy?”

“Có chuyện gì không ổn vậy?” Mắt tôi mở to khi tôi quay sang anh. “Có chuyện gì *không ổn* vậy?” Tôi có một thị trấn Barbie đồ chơi ở nhà cũ, nó rộng hơn cả *năm* lần thị trấn này.”

Anh cố gắng nhưng không thể không phá lên cười. “Không tệ đến vậy đâu. Lái xe khoảng hai mươi phút nữa là tới Dunshauglin rồi, thị trấn đó cũng khá sầm uất đấy.”

“Hai mươi phút nữa ư? Tôi thậm chí còn không thể tự mình đến cái hồ chứa phân này cơ đấy.” Tôi cảm thấy mắt mình ran lên vì thất vọng, mũi tôi bắt đầu ngứa, mắt tôi bắt đầu ầng ậc nước. Tôi cảm thấy muốn đá lia lịa vào chiếc xe buýt và la hét. Thay vào đó, tôi chỉ làm bầm trong miệng. “Tôi có thể làm cái quái gì ở chốn này chứ, vào chỗ đó mua một cái xẻng rồi tới đằng kia đào xác thối chắc? Mua thêm một bao khoai tây chiên và một bình nước để nhâm nhi trong lúc đào đất chẳng?”

Marcus khịt khịt mũi, và quay ra chỗ khác để cố không phá lên cười. “Tamara, nó thực sự không tệ đến vậy đâu.”

“Không, nó rất tệ. Tôi muốn một ly cà phê sữa vị gừng không béo và một chiếc bánh quế cuộn ngay bây giờ,” tôi bình tĩnh nói từng từ, biết rằng mình bắt đầu nói năng y hệt cô nàng Violet Beauregarde trong bộ phim *Charlie và nhà máy Chocolate*. “Và trong khi ở đó, tôi muốn dùng máy tính xách tay của mình để vào Facebook bằng dịch vụ wifi. Tôi muốn đi mua sắm ở tiệm Topshop. Tôi muốn chat trên Twitter. Và sau đó tôi muốn đi ra bãi biển với bạn bè, ngắm biển, uống một chai rượu vang trắng và tôi muốn nhậu say đến mức gục ngã và nôn mửa. Anh biết đấy, làm những chuyện bình thường mà mọi người bình thường vẫn làm. Đó là những gì tôi muốn.”

“Em luôn luôn có được thứ mình muốn sao?” Marcus nhìn tôi.

Tôi không thể trả lời. Một khối u khổng lồ của loại cảm giác ôi-lay-chúa-tôi-đang-yêu mắc nghẹn ở cổ họng. Vì vậy tôi chỉ gật đầu.

“Được rồi,” anh ngẩng mặt lên, tôi nuốt khan, cục mê-muội-Marcus được đẩy qua thực quản chạy tót vào bao tử của tôi. “Hãy nhìn vào mặt tươi sáng của vấn đề.”

“Chẳng có mặt tươi sáng nào hết.”

“Luôn luôn có một mặt tươi sáng ở đâu đó.” Anh nhìn sang trái rồi lại nhìn sang phải, sau đó anh giơ tay mắt sáng rỡ, “Không có thư viện nào.”

“Ôi lay Chúa,” tôi đập đầu vào bảng đồng hồ.

“Được rồi,” anh cười và tắt động cơ, “Chúng ta hãy đi nơi khác thôi.”

“Chẳng phải anh cần *bật động cơ* để đi nơi khác sao?” tôi hỏi.

“Chúng ta không đi bằng xe,” anh nói rồi leo qua ghế tài xế chui vào thùng xe buýt. “Được rồi, xem nào... chúng ta nên đi đâu đây?” Anh lướt ngón tay qua những gáy sách trong phần Sách du lịch, vừa đi vừa đọc to, “Paris, Chile, Rome, Argentina, Mexico...”

“Mexico,” tôi nói ngay, nhô người quỳ trên ghế dỗi theo anh.

“Mexico vậy,” anh gật đầu, dừng lại. “Chọn khéo đấy.” Anh lấy cuốn sách khỏi kệ và nhìn tôi. “Thế nào? Em có đi chung không? Chuyến bay sắp cất cánh rồi.”

Tôi mỉm cười và leo qua lưng ghế. Chúng tôi ngồi trên sàn, bên cạnh nhau, trong thùng xe buýt và ngày hôm đó, chúng tôi đã đi đến Mexico.

Tôi không chắc liệu anh ấy có biết giây phút đó quan trọng với tôi đến nhường nào hay không. Rằng anh đã thực sự cứu tôi khỏi bản thân mình, khỏi nỗi thất vọng nào nề ra sao hay không. Có lẽ anh biết và anh đã cố ý làm như vậy. Anh giống như một thiên thần đi vào cuộc đời tôi với chiếc xe buýt đầy sách vào đúng thời điểm cần thiết, và kéo tôi khỏi vùng đất khủng khiếp đến xứ sở thần tiên. Anh và những cuốn sách của anh.

Chúng tôi đã không ở lại Mexico lâu như chúng tôi muốn. Chúng tôi đăng ký phòng khách sạn, giường đôi, tổng đám túi xách vào đó rồi đi thẳng tới bãi biển. Tôi mua một bộ bikini của một người đàn ông bán dạo trên biển, Marcus kêu một ly cocktail và chuẩn bị đi lướt sóng một mình - tôi từ chối không muốn mặc bộ đồ lặn - thì có tiếng gõ gõ vào thùng xe, một phụ nữ lớn tuổi bước vào tìm một quyển sách gì đó để giải sầu. Chúng tôi đứng dậy, và tôi bắt đầu duyệt qua các kệ sách trong khi Marcus tiếp bà ta. Tôi nhìn thấy một cuốn sách nói về nỗi đau; về cách thức đối phó với nỗi đau riêng hay cách cư xử với người thân yêu khi họ bị nỗi đau thương giày vò. Tôi ngần ngừ trước cuốn sách đó hồi lâu, tim đập thành thịch cứ như thể tôi đã tìm thấy món thuốc ngừa thần diệu cho mọi loại bệnh tật trên thế gian. Nhưng tôi không thể buộc mình rút nó khỏi kệ, tôi không biết tại sao nữa. Tôi không muốn Marcus nhìn thấy, tôi không muốn anh hỏi tôi về cuốn sách này, tôi không muốn phải kể cho anh nghe về cái chết của ba, bởi khi đó tôi sẽ phải trở về đúng với bản thân tôi. Một cô gái có ba vừa tự sát. Nếu không kể với anh, tôi sẽ không trở thành cô gái ấy. Ít nhất với anh. Tôi chỉ là cô ấy ở bên trong thôi, tôi sẽ để cô ấy nổi giận bên trong tôi, cơn giận sùng sục trong lòng, hoặc đi đến Mexico và để cô ấy lại bên trong căn nhà ở công lâu đài.

Mắt tôi chợt lướt qua một cuốn sách bìa da bản lớn ở phần truyện ký. Cuốn sách màu nâu, dày cộm, trên gáy không in tên tác giả và tiêu đề. Tôi kéo nó ra. Nó thật nặng. Rìa trang bên trong lõm chồm như bị xé. “VẬY anh là Robin Hood của thế giới sách hả,” tôi nói, ngay khi người phụ nữ lớn tuổi ra về với một quyển sách ướm át lẳng mạn cặp dưới nách. “Đem sách đến cho những người thiếu sách.”

“Tương tự như vậy. Em kiểm được cái gì thế?”

“Không biết nữa, trên bìa không có ghi tựa.”

“Xem gáy xem.”

“Cũng không có.”

Anh cầm bìa hồ sơ bên cạnh lên, liếm ngón tay rồi bắt đầu lật từng trang. “Tác giả tên là gì?”

“Không có tên tác giả.”

Anh cau mày nhìn lên. “Không thể nào. Mở ra xem trang đầu tiên đi.”

“Em không thể,” tôi cười. “Nó đã bị khóa.”

“Ồ, thôi nào,” anh mỉm cười, “Em lại đùa nữa rồi, Goodwin.”

“Không đâu,” tôi cười, đi về phía anh. “Thật đấy, xem nè.”

Tôi đưa nó cho anh, ngón tay chúng tôi lướt qua nhau, gây ra những cơn ngứa râm ran lan rộng mọi ngõ ngách nhạy cảm trên cơ thể tôi.

Các trang sách bị khóa lại bằng một cái móc bằng vàng và được gắn liền với một ống khóa nhỏ bằng vàng.

“Cái quái gì đây...” anh nói, cố gắng kéo ống khóa, mặt nhăn mày nhíu khiến tôi phải bùm miệng cười. “Đúng là chỉ có *em* mới chọn phải cuốn sách duy nhất không có tên tác giả hay tiêu đề, lại còn bị khóa chặt nữa.”

Cả hai chúng tôi bắt đầu phá lên cười. Anh bó tay với ổ khóa và đôi mắt của chúng tôi dán chặt vào nhau.

Đây là lúc lẽ ra tôi phải nói “Em mới mười sáu tuổi.” Nhưng tôi không thể. Không thể nào. Tôi đã nói với bạn rồi, tôi cảm thấy mình già trước tuổi. Mọi người ai cũng nghĩ tôi già hơn tuổi thật. Tôi muốn mình già hơn. Không phải là chúng tôi sẽ làm tình ngay trên sàn, chỉ nhìn tôi say đắm thôi thì anh ấy không đến nỗi phải vào tù. Nhưng dù sao thì... Tôi cũng nên nói tuổi thật của mình. Nếu chúng tôi đang ở trong một cuốn sách về miền Nam vào thế kỷ 19 như *Cuốn theo chiều gió*, trở về cái đẹp đẽ xa xưa khi phụ nữ chỉ là tài sản của đàn ông và không hề được pháp luật bảo vệ, thì tuổi tác của tôi chẳng quan trọng gì, chúng tôi có thể lăn tròn trong một kho thóc nào đó và làm bất lý điều gì chúng tôi muốn mà không bị ai buộc tội. Tôi chợt muốn lòng cho ra cuốn sách ấy trên giá, mở nó ra và nhảy vào trang sách với anh. Nhưng chúng tôi không làm vậy. Giờ là thế kỷ 21. Tôi mười sáu tuổi, sắp lên mười bảy, và anh ấy hai hai. Tôi đã nhìn thấy tuổi ghi trên thẻ chứng minh của anh. Tôi thừa kinh nghiệm để biết rằng cơn thèm khát của đàn ông chẳng thể kéo dài nổi tới tận ngày sinh nhật mười bảy của tôi. Cũng hiếm hoi như khi họ muốn quay trở lại vào tháng Chín vậy.

“Đừng buồn bã như vậy,” anh nói rồi bước đến, nâng cằm tôi lên bằng ngón tay của mình. Tôi không nhận ra rằng anh đã lại gần tôi đến vậy và rồi anh ở đó, ngay trước mặt tôi. Chân chạm chân.

“Nó chỉ là... một cuốn sách thôi.”

Tôi nhận ra mình đã ôm chầm lấy quyển sách, cả hai cánh tay tôi quấn chặt xung quanh nó.

“Nhưng em thích quyển sách này,” tôi mỉm cười.

“Anh cũng thích quyển sách nữa, rất thích. Đó là một cuốn sách quyển rữ và táo bạo, nhưng rõ ràng chúng ta không thể đọc nó ngay bây giờ.”

Mắt tôi nheo lại, tự hỏi liệu chúng tôi có nói về cùng một vấn đề hay chẳng.

“Vậy thì cả hai chúng ta sẽ chỉ ngồi thừ ra và nhìn vào nó, cho đến khi tìm thấy chìa khóa.”

Tôi mỉm cười, cảm thấy má mình ửng hồng.

“Tamara!” Tôi nghe có người gọi tên tôi. Tiếng kêu the thé đầy tuyệt vọng. Chúng tôi dừng việc nhìn nhau đăm đăm lại và tôi chạy ngay ra cửa xe buýt. Đó là Rosaleen, mẹ chạy băng qua đường về phía tôi, mặt nhăn nhúm, mắt long lên thật đáng sợ. Arthur đang đứng trên vỉa hè bên cạnh chiếc xe, vẻ bình tĩnh. Thấy vậy tôi an tâm được một chút. Rosaleen quỳnh quáng như vậy vì cái gì?

“Tamara,” mẹ gọi, thở hổn hển. Mẹ hết nhìn Marcus lại quay sang tôi, rồi hết nhìn tôi lại quay sang Marcus, hết như chú chồn meerkat đang cảnh giác cao độ. “Về với chúng ta nào, bé con. Về đi mà,” mẹ nói, giọng run rẩy.

“Cháu đang định về đây,” tôi cau mày. “Cháu mới đi có một tiếng mà.”

Mẹ có vẻ bối rối, nhìn sang Marcus như thể anh sẽ giải thích rõ ràng mọi chuyện vậy.

“Chuyện gì vậy? Rosaleen? Mẹ cháu ổn không?”

Mẹ im lặng. Miệng mẹ mở ra rồi đóng lại như thể mẹ đang cố gắng tìm lời thích hợp.

“Mẹ cháu ổn không?” tôi hỏi, bắt đầu hốt hoảng.

“Có,” mẹ nói “Đương nhiên là mẹ cháu ổn mà.” Mẹ lại có vẻ bối rối nhưng đã bắt đầu bình tĩnh lại.

“Có chuyện gì vậy?”

“Mợ nghĩ cháu...” mợ dài giọng, nhìn quanh ngôi làng cứ như thể vừa nhận ra mình đang đứng ở đâu. Mợ vội đứng thẳng người, vuốt qua mái tóc để nó đỡ xù lên, vuốt vuốt cái váy bị nhăn do ngồi trên xe. Mợ hít một hơi ngắn và trông đã bình tĩnh hơn. “Cháu trở về nhà chứ?”

“Vâng, tất nhiên rồi,” tôi cau mày. “Cháu có nói với mẹ trước khi đi.”

“Ừ, nhưng mẹ cháu...”

“Mẹ cháu thế nào?” giọng tôi rắn lại. Nếu mọi thứ đều rất ổn với mẹ, vậy thì tôi chỉ cần báo cho mẹ biết là đủ rồi.

Marcus đặt tay lên lưng tôi, ngón tay cái của anh dịu dàng vẽ những vòng tròn nhỏ, nhắc tôi nhớ đến Mexico và tất cả những nơi khác mà tôi có thể đến.

“Em nên đi với mợ thôi,” Marcus nhẹ nhàng. “Dù sao thì anh phải lên đường rồi. Em cứ giữ lấy nó,” anh chỉ vào quyển sách tôi đang ôm trong tay.

“Cảm ơn. Gặp anh lần sau nhé?”

Anh đảo mắt. “Tất nhiên rồi, Goodwin. Bây giờ thì đi đi.”

Trong lúc tôi băng qua đường tới ngôi ở phía sau chiếc xe jeep, tôi nhận thấy có ba người đàn ông hút thuốc đứng bên ngoài quán rượu đang nhìn chằm chằm. Bị nhìn chằm chằm cũng chẳng có gì lạ, nhưng lạ ở cách bọn họ đứng. Arthur gật đầu với họ. Rosaleen giữ đầu cúi gằm, mắt dán xuống sàn xe. Đôi mắt của ba người đàn ông dõi theo chúng tôi, và tôi nhìn lại, hy vọng tìm ra cái gì thu hút bọn họ đến vậy. Có phải vì tôi là người mới đến? Nhưng tôi biết là không phải vì họ không nhìn tôi. Mọi ánh mắt đều tập trung vào Arthur và Rosaleen. Trong xe, không ai nói một lời trên suốt chặng đường về nhà.

Về đến nhà, tôi ghé vào thăm mẹ dẫu Rosaleen nói không cần. Mẹ vẫn đang ngồi trên ghế ngựa nhưng không bập bênh mà nhìn ra vườn. Cái

cây vẫn còn ở đó. Tôi ngồi với mẹ một lát rồi rời đi. Tôi đi xuống cầu thang, vào phòng khách, quay lại chiếc ghế bành mà tôi đã ngồi trước khi Marcus gọi cửa. Tôi tìm cuốn album ảnh nhưng nó đã biến mất. Lại được xếp gọn bởi Rosaleen chứ gì. Tôi thở dài và đến kệ sách để tìm nó. Nhưng nó không còn ở đó. Tôi lục tìm từng cuốn sách một trên kệ nhưng vẫn không tìm thấy nó. Tôi nghe tiếng cửa kêu cọt két và quay phắt lại. Rosaleen đang đứng ở đó.

“Rosaleen!” tôi nói, tay đề lên ngực, “Mợ làm cháu sợ.”

“Cháu đang làm gì vậy?” mợ hỏi, ngón tay hết vò rồi lại vuốt phẳng chiếc tạp dề phủ bên ngoài chiếc váy.

“Cháu chỉ tìm quyển album ảnh lúc trước cháu vừa thấy thôi.”

“Album ảnh?” Mợ ngả đầu sang một bên, trán nhăn, mặt nheo lại vẻ khó hiểu.

“Vâng, cháu thấy nó hơi sáng, trước khi xe thư viện ghé qua. Cháu hy vọng mợ không phiền, cháu lấy nó ra để xem một chút nhưng giờ nó...” Tôi huơ tay lên trời và phá lên cười. “Nó biến mất một cách bí ẩn.”

Mợ lắc đầu, vẻ không hiểu. “Không sao đâu, bé con,” mợ nhìn ra đằng sau rồi hạ giọng thì thầm. “Bây giờ thì quên nó đi.”

Arthur bước vào ngay sau đó, với một tờ báo trong tay và Rosaleen trở nên im lặng. Arthur hết nhìn tôi rồi lại nhìn sang Rosaleen.

Rosaleen nhìn Arthur vẻ lo lắng. “Em đi lo bữa tối đây. Hôm nay có món sườn cừu,” mợ khẽ thốt lên.

Arthur gật đầu và nhìn Rosaleen rời khỏi phòng.

Cách Arthur nhìn Rosaleen khiến tôi không muốn hỏi Arthur về quyển album. Cách Arthur nhìn Rosaleen làm tôi nghĩ đến rất nhiều điều về Arthur. Khuya hôm đó, tôi nghe tiếng họ vang lên trong phòng ngủ. Không rõ ràng, âm điệu lên bổng xuống trầm. Tôi không chắc liệu có phải là họ cãi

nhau không nhưng nó khác hẳn cách mà họ thường nói chuyện. Đó là một cuộc trò chuyện thực sự, thay vì một loạt các lời bình luận ném về phía sau. Dù là nói về cái gì đi nữa, họ cũng đang cố gắng hết sức để tôi không nghe thấy. Tôi dán tai sát vào tường, tự hỏi vì sao họ lại đột nhiên im lặng thì cửa phòng ngủ của tôi mở ra và Arthur đứng đó nhìn tôi chăm chăm.

“Arthur,” tôi kêu lên, bước xa khỏi bức tường. “Cậu nên gõ cửa. Cháu cũng có quyền riêng tư chứ.”

Dẫu vừa bắt gặp tôi nghe lén, cậu vẫn không nói gì.

“Cháu có muốn cậu đưa cháu đến Dublin vào buổi sáng không?” cậu lầu bàu.

“Gì cơ?”

“Đến chơi với một người bạn nào đó.”

Tôi vui sướng khôn xiết, nắm tay vào không khí và gọi thẳng cho Zoey, quên đi hoặc không quan tâm lý do vì sao tôi được giải phóng một cách bất ngờ như vậy. Đó là lần tôi đến ở với Zoey. Chỉ mới vài đêm trong căn nhà ở công lâu đài, nhưng tôi đã cảm thấy khác hẳn khi quay về Dublin. Chúng tôi trở lại khu cả bọn thường tụ tập trên bãi biển bên cạnh nhà tôi. Bãi biển khác lạ và tôi ghét nó. Nó mang lại cảm giác khác lạ và tôi ghét nó. Ở cửa vào nhà tôi có dựng một tấm bảng Bán nhà. Tấm bảng khiến tôi tức giận, vì vậy tôi không thèm nhìn, hay thực ra là tôi không thể nhìn vì máu tôi sôi lên sùng sục, tim tôi đập thành thịch và tôi chợt muốn rú lên hoang dã như một yêu tinh báo tử.

Zoey và Laura đã bắt đầu quan sát tôi cứ như tôi vừa đổ bộ từ một hành tinh khác, rằng tôi đã móc ruột cô bạn thân nhất của chúng rồi khoác vào người mình lớp da của cô ta như khoác vào một bộ áo ngủ. Và vì vậy, tôi nhận thấy mọi điều tôi nói đều bị để ý, phân tích và hiểu sai hoàn toàn. Thấy tấm bảng bán nhà, hai người bạn của tôi với sự tế nhị của một tên mọi da đỏ *Geromino* nhảy căng lên đầy hứng khởi. Zoey lải nhải không ngừng

về việc đột nhập vào nhà và ở đó suốt buổi chiều, cứ như đó là điều thích hợp nhất nên nói với tôi vào thời điểm này vậy. Laura, dè dặt hơn một chút, nhìn tôi với vẻ ngần ngừ trong khi Zoey quay lưng nhìn vào cánh cổng, và đánh giá tình hình, khi thấy tôi không phản đối, nó bèn hòa theo cái ý tưởng như một cục phân vừa được giội xuống biển của Zoey.

Tôi không biết mình đã làm thế nào nhưng tôi đã dập tắt được ý định xâm nhập vào căn nhà đang bị phát mãi của tôi, nơi ba tôi tự sát. Thay vào đó chúng tôi nhậu xỉn và bày trò chống lại Arthur, Rosaleen cùng những thói quen quê mùa đáng ghét của bọn họ. Tôi kể với chúng, à không, không chỉ kể với chúng, tôi *tiết lộ* cho chúng nghe về Marcus và chiếc xe buýt chở sách và chúng phá lên cười, cho rằng anh là một tên hoàn toàn ngớ ngẩn, còn thư viện lưu động là ý tưởng chán ngắt vớ vẩn nhất mà bọn chúng từng nghe. Có một căn phòng đầy sách đã tẻ lắm rồi, nhưng đem sách đi rong thế kia thì, ừ đúng là ngớ ngẩn đến cực điểm. Điều đó đã làm tổn thương tôi rất nhiều, nhưng tôi không hoàn toàn hiểu tại sao. Tôi cố gắng che giấu điều đó, nhưng niềm hứng khởi và cảm giác thoát khỏi mọi thứ lần đầu tiên tôi cảm thấy kể từ khi ba mất đã bị dập tắt ngay lập tức. Tôi nghĩ đó là lúc tôi bắt đầu dựng nên một bức tường chặn giữa chúng tôi.

Bọn chúng cũng biết vậy. Zoey đã nhìn tôi bằng ánh mắt liếc sắc lẹm vốn được nó dành riêng cho những ai khác mình, khác biệt chính là điều làm nó bức mình nhất trên thế giới này. Bọn chúng không biết tại sao, chúng không bao giờ nghĩ rằng những gì tôi đã trải qua sẽ tác động lên tình cảm trong con người tôi, không chỉ khiến tôi thay đổi trong một vài tuần, mà còn biến đổi bản chất con người của tôi vĩnh viễn. Bọn chúng chỉ nghĩ rằng cuộc sống vùng quê đã ảnh hưởng xấu đến tôi. Nhưng tôi đã từng bị giẫm đạp. Giống như một cái cây hay thứ gì đó đã bị giẫm lên nhưng không chết hẳn, và cũng giống như cái cây đó, tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc phát triển một cách kỳ cục, theo một hướng khác hẳn với tôi trước đây.

Khi Zoey trở nên chán chường, hoặc sợ hãi, khi thảo luận về những chuyện mà nó chẳng hiểu gì, nó gọi Fiachra, Garóid và chàng ngự lâm thứ ba, Colm, anh chàng tôi gọi là Cabáiste - có nghĩa là cái bấp trong tiếng Ireland. Tôi chưa bao giờ nói chuyện đàng hoàng với anh ta. Zoey cặp với Garóid, Fiachra dính với Laura - vụ này Zoey dường như đã không còn cay cú nữa. Còn Cabáiste và tôi chỉ ngồi nhìn ra biển, trong khi bốn đứa kia lăn tròn trên cát, tạo ra những tiếng động kỳ cục, thỉnh thoảng Cabáiste lại tu một chai vodka nhỏ và tôi chờ đợi cảnh mình bị sờ soạng bất kỳ lúc nào. Anh ta ngậm lấy miệng chai, hóp thêm một hóp đầy, và tôi chờ đợi một nụ hôn ướt át cầu thả đầy mùi vodka khiến tôi vừa bị kích thích lại vừa kinh tởm.

Nhưng anh ta đã không làm vậy.

“Chia buồn về việc ba của em,” anh ta nhẹ nhàng thốt.

Lời nói của anh ta làm tôi bất ngờ rồi khiến tôi cảm động đến mức không sao lên tiếng được. Tôi không thể trả lời anh ta, tôi thậm chí không thể nhìn vào anh ta. Tôi nhìn sang hướng khác, để mặc cho gió thổi tóc lò xo phủ lên khuôn mặt, che giấu và thấm ướt những giọt nước mắt nóng hổi đang lăn dài trên má.

Việc tôi từng bị chà đạp là hiển nhiên rồi, nhưng điều tôi tự hỏi hết lần này sang lần khác là rồi đây tôi sẽ lớn lên theo hướng nào đây.

Chương 8: Khu vườn bí mật

Mỗi khi xa nhà trong khoảng thời gian dài hơn bình thường, ví dụ như đi cùng lớp học đến Paris, hoặc đi mua sắm ở London với bạn bè, tôi luôn mang theo thứ gì đó để nhắc mình nhớ đến gia đình. Chỉ là những thứ nhỏ bé, chẳng hạn như vào một Giáng sinh nọ, chúng tôi ăn buffet tại một khách sạn và ba tôi đã lấy trộm một chú chim cánh cụt bằng nhựa đặt trên bánh pudding, rồi ông đặt nó lên món tráng miệng của tôi. Ba đã cố gắng pha trò nhưng lại nhằm ngày tôi đang lên cơn, cũng giống như đa số các ngày còn lại: không có gì ông nói hoặc làm có thể được tôi coi là hài hước, vậy nhưng chẳng biết bằng cách nào mà ngày hôm đó con chim cánh cụt bằng nhựa đã chui vào túi tôi. Rồi nhiều tháng sau đó, khi đi xa, tôi thò tay vào túi, tìm thấy chú chim cánh cụt bé nhỏ, và tôi mỉm cười. Trò đùa của ba, cuối cùng cũng làm tôi cười, dấu đã trễ rất nhiều tháng và ba cũng không còn bên tôi nữa. Trong chuyến đi đó, bằng cách nào đó nó đã chui vào trong túi đồ giặt của tôi, và đã chu du khắp thế giới cùng với tôi. Bạn biết đấy, có một vài thứ mà chỉ cần nhìn vào mình sẽ lập tức liên tưởng đến một thứ gì khác. Tôi không phải là một người đa cảm, tôi không bao giờ cảm thấy gắn bó với bất cứ điều gì hoặc bất cứ ai ở nhà, không giống như một số người chỉ cần nhìn vào một cái gì đó, chẳng hạn như một túm lông tơ, thì đã ứa nước mắt vì nó gợi nhớ về một điều gì đó mà ai đó từng nói một lần nào đó ở nhà, trong khi thực tế riu rít thì thầm bên tai họ, nói với họ rằng họ đang sống hạnh phúc lắm lắm. Không, đem theo một thứ gì đó đối với tôi chỉ là một thứ bảo hiểm, giúp tôi cảm thấy mình không hoàn toàn cô đơn, rằng tôi có một gia đình nhỏ ở bên. Không phải đa cảm, chỉ là chút cảm giác bất an rất dễ giản đơn.

Đương nhiên là tôi chẳng hề gắn bó với căn nhà ở công lâu đài một chút nào. Tôi chỉ mới ở đó có vài ngày nhưng trong suốt khoảng thời gian tuyệt vời được lãng quên mọi thứ khi ở nhà Zoey, tôi đã đem theo cuốn sách

tìm thấy trong Thư viện lưu động. Tôi vẫn chưa tìm ra cách mở khóa và đương nhiên tôi không hề có ý định đọc sách trong khi ở nhà Zoey, nhất là khi đám bạn quá bận rộn kể cho tôi nghe về nguồn giải trí mới của bọn chúng - cứ chờ đi rồi biết - đi ra ngoài mà không mặc đồ lót. Thiệt tình, tôi đã phá lên cười. Có một bức ảnh của Cindy Monroe, nặng khoảng bốn mươi hai ký, cao mét rưỡi, ngôi sao truyền hình thực tế người Mỹ, bước ra khỏi một chiếc xe hơi để đi đến một câu lạc bộ ăn mừng vụ được phóng thích khỏi nhà tù sau bốn tám tiếng bị giam vì tội lái xe trong lúc say, và cô hoàn toàn không mặc quần áo lót. Có vẻ như Zoey và Laura đang cho rằng đây là một bước tiến vĩ đại mới cho phụ nữ ngày nay.

Tôi nghĩ rằng khi những thành viên trong phòng trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ hồi cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 cởi áo lót ra đốt, họ không phải nhằm đến mục tiêu không mặc áo lót ra đường. Tôi nói điều này với Zoey và nó quan sát tôi một hồi lâu, đôi mắt lim dim liếc xéo như thể nó là nữ hoàng và đang chuẩn bị quyết định có nên ngân nga “Chém bay đầu ả đi!” hay không. Nhưng sau đó nó mở to mắt nói, “Không, vậy cũng tốt, dù gì thì áo của tớ cũng hở lưng đằng sau nên tớ không thể mặc áo ngực được.”

Lưng đằng sau. Chết toi. Lại là cụm từ kiểu như vậy. Lưng rồi lại còn đằng sau. Theo tôi thì hở lưng là chắc chắn rồi.

Dù sao chẳng nữa, khi bị gọi tới nhà Zoey - xin chú ý kỹ mấy chữ “bị gọi”, tôi cảm thấy như mình vừa bị phạt đứng ở góc phòng để suy nghĩ về những điều mình đã làm. Lẽ ra tôi nên cảm thấy như đang quay về nhà, cảm thấy mình trở lại là chính mình hơn, thế nhưng tôi lại không thích thú tí nào. Và cứ như vậy, tôi đem theo một mảnh của thế giới mới đi cùng. Tôi mang theo cuốn sách. Tôi biết nó đang nằm trong túi tôi khi tôi nằm trên chiếc giường tạm trong phòng Zoey, và khi chúng tôi thức suốt đêm tâm sự đủ thứ chuyện, tôi biết rằng nó đang lắng nghe tôi, một vật ngoại lai trong cuộc sống mới mà tôi căm ghét đang dần thâm nhập vào cuộc sống mà tôi từng có trước đây. Tôi đã có một nhân chứng. Tôi cảm thấy muốn ra lệnh

cho nó quay trở về nhà, ton hót về cuộc sống của tôi trước đây với tất cả mọi thứ mà tôi căm ghét. Cuốn sách đó tựa như một bí mật nhỏ của tôi đối với Laura và Zoey, tuy vô nghĩa và nhàm chán nhưng dù sao cũng là một bí mật, nằm gọn lỏn trong chiếc túi du lịch nhỏ bên cạnh tôi.

Và vì vậy khi chiếc Land Rover của Arthur chạy trên lối vào lãnh địa Kilsaney, và tôi lại bị cuộc-sống-tựa-như-chết mới của mình nhai ngấu nghiến một lần nữa, tôi quyết định cầm lấy cuốn sách và đi dạo một chuyến. Tôi biết Rosaleen sẽ nôn nóng đến chết đi được nếu tôi không quay lại và kể cho mợ nghe về xu hướng không mặc quần lót, và bởi vì tôi tự trao cho mình vai trò của thần trừng phạt, tôi lập tức bước đi. Tôi cũng biết rằng mẹ vẫn sẽ ở chỗ cũ, vẫn ngồi trên chiếc ghế ngựa ấy mà không hề bập bênh, nhưng tôi cho phép tâm trí mình tưởng tượng cảnh mẹ đang làm điều hoàn toàn ngược lại, chẳng hạn như trần truồng múa ba lê trong vườn hay một thứ gì đó tương tự.

Trước đây tôi chưa bao giờ đi dạo *quanh* lãnh địa. Đi thăm lâu đài thì có, nhưng chưa từng đi dạo quanh lãnh địa rộng đến một trăm mẫu Anh. Tất cả các chuyến viếng thăm trước đây của tôi chỉ gói gọn trong một cốc trà và chiếc bánh mì kẹp thịt tại một căn bếp yên tĩnh khi mẹ trò chuyện về những điều tôi không hề quan tâm với hai cậu mợ kỳ lạ của tôi. Tôi làm mọi thứ - ăn hai chục cái bánh mì kẹp trứng ướt nhoét và hai lát bánh loại bất kỳ - để có thể thoát khỏi căn bếp đó và đi lang thang trong vườn trước. Chẳng có nơi nào thu hút tôi. Tôi không có mấy phẩm chất của một nhà thám hiểm, bất cứ thứ gì liên quan đến việc di chuyển đều làm tôi chán ngấy. Tôi không bao giờ bị bất cứ thứ gì hấp dẫn để phải tiến thêm một bước tìm hiểu. Ngày hôm đó, tôi vẫn vậy, chẳng có gì khác xưa, nhưng tôi đã quá chán ngán. Và vì thế, tôi lẳng cái túi du lịch vào trong vườn rồi biến, mặc cho Arthur khịt khịt mũi rồi đem nó vào nhà.

Tôi đi xa khỏi ngôi nhà, xa khỏi tòa lâu đài, dọc theo một con đường hẹp. Tuyến đường này rợp bóng sồi, tần bì và thông đỏ cao hàng ba mươi mét mọc ở hai bên. Mùi hương ngọt ngào phảng phất. Đất dưới chân mềm

mại, lá và vỏ cây tích tụ hàng ngàn năm nâng bước chân tôi, khiến cho mỗi bước chân của tôi như đang nhún nhảy, cứ như thể tôi có thể thực hiện những màn nhào lộn từ góc này sang góc kia trong chiếc áo bó sát vậy. Ngày hôm nay khá nóng, nhưng tôi vẫn cảm thấy mát mẻ dưới tàng cây cổ thụ. Bọn chim tựa như đám khói hiệu động, véo von gọi bầy không ngớt và lượn từ cây này sang cây khác như Tarzan. Quá mệt mỏi sau một đêm thức trắng với đám bạn, tôi cứ đi, đi mãi, đầu tôi như muốn nổ tung với câu chuyện của chúng, những chuyện tôi vừa được biết - Laura phải uống thuốc tránh thai khẩn cấp - và nhất là những cuộc trò chuyện của tôi trong tâm trí với chính bản thân mình. Tôi không có cách nào bắt chúng im lặng được. Tôi thật không ngờ rằng mình có thể nghĩ nhiều đến thế và nói ít đến thế trong đời.

Thỉnh thoảng khi hàng rào bảo vệ của đám cây cối bị phá vỡ, tôi có thể thấy tòa lâu đài ở đằng xa, nó trông ra bãi cỏ, ra những hồ nước điểm xuyết khắp lãnh địa, ra những cây cổ thụ khệnh khạng đứng một mình làm cảnh. Những cây dương cao lớn và thanh lịch vút cao như lông vũ cù vào bầu trời, những cây sồi vạm vỡ với mũ nồi nặng nề xòe rộng tựa như nấm đại. Rồi tòa lâu đài lại một lần nữa biến mất, chơi ú òa với tôi, và con đường bắt đầu uốn cong sang bên trái để tôi sớm có thể quay mặt lại đối diện với nó. Đi bộ thêm hai mươi phút nữa, tôi nhìn thấy cổng chính ở phía trước bên phải. Tôi lập tức đi chậm lại. Lối vào âm u thiết kế theo kiểu Gothic không hấp dẫn tôi, và chẳng khác gì xác đám tù binh bị trưng sinh dọc hai bên đường. Cỏ mọc dài và mấy thứ cỏ dại ủ ê trèo lên cánh cửa trông khá mới và thò đầu ra ngoài song sắt gỉ sét, cứ như những cánh tay gầy guộc đói khát vẫy gọi đám xe hơi chạy qua để xin ăn hay xin được giải thoát. Con đường xe chạy một thời to rộng dần thẳng vào tòa lâu đài đã bị lãng quên, hoang phế, và không được tu bổ, bị cỏ mọc ngút ngàn che khuất, như những con đường lát gạch vàng trong phim *Trở về xứ sở Oz thần tiên*. Tôi rùng mình. Mặc dù nó đã mất đi hào quang ngày cũ, tôi chẳng hề thông cảm với nó như đã từng thông cảm với tòa lâu đài. Những vết sẹo của nó

thật kỳ cục, không giống như những vết sẹo của tòa lâu đài khiến tôi muốn gãi tay vuốt ve. Chúng quá xấu xí khiến cho tôi chỉ muốn nhìn ra chỗ khác.

Tôi muốn tìm một con đường khác, bất cứ con đường nào để khỏi phải đi qua cái lối vào kiểu Gothic kinh khủng đó. Vì vậy tôi băng qua lùm cây đi thẳng vào rừng. Ở đó, tôi cảm thấy an toàn hơn, được bao bọc giữa lùm cây chứ không phải đi trên con đường mòn rập mà người ngựa Norman từng giầy xéo với đôi tay rói rít ve vấy những cái đầu của mấy người nông dân treo trên mũi kiếm.

Những thân cây quỳ rũ, già nua và nhăn nheo như chân voi, cứ xoắn xuýt quanh nhau như tình nhân, một số cong mình vươn lên khỏi mặt đất cứ như thể đang đau đớn lắm và mãi vươn tới nhưng chẳng bao giờ chạm vào nhau, bị đông cứng ở tư thế đó trong nhiều thế hệ cho đến khi tất cả bọn chúng một lần nữa lại tăng trưởng và xoay mình sang vị trí mới. Rễ cây ngoằn ngoèo ngóc đầu lên khỏi mặt đất rồi lại duyên dáng chui chui xuống như một đám lươn trơn tuột ươn ẹo trong bùn. Mấy lần tôi vấp phải một rễ cây nhô cao rồi được một thân cây ân cần đỡ lại. Đám cây cối đã làm vậy đây, khiến tôi ngã nhào rồi lại dang tay đỡ lấy tôi, cù vào tôi bằng lá và mạng nhện, rồi đập thẳng vào mặt tôi bằng những cành cây. Tôi kéo mấy nhánh cây ra sau để đi qua, cảm thấy chúng lập tức bật lại như một cái súng cao su len lén đập vào lưng tôi.

Từ một lãnh địa của cây cối này, tôi tìm đường đi sang một lãnh địa khác. Không khí phảng phất mùi hương dịu ngọt, ong bu đầy trên những cây nở hoa, tham lam chuyển từ cụm nhụy này sang cụm nhụy khác, muốn có tất cả nhưng không đủ kiên nhẫn để lựa chọn một bầu nhụy. Trên mặt đất quanh tôi rải rác loại trái cây nào đó còn lại từ mùa trước, một số ủng nát và thối rữa, một số khô quắt lại như quả mận sấy. Tôi dừng lại để nhặt một trái lên và cố gắng giải mã xem nó từng là thứ quả gì. Tôi ngửi nó. Tôm. Khi tôi quăng nó đi và chùi tay, tôi nhận ra thân cái cây cạnh tôi khắc đầy chữ. Cái cây đáng thương bị khắc chòng chéo lên thân như quả bí ngô bị móc ruột vế nanh. Rõ ràng những chữ trên đó không được không được khắc trong cùng

một ngày, cùng một năm, thậm chí là cùng một thế kỷ. Từ hai mét trở xuống, hàng đồng tên khắc chi chít trên vỏ cây, một số được đóng khung bằng trái tim, một số bằng hình chữ nhật, tất cả đều là tuyên ngôn về tình bạn và tình yêu vĩnh cửu.

Tôi lướt ngón tay qua những cái tên *Frank và Ellie, Fiona và Stephen, Siobhan và Michael, Laurie và Rosie, Michelle và Tommy*. Tất cả đều là tuyên ngôn về tình yêu vĩnh cửu. *Bên nhau mãi mãi*. Tôi tự hỏi liệu tình yêu của bọn họ có còn giữ được hay chẳng. Không có cây nào khác bị khắc lên, chỉ có duy nhất cái cây này. Tôi lúi lại kiểm tra khu vực xung quanh và phát hiện ra nguyên do. Quanh cái cây này có một khoảng đất quang đãng, tôi có thể tưởng tượng những tấm chăn trải xuống đất, những buổi dã ngoại và tiệc tùng, bạn bè tụ tập và những người đang yêu lên đến bên nhau dưới tàng cây. Tôi rời vườn cây ăn quả và tìm kiếm lãnh địa cây tiếp theo. Một bức tường xuất hiện trước mắt tôi, và đột nhiên trò chơi của tôi và đám cây chấm dứt.

Tôi cố gắng đi cẩn thận không phát ra tiếng động, nhưng khu rừng đã vạch mặt tôi. Tiếng động được phóng đại cùng vọng âm của tiếng cành gãy lắc rắc, tiếng lá xào xạc dưới chân tôi khi tôi đi qua đã cảnh báo các bức tường về sự có mặt của tôi. Tôi không biết tòa nhà trước mặt mình là của ai, nhưng nó không phải là tòa lâu đài, bởi tôi đã đi khá xa khỏi đó. Tôi không biết bất kỳ tòa nhà nào khác trên lãnh địa ngoại trừ khu nhà tranh dột nát ở ba cổng vào khác, bị đóng cửa từ lâu và không ai ở kể từ một ngày nào đó, một ngày bí ẩn khi tất cả mọi người rũ áo bỏ đi. Các tảng đá trên tường không giống như ở tòa lâu đài, nhưng dưới đôi mắt non nớt của tôi, chúng không có mấy khác biệt, cũng cổ xưa và đổ nát y như vậy. Đầu tường lõm chồm, nó không còn chạm vào thứ nó cần nâng đỡ nữa. Không có mái nhà, chỉ có một bức tường. Dọc theo chiều dài của nó, tôi không nhìn thấy cửa ra vào hay cửa sổ, và không giống tòa lâu đài, phần còn lại của nó đã sống sót qua những lần bị cuộc đời ngoạm, nuốt để có sức mà tiếp tục duy trì. Tôi bước tới bìa rừng, cảm thấy mình giống như một con nhím vừa rời môi trường sống quen thuộc đã phải ngập ngừng đối mặt với một con đường lớn

đầy ánh đèn pha chiếu rọi. Tôi để đám bạn bè cao lớn lại phía sau, và dưới ánh mắt chăm chú của bọn họ, tôi đi dọc theo bờ tường.

Khi bức tường kết thúc, tôi quẹo qua góc tường để rồi nhận ra nó tiếp tục trải dài theo một hướng khác. Đột nhiên tôi nghe tiếng ngân nga của một phụ nữ từ phía sau bức tường. Tôi giật bắn mình. Ngoại trừ cậu Arthur, tôi không ngờ mình sẽ đụng phải một dấu vết con người nào khác. Tôi ôm quyển sách sát vào ngực và lắng nghe tiếng ngân nga. Nó dịu dàng, ngọt ngào và hạnh phúc, quá phóng túng để là Rosaleen, quá vui vẻ để có thể là mẹ tôi.

Nó là tiếng ngân nga để giết thời gian, âm thanh lơ đãng, giai điệu chẳng hề thân thuộc với tôi, đây là nếu nó được coi là giai điệu. Gió mùa hè nhẹ thổi, mang theo mùi thơm ngọt ngào và bài hát kia. Tôi nhắm mắt lại và tựa đầu vào tường, ngay phía đối diện với người phụ nữ ấy và tiếp tục lắng nghe.

Khi đầu tôi chạm vào lớp gạch, tiếng ngân nga của cô ấy dừng lại và ngay lập tức, hai mắt tôi mở bừng ra, tôi vội đứng thẳng người.

Tôi nhìn quanh, chẳng thấy cô ấy đâu, vì vậy tôi vẫn chưa bị phát hiện. Khi trái tim tôi trở lại nhịp đập bình thường, cô ấy lại bắt đầu ngân nga. Tôi men theo tường, ngón tay lướt qua lớp đá xám, bức tường, mạng nhện, đá vỡ, chỗ mềm mại, chỗ sắc cạnh cứa vào ngón tay nóng ran của tôi. Mặt trời chiếu thẳng vào tôi, cây cối không còn là dù che của tôi nữa. Bức tường đột ngột chấm dứt, tôi ngẩn nhìn thì thấy một cổng tò vò lớn bằng đá đánh dấu lối vào.

Tôi thò đầu vào bên trong để kẻ bí ẩn đang ngân nga kia không phát hiện ra, và nhận thấy đó là một khu vườn có tường bao quanh, được chăm sóc tỉ mỉ. Từ chỗ đứng bên ngoài vòm cửa, tôi có thể nhìn thấy một vườn hồng, những luống hoa trải rộng làm nền cho hồng leo nở rộ nằm hai bên lối đi dẫn đến một cửa vào khác. Tôi rón rén nhích người một chút để quan sát phần còn lại của khu vườn. Chính giữa vườn còn có nhiều loài hoa khác,

phong lữ, cúc, cẩm chương, và một số loài tôi không biết tên. Những đóa hoa đung đưa trên các giỏ treo và chậu khảm đá cỡ lớn xếp dọc bên lối đi chính xuyên qua khu vườn.

Tôi không thể tin nổi là có một ốc đảo hoa bé xíu giữa rừng, như thể ai đó đã lấy một chai nước có ga, lắc lắc rồi mở nó ở đây giữa những bức tường đồ nát, và từ đó đủ loại màu sắc bắn tung ra, mỗi nơi mỗi chỗ đều được tô điểm bởi những sắc màu rực rỡ. Ong bay từ đóa hoa này đến đóa hoa khác, dây leo vắn vít trên các bức tường được điểm xuyết bởi những bông hoa xinh xắn. Tôi có thể ngửi thấy mùi cây hương thảo, oải hương và bạc hà tỏa ra từ một khu vườn thảo mộc gần đó. Có một nhà kính nhỏ ở góc vườn, bên cạnh đó là khoảng một tá hộp gỗ xếp trên kệ, và khi bừng tỉnh, tôi chợt nhận ra sự tò mò đã vô tình kéo tôi vào vườn và tiếng ngâm nga đã im bật.

Tôi không chắc mình muốn thấy gì, nhưng tôi hoàn toàn bất ngờ trước những gì mình thấy. Ở cuối vườn, nguồn phát ra những tiếng ngâm nga ban nãy, con người ấy đang nhìn tôi chăm chăm như thể tôi đến từ hành tinh khác vậy. Người này mặc một bộ đồ màu trắng trông như phi hành gia vũ trụ, đầu đội khăn đen, tay đeo găng cao su, chân mang giày ống cao đến bắp chân. Bà ta trông giống như vừa bước ra khỏi tàu không gian và tiến vào hiện trường của một vụ thảm họa hạt nhân.

Tôi mỉm cười bối rối và vẫy bàn tay rảnh. “Xin chào. Tôi đến trong hòa bình.”

Bà ta nhìn tôi chăm chăm thêm chút nữa, người cứng đờ như một bức tượng. Tôi cảm thấy hơi lo lắng, thoáng bối rối, và mỗi khi lâm vào tình cảnh như vậy, tôi lại bồn chồn soạn lại.

“Bà nhìn chăm chăm vào cái bỏ mẹ gì thế?”

Tôi không biết bà ta phản ứng thế nào, vì bà ta trông như đang đội chiếc mũ sắt của trùm Darth Vader^[2] vậy. Bà ta tiếp tục nhìn tôi trân trối, và tôi sẵn sàng nghe bà ta nói tôi tên Luke và bà ta là ba tôi.

[2] Nhân vật phản diện chính trong phim *Chiến tranh giữa các vì sao*.

“À, bây giờ,” bà tươi tỉnh lên tiếng như vừa thoát khỏi cơn mê, “Tôi có một cô khách bé bỏng tới thăm.” Bà ta gỡ hết đồng lòng bùng trên đầu xuống, và tôi nhận ra bà ta già hơn tôi tưởng. Bà phải bảy mươi mấy tuổi rồi.

Bà bước về phía tôi, và tôi nửa chờ mong bà sẽ nhảy từ chân này sang chân kia như thể không trọng lực. Mặt bà đầy nếp nhăn, rất nhăn nheo, da thông xuống như bị thời gian làm cho tan chảy. Đôi mắt xanh của bà lấp lánh như biển Aegea, khiến tôi nhớ tới một ngày đi trên du thuyền của bà, biển trong xanh đến mức khi nhìn xuống có thể thấy đáy cát và hàng trăm con cá nhiều màu sắc bơi lội. Nhưng chẳng có gì bên dưới đôi mắt của bà, chúng mờ đục đến mức mọi ánh sáng đều bị bắt ngược trở lại. Rồi bà tháo đôi găng kia dày cộp, bàn tay bà vẫn mềm mại và mát rượi như đá cẩm thạch.

“Ta là sơ Ignatius,” bà mỉm cười, không bắt tay tôi mà giữ lấy nó trong bàn tay của mình.

“Bà là nữ tu,” tôi buột miệng.

“Đúng vậy,” bà cười. “Ta là một nữ tu. Ta là nhân chứng sống.”

Giờ tới lượt tôi mỉm cười, rồi cười phá lên, giờ thì mọi chuyện đã rõ ràng. Các hũ mật ong chất đầy tủ, hàng chục hộp gỗ xếp quanh vườn, một bà già mặc bộ đồ phi hành gia kỳ cục.

“Xơ biết mợ của tôi.”

“À.” Tôi không biết phải hiểu câu trả lời đó thế nào. Xơ không lộ vẻ ngạc nhiên mà cũng không đặt câu hỏi gì với tôi. Bà vẫn còn nắm lấy tay tôi. Tôi không muốn rút tay ra vì nể mặt bà là một nữ tu, nhưng chuyện này làm tôi thấy ớn lạnh. Tôi nói tiếp.

“Mợ tôi là Rosaleen, còn cậu tôi là Arthur. Ông ấy là người coi sóc ở đây. Họ sống trong căn nhà ở công lâu đài. Chúng tôi đến ở với họ một thời gian... ngắn.”

“Chúng tôi?”

“Tôi và mẹ tôi.”

“Ồ,” lông mày của xơ nhướn lên cao đến mức khiến tôi chột nghĩ chúng là những con sâu róm sắp hóa thành bướm bướm và cất cánh bay đi. “Rosaleen không kể cho xơ biết à?” tôi cảm thấy bị xúc phạm, mặc dù rất biết ơn Rosaleen tôn trọng sự riêng tư của chúng tôi. Ít nhất là cái thị trấn bé xiu như tàu ngựa mà chẳng có con ngựa nào này sẽ không bàn tán xôn xao về kẻ cư ngụ mới đến.

“Không,” Bà đáp. Rồi bà lặp lại một cách dứt khoát không mỉm cười: “Không.”

Xơ có vẻ hơi bức bối nên tôi quyết định bảo vệ Rosaleen và cứu vãn chút tình bạn mà họ có hay không “Tôi chắc rằng mợ ấy chỉ muốn giữ riêng tư cho chúng tôi, để chúng tôi có chút thời gian đương đầu với... điều đó... trước khi mợ ấy kể với mọi người.”

“Đương đầu với...”

“Việc chuyển tới ở đây,” tôi đáp chậm rãi. Nói dối một nữ tu có xấu xa không? À tôi không có chủ ý nói dối... lúc ấy tôi có phần hốt hoảng. Tôi cảm thấy cơ thể mình nóng bừng lên rồi lại lạnh buốt. Xơ Ignatius đang nói cái gì đó, miệng của xơ mở ra rồi khép lại, nhưng tôi chẳng thể nghe thấy một từ nào, tôi chỉ nghĩ tới việc nói dối xơ, về mười điều răn của Chúa, về địa ngục và những thứ tương tự, nhưng không chỉ có vậy, tôi nghĩ nếu có thể nói thật với xơ thì sẽ tuyệt biết bao. Xơ là một nữ tu, chắc tin tưởng được. “Ba tôi qua đời,” tôi nói nhanh, cắt ngang bất cứ điều tốt đẹp gì mà xơ đang nói. Tôi nghe thấy giọng mình run rẩy khi nói câu đó và đột nhiên

chẳng biết từ đâu, như khi nói chuyện với Cabáiste, nước mắt trào ra ướt đầm má tôi.

“Ôi bé con,” xơ nói, ngay lập tức dang rộng vòng tay ôm lấy tôi. Cuốn sách tôi vẫn ôm trong tay ngăn cách chúng tôi. Mặc dù bà là người hoàn toàn xa lạ, bà vẫn là một nữ tu, nên tôi ngả đầu lên vai xơ và không kiềm chế nữa, vừa khụt khịt vừa khóc nức nở, trong khi xơ vỗ về và vuốt lưng tôi. Tôi đang rên rỉ một cách hết sức đáng xấu hổ, “Vì sao ba lại làm như vậy? *Vì saoooooooo*,” thì một con ong bay thẳng vào mặt tôi và nhảy tung tung trên môi tôi. Tôi hét lên và giẫy khỏi vòng tay xơ Ignatius.

“Ong,” tôi hét tướng lên, nhảy chơi chơi và cố gắng tránh trong lúc con ong bám theo tôi. “Lạy Chúa tôi, đuổi nó đi, đuổi nó đi.”

Xơ nhìn tôi, đôi mắt hấp háy sáng khi tôi nhảy chơi chơi.

“Lạy chúa tôi, xơ làm ơn đuổi nó cho con. Cút đi, cút đi!” tôi xua tay rồi rít. “Chúng phải nghe lời xơ chứ. Chúng là đám ong chết tiệt của xơ mà.”

Xơ Ignatius chỉ tay rồi quát lên bằng giọng thâm trầm. “Sebastian, không được!”

Tôi thôi nhảy nhặng lên và nhìn sơ chăm chăm, nước mắt giờ đã biến mất. “Xơ không đùa chứ. Xơ đặt tên cho ong hả.”

“À, Jemima đang đậu trên hoa hồng, Benjamin thì đang đậu trên đóa phong lữ,” xơ nói vẻ tự hào, mắt sáng rực.

“Không thể như thế được,” tôi kêu lên, dùng tay lau mặt, xấu hổ vì đã òa khóc. “Tôi cứ tưởng *chính tôi* tâm thần cơ.”

“Đương nhiên là ta đùa rồi,” rồi xơ phá lên cười, giọng cười trẻ con trong trẻo tuyệt vời lập tức làm tôi mỉm cười theo. Tôi nghĩ đó là khi tôi biết mình mến xơ Ignatius.

“Tên con là Tamara.”

“Ừ,” bà nói, nhìn tôi, xem xét tôi, như thể xơ đã biết từ lâu.

Khuôn mặt của xơ khiến tôi mỉm cười.

“Xơ có được phép, chẳng hạn như, nói chuyện không? Chẳng phải các bà xơ phải giữ im lặng sao?” tôi nhìn xung quanh. “Đừng lo, con sẽ không méc đâu.”

“Nhiều xơ khác sẽ đồng ý với con,” xơ cười khúc khích. “Nhưng đúng, xơ được phép nói chuyện. Xơ chưa từng thề phải giữ im lặng.”

“Ồ. Các nữ tu khác có coi thường xơ vì điều đó không?”

Xơ lại cười, giọng người ngọt ngào, trong trẻo như một khúc hát.

“VẬY lâu lắm rồi xơ không gặp người lạ hả? Như vậy có phải là phạm nội quy không? Đừng lo, con sẽ không méc đâu. Mặc dù Obama hiện giờ là tổng thống của Hoa Kỳ,” tôi nói đùa. Khi xơ không trả lời, nụ cười của tôi tắt dần. “Chết tiệt. Chẳng lẽ xơ cũng không được quyền biết những chuyện như vậy? Chuyện về “thế giới bên ngoài” ấy? Chắc nữ tu thì phải sống cô lập và liên tục bị theo dõi như trong phim *Big Brother* phải không?” Xơ chợt định thần lại và phá lên cười lần nữa, nét mặt xơ trông ngây thơ hết như cậu bé Benjamin Button trong phim *Dị nhân Benjamin Button*.

“Con thật là một thứ đặc biệt.”

Xơ vừa nói vừa cười nên tôi cố để không tự ái.

“Con đang cầm gì đó?” Xơ hỏi, nhìn cuốn sách mà tôi vẫn đang ôm trên tay. “Ồ, cái này,” cuối cùng tôi cũng thôi không siết chặt nó nữa. “Con tìm thấy nó ngày hôm qua trên... ồ... thực ra. Con nợ xơ một cuốn sách.”

“Đừng có đùa thế.”

“Không, thực đó. Marcus, ý con muốn nói là Thư viện lưu động hôm qua có đến tìm xơ và con không biết xơ là ai.”

“Ồ, vậy thì con nợ ta một cuốn sách,” xơ nói, mắt lấp lánh. “Để xơ xem nào, tác giả là ai?”

“Con cũng không biết tên tác giả hay nhan đề cuốn sách. Đây không phải là Thánh kinh hay mấy thứ tương tự, chắc xơ không thích đâu.” Tôi đáp, miễn cưỡng đưa nó cho xơ. “Có thể có cảnh tình dục, chửi thề, đồng tính, ly dị và những thứ tương tự.”

Xơ nhìn tôi, mím môi và cố gắng không mỉm cười.

“Con không mở ra được,” tôi nói, cuối cùng cũng đưa nó cho xơ. “Nó bị khóa.”

“À, ta sẽ xem xem. Đi theo ta.” Xơ lập tức cấp cuốn sách ra khỏi lối vào kia để tới khu vườn có tường quây.

“Xơ đi đâu vậy?” tôi gọi với theo.

“*Chúng ta* đi đâu chứ,” xơ sửa lại. “Hãy đến gặp các xơ đi, họ sẽ rất vui mừng được gặp con. Và ta sẽ mở cuốn sách ra trong lúc con trò chuyện với họ.”

“Ồ. Không. Cứ để vậy đi.” Tôi đuổi theo xơ để lấy lại cuốn sách.

“Chúng ta chỉ có bốn người thôi. Chúng ta không cần đâu. Đặc biệt là khi ăn món bánh mì mà xơ Mary làm, nhưng đừng mách với xơ ấy là ta nói vậy nhé.” Bà nói thì thảo và cười khúc khích.

“Nhưng xơ ơi, con không quen với những người tu hành. Con thực sự không biết phải nói gì.”

Xơ cười nụ cười ấy một lần nữa và lạch bạch đi về phía vườn cây ăn quả trong bộ đồ kỳ cục.

“Con không biết bất cứ điều gì về các nữ tu sao, Tamara?”

“Con đã xem bộ phim *The Magdalene Sisters* ba lần,” tôi trả lời, hồn hên rảo bước theo xơ. “Vì vậy, trừ phi xơ định tẩy não con thì chúng ta vẫn

ồn.”

Xơ nhìn tôi vẻ nghiêm túc, nhưng tôi vẫn tiếp tục nói.

“Cái cây được khắc đầy chữ lên là sao vậy xơ,” tôi chuyển đề tài.

“À, con đã thấy vườn táo của chúng ta rồi à? Con biết đấy, một số người nói, táo là cây tình yêu,” xơ nói, mắt mở to và khi xơ cười, hai lúm đồng tiền hiện lên má. “Nhiều người trong đám thanh niên quanh đây đã tỏ lộ tình yêu với nhau lên cái cây đó.” Xơ tăng tốc, cố bứt ra khỏi câu chuyện tình yêu kỳ diệu. “Hơn nữa nó tốt cho đám ong. Và đám ong cũng tốt cho cây ăn trái. Ô, cũng có vằn điệu đấy chứ,” xơ cười khúc khích. “Arthur chăm sóc vườn cây rất tuyệt. Chúng ta có những trái táo Granny Smith ngon lành nhất ở đây.”

“Ồ, thì ra đó là lý do tại sao Rosaleen làm cả ba ngàn cái bánh táo mỗi ngày. Con ăn nhiều táo đến mức táo tòi cả ra...”

Xơ nhìn tôi.

“...đăng tai.”

Xơ cười, tiếng cười ngân nga như hát.

“Vậy,” tôi hớn hên nói, cố gắng theo kịp bước chân nhanh thoăn thoắt của xơ. “Sao chỉ có bốn xơ thôi ạ?”

“Ngày nay thì không có nhiều người muốn trở thành nữ tu. Nữ tu không phải là nghề mà nói như kiểu bọn con là gì nhỉ, oách à?”

“À, không phải chỉ vì không oách, hoàn toàn không chỉ có vậy, nhưng, con không có ý xúc phạm đến Thiên Chúa hay cái gì cả, có lẽ nguyên nhân sâu xa là vì luật lệ cấm quan hệ tình dục thôi. Nếu các xơ được phép quan hệ tình dục, con bảo đảm hàng đống các cô gái sẽ muốn trở thành nữ tu. Tuy nhiên, với tình hình của con thể này, con sẽ sớm tham gia với các xơ thôi, tôi nhường mắt.

Xơ Ignatius phá lên cười. “Chuyện gì tới sẽ tới, bé con của ta, chuyện gì tới sẽ tới. Con mới mười bảy mà. Gần mười tám, ôi chao.”

“Con mười sáu.”

Xơ dừng bước và quay sang dò xét tôi với nét mặt kỳ lạ. “Mười bảy.”

“Vài tuần nữa mới mười bảy.” tôi thở lấy thở để.

“Vài tuần nữa sang mười tám,” xơ cau mày.

“Con cũng muốn thế lắm, nhưng thực sự con mới mười sáu, mọi người luôn nghĩ con già hơn tuổi thật.”

Xơ nhìn chăm chăm vào tôi như thể tôi là một vật thể lạ, và căng óc suy nghĩ đến mức tôi có cảm giác như mình nghe thấy não xơ đang kêu xèo xèo. Rồi xơ lại tiếp tục rảo bước. đi bộ thật lực năm phút nữa, tôi thở phì phò nhưng xơ Ignatius vẫn hâu như không đổ một giọt mồ hôi. Chúng tôi đi qua mấy tòa nhà nữa, trông như nhà vệ sinh và tàu ngựa cũ. Rồi đến một nhà thờ. “Có một cái nhà nguyện ở đó,” xơ Ignatius giải thích. “Gia đình Kilsaney xây cuối thế kỷ 18.”

Nhớ lại nội dung của chuyên đề mình làm ở trường, tôi không thể rời mắt khỏi nó, không thể tin rằng những gì tôi sao chép từ Internet không chỉ là bài tập về nhà hoặc những từ ngữ sáo rỗng, nó quả thật có tồn tại. Nó là một ngôi nhà nguyện nhỏ, dựng bằng đá xám, hai cây cột ở phía trước nứt nẻ như đất bỏ hoang không nhìn thấy nước trong nhiều thập kỷ. Trên đỉnh là một tháp chuông. Bên cạnh có một nghĩa địa cũ được bảo vệ bởi ba vòng rào sắt đá gỉ sét – chẳng biết mục đích gì là giữ người chết ở bên trong hay chặn không cho người ngoài tiến vào, dù sao thì chỉ nhìn thôi tôi đã rùng mình rồi. Tôi nhận ra là mình đang dừng bước và nhìn nó chăm chăm – trong khi xơ Ignatius lại đang nhìn chăm chăm tôi.

“Tuyệt. Con đang sống trên đất nghĩa trang. Thật là hào hoa quý phái.”

“Bao nhiêu đời nhà Kilsaney đều được chôn ở đây,” xơ nhẹ nhàng nói. “Đúng ra là họ cố chôn đủ chừng nào hay chừng ấy, những thi thể không tìm được, họ đặt bia mộ thay thế.”

“Những thi thể không tìm được, vậy nghĩa là sao?” tôi kinh hoàng hỏi.

“Thế hệ chiến tranh, Tamara, một số người nhà Kilsaney đã bị giam giữ ở lâu đài Dublin, những người khác đi du lịch hay tham gia cách mạng.”

Im lặng một thoáng trong khi tôi lướt mắt qua những bia mộ cũ, một số phủ rêu xanh, một số đen xỉ và nghiêng ngả, những chữ khắc phía trên đã mờ không còn đọc được nữa.

“Thật ớn muốn chết. Xơ buộc phải sống cạnh nghĩa trang ư?”

“Ta vẫn hay cầu nguyện ở đó.”

“Cầu nguyện cho điều gì? Cho mấy bức tường không đổ sập xuống đầu xơ sao? Trong như chúng sẽ đổ sập bất cứ lúc nào rồi đó.”

Xơ cười. “Dù sao nó vẫn là một nhà thờ.”

“Không đời nào. Hằng tuần lễ Misa vẫn diễn ra trong đó sao?”

“Không,” xơ lại mỉm cười. “Lần cuối cùng nó được dùng là khi...” xơ nhắm chặt mắt lại, môi mấp máy cứ như đang đọc kinh suốt mấy thập kỷ. Sau đó, mắt xơ mở ra. “Biết gì không, Tamara, con nên xem lại hồ sơ để biết được ngày chính xác. Tên tất cả mọi người đều có ghi rõ trong đó. Bọn xơ để nó trong nhà, vào xem qua một lát đi, được không?”

“Ồ. Không. Vô cùng cảm ơn xơ,”

“Ta cho rằng con sẽ xem khi con sẵn sàng làm điều đó,” xơ nói rồi lại tiếp tục bước đi. Tôi vội vã tăng tốc để theo kịp xơ.

“VẬY XƠ SỐNG Ở ĐÂY BAO LÂU RỒI?” TÔI HỎI, BƯỚC THEO XƠ VÀO TRONG MỘT CHÁI NHÀ NGANG GIỜ ĐƯỢC DỪNG LÀM NƠI CHỨA ĐỒ ĐẠC.

“Ba mươi năm.”

“Ba mươi năm ở đây ư? Chắc là phải cô đơn lắm trong suốt thời gian đó.”

“Ồ, không đâu, khi XƠ MỚI TỚI THÌ Ở ĐÂY CŨNG NHỘN NHỊP LẮM, DÙ CON CÓ TIN HAY KHÔNG. BA VỊ XƠ KIA LÚC ĐÓ CŨNG ĐI LẠI NHIỀU HƠN. XƠ LÀ NGƯỜI TRẺ NHẤT Đấy, BÉ CON Ạ,” XƠ PHÁ LÊN CƯỜI TRONG TRỀO NHƯ MỘT BÉ GÁI. “LÂU ĐÀI, NGÔI NHÀ NGOÀI CỔNG... LÚC ẤY QUẢ THỰC LÀ NHỘN NHỊP. NHƯNG XƠ CŨNG THÍCH SỰ TĨNH MỊCH HIỆN GIỜ. BÌNH YÊN. GẦN VỚI THIÊN NHIÊN. GIẢN ĐƠN. THỜI GIAN NHƯ DỪNG LẠI.”

“NHƯNG CON TƯƠNG LÂU ĐÀI BỊ CHÁY VÀO NHỮNG NĂM 1920.”

“Ồ, NÓ BỊ CHÁY NHIỀU LẦN LẮM. LẦN ĐÓ CHỈ BỊ CHÁY MỘT PHẦN THÔI. GIA ĐÌNH NHÀ HỌ ĐÃ DỐC SỨC TÂN TRANG LẠI. VÀ HỌ ĐÃ LÀM RẤT TỐT. NÓ THỰC SỰ RẤT MỸ LỆ.”

“XƠ TỪNG VÀO TRONG RỒI À?”

“Ừ, ĐÚNG VẬY,” XƠ TỎ VẼ NGẠC NHIÊN TRƯỚC CÂU HỎI CỦA TÔI. “RẤT NHIỀU LẦN.”

“VẬY ĐIỀU GÌ ĐÃ XẢY RA VỚI NÓ?”

“MỘT TRẬN HỎA HOẠN,” XƠ NÓI RỒI NHÌN ĐI CHỖ KHÁC, ĐẶT HỘP DỤNG CỤ LÊN CHIẾC BÀN LÀM VIỆC BỪA BỌN RỒI MỞ NÓ RA. NĂM NGĂN KÉO ĐƯỢC KÉO RA, NGĂN NÀO CŨNG ĐẦY ĐÌNH ỐC VÀ VÍT, XƠ TRÔNG HẾT NHƯ MỘT CON CHIM GỖ KIẾN CHUYÊN LƯỢM LẶT VÀ CẮT GIỮ.

“LẠI NỮA À?” TÔI TRỌN MẮT. “THIỆT TÌNH, THẬT LÀ NHẢM NHÍ QUÁ ĐI. MÁY BÁO KHỎI CỦA NHÀ CON ĐƯỢC NỔI THĂNG TỚI TRẠM CỨU HỎA ĐỊA PHƯƠNG. XƠ CÓ MUỐN BIẾT VÌ SAO CON BIẾT KHÔNG? CON HÚT THUỐC TRONG PHÒNG MÀ KHÔNG MỞ CỬA SỔ, VÌ BÊN NGOÀI LẠNH CÓNG, CÒN CỬA RA VÀO THÌ MỖI LẦN CON MỞ RA NÓ LẠI

tự động đóng lại đánh rầm, thật phiền chết được. Thế là trong lúc con đang bật nhạc hết cỡ, cửa phòng con chợt bị đẩy tung bởi một anh chàng lính cứu hỏa nóng bỏng hết cỡ, xơ đừng trách con vì đã dùng từ như thế nhé, hóa ra chàng ta tường phòng con bị bốc cháy.”

Yên lặng, xơ Ignatius vừa lắng nghe vừa lục lợi hộp đồ nghề.

“À, mà anh chàng cũng tưởng con mười bảy tuổi đấy.” tôi cười. “Sau đó anh chàng có gọi đến nhà tìm con, nhưng ba nghe máy và dọa sẽ tống anh chàng vào tù. Đúng là làm lớn chuyện.”

Yên lặng.

“Sao cũng được, thế mọi người vẫn ổn cả phải không?”

“Không,” xơ đáp, và tôi nhận ra mắt xơ long lanh lệ khi xơ ngược mắt nhìn thoáng qua tôi, “Thật không may.” Xơ chớp mắt lia lịa để tống mấy giọt nước mắt đi trong lúc không ngừng ồn ào lục lợi các ngăn kéo, bàn tay nhăn nheo nhưng vẫn cứng cáp của xơ lướt qua đồng đinh ốc và tua vít. Tay phải xơ đeo nhẫn vàng trông giống như nhẫn cưới, nó bóp chặt ngón tay, hằn sâu vào thịt, tôi nghĩ xơ muốn tháo ra cũng không được. Tôi muốn hỏi nhiều hơn về tòa lâu đài nhưng không muốn làm xơ buồn thêm, hơn nữa, trong tiếng lục đồ um sùm như vậy, tôi có hỏi xơ cũng chẳng nghe thấy.

Thế là chúng tôi chẳng nói gì trong lúc xơ tìm kiếm chiếc tua vít thích hợp trong hộp dụng cụ. Xơ cố thử vài ba cái, tôi nhìn riết đến phát chán rồi uể oải lê người quanh nhà để xe. Các hàng kệ xếp đồ chồng lên nhau kín hết các bức tường. Một cái bàn dài từ đầu nọ sang đầu kia nhà xe treo đầy đồ lặt vặt và mấy thứ máy móc kỳ cục đến mức tôi chẳng biết chúng được dùng làm gì. Đây đúng là hang động của Aladin dành cho những tay mê táy máy.

Tôi nhìn quanh nhưng đầu tôi nhảy múa với những câu hỏi về các thông tin mới biết được về tòa lâu đài. Vậy là có người sống trong đó sau trận hỏa hoạn vào những năm 1920, xơ Ignatius nói là xơ đã ở đây được 30

năm, và đã ghé thăm tòa lâu đài sau khi nó được sửa sang lại. Khi ấy là cuối thập niên, 1970. Tôi cảm thấy tòa lâu đài đã bị hoang phế lâu hơn thế nhiều.

“Thế mọi người ở đâu?”

“Trong nhà. Giờ đang chiếu chương trình *Viết về án mạng*. Họ thích xem lắm.”

“Không, ý con muốn hỏi gia đình Kilsaney đấy. Họ ở đâu?”

Xơ thở dài. “Hai ông bà chủ. Họ chuyển đến sống với họ hàng ở Bath. Họ không nữa nhìn tòa lâu đài ra nông nổi này. Con biết đấy, họ không có thời gian, không có sức lực cũng như tiền bạc để xây dựng lại.”

“Họ có bao giờ quay lại thăm nó không?”

Xơ nhìn tôi vẻ buồn bã. “Họ đã qua đời rồi, Tamara ạ. Xơ rất tiếc.”

Tôi nhún vai. “Có gì đâu. Con chẳng quan tâm.” Giọng của tôi vui vẻ một cách quá giả tạo, đầy vẻ đề phòng. Vì sao? Tôi thực sự có quan tâm gì đâu. Tôi chẳng quen biết gì với họ, vì sao tôi phải quan tâm chứ? Nhưng tôi quả thật có quan tâm. Có lẽ vì họ đã qua đời nên tôi cảm thấy mọi câu chuyện buồn đều có liên quan đến mình. Tôi chẳng biết nữa. Vú em của tôi, Mae, rất thích xem các chương trình ti vi nói về các vụ phá án. Khi ba mẹ không có nhà, bà ta chiếm ngay lấy ti vi ngoài phòng khách xem chương trình *Hồ sơ FBI* khiến tôi sợ phát khiếp. Không phải là vì các tình tiết rùng rợn, tôi còn xem những thứ tồi tệ hơn nhiều, mà là vì bà ta quá hứng thú tìm hiểu cách che giấu hành vi phạm tội. Tôi nghĩ rằng bà ta sẽ giết tất cả chúng tôi trong khi chúng tôi ngủ. Nhưng bà ta pha cà phê sữa ngon tuyệt, cho nên tôi cũng không chàm chọc bà ta quá nhiều vì sợ bà ta sẽ cảm thấy bị xúc phạm và không thêm pha cà phê sữa nữa. Nhờ xem qua những chương trình này, tôi mới biết được từ “đầu mối” bắt nguồn từ “cuộn chỉ”, bởi vì trong thần thoại Hy Lạp, một gã Hy Lạp đã dùng cuộn chỉ để tìm đường ra khỏi mê cung của con quái vật đầu bò mình người Minotaur. Đó là một thứ giúp

ta đến được tận cùng của một thứ gì đó, hoặc có lẽ đến được điểm bắt đầu. Cũng giống như bộ định vị vệ tinh của Barbara và vết vụn bánh mì tôi đã rải từ ngôi nhà ở cổng lâu đài đến Killiney, đôi khi chúng ta hoàn toàn không biết chúng ta đang ở đâu, chúng ta cần có một đầu mối dù nhỏ nhoi nhất để chỉ cho chúng ta biết nơi cần bắt đầu.

Cuối cùng thì cái ổ khóa cũng đầu hàng xơ và bật ra.

“Xơ Ignatius, xơ là một tay trộm tài ba,” tôi trêu xơ.

Xơ bật cười vui vẻ. Khi xơ lật trang bì nặng nề ra, trái tim tôi run rẩy. Giọng nói của Zoey và Laura bảo rằng tôi thật đáng xấu hổ, và trong một thoáng tôi cũng cảm thấy thế cho đến khi Tamara của thế giới mới dùng gậy đánh đuổi những giọng nói đó đi. Nhưng khi xơ Ignatius mở hẳn quyển sách ra, cơn xấu hổ khủng khiếp lại ập tới, kéo theo cơn giận dữ, bởi trong quyển sách chẳng có gì. Chỉ là những trang giấy trống trơn.

“Hừm... để xem nào,” xơ Ignatius nói, lật nhanh những trang giấy dày cộm màu trắng ngà, rìa lam nham như được làm từ thế kỷ trước vậy. “Những trang giấy trông chờ đợi được viết lên,” xơ thốt lên với giọng ngưỡng mộ.

“Tuyệt vời làm sao,” tôi đảo mắt.

“Tuyệt vời hơn những trang đầy chữ chữ. Bởi nếu vậy con chẳng thể nào viết được lên.”

“Ít nhất thì con có thể đọc. Thế nên nó được gọi là *quyển sách*,” tôi đáp, một lần nữa cảm thấy nơi này khiến cho tôi thất vọng.

“Con cũng muốn được trao cho một cuộc đời để sống đến tận cùng hả Tamara, để con có thể ngồi xuống và quan sát nó, hay con muốn tự sống cuộc đời của con,” xơ hỏi lại, đôi mắt lấp lánh ánh cười.

“Ờ, xơ giữ nó đi,” tôi bước xa khỏi nó, không còn quan tâm đến thứ mà tôi từng ôm ấp, cảm thấy nó đã khiến tôi thất vọng.

“Không đâu, bé yêu. Nó là của con. Con hãy sử dụng nó.”

“Con không viết đâu. Con ghét cái trò đó. Nó khiến những ngón tay con chai sần. Và đầu nhức nữa. Con thà gửi thư điện tử còn hơn. Dù sao chẳng nữa, con cũng không thể làm vậy. Nó là của Thư viện lưu động, Marcus sẽ muốn lấy lại nó. Con phải gặp anh ấy để trả lại quyền sách.” Tôi để ý thấy giọng mình trở nên dịu dàng hơn khi thốt ra câu cuối cùng. Đúng là ấu trĩ, tôi cố giấu nụ cười. Xơ Ignatius cũng để ý thấy, xơ mỉm cười và nhướn mày. “À, con vẫn có thể gặp Marcus để *kể về quyền sách* mà,” xơ trêu. “Anh chàng sẽ hiểu mà, cũng như xơ thôi, rằng ai đó đã quyên tặng quyền nhật ký cho thư viện, tưởng nó là một quyền sách.”

“Nếu con giữ lại nó thì có phạm phải một tội lỗi tày trời nào không?”

Xơ Ignatius đảo mắt hết như tôi hay làm, và đầu đang cảm thấy khó chịu, tôi vẫn phải mỉm cười.

“Nhưng con chẳng có gì để viết cả,” lần này giọng tôi đã dịu hơn một chút.

“Lúc nào cũng có thứ gì đó để viết. Vài suy nghĩ của con. Xơ chắc là con có nhiều suy nghĩ lắm đấy.”

Tôi nhận lại quyền sách, ba hoa chích chòe một hồi rằng việc viết nhật ký là chuyện của những kẻ vô công rồi nghề, rằng tôi chẳng hứng thú tí nào. Nhưng mặc cho tất cả những gì tôi nói, khi ôm lấy nó trong tay, thật ngạc nhiên là tôi cảm thấy an lòng hơn. Chỗ của nó là ở trong tay tôi.

“Viết về những gì trong này này,” xơ Ignatius chỉ vào thái dương, “Khu vườn bí mật, ai trong chúng ta cũng có một khu vườn như thế cả.”

“À, con đã tìm thấy khu vườn của xơ hôm nay,” tôi mỉm cười. “Nó không còn bí mật nữa, xơ à.”

“À, phải rồi, chúng ta luôn luôn nên chia sẻ với một ai đó.” Xơ chỉ vào cuốn sách. “Hoặc thứ gì đó.”

Chương 9: Một lời tạm biệt dài

Buổi tối ập tới lúc tôi tìm đường quay về căn nhà ở công lâu đài, bụng sôi sùng sục vì chưa được ăn miếng nào kể từ bữa trưa với món bánh kẹp Mỹ và quả việt quất mà mẹ Zoey làm. Vẫn như mọi lần trước, Rosaleen đứng trước cánh cửa mở rộng của ngôi nhà nhìn ra ngoài, nhúu mày lo lắng, điên cuồng liếc hết trái rồi lại liếc phải tìm kiếm cứ như thể tôi sẽ xuất hiện bất kỳ lúc nào. Mẹ đã đứng suốt như thế bao lâu rồi nhỉ?

Mẹ lập tức phản ứng khi nhìn thấy tôi đi đến, tay vuốt vuốt gần ngay chỗ tể nhị cho váy phẳng ra. Cái váy màu nâu sô cô la có họa tiết dây leo xanh mọc lan từ vạt váy lên tới cổ. Một con chim ruồi chễm chệ trên ngực mẹ, và sau đó tôi để ý thấy một con khác đậu trên móng trái mẹ. Tôi không nghĩ đó là ý đồ của nhà thiết kế, nhưng trớ trêu thay chiều cao của mẹ đã đặt chúng vào những vị trí oái ăm.

“Ồ, bé con đây rồi.”

Tôi cảm thấy muốn đập lại vào mặt mẹ rằng tôi không phải là bé con, nhưng rồi tôi chỉ nghiêng răng mỉm cười. Tôi cần phải bao dung hơn với Rosaleen. Thừa các quý bà quý ông, đêm nay tôi là Tamara Tốt.

“Bữa tối của cháu mẹ để trong lò cho ấm đấy. Cậu mẹ không đợi lâu hơn được, thậm chí mẹ còn nghe thấy tiếng bụng cậu sôi ùng ục từ suốt tận cái phế tích kia.” Câu nói đó có vài điểm khiến tôi bức bối. Đầu tiên, mẹ không gọi cậu Arthur bằng tên, thứ nhì, cuộc nói chuyện của chúng tôi lại xoay quanh chủ đề đồ ăn thức uống thêm một lần nữa, và thứ ba mẹ gọi tòa lâu đài là phế tích. Thay vì giậm chân giậm dỗi, Tamara Lịch Sự chỉ mỉm cười và ngọt ngào đáp lại, “Cảm ơn, Rosaleen. Cháu sẽ ngó qua ngay đây.”

Tôi xoay người định đi tới cầu thang, nhưng cử động đột ngột của mẹ, một cú giật bắn người như vắn động viên ở vạch xuất phát đang trông

đợi một tiếng súng hiệu lệnh, khiến tôi không sao nhúc nhích nổi. Tôi không dám nhìn mẹ, chỉ lẳng lặng chờ mẹ lên tiếng.

“Mẹ cháu đang ngủ, cháu không nên làm phiền mẹ lúc này.” Giọng mẹ đã không còn vẻ lắp bắp lấy lòng nữa. Tôi không hiểu mẹ nhưng có lẽ mẹ cũng chẳng hiểu tôi. Tamara Không-Tốt lờ mẹ đi và tiếp tục bước lên lầu. Tôi gõ nhẹ vào cửa phòng mẹ trong lúc ánh mắt ử rử của Rosaleen in dấu lên người tôi, dù gì tôi cũng chẳng mong mẹ trả lời nên cố bước vào phòng.

Căn phòng tối hơn hẳn lúc trước. Màn tuy được vén lên, nhưng mặt trời đã trượt vào một cái gì đó êm ái và dễ chịu hơn trong buổi chiều muộn khiến căn phòng lạnh lẽo và tối tăm hơn. Suốt cả tháng vừa qua, đây là lần đầu tiên tôi thấy mẹ trông ra dáng một bà mẹ, và đó không phải nhờ bản năng làm mẹ của bà. Tấm chăn vàng được kéo lên tới tận ngực mẹ, hai cánh tay áp chặt vào hai bên sườn dưới lớp chăn, cứ như một con nhện khổng lồ đã từng dùng mạng quấn chặt lấy mẹ để giết chết ăn thịt bà vậy. Tôi nghĩ chỉ Rosaleen mới đắp chăn cho mẹ kiểu như vậy. Rõ ràng là mẹ không thể tự quấn chăn quanh mình chặt đến thế. Tôi nói lỏng chăn, nhấc tay mẹ dịch ra ngoài, rồi quỳ xuống bên cạnh mẹ. Khuôn mặt mẹ bình yên như thể bà vừa thưởng thức món bánh cuộn nhân kem béo và món yaua ưa thích của mình. Mẹ nằm yên bất động đến nỗi tôi phải dán tai vào sát mặt mẹ để biết chắc mẹ vẫn còn đang thở.

Rồi tôi quan sát mẹ, mái tóc vàng xõa trên gối, hàng mi dài rủ xuống trên làn da hoàn hảo không chút tàn nhang. Môi mẹ hơi hé ra, hơi thở mẹ dịu dàng, ngọt ngào và ấm áp.

Có lẽ vì tôi là người kể chuyện nên khiến người đọc có ấn tượng sai lầm về mẹ. Hình ảnh người góa phụ đau buồn mặc chiếc áo tay phồng ngồi trên ghế nhựa, đờ đẫn nhìn ra ngoài cửa sổ khiến mẹ tôi có vẻ khá già cỗi. Nhưng mẹ thực ra không hề già. Mẹ rất đẹp.

Mẹ chỉ mới ba mươi bốn tuổi, trẻ hơn mẹ của đám bạn tôi rất nhiều. Mẹ sinh tôi lúc mới mười tám. Ba lớn tuổi hơn mẹ, ông hai mươi lăm. Ba rất thích kể lại câu chuyện về lần đầu họ gặp nhau, đầu mỗi lần kể câu chuyện lại hơi khác đi một chút. Tôi nghĩ ba cố ý làm thế, nâng niu sự thật chỉ thuộc về hai người. Đó là một điều tốt đẹp về ba, và tôi chẳng hề phiền nếu họ không bao giờ kể cho tôi sự thật, có lẽ bởi câu chuyện thực sẽ không sinh động như những câu chuyện tôi được nghe kể và tự hình dung ra. Điều chung duy nhất trong tất cả những câu chuyện ba kể là họ gặp nhau ở một bữa tiệc tối sang trọng ở đâu đó, và khi ánh mắt họ lướt qua nhau, ba biết ngay là ba phải có được mẹ. Tôi phá lên cười và nói với ba rằng ba cũng nói y chang vậy về con ngựa cái non mà ba từng thấy khi trở về từ hội chợ ngựa Goff.

Nghe vậy, ba im lặng, nụ cười và nét mặt xa xăm biến mất, trong giây phút ấy ba đã ước không có đứa con gái mới lớn như tôi, trong khi mẹ tôi có vẻ như đang suy ngẫm lời của tôi trong một khoảng lặng dài. Tôi muốn nói với ba mẹ rằng tôi không có ý xấu, đó chẳng qua là tính tôi nó thế, vụng về bộp chộp, những lời châm chọc cứ như tuôn ra từ miệng chứ không hề có chủ ý trước. Nhưng tôi không thể nói ra lời được, tôi quá kiêu ngạo. Tôi không quen nói lời xin lỗi. Nhưng tôi từ chối xin lỗi không chỉ bởi kiêu ngạo, mà còn bởi một phần trong tôi cho rằng mình có thể đã nói đúng. Đó chính xác là điều ba đã nói khi ông trở về từ hội chợ Goff. Đó cũng chính là điều ba nói mỗi khi ông nhìn thấy một cái đồng hồ mới, một chiếc thuyền mới hay một bộ vest mới, “Em phải xem qua mới được, Jennifer ạ, anh phải có nó.” Khi ba muốn thứ gì đó, ba sẽ có được nó, và tôi tự hỏi liệu mẹ có bất lực như đám ngựa cái non ở hội chợ Goff, như chiếc du thuyền ở Monaco hay mọi thứ khác trên thế giới mà ba muốn có hay không. Và nếu câu trả lời là có, tôi sẽ không lấy làm tiếc cho mẹ vì sự yếu ớt buông theo chiều gió của bà.

Tôi không nghi ngờ chuyện ba yêu mẹ. Ba tôn thờ mẹ. Ba lúc nào cũng nhìn theo mẹ, chạm vào mẹ, mở cửa cho mẹ, mua hoa, giấy, túi xách và những món quà bất ngờ để mẹ thấy ba luôn nghĩ đến mẹ vì những điều

vợ vẫn không chịu nổi, chuyện đó khiến tôi rất khó chịu. Ba chẳng bao giờ khen ngợi tôi như thế cả, và đừng giở giọng nhà tâm lý Siegmund Freud với tôi, tôi chẳng hề ghen tị đâu, ba là ba tôi, không phải là chồng tôi, tôi biết mình không có đặc quyền như mẹ, mà tôi cũng chẳng cần. Nhưng mà. Bạn không đánh mất con gái mình, phải không nào? Con thì lúc nào chẳng là con, đâu bạn có dõi mắt theo chúng hay không. Vợ thì dễ dàng đánh mất hơn nhiều. Mẹ có thể chán chồng và say nắng. Mẹ đẹp đến mức có thể chinh phục được hầu hết đàn ông mẹ gặp, ba biết rõ điều này. Những lời khen tặng thân thương ba dành cho mẹ lọt vào tai tôi lại chẳng khác nào trò nịnh trẻ ranh.

“Em yêu à, kể đi, kể cho họ nghe em đã nói gì hôm qua khi tay bồi bàn hỏi em có thích món tráng miệng hay không đi. Kể cho họ đi, em yêu.”

“Ồ, chẳng có gì đáng nói cả, George, thật mà.”

“Ồ, kể đi, Jennifer, em yêu, câu nói của em rất hài hước, thực mà.”

Và rồi mẹ sẽ kể với khách khứa, “Tôi chỉ nói rằng nhìn thực đơn tráng miệng thôi là tôi đã đủ lên ký rồi,” thế là khách khứa mỉm cười tủm tỉm, trong khi khuôn mặt ba bừng lên tự hào vì sự hóm hỉnh của vợ, và mẹ sẽ mỉm cười một nụ cười bí ẩn chẳng để lộ chút gì, còn tôi chỉ muốn đứng dậy và gào lớn, “Nhưng câu đó thật là nhảm nhí đến chết tiệt! Lời nói đùa đó có tới ba ngàn năm tuổi thọ chứ không ít! Mà nó chẳng buồn cười tí nào!”

Tôi không biết mẹ có bao giờ nhìn sự việc theo cách của tôi không. Mẹ lúc nào cũng chỉ mỉm cười, vì nụ cười đó ẩn giấu hàng triệu câu trả lời. Có lẽ đó chính là điều khiến ba nhấp nhòm, mẹ cất giấu bao nhiêu điều ở trong lòng. Có lẽ ba chẳng bao giờ hiểu cảm giác của mẹ. Hay có lẽ, chỉ đơn giản là tôi chẳng hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra giữa họ vì tôi chưa yêu bao giờ. Có lẽ yêu nghĩa là mỗi lần đối phương làm điều gì hay nói điều gì đó chán chẳng buồn chết, chúng ta sẽ chỉ muốn nhảy dựng lên sung sướng

đến mức làm nên một làn sóng thần từ đây đến tận Uzbekistan. Tôi chưa bao giờ có cảm giác đó với bất cứ ai.

Tôi luôn cảm thấy ba và tôi hoàn toàn trái ngược. Khi ba e ngại, hay sợ hãi ai đó ra đi, ba sẽ khen ngợi họ về mọi việc. Chẳng hạn như, khi bạn mẹ đến chơi, họ thường làm ba câu và ba lờ họ đi suốt thời gian họ lưu lại, nhưng khi họ rời đi, ba không cho mình quên tặng họ những vòng ôm, nụ cười và lời tạm biệt nồng ấm nhất. Ba đứng ở ngay cửa trước vẫy tay cho đến khi chiếc xe chạy khuất tầm mắt. Tôi tưởng tượng cạnh những lời bạn mẹ nói khi họ về đến nhà. “George đúng là một quý ông lịch thiệp, khi tôi về anh ấy ôm tôi đến là tình cảm, rồi sau đó giúp tôi lên xe. Ước gì anh chịu cư xử như thế với bạn tôi, Walter ạ.”

Ba coi trọng ấn tượng sau cùng hơn ấn tượng đầu tiên, điều đó khiến cho cái chết của ba thêm phần ý nghĩa. Tôi thì hoàn toàn ngược lại. Tôi giúp Barbara dễ dàng rời đi bằng cách châm chọc cô ấy, tôi làm điều tương tự với ba mẹ trong cả cuộc đời. Tôi giúp người ta dễ dàng bỏ đi hơn khi khiến họ căm ghét tôi vào khoảnh khắc đó. Những hành vi ương bướng, những lời nói chế nhạo, mỉa mai, buột khỏi miệng tôi mà tôi không ngờ người ta luôn ghi nhớ. Khi còn bé xiu tôi đã hành động như vậy. Bởi trước đó tôi thường van vãn ba mẹ đừng đi xa nhiều, nhưng họ vẫn cứ đi.

Thời gian họ ở nhà chỉ dùng để nạp năng lượng, thường vì họ quá kiệt sức và mệt mỏi để ở cùng nhau, thế là họ tách rời nhau vào buổi tối và mỗi người một phòng. Chúng tôi không bao giờ có thời gian ở chung với nhau. Bây giờ tôi đã biết điều mình mong muốn hơn một số thứ, nhưng không phải *tất cả*, đó là cả nhà chúng tôi ở bên nhau, tự nhiên, thoải mái và dễ chịu, chứ không gượng gạo như lời ba mẹ gọi tôi vào phòng để đưa quà cho tôi hay đưa ra một thông báo bất ngờ nào đó.

“Nào, Tamara, con biết con may mắn thế nào rồi đây,” mẹ sẽ bắt đầu như thế, mẹ luôn có cảm giác áy náy khủng khiếp vì tất cả những gì chúng tôi đang có. “Rất nhiều cô bé cậu bé không có cơ hội này...”

Khi ấy trong tôi không hề cảm thấy chút phần khích nào như ba mẹ đang nghĩ, dẫu tôi cố làm ra vẻ như vậy. Tôi chỉ nghe thấy giọng nói của mình vang lên, bla bla bla nói thẳng vào đề đi, mẹ cho con cái gì nào?

“Nhưng, vì con rất ngoan và hiệu được giá trị của mọi thứ tuyệt vời mà con đang có, và vì con là đứa con gái đặc biệt của chúng ta...”

Bla bla bla. Đó không phải là một món quà, tôi chẳng thấy có chút gì tương tự trong phòng cả. Áo mẹ không có túi, tay ba đút vào túi quần, cho nên rõ ràng là họ không giấu trong người. Chúng tôi sẽ đi đâu đó. Hôm nay là thứ tư. Ba đi tập đánh golf vào mỗi thứ năm hằng tuần, mẹ có hẹn đi rửa ruột hàng tháng, nếu không thì mẹ sẽ bị nổ tung ra mất, do đó chúng tôi sẽ không đi đâu trước thứ sáu. Dịp đi chơi sẽ vào cuối tuần. Vậy nơi nào đủ gần để đi vào cuối tuần đây?

“Ba mẹ đã bàn tính một thời gian và ba mẹ cảm thấy...”

Bla bla bla. Có lẽ đi London vào cuối tuần. Nhưng ba mẹ lúc nào cũng đi London, tôi cũng đã đi rồi, và trông họ có vẻ phần khích lắm. Vậy là một nơi nào đó tôi chưa đi bao giờ. Paris. Tương đối gần. Ở đó ba mẹ có nhiều chuyện để làm: mẹ có thể đi mua sắm, ba sẽ đi theo mẹ, bí mật mua những thứ mẹ thích nhưng bà không mua vì quá đắt, và tôi có thể làm cái gì? Tôi có thể làm gì ở Paris chứ? Ồ tôi biết rồi. À. Eurodisney. Tuyệt.

“Ba mẹ cho con đoán ba lần nhé,” mẹ gần như reo lên vì phần khích.

“Ồ, xời ạ, không thể nào, sao con đoán được chứ?” tôi nói, làm ra bộ bối rối, hồi hộp và kích động, cố gắng động não. “Được rồi,” tôi cắn môi, “mình sẽ đến nhà cậu Arthur và mợ Rosaleen vào cuối tuần nay phải không ạ?” tôi hỏi thế. Tôi học được rằng nếu càng sai sự thật thì ba mẹ chúng ta sẽ càng vui hơn trước sự ngỡ ngàng và bất ngờ khủng khiếp của con. Tôi đoán thêm 2 chỗ nhằm nhí khác và quan sát thấy mẹ suýt chút nữa nổ tung vì phần khích. Chúa phù hộ cho mẹ.

“Chúng ta sẽ đi Eurodisney, ở Paris!” mẹ kêu lên, nhảy tung tung và ba rút xấp bản đồ để chỉ cho tôi thấy nơi chúng tôi sẽ ở. Mẹ sẽ tìm kiếm cảm xúc trên gương mặt tôi, ba cúi gằm xuống bản đồ, lập tức chỉ ra đủ thứ. Chuyện phải làm, chỗ cần xem, thứ có thể mua, thứ sẽ có. Nhìn chỗ này, lật giấy soàn soạt, nhìn chỗ kia. Thứ này, thứ kia, thứ nọ.

Dẫu ba mẹ có thông minh và chiều con tới đâu, thì những đứa con lúc nào cũng đi trước một bước.

Để quay lại ý tôi muốn nói, tôi quậy một trận tung bừng một đêm nọ trước khi ba mẹ đi. Tôi ném những lời cay độc vào ba mẹ, không phải để khiến họ cảm thấy tội lỗi, mà bởi hồi đó, tôi thực sự nghĩ sao nói vậy. Nhưng dù sao thì ba mẹ cũng đi, và bởi vì họ cảm thấy có lỗi khi bỏ tôi một mình, tôi chẳng gặp rắc rối gì khi nói năng hỗn hào như thế cả. Tôi học được một điều rằng dù tôi có nói gì thì ba mẹ cũng đi thôi, cho nên thay vì buồn bã và xấu hổ trước mặt Mae khi bị bỏ lại nhà một mình, tôi đẩy ba mẹ đi. Tôi nắm quyền chủ động.

Mấy tuần trước ngày tự sát, có thể lâu hơn thế nhưng tôi không chắc lắm, ba cư xử rõ kỳ quặc. Tôi không hề nói với ai về điều này. Tôi cho rằng đó là những chuyện nên viết trong nhật ký. Tôi nghĩ ba sắp rời bỏ chúng tôi. Tôi cảm thấy có gì đó không ổn, nhưng tôi không rõ là gì. Ba dễ thương một cách bất thường. Như tôi nói khi nãy, ba luôn dịu dàng với mẹ, và khi tôi ngoan ngoãn ba cũng sẽ dịu dàng với tôi, nhưng kiểu cư xử dễ thương này giống như một lời tạm biệt dài đằng đẵng từ cửa trước. Ấn tượng cuối cùng thật dài và thật đẹp đẽ. Một lời tạm biệt dài, chết toi. Tôi cảm thấy có gì đó sắp xảy ra, hoặc chúng tôi ra đi, hoặc ba sẽ ra đi.

Ngay cả khi rất nhiều người hỏi về hành vi của ba, sau khi ba mất, tôi vẫn giữ vẻ ngây thơ và bối rối y hệt như mẹ, “Không, không, cháu chẳng thấy có gì không ổn cả.” Ôi, tôi biết nói gì với họ đây? Tuần trước ngày ba mất, cháu cảm thấy ba như đang đứng trước cửa vẫy tay tiễn chúng cháu, thật lâu sau khi chúng cháu đã đi khuất khỏi tầm nhìn ư. Tôi sẽ được chứng nhận là điên và được kéo qua làng Killiney trong một cũi sắt ngay lập tức.

Tôi cảm thấy có chuyện gì đó sắp xảy ra và tôi làm điều tôi luôn làm, tôi bắt đầu đẩy ba đi. Tôi chàm chọc ba nhiều hơn bình thường, cư xử hỗn hào hơn bình thường, hút thuốc trong nhà, về nhà trong tình trạng say rượu, những trò kiêu như thế. Tôi thách đố ba nhiều hơn. Những cuộc tranh cãi giữa chúng tôi thêm phần kịch liệt, những lời phản kháng của tôi càng sắc bén. Những lời nói khùng khiếp. Tôi làm những điều tôi vẫn làm khi còn là một đứa trẻ mỗi khi tôi không muốn ba mẹ bỏ đi. Tôi gần như đã bảo ba đi luôn. Tôi ghét là ghét vào cái lúc ba tôi cư xử như vậy. Vào bất kỳ lúc nào khác, tôi sẽ lại thương tiếc ba. Và giờ đây tôi đang nhớ thương ba, căm ghét bản thân mình, và quá nhiều cảm xúc khiến tôi gần như không chịu nổi nữa. Ba có hiểu cảm xúc của tôi khi ấy không, nhất là sau cuộc nói chuyện cuối cùng của ba con tôi? Tôi đã nói lời tạm biệt tồi tệ nhất với ba, và ba đã đáp trả bằng điều tồi tệ nhất. Có lẽ không phải lỗi của tôi, nhưng tôi không tài nào tha thứ cho mình.

Tôi không biết mẹ có cảm thấy có gì không ổn với ba hay không. Có lẽ là có nhưng mẹ chưa bao giờ nói ra. Nếu mẹ không cảm thấy thế thì tôi là người duy nhất. Đáng lẽ ra tôi nên nói điều gì đó. Hay tốt hơn, tôi nên làm điều gì đó để ngăn cản ba.

Ba ơi, con xin lỗi.

Nếu như, nếu như, nếu như. Nếu như chúng ta biết chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mai thì sao. Chúng ta sẽ thay đổi nó chứ? Chúng ta có thể chứ?

Chương 10: Nấc thang lên thiên đường

Sáng hôm sau, tôi quyết định dùng bữa sáng với mẹ trong phòng bà. Điều này có vẻ khiến Rosaleen lo lắng, mẹ lảng vảng trong phòng mẹ lâu hơn bình thường, xê dịch đồ đạc, đặt bàn cho chúng tôi ngay trước cửa sổ, vén màn, mở cửa sổ, hơi khép lại một chút, mở hé ra thêm một chút, hỏi xem tôi có thấy gió quá mạnh không.

“Rosaleen, xin mẹ đây,” tôi nhẹ nhàng nói.

“Ừ được rồi, bé con,” mẹ đáp nhưng tay vẫn lúi húi dọn giường, đập đập gối rồi nhét vào chăn, tôi sẽ chẳng ngạc nhiên chút nào nếu mẹ liếm tấm khăn lót trước khi phủ lên chăn như thể đang niêm phong một bì thư.

“Mẹ không cần động tay đâu, ăn sáng xong cháu sẽ dọn giường sau,” tôi nói, “mẹ xuống nhà với cậu Arthur đi, cháu chắc là cậu ấy sẽ muốn gặp mẹ trước khi đi làm đây.”

“Phần ăn trưa của cậu đã được để sẵn trên kệ rồi, cậu biết chỗ mà,” mẹ tiếp tục vuốt phẳng giường chiếu, nếu có gì không ổn, mẹ sẽ làm lại từ đầu.

“Rosaleen,” tôi lặp lại một cách nhẹ nhàng.

Dẫu tôi biết mẹ chẳng muốn làm vậy nhưng mẹ vẫn liếc mắt nhìn qua tôi. Khi ánh mắt chúng tôi chạm nhau, mẹ biết là tôi đã biết tông tong tong ý đồ của mẹ, nhưng mẹ chỉ nhìn chăm chăm vào tôi đầy thách thức. Mẹ không nghĩ tôi dám nói thẳng ra. Tôi nuốt nước bọt.

“Nếu mẹ không phiền, cháu muốn ở riêng một chút với mẹ. Chỉ riêng 2 mẹ coi thôi, đi mà mẹ.” Thế đấy, tôi đã lên tiếng, Tamara Trương Thành đã dám nói thẳng suy nghĩ của mình. Nhưng theo sau câu nói của tôi là vẻ

mặt tổn thương của mẹ, chiếc gối được chậm chậm thả rơi xuống giường, rồi một tiếng thì thào vang lên, “Được rồi.”

Tôi chẳng thấy mình làm gì sai cả.

Cuối cùng mẹ cũng rời khỏi phòng và tôi im lặng một thoáng. Không nghe thấy tiếng kẽo kẹt của bậc cầu thang, tôi biết mẹ vẫn đang đứng ngoài cửa. Lắng nghe, canh chừng, bảo vệ hay giam giữ chúng tôi, tôi không dám chắc. Điều gì khiến mẹ e ngại đến thế?

Thay vì tìm cách buộc mẹ lên tiếng như tôi hay làm suốt tháng vừa qua, tôi quyết định chấm dứt tấn công sự im lặng của mẹ. Thay vào đó, tôi kiên nhẫn ngồi bên cạnh bà, sự yên lặng dường như làm mẹ thoải mái hơn. Thình thoảng tôi đưa một miếng trái cây cho mẹ, mẹ cầm lấy và nhấm nháp. Tôi quan sát gương mặt mẹ, nét mặt say sưa, như thể mẹ đang xem một cảnh tượng tuyệt vời nào đó ở vườn sau mà tôi không tài nào nhìn thấy. Lòng mẹ hết nhướng lên rồi lại sụp xuống như thể mẹ đang phản ứng lại trước lời nói của một ai đó, đôi môi mẹ cong lại trong một nụ cười e lệ như thể mẹ đang nhớ lại một bí mật thuở xưa. Khuôn mặt mẹ ẩn giấu hàng nghìn bí mật.

Ở bên cạnh mẹ hồi lâu, tôi hôn lên trán mẹ rồi rời khỏi phòng. Cuốn nhật ký từng được tôi ôm trước ngực đầy tự hào giờ được giấu kỹ dưới chiếc áo len đen. Tôi cảm thấy như mình đang chạy đi đâu đó để giấu một bí mật to lớn. Tôi cũng có chút mắc cỡ, phải thừa nhận là vậy. Đám bạn tôi và tôi không có thói quen viết nhật ký. Chúng tôi còn không viết thư cho nhau nữa là. Chúng tôi giữ liên lạc với nhau qua Twitter và Facebook, đăng những bức ảnh chụp chung vào kỷ nghỉ, hay những tối đi chơi, những lần thử quần áo ở phòng thay đồ rồi góp ý cho nhau. Chúng tôi nhắn tin không ngắt, email những câu chuyện ngòai lề đôi mách, chuyển cho nhau những mẫu email buồn cười, nhưng tất cả chỉ là những thứ rỗng tuếch bề ngoài. Chúng tôi nói về những điều có thể nhìn, những vật có thể chạm, không gì khác sâu sắc hơn. Không có tí cảm xúc nào.

Viết nhật ký là thứ Fiona sẽ làm, con nhỏ mà trong lớp chúng tôi chẳng thèm nói chuyện ngoại trừ Sabrina, một con nhỏ quái dị khác. Chỉ có điều con Sabrina này số ngày nghỉ học còn nhiều hơn đi học vì nó bị đau nửa đầu. Nhưng đây là điều mà nhỏ hay làm, tìm một nơi yên tĩnh để ngồi một mình, một góc lớp khi thầy cô chưa vào hay bên dưới tán cây ở sân trường vào giờ ăn trưa. Tôi thường thấy nhỏ cắm đầu vào quyển sách hay hùng hục ghi chép gì đó vào một quyển vở, và tôi thường hay cười cợt nhỏ. Nhưng rõ ràng tôi mới là kẻ đáng cười. Ai biết được nhỏ ấy đang viết gì chứ.

Chỉ có một nơi duy nhất tôi có thể đến để viết nhật ký. Tôi chuôi xuống rút quyển nhật ký giấu dưới giường ra rồi chạy xuống cầu thang, miệng gào lớn, “Rosaleen, cháu ra ngoài đây...” Đôi dép kẹp của tôi gõ lộp bộp lên những bậc thang kẽo kẹt, hôm nay là một ngày nóng nực nữa, và ngay khi tôi nhảy khỏi bậc thang cuối cùng, hạ cánh xuống mặt đất với vẻ khéo léo duyên dáng của một con voi, Rosaleen xuất hiện trước mặt tôi.

“Lạy Chúa, Rosaleen!” tôi áp tay lên ngực.

Đôi mắt mẹ quét qua toàn thân tôi, ngừng lại một chút ở quyển nhật ký, rồi lướt ngược lên mặt tôi. Tôi quàng tay che chở cho quyển nhật ký, bảo đảm phân nửa cuốn sách được chiếc áo len che phủ.

“Cháu đi đâu vậy?” mẹ lặng lẽ hỏi.

“Chỉ ra ngoài... đi loanh quanh thôi ạ.”

Đôi mắt mẹ lại liếc xuống quyển nhật ký. Đơn giản là mẹ không thể ngăn mình làm thế.

“Mẹ làm vài món cho cháu đem theo nhé? Cháu sẽ đói hóp bụng lên cho coi.”

Đói hóp bụng. Mặt trời nóng bỏng. Lời tạm biệt dài. Chết toi.

“Có bánh mì nâu mới nướng và gà, rau trộn khoai tây và cà chua bi...”

“Không, cảm ơn, cháu ăn sáng no rồi.” tôi dợm bước ra cửa.

“Hãy làm vài lát nhé.” Mẹ hơi cao giọng một chút. “Một miếng bánh mì kẹp giảm bông và pho mát. Còn món xà lách trộn thừa từ...”

“Rosaleen. Không. Cảm ơn mẹ.”

“Được rồi.” Lại vẻ mặt tổn thương. “Nhớ chú ý an toàn đấy. Đừng có đi lang thang quá xa. Chỉ trong lãnh địa này thôi. Loanh quanh gần nhà thôi nhé.”

Loanh quanh trong tầm mắt của mẹ thì có.

“Cháu có định đi đánh trận đâu mà,” tôi phá lên cười. “Chỉ... đi loanh quanh thôi”

Trong một khoảng không khép kín mà ai cũng biết những người khác đang ở đâu vào bất cứ lúc nào ở trong nhà, tôi muốn có một vài giờ riêng tư, của riêng tôi.

“Được rồi,” mẹ nói.

“Đừng lo lắng quá vậy mà.”

“Mẹ chỉ không an tâm thôi,” mẹ nhìn xuống sàn, buông đôi tay đang xoắn vào nhau ra rồi vuốt phẳng chiếc váy tùng xòe. “Mẹ cháu có để cháu đi như vậy không?”

“Mẹ ư? Mẹ sẽ cho cháu đi tuốt lên mặt trăng ấy chứ, để khỏi làu bàu suốt ngày mà.”

Tôi không chắc mặt Rosaleen có dẫn ra được chút nào không. Hình như là thêm phần lo lắng thì phải. Đột nhiên vài miếng ghép hình chọt quay về đúng chỗ của nó, và tôi cảm thấy thư giãn một chút. Rosaleen chưa từng làm mẹ, nhưng đột ngột trong căn nhà yên tĩnh của mẹ, khi mẹ tôi lâm vào

trạng thái ngủ đông, Rosaleen phải đóng vai trò người mẹ của cả hai chúng tôi.

“Ồ, cháu hiểu rồi,” tôi dịu dàng nói. Tôi đưa tay, chạm vào mợ. Người mợ cứng đờ khiến tôi rút tay lại. “Mợ không cần phải lo lắng cho cháu đâu. Ba mẹ cháu gần như cho phép cháu đi bất cứ chỗ nào cháu muốn. Cháu thường ở trên phố suốt ngày với bạn bè, thậm chí có bữa cháu còn đi London cả một ngày với bạn nữa. Chúng cháu lên đó chơi và trở lại trong ngày. Ba bạn ấy có máy bay riêng. Ngon lành hết sảy. Máy bay chỉ có sáu chỗ, mà chỉ có mình cháu và Emily thôi, cô bạn có chiếc máy bay đó. Rồi đến ngày sinh nhật lần thứ mười bảy của bạn ấy, ba mẹ bạn ấy cho bọn cháu bay một lượt đến Paris. Chị bạn ấy phải đi theo để coi chừng. Chị ấy mười chín, đang học đại học và có uy lắm.”

Mợ chăm chú lắng nghe tôi kể, có phần quá háo hức, quá băn khoăn, quá nôn nóng và quá mong chờ.

“Ồ, tuyệt vời làm sao,” Rosaleen vui vẻ thốt lên, đôi mắt xanh của mợ háo hức đón chờ từng chữ thốt ra khỏi miệng tôi. Tôi có thể thấy mợ ngầu ngẩn lầy chúng ngay khi tôi vừa nói. “Ngày sinh nhật cháu sắp tới rồi. Đó là món quà cháu muốn vào dịp sinh nhật phải không?” Mợ nhìn quanh hành lang của căn nhà công lâu đài, cứ như thể mợ sẽ tìm ra một chiếc máy bay ở đâu đó vậy. “Ồ, chúng ta sẽ không thể cho cháu thứ tương tự...”

“Không, không, đó không phải là ý cháu muốn nói. Không phải vì vậy mà cháu kể chuyện này cho mợ nghe. Chỉ là... không quan trọng đâu, Rosaleen.” Tôi nói nhanh. “Cháu nên đi thôi,” tôi lách qua mợ để đi ra cửa. “Dù sao cũng cảm ơn mợ,” tôi nói. Điều cuối cùng tôi thấy trước khi đóng cửa là vẻ mặt băn khoăn của mợ, cứ như mợ vừa nói điều gì sai vậy. Lo lắng về việc cuộc sống cũ của tôi cũng hứa hẹn đem lại cho tôi nhiều thứ hơn là nó có thể. Cứ như một kẻ lụy tình, nó mời tôi nhận lấy trăng sao trên trời trong khi biết rõ nó không thể nào lấy xuống cho tôi. Tôi đã ngớ ngẩn khi tin vào nó. Tôi từng nghĩ rằng có quá nhiều sẽ tốt hơn so với có quá ít, nhưng giờ tôi cho rằng nếu cái quá nhiều ấy không thực sự thuộc về ta, ta

chỉ nên lấy đúng thứ thuộc về mình và trả lại số còn thừa. Tôi sẵn sàng chọn cuộc sống đơn giản của Rosaleen và Arthur vào bất cứ lúc nào. Bằng cách đó, ta sẽ, không bao giờ phải trả lại những gì ta yêu quý.

Khi tôi bước ra vườn, người đưa thư đi về phía tôi. Vui mừng khi gặp một người lạ ở chốn này, tôi tươi cười chào ông ta.

“Xin chào,” tôi dừng lại trước mặt ông ta.

“Xin chào quý cô,” ông ta nhắc mũi với điệu chào lỗi thời nhưng thân thiết.

“Cháu là Tamara,” tôi chìa tay ra.

“Rất vui được gặp cháu, Tamara,” ông ta tưởng tôi giờ tay để lấy thư, thế là ông ta cầm chồng phong bì đặt vào lòng bàn tay tôi.

Đang sau, tôi nghe tiếng cửa mở và Rosaleen ào ra.

“Chào buổi sáng, Jack,” mợ chào và hùng hục đi dọc lối đi. “Để mợ giữ thư cho,” mợ gần như giật chúng khỏi tay tôi. “Cảm ơn, Jack,” mợ nhìn ông ta vẻ nghiêm nghị trong lúc nhét chồng thư vào túi tạp dề như một con kangaroo mẹ.

“Vâng,” ông ta cúi đầu xuống cứ như vừa bị mắng. “Và cho nhà bên kia đường,” ông ta đưa cho mợ thêm vài lá thư nữa rồi quay người, nhảy lên xe đạp và đạp vòng qua góc đường.

“Cháu không định ăn chúng đâu mà,” hơi bất ngờ, tôi thốt lên sau lưng Rosaleen.

Mợ phá lên cười rồi đi vào trong nhà. Càng lúc càng thêm tò mò.

Chỉ có một nơi duy nhất mà tôi có thể đến để viết nhật ký. Cảm thấy hơi nóng của con đường thấm qua đôi dép, tôi nhắm thẳng về phía tòa lâu đài. Tôi mỉm cười khi hàng cây lùi lại phía sau, cứ như bức màn được vén lên cho màn diễn chính vậy.

“Tái chào,” tôi nói.

Với vẻ tôn trọng cao độ, tôi lang thang khắp các gian phòng của tòa lâu đài. Tôi không thể tin nổi một ngọn lửa lại có sức tàn phá đến như vậy. Không có gì, hoàn toàn không có gì cho thấy có người đã từng sống ở đây trong ít nhất một thế kỷ. Không có lò sưởi trên tường, không gạch lát, không giấy dán tường. Hoàn toàn không có thứ gì ngoài những viên gạch, cỏ dại và một nhịp cầu thang dẫn lên tầng lầu không hề tồn tại, vươn thẳng lên bầu trời, cứ như chỉ cần nhảy thêm một bước dài nữa là ta có thể chạm tới mây. Cầu thang dẫn đến thiên đường.

Tôi ngồi xuống chỗ mấy bậc thang dưới cùng và đặt quyển nhật ký lên đùi. Tôi xoay xoay cây bút nặng trĩu trộm từ bàn viết của Arthur, nhìn chằm chằm vào quyển sách đóng kín, cố nghĩ xem nên viết cái gì. Tôi muốn những dòng đầu tiên phải mang ý nghĩa gì đó, tôi không muốn phạm sai lầm. Cuối cùng tôi nghĩ ra khúc dạo đầu và mở sách ra.

Tôi há hốc miệng khi nhìn thấy trang đầu tiên. Trong này đã được viết kín chữ, mỗi dòng ngay ngắn đều là... chữ viết *của tôi*.

Tôi đứng bật dậy, cảnh giác, người cứng đờ, quyển nhật ký rơi khỏi đùi tôi, lăn qua những bậc xi măng rồi nằm yên trên sàn. Tôi vội nhìn quanh, tìm đập thành thịch, cố tìm xem có phải đây là trò đùa tàn ác của ai đó không. Những bức tường đổ nát nhìn chằm chằm lại tôi, và đột nhiên tôi phát hiện ra những chuyển động và âm thanh xung quanh mà này giờ mình không để ý tới. Bụi cây và cỏ dại xào xạc, sỏi đá lát lách cách, tôi nghe có tiếng chân bước đằng sau và bên trong các bức tường, nhưng chẳng có thứ gì lộ đầu ra cả. tất cả chỉ là trí tưởng tượng của tôi. Có lẽ những trang giấy kín chữ trong quyển nhật ký cũng thế.

Tôi hít sâu mấy hơi liền rồi nhặt quyển nhật ký từ dưới đất lên. Bìa da đã bị sỏi đá cào xước và bám đầy bụi. Tôi chà chà nó vào quần cho sạch. Trang đầu tiên bị rách mục sau cú rơi, nhưng rõ ràng đầu óc tôi không chơi

khăm tôi, bởi nhìn kỹ lại thì trang đầu, trang hai, lật điên cuồng thêm mấy trang nữa, tôi lại thấy chữ viết của tôi đặc kín trên từng trang giấy.

Không thể nào. Tôi so sánh ngày ghi trên trang đầu tiên và ngày trong đồng hồ. Đó là ngày mai, thứ Bảy. Hôm nay mới thứ Sáu thôi. Chắc đồng hồ của tôi chạy sai rồi. Tôi lập tức nghĩ ngay đến Rosaleen, tới cái cách ánh mắt mợ lướt qua quyển nhật ký hồi sáng. Có phải mợ đã viết không? Không thể nào. Quyển nhật ký được giấu kỹ dưới giường tôi. Cảm thấy choáng váng, tôi ngồi xuống bậc thềm và đọc trang đầu tiên, ánh mắt tôi lướt nhanh như gió qua từng dòng chữ khiến cho mấy lần tôi phải quay trở lại đọc từ đầu.

Thứ Bảy, ngày 3 tháng Bảy.

Nhật ký yêu quý,

Có phải mình nên viết như thế không? Mình chưa bao giờ viết thể loại này trước đây, và mình cảm thấy như một ả ngốc trăm phần trăm, không từ nào diễn tả được. Được rồi, cứ thế thôi, Nhật ký yêu quý, mình ghét cuộc sống của mình. Tóm tắt lại như sau. Ba mình tự tử, bọn mình mất nhà và tất cả mọi thứ. Mình mất đi cuộc sống của mình, mẹ thì mất trí, và giờ bọn mình đang sống ở một nơi khỉ ho cò gáy cùng với hai người khùng. Vài ngày trước, mình ở chung suốt buổi chiều với một cậu trai dễ thương tên là Marcus, anh ta là phó chủ tịch của Dark Central, một thư viện lưu động. Hai ngày trước, mình gặp một bà xơ nuôi ong và phá khóa, còn hôm qua mình đã dành gần như cả buổi sáng trong một ~~phế tích~~...

Chữ phế tích bị gạch ngang, kẻ bên nó là:

...tòa lâu đài, ngồi trên cây cầu thang dẫn tới thiên đàng, nhìn nó là muốn bước lên, cao mãi rồi cuời mây bay khỏi chốn này. Giờ thì trời mới tối, mình trở lại phòng ngủ để viết vào quyển nhật ký vô tích

sự này, xơ Ignatius đã thuyết phục mình làm vậy. À, bà ấy là một bà xơ chứ không phải người chuyển giới như mình từng đoán.

Tôi thở dài và ngược mắt khỏi trang giấy. Chuyện này sao lại xảy ra được? Tôi nhìn quanh tìm câu trả lời. Tôi nghĩ tới việc quay về nhà kể cho mẹ, kể cho Rosaleen, gọi điện cho Zoey và Laura. Nhưng trên đời này có ai tin tôi chứ? Và nếu có tin, thì họ có thể làm gì để giúp tôi được đây? Tòa lâu đài im phăng phắc, dường như những đám mây mũm mĩm và trắng muốt như các thiên sứ đang bay vùn vụt với tốc độ hàng trăm dặm một giờ. Thịnh thoảng có tiếng sột soạt vang lên dưới lùm cỏ dại, những hạt bồ công anh hờ hững trôi trong không khí như đang thách thức tôi chụp lấy, lững lờ trôi lại gần rồi bất ngờ bay vụt đi theo làn gió nhẹ. Tôi hít sâu một hơi dài rồi ngẩng đầu lên nhìn mặt trời nóng bỏng – Mặt trời nóng bỏng. Chết ngất – nhắm mắt lại rồi thở ra từ từ. Tôi thực sự rất thích ở trong lâu đài. Tôi mở mắt ra và tiếp tục đọc, tóc gáy dựng đứng lên.

Mình rất thích ở trong lâu đài. Cứ tưởng nó xấu xí lắm, nhưng hóa ra không phải thế. Giống Jessie Stevens với cái mũi gãy và lỗ tai sưng vù do bóng bầu dục đập vào, lẽ ra anh ta phải xấu trai lắm, nhưng anh ta không xấu. Mình bị tước quyền than thở ở nhà Zoey, khi nó và Laura cứ lách chách về chuyện không mặc quần lót. Thế nào cũng được.

Mẹ vẫn chưa ra khỏi phòng. Mặc dù cảm thấy như muốn cuộn người lại rồi chết quách đi – mình đang khó thở vì bị cảm sau bữa dầm mưa hôm qua – mình quyết định xuống ăn sáng ở ngoài vườn sau cạnh cái cây, vì mình biết mẹ sẽ nhìn thấy mình. Mình trải tấm chăn len màu xanh trong phòng ra rồi bày vài lát trái cây. Ăn như bìa cứng vậy. Mình không đói, bao nhiêu năng lượng mình đã dồn hết vào việc lôi kéo mẹ ra ngoài. Mình cố làm bộ trông thật thoải mái, mình nằm bắt tay sau đầu, bắt chéo chân và trông có vẻ như chẳng quan tâm tí gì đến thế giới. Mình cố dụ dỗ mẹ ra ngoài như thế đó, nhưng mẹ không

đi theo mình. Mình chỉ nghĩ là nếu mẹ hít thở không khí trong lành, nếu mẹ nhìn quanh chốn này, đến tòa lâu đài này, có lẽ mẹ sẽ nhìn thấy điều mà mình thấy, mẹ sẽ giết mình thoát khỏi cơn mê đang vây bủa quanh mẹ. Đương nhiên là mẹ sẽ không muốn cuộc đời trôi qua lãng phí trong lúc mẹ giam mình trong phòng ngủ. Chỉ khi chúng ta ra ngoài và nhận thấy cuộc sống đang trôi chảy, chúng ta mới hiểu mình phải hòa nhập vào dòng chảy cuộc sống.

Mình không hiểu vì sao Rosaleen và Arthur không làm gì hơn để giúp mẹ. Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối thịnh soạn đủ nuôi một con voi sẽ không thể chữa khỏi cho mẹ. Sự yên lặng cũng thế. Mình nên nhắc lại chuyện này với Rosaleen. Có lẽ nên nói với Arthur. Cậu ấy là anh me, cậu ấy phải giúp chứ. Theo như những gì mình thấy, ngoại trừ cú chạm trán kỳ cục đón chào mẹ con mình tới, cậu chẳng nói lời nào khác với mẹ. Sao lạ kỳ lạ như thế nhỉ?

Sau cơn mưa hôm qua...

Được rồi, đây là lúc tôi biết mọi thứ đều vô lý bởi hôm nay là ngày nóng ẩm đẹp nhất trên đời. Không một giọt mưa. Tôi tiếp tục đọc, lông mày nhướng lên với tâm thế đề phòng là mình đang bị ai đó chơi và nhần nại chờ đợi Zoey và Arthur Kutcher nhảy ra từ đằng sau những cây cột đồ nát.

... Mình co ro vì cảm lạnh. Rosaleen dùng vải len bao lấy mình từ đầu đến chân, lôi mình ra ngồi trước lò sưởi và ép mình húp xúp gà. Mình mất cả nửa ngày trời vuốt mát mồ hôi vì ngồi bên cái bếp lửa khủng khiếp đó và cố thuyết phục mẹ rằng mình không phải đang trong cơn hấp hối. Mẹ bắt mình dùng khăn tắm trùm đầu, cúi mặt xuống một bát nước nóng bỏ đầy thuốc Vicks để làm thông mũi, và trong lúc nước mũi chảy ròng ròng, mình chắc chắn có nghe loáng thoáng thấy tiếng chuông cửa. Mẹ bảo đảm với mình là không phải. Lẽ ra mình nên nghe lời xơ Ignatius mà hong khô đồ ở chỗ xơ thì hơn. Một ngôi nhà đầy xơ thì có gì đáng sợ chứ?

Ngày mai, mình phải lập kế hoạch để tránh đợt hành hạ kế tiếp và tìm chỗ nào kín đáo để viết nhật ký. Có lẽ mình sẽ tắm nắng trong bộ bikini. Cho đám gà lôi có cái gì đó để nhìn. Có lẽ cũng không tệ đến thế, chỉ cần nhắm mắt lại thì chúng ta có thể tưởng tượng mình đang ở bất cứ nơi nào. Có thể mình đang nằm bên hồ nhưng hãy cứ tưởng tượng mình đang nằm cạnh hồ bơi ở Marbella, và như tiếng thiên nga ria lông quấy nước là tiếng của mẹ. Không như mọi người hay nằm ở ghế phơi nắng, mẹ thường nằm ở rìa hồ bơi, cạnh chỗ lọc nước. Mẹ thả tay lướt trên mặt hồ, khẽ khàng vỗ nước, nghe như tiếng đôi chân trần của một đứa trẻ đang lập chập bước đi. Có lẽ vì mẹ muốn mát mẻ một chút, hay cũng có thể là vì mẹ thích âm thanh đó. Mình cũng từng thích nghe. Nhưng vì một lý do nào đó, lúc nào mình cũng bảo mẹ im đi.

Nói điều gì đó trong khoảng yên lặng, điều gì đó làm mẹ mở mắt ra nhìn mình.

Ai có thể biết được tất cả những điều đó chứ? Chỉ có mẹ thôi.

Có lẽ mình sẽ tắm nắng ngay trên lối đi của chiếc máy xén cỏ, và hy vọng nó sẽ chạy qua người mình. Nếu mình không chết thì ít nhất cũng khỏi tốn tiền tẩy lông toàn thân.

Thực ra thì cậu Arthur cũng không tệ lắm. Cậu không nói nhiều. Thậm chí cậu còn chẳng mấy khi phản ứng nữa, nhưng mình cảm thấy thoải mái với cậu. Phần lớn thời gian là thế. Rosaleen cũng không phải là quá tệ, mình chỉ phải cố mà hiểu mợ thôi. Hôm nay mợ cư xử thật bất thường trong bữa tối – món bánh khoai tây thịt băm, ngon tuyệt – khi mình kể với mợ rằng mình có gặp xơ Ignatius. Mợ nói xơ có tới thăm mợ buổi sáng mà chẳng nói gì đến chuyện gặp mình cả. Chắc đó là lúc mình đang tắm. Ước gì mình là con ruồi trên tường để nghe lén cuộc nói chuyện đó nhỉ. Sau đó mợ cứ tra khảo mình xem mình và

xơ nói về chuyện gì, thiết tình là một trận tra khảo dai dẳng, đến cả Arthur cũng cảm thấy khó chịu nữa. Ý mình là chẳng lẽ mợ ấy nghĩ mình nói dối sao? Kỳ lạ hết chỗ nói. Ước gì mình đã không kể cho mợ nghe những điều mình biết về tòa lâu đài. Giờ thì mình biết bất cứ thông tin nào mình cần tìm thì cũng không thể trông cậy vào mợ. Mình cho rằng Rosaleen và Arthur chỉ khác người thôi. Hay chính mình mới là kẻ khác người? Mình chưa bao giờ nghĩ theo hướng đó. Có lẽ là mình khác người thôi.

Trong trường hợp mình chết vì mất nước và ai đó tìm thấy quyển nhật ký này, mình nên ghi rõ rằng mình đã khóc mỗi đêm. Ban ngày, mình mạnh mẽ hết mức có thể, trờ lẩn suy sụp tinh thần vì con nhặng xanh và tòa lâu đài đồ nát, để rồi ngay khi mình chui vào giường, nằm yên trong bóng tối, tĩnh mịch, thế giới bắt đầu xoay tròn xoay tròn. Rồi mình khóc. Thỉnh thoảng mình khóc lâu đến mức làm ướt sưng gối. Lăn tròn qua khóe mắt, dọc lỗ tai, cọ cọ vào cổ, thỉnh thoảng còn thấm tới tận áo, mình cứ để cho nước mắt muốn chảy xuống đâu thì chảy. Mình đã quen khóc đến mức đôi khi chẳng nhận ra là mình đang khóc nữa. Nói thế có đúng không nhỉ? Trước đây, mình khóc vì té ngã bị đau, vì gây sự với ba, vì uống say mềm hay vì bất cứ chuyện nhỏ nhặt làm mình khó chịu. Nhưng giờ thì, thế nào nhỉ... mình buồn nên mình khóc. Có đôi khi mình òa lên khóc rồi dừng lại, tự thuyết phục mình rằng mọi việc sẽ ổn thôi. Có đôi khi mình không tin vào bản thân và lại òa lên khóc.

Mình mơ rất nhiều giấc mơ về ba. Hiếm khi thực sự là ba, đa số là sự pha trộn của nhiều khuôn mặt khác nhau. Ba bắt đầu là ba, rồi biến thành thầy giáo, rồi tới Zac Efron, rồi vài người bất kỳ mà mình gặp trong đời, chẳng hạn như vị linh mục địa phương hay gì đó. Mình nghe người ta nói khi họ mơ về một người thân đã qua đời, họ cảm thấy chân thực, người đó vẫn còn tồn tại, gửi cho họ một thông điệp nào đó, trao cho họ một cái ôm. Rằng đôi khi giấc mơ về một ranh giới mơ hồ, như phòng thăm thân nhân trong một nhà tù, hai người cùng ở

trong một gian phòng nhưng lại ở hai phía khác nhau, trong hai thế giới khác nhau. Mình từng nghĩ những người nói chuyện như thế là những kẻ đồng bóng, hay cuồng tín. Nhưng giờ thì mình biết đó chỉ là một trong những nhận định sai lầm của mình mà thôi. Chẳng liên quan gì đến tôn giáo, cũng chẳng liên quan gì đến cân bằng tâm lý, đó chỉ là bản năng tự nhiên của đầu óc con người: hy vọng trong tuyệt vọng, trừ phi đó là một người theo chủ nghĩa hoài nghi đỉnh điểm. Nó gắn với tình yêu, khi mất đi người mà ta yêu quý, một phần trong ta như bị tan vỡ, ta sẵn sàng làm bất cứ điều gì, tin vào bất cứ điều gì để có thể trở lại là bản thân ta thuở trước. Đó chính là niềm tin rằng một ngày nào đó ta sẽ gặp lại những người thân yêu, rằng ta vẫn còn cảm thấy họ ở chung quanh. Hy vọng như thế, như mình từng nghĩ, không khiến ta trở nên yếu đuối. Chỉ tuyệt vọng mới làm ta yếu đuối. Hy vọng làm ta mạnh mẽ hơn, bởi vì nó đem lại một lý do nào đó. Không phải lý do vì sao hay thế nào mà họ bị tách rời khỏi ta, mà là một lý do để ta tiếp tục sống. Bởi vì đã là hy vọng về điều “có lẽ” sẽ xảy ra. “Có lẽ một ngày nào đó mọi chuyện sẽ không thối tha như thế này nữa.” Và điều “có lẽ” đấy lập tức làm cho những chuyện thối tha đỡ thối tha hơn.

Mình nghĩ rằng càng ngày chúng ta sẽ càng trở nên hoài nghi nhiều hơn. Còn mình ư? Khi sinh ra, mình đã thận trọng nhìn quanh phòng bệnh, hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác, và lập tức biết rằng hoàn cảnh mới này thật thối tha và tốt hơn mình nên chui lại vào trong chỗ mình vừa ở. Mình tiếp tục cuộc sống như thế. Nơi nào mình sống cũng thật tửm, và nơi nào đó khác, ở đâu đó đằng sau mình, cũng đều tốt đẹp hơn. Chỉ đến bây giờ, khi sự thực phũ phàng của cuộc đời đập thẳng vào mặt mình – chết toi, cái chết – mình mới bắt đầu nghĩ thoáng hơn. Những người thực tế nghĩ rằng họ suy nghĩ rất thoáng, nhưng không phải vậy. Họ nghĩ rằng những người sống nội tâm chỉ biết mỗi mình mình, nhưng không phải vậy. Mình cho rằng các nhà khoa học tài giỏi sẽ biết nhìn cả hai chiều.

Mặc cho những gì mình đã kể, mình biết ba không có trong giấc mơ của mình. Không có lời nhắn bí mật hay vòng ôm âm thầm nào. Mình không cảm thấy ba đang ở cạnh mình ở khu đất thuộc về dòng họ Kilsaney này. Đó chỉ là những giấc mơ mơ hồ không có ý nghĩa hay giá trị khuyên nhủ nào. Những mảnh vụn méo mó của một ngày của mình được ráp lại rồi ném vào không trung, lơ lửng trong đầu mình, chẳng có trật tự, ý nghĩa hay cảm xúc nào. Đêm qua, mình mơ thấy ba biến thành giáo viên dạy tiếng Anh, rồi giáo viên tiếng Anh là một phụ nữ, bọn mình được nghỉ một tiết học, mình phải hát cho mọi người nghe nhưng khi mình mở miệng, chẳng có âm thanh nào thoát ra ngoài, và rồi trường học hóa ra lại ở Mỹ nhưng chẳng ai nói tiếng Anh, mình chẳng hiểu quái gì và rồi mình sống trên một chiếc thuyền. Quái lạ. Mình tỉnh dậy khi Rosaleen làm rơi cái nồi hay một thứ gì đó ở trong bếp dưới nhà.

Có lẽ xơ Ignatius nói đúng. Có lẽ quyển nhật ký này sẽ giúp mình. Xơ Ignatius là một phụ nữ hài hước. Mình không tài nào thôi nghĩ về xơ kể từ lần gặp đầu tiên hai ngày trước.

Hôm qua. Tôi chỉ mới gặp xơ hôm qua thôi.

Mình thích xơ ấy. Điều đầu tiên mình thích kể từ khi ở đây – được rồi, điều thứ hai, sau tòa lâu đài – là xơ Ignatius. Trời đổ mưa như trút khi mình đang ở trong phòng lâu đài hôm qua, mình có thể nhìn thấy Rosaleen chạy xuống đường về phía mình, tay cầm áo mưa, thế là mình cảm thấy áy náy nhưng mình phải chạy về phía ngược lại. Mình không muốn mợ biết mình ở đây, mình không muốn mợ nghĩ mợ đã đoán đúng. Mình không muốn mợ biết bất cứ điều gì về mình. Mình chẳng biết mình chạy đi đâu nữa. Mưa rơi nặng hạt, mình ướt mem ướt mẹp, nhưng cơ thể mình như đang ở trong trạng thái tự vận hành vậy, cứ tắt suy nghĩ đi rồi ù té chạy, và bất giác mình đã chạy đến khu

vườn có tường bao. Xơ Ignatius đang đứng trong nhà kính đợi cho mưa tạnh. Xơ có một bộ quần áo chống ong cho mình, xơ nói xơ cảm giác mình sẽ quay lại.

Bởi vì bị mình làm phiền ngày hôm trước, xơ chưa có dịp quay về kiểm tra lại mấy cái lều. Xơ còn có nhiều việc khác phải làm. Cầu nguyện và những việc tương tự. Thế là hôm qua xơ cho mình coi bên trong tổ ong, xơ đánh dấu ong chúa để mình dễ nhận ra, xơ cũng chỉ cho mình mấy con ong đực, ong thợ rồi chỉ cách dùng ống bơm khói. Chỉ nhìn thôi cũng làm mình choáng váng rồi, có cái gì đó kỳ cục đã xảy đến với mình. Xơ không nhận thấy. Mình phải thò tay ra, chống vào tường để khỏi ngã sụm xuống đất. Trong lúc mình đang cảm thấy tội tệ như vậy, xơ mời mình tuần sau quay lại để giúp xơ lấy mật, sau đó xơ sẽ bỏ mật vào hũ rồi đem ra chợ bán. Mình bận thờ hồng học nên chỉ đáp lại là không. Mình muốn thoát khỏi nơi này. Ước gì mình đã nói với xơ rằng mình cảm thấy không khỏe. Xơ có vẻ hết sức thất vọng và giờ thì mình cảm thấy có lỗi quá. Mình cũng cần đi ra chợ để gặp được nhiều người hơn. Mình sẽ phát điên lên mất nếu ngày nào cũng gặp cùng một số người thế này. Ngoài ra, mình cũng muốn biết có phải ai cũng nhìn chăm chăm vào Rosaleen và Arthur như mấy người bên ngoài quán rượu hay không. Chắc là họ phải làm gì đó trong thị trấn nên mới bị nhìn như thế. Tổ chức một bữa tiệc trao đổi tình hay cái gì đó tương tự chẳng? Tởm.

Mình ngồi dựa vào cửa phòng ngủ đọc lại nhật ký và mình không muốn Rosaleen bước vào. Mơ biết càng ít về quyển nhật ký này càng tốt. Như bây giờ mơ đã tìm cách chui vào đầu mình rồi, mình không thể để mơ biết những suy nghĩ thầm kín của mình đang nằm ở trong phòng ngủ. Mình phải giấu đi mới được. Có một tấm ván sàn hơi bị bung lên dưới chiếc ghế nằm trong góc, tối nay mình phải liếc qua mới được.

Một lần nữa, mẹ ngủ khò ngay sau bữa tối. Hai ngày nay mẹ ngủ nhiều quá rồi. Nhưng lần này mẹ ngủ gật ngay trên ghế. Mình muốn đánh thức mẹ và đưa mẹ vào giường nhưng Rosaleen không cho. Mình sẽ viết nhật ký cho đến khi nghe tiếng Arthur ngáy bởi lúc đó mình biết mình có thể đi xem mẹ thế nào.

Khi đã an toàn ở trong nhà, mình chỉ muốn nói rằng mình có cảm giác rất lạ ở trong lâu đài ngày hôm qua. Mình cảm thấy như có ai đó ở đây. Có ai đó đang nhìn mình. Sáng hôm qua là một buổi sáng ngập nắng, cho đến khi cái đám mây chết tiệt xoắn nước ngay trên đầu mình, còn mình thì ngồi trên bậc thang, cuốn nhật ký đặt trên đùi và mình chẳng nghĩ ra là nên viết cái gì và nên bắt đầu trang đầu tiên thế nào, thế là mình cứ tẩn nắn cho thỏa thích. Mình chẳng biết mình nhắm mắt trong bao lâu, nhưng ước gì mình đã mở mắt ra. Rõ ràng là có ai đó đã ở đó.

Mai mình sẽ viết tiếp.

Tôi ngừng đọc và nhìn quanh, tim đập thình thịch, hơi thở ngắn và gấp gáp. Chính là lúc này đây. Tôi đã viết về mình *bây giờ*.

Tôi chợt cảm thấy có hàng ngàn ánh mắt dán vào người tôi. Trong lúc tôi đứng dậy, chạy xuống các bậc thang, vấp vào bậc cuối cùng và đâm sầm vào tường. Tay và vai phải tôi bị xước, quyển sách lại rơi xuống sàn lần nữa. Tôi thò tay xuống đất nhặt nó lên, tay tôi quệt qua thứ gì đó có lông và mềm mại. Tôi rú lên và nhảy bật dậy, chạy qua căn phòng kế bên. Phòng này không có cửa ra vào nào nữa, bốn bức tường vẫn còn nguyên. Tôi cảm thấy vài giọt nước mưa chạm vào da, mưa rơi mỗi lúc một nhanh hơn. Tôi tới chỗ một ô trên tường, nơi từng là cửa sổ, và cố tìm cách trèo ra ngoài. Đứng trên ô cửa, tôi thấy Rosaleen đang hùng hục chạy xuống đường, trong tay cầm cái gì đó trông như áo mưa. Mợ đi sông sộc, vẻ mặt u ám, tay che trên đầu như thể chỉ thế thôi mới đủ giúp mợ không bị ướt.

Tôi vội chạy tới cái cửa sổ nhìn ra phía sau lầu đài để leo ra ngoài, đầu gối cào vào tường trong khi tôi cố nhảy lên để bám vào bậc cửa sổ. Tôi nhảy xuống thềm xi măng phía bên kia, cảm thấy hai bàn chân tê buốt khi đôi dép kẹp mỏng dính không bảo vệ được gì, khiến hai cẳng chân tôi nhói lên đau đớn. Tôi lén lút theo dõi Rosaleen tiến đến gần lầu đài. Tôi quay đi, và bỏ chạy.

Tôi không biết mình chạy đi đâu, cơ thể tôi như rơi vào trạng thái tự vận hành vậy. Chỉ tới khi tôi đến khu vườn có tường bao, ướt nhèm nhẹp, tôi mới nhớ ra quyển nhật ký. Cơ ớn lạnh chạy dọc cơ thể tôi, da gà nổi từ đầu đến tận ngón chân cái.

Trong lúc đứng trước cổng vườn, tê cóng vì sợ và lạnh, tôi chợt thấy một bóng trắng đằng sau lớp kính mở cửa nhà kính. Rồi cánh cửa mở ra, xơ Ignatius xuất hiện với một bộ đồ chống-ong-đốt trong tay.

“Ta biết là con sẽ quay lại mà,” xơ nói, đôi mắt xanh lấp lánh ánh tinh nghịch nổi bật trên làn da nhợt nhạt.

Chương 11: Nơi có khói

Tôi bước vào nhà kính cùng với xơ Ignatius. Tôi đứng bên cạnh xơ, toàn thân gồng lên cứng ngắc. Vai tôi nhô cao quá đến tai cứ như tôi muốn rút đầu vào trong cơ thể như một con rùa biển. Tôi siết chặt quyền nhật ký đến mức các đốt ngón tay trắng bệch ra.

“Ôi, nhìn con kìa,” xơ nói bằng giọng vui vẻ vô tư, “Con trông như một con chuột lột vậy. Để ta lau khô cho...”

“Đừng chạm vào tôi,” tôi vội nói, bước một bước xa khỏi xơ. Tôi quay đi không nhìn xơ, nhưng thỉnh thoảng vẫn liếc nhìn xơ qua vai.

“Chuyện gì xảy ra vậy Tamara?”

“Đừng có giả vờ như chẳng biết gì cả.”

Liếc nhanh qua vai, tôi thấy mắt xơ thoáng nheo lại rồi mở to. Xơ nhận ra điều gì đó. Xơ biết điều gì đó. Xơ giống như một người bị bắt tại trận.

“Thú nhận đi.”

“Tamara,” xơ dừng lại một thoáng, cố tìm từ phù hợp. “Tamara, nhìn ta này. Ta... để ta giải thích... chúng ta hãy đi đến chỗ nào khác để nói chuyện đi. Không phải ở đây. Không phải trong cái nhà kính này. Không phải khi con đang như thế này.”

“Không. Trước tiên tôi muốn nghe bà thú nhận cái đã.”

“Tamara, ta thực sự cho rằng chúng ta nên đi vào trong và...”

“Thú nhận là bà đã viết nó đi,” tôi bật lại.

Nét mặt xơ lập tức thay đổi. Bối rối cực điểm. “Tamara, ta không hiểu. Thú nhận là ta đã viết cái gì?”

“Quyển nhật ký,” tôi phát khùng lên và đẩy nó tới trước mặt xơ. Tôi lật xoàn xoạt hết trang giấy này đến trang khác. “Nhìn này, đã có người viết rồi. Tôi giấu nó trong phòng ngủ, và sáng nay tôi đem nó tới lầu đài để viết, đúng như bà bảo, và hãy nhìn xem. Bằng cách nào mà bà làm thế được chứ?” tôi gí quyển sách tới dưới mũi xơ và lật lia lịa từng trang sách, đôi tay ướt nhoẹt khiến mực nhòe đi. Xơ chớp mắt liên tục, cổ tập trung nhìn từng trang trong khi chúng lướt nhanh qua trước mặt.

“Tamara, bình tĩnh nào, xơ chẳng nhìn thấy gì cả, con lật nhanh quá.”

Tôi lật nhanh hơn nữa. Xơ nhào người tới trước và với đôi tay mạnh mẽ, rắn chắc của mình, xơ giữ lấy cổ tay tôi thật chặt, rồi nói một cách đầy cương nghị. “Tamara. Dừng lại.”

Mệnh lệnh của xơ có hiệu quả tức thì. Xơ cầm lấy quyển nhật ký từ tay tôi và mở trang đầu tiên. Xơ liếc mắt nhìn qua mấy dòng đầu tiên.

“Xơ không tiện đọc. Đây là những suy nghĩ riêng tư của con.”

“Tôi không viết chúng.” Cho tới lúc ấy thì tôi biết xơ cũng không phải người viết chúng. Cái cách nét mặt xơ chuyển sang vẻ bối rối khùng khiếp cho thấy xơ không giả vờ.

“À... vậy thì ai viết?”

“Tôi không biết. Nhìn ngày ghi trên trang đầu tiên đi.”

“Ngày mai.”

“Mọi điều viết trong này đều là những chuyện gì sẽ xảy ra vào hôm sau.”

Mưa rơi lộp độp trên mặt kính, lớn đến mức tưởng như nó có thể đập vỡ kính.

“Sao con biết được khi ngày mai vẫn chưa diễn ra?” Giọng xơ trở nên dịu dàng, cứ như xơ đang cố gắng dỗ dành một bệnh nhân tâm thần đặt con

dao xuống. Xơ làm vậy cũng chẳng sai, chỉ có điều tôi không tự cầm dao, có ai đó đã nhét nó vào tay tôi. Tôi không phải là thủ phạm.

“Có lẽ nửa đêm con tỉnh dậy và viết nhật ký chẳng. Tamara à, có lẽ con buồn ngủ quá nên không nhớ thôi. Ta cũng hay làm những chuyện buồn cười trong lúc nửa tỉnh nửa mơ. Ta lang thang khắp nhà tìm đồ trong khi chẳng biết mình cần tìm gì, làm lộn tung phèo mọi thứ, và buổi sáng khi ta thức dậy, tìm kiếm thứ gì đó, ta thấy mình ở giữa một đống hỗn độn.” Xơ cười khúc khích.

“Không giống nhau mà, “ tôi nhẹ nhàng nói. “Con viết về những chuyện xảy ra ngày hôm nay, những chuyện mà ít ra con không tài nào biết được mới phải. Trận mưa, Rosaleen, áo mưa, và xơ nữa...”

“Ta thế nào?”

“Con viết là xơ có mặt ở đây.”

“Nhưng lúc nào ta cũng ở đây, Tamara, con biết mà.”

Xơ Ignatius tiếp tục nói, cố gắng hợp lý hóa mọi chuyện, kể cho tôi nghe về cái lần xơ mò vào văn phòng xơ Mary một đêm nọ tìm gắng tay làm vườn, vì xơ nằm mơ thấy mình đang trồng củ cải, và đã khiến xơ Mary sợ phát khiếp. Tôi cãi phăng phăng. Làm sao tôi có thể viết năm trang giấy mà chẳng nhớ gì? Làm sao tôi có thể tiên đoán về cơn mưa, Rosaleen mang áo mưa tới, xơ Ignatius đứng chờ trong nhà kính với bộ đồ chống-ong-đốt?

“Đầu óc của chúng ta thỉnh thoảng lại trở chứng, Tamara à. Khi chúng ta cố nhớ ra điều gì đó, nó cứ ung dung đi theo lối đi riêng. Chúng ta chỉ đành theo sau thôi.”

“Nhưng con có tìm gì đâu.”

“Thật sao? À, giờ thì mưa tạnh rồi. Ta đã bảo với con là nó sẽ sớm tạnh mà. Sao chúng ta không vào nhà để hong khô và cho con ăn thứ gì nóng nóng nhỉ. Hôm qua ta nấu xúp với rau cây nhà lá vườn, chắc vẫn còn,

ta nghĩ thế, nếu xơ Mary chưa dùng ống hút uống sạch. Hôm qua xơ Mary đánh rơi hàm răng giả, xơ Peer Regina vô tình giẫm lên, kể từ lúc ấy xơ Mary phải dùng ống hút.” Xơ che miệng. “Xin Chúa tha lỗi vì con đã cười cợt.”

Tôi định cự nự thì chợt nhớ ra mình đã viết trong nhật ký là mình sẽ bị cảm. Tôi theo xơ ra khỏi vườn, qua hàng cây để đến nhà xơ.

Ngôi nhà y hệt như xơ Ignatius, chân thật miệt vườn, bởi bên trong hay bên ngoài đều cũ kỹ như nhau. Chúng tôi vào nhà từ cửa sau, một hành lang nhỏ chật đầy giày bột, áo mưa, dù, nón rộng vành, mọi thứ cần thiết cho mọi kểu thời tiết. Những viên đá cập kênh, sứt mẻ lát trên lối đi dẫn tới phòng bếp. Phòng bếp được dựng theo kiểu thập niên 1970. Tủ bếp kiểu Shaker, sàn lót vải sơn, mặt quầy bằng nhựa, màu xanh bơ và cam sẫm xuất hiện khắp mọi nơi, là sản phẩm của thời đại người ta cuống lên với một đưa không gian bên ngoài vào nội thất. Có một cái bàn gỗ thông dài với hai băng ghế đặt ở hai bên, đủ chỗ cho một gia đình chục đứa con. Một chiếc radio kêu ầm ĩ từ một không gian khác. Tấm thảm xoắn màu nâu dẫn mắt tôi đến một cái ti vi lớn đặt sát tường có cái móng dày phải tới bảy tám mươi xăng ti mét. Phía trên, một tấm vải ren màu kem phủ xuống màn hình và bức tượng đức Mẹ. Bức tường đằng sau treo một cây thánh giá đơn giản bằng gỗ.

Ngôi nhà có mùi năm tháng. Mùi mốc meo, ẩm ướt quyện vào bữa tối và dầu ăn nhớp nháp. Đâu đó phảng phất mùi hương của xơ Ignatius; mùi xà bông bột thơm, như mùi một đứa bé sơ sinh vừa được tắm rửa sạch sẽ. Cũng giống như căn nhà của Rosaleen và Arthur, nó đem lại cảm giác nhiều thế hệ đã từng sống ở đó, lũ trẻ lớn lên, mua sắm đồ đạc, yêu nhau rồi lại ghét nhau. Không phải những người sống trong căn nhà làm chủ căn nhà mà chính căn nhà mới làm chủ một phần của từng người sống trong đó. Chúng tôi chưa từng có cảm giác như vậy trong căn nhà của mình. Tôi yêu căn nhà của chúng tôi nhưng mọi dấu vết của sự sống trong đó đều được tẩy sạch bởi người dọn vệ sinh. Họ xóa đi mùi hương quá khứ trong từng căn

phòng và thay thế bằng mùi thuốc tẩy. Cứ mỗi ba năm, căn phòng lại được trang hoàng lại theo một phong cách mới, đồ đạc cũ bị ném đi, đồ đạc mới chuyển vào, tường được sơn lại để hợp màu với ghế sofa. Không hề có bộ sưu tập đồ đạc dùng hết năm này sang năm nọ. Không có những kỷ vật gắn bó với khả năng rò rỉ ra những bí mật. Tất cả đều mới toanh và đắt tiền, tất cả đều vô cảm. Hay đó chính là bản chất của nó.

Xơ Ignatius lạch bạch trong bộ đồ chống-ong, chẳng khác gì một đứa trẻ mới tập đi quần cái tã phóng to. Tôi cởi chiếc áo len cardigan ra, đặt trên máy sưởi. Chiếc áo len của tôi trong suốt và dán chặt vào người, đôi dép kẹp lép nhép ướn nhưng tôi không dám bỏ ra, vì sợ bụi bặm của gia đình từng sống nơi này bám vào lòng bàn chân. Có rất nhiều thứ từ không gian bên ngoài được đem vào đặt trên sàn nhà này.

Xơ Ignatius quay trở lại, mang theo khăn và một chiếc áo thun.

“Xin lỗi nhưng ta chỉ tìm được thể này thôi. Bọn ta không quen mặc trang phục của những cô gái mười bảy tuổi.”

“Mười sáu,” tôi chỉnh lại, xem xét chiếc áo thun marathon kiểu nữ màu hồng.

“Từ năm sáu mốt đến bảy mốt, năm nào ta cũng tham gia chạy bộ cả,” xơ giải thích, quay sang bếp để chuẩn bị món xúp. “Nhưng giờ thì không được nữa rồi,” tôi e là thế.

“Wow, chắc là hồi đó thân hình xơ đẹp lắm nhỉ.”

“Con nói cái gì cơ,” xơ tạo dáng trong bộ đồ chống-ong và hôn lên bắp tay, “Xơ vẫn còn ngon lành lắm đây.”

Tôi phá lên cười. Tôi cởi chiếc áo vest ra, đặt lên máy sưởi, rồi mặc áo thun vào. Nó dài ngang đùi. Tôi cởi quần soóc ra, dùng thắt lưng biến chiếc áo thun thành một chiếc váy.

“Xơ thấy sao?” tôi bước trên sàn catwalk tưởng tượng cho xơ xem rồi đứng chống tay tạo dáng ở cuối màn trình diễn.

Xơ phá lên cười và huýt sáo. “Ôi chao, giá như xơ lại có được đôi chân tuyệt vời như thế thêm lần nữa,” xơ chặc chặc lưỡi rồi lắc đầu.

Xơ bung hai bát xúp đặt lên bàn và tôi ăn ngấu ăn nghiêng.

Bên ngoài mặt trời đang chiếu sáng, chim hót ríu rít cứ như thể cơn mưa chưa từng ập tới, cứ như thể nó chỉ là một phần trong trí tưởng tượng của chúng tôi vậy.

“Mẹ con thế nào?”

“Mẹ con khỏe, cảm ơn xơ.”

Im lặng. Không bao giờ nên nói dối một nữ tu.

“Mẹ con không được khỏe. Mẹ ngồi trong phòng ngủ suốt cả ngày, nhìn ra cửa sổ và mỉm cười.”

“Mẹ con có vẻ vui đấy.”

“Có vẻ điên khùng thì có.”

“Rosaleen nói sao?”

“Rosaleen cho rằng ăn kênh bụng mỗi ngày thì ai cũng khỏe cả.”

Môi của xơ Ignatius hơi nhướn lên nhưng xơ cố nhịn cười.

“Rosaleen nói chỉ là do đau buồn thôi.”

“Có lẽ Rosaleen nói đúng.”

“Vậy nếu mẹ cởi hết quần áo, lăn lộn trong đồng bừa và hát bài hát của Enya^[3] thì sao? Có phải đó cũng là đau buồn thôi không?”

[3] Enya Brennan: ca sĩ kiêm nhạc công người Ireland.

Xơ Ignatius mỉm cười, da mặt xếp nếp như tờ gấp giấy origami. “Mẹ con đã làm vậy chưa?”

“Chưa. Nhưng cũng gần như thế rồi.”

“Arthur nghĩ sao?”

“Arthur biết nghĩ cơ á?” Tôi hỏi ngược, húp xúp nóng soàn soạt. “Được rồi, con nói sai, Arthur có suy nghĩ chứ, tất nhiên là thế rồi. Arthur nghĩ nhưng không nói ra. Ý con là cậu ấy đúng là một người anh kỳ cục. Hơn nữa, hoặc là cậu ấy yêu Rosaleen quá mức, không điều gì Rosaleen nói có thể làm phiền lòng cậu ấy, hoặc là cậu ấy không tài nào chịu đựng được Rosaleen, nên dần có bị thúc vào mông Arthur cũng chẳng thèm nói chuyện với Rosaleen. Con chẳng hiểu nổi bọn họ nữa.”

Xơ Ignatius nhìn đi chỗ khác, lộ vẻ không thoải mái.

“Xin lỗi. Vì cách nói năng của con.”

“Ta nghĩ con đã hiểu sai về Arthur rồi. Ông ấy tôn thờ Rosaleen. Ta nghĩ ông ấy sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho vợ.”

“Ngay cả việc cưới vợ ấy ư?”

Xơ nhìn chăm chăm vào tôi và tôi cảm nhận được cái tát từ ánh nhìn ấy.

“Được rồi, được rồi. Con xin lỗi. Chỉ là vợ ấy cứ... con chẳng biết nữa,” tôi cố tìm từ thích hợp để diễn tả cái cảm giác mà Rosaleen mang lại cho tôi. “*Chiếm hữu*.”

“Chiếm hữu,” xơ Ignatius ngẫm nghĩ về từ tôi vừa dùng. “Con chọn từ thú vị đấy.”

Chẳng hiểu sao tôi lại cảm thấy vui vẻ.

“Xơ hiểu nghĩa của nó mà, đúng không?”

“Đương nhiên, như thể Rosaleen sở hữu mọi thứ vậy.”

“Hừm.”

“Ý con là mẹ ấy chăm sóc mẹ con con quá tốt, đại khái là vậy. Một ngày mẹ ấy cho hai mẹ con con ăn cả ba trăm lượt với khẩu phần của khủng long, nhưng con ước gì mẹ ấy thả lỏng một chút, lùi lại một chút, cho con chút không gian để hít thở.”

“Con có muốn ta nói chuyện với Rosaleen không, Tamara?”

Tôi sợ run. “Không, mẹ ấy sẽ biết con kể cho xơ nghe. Con thậm chí còn không kể với mẹ ấy rằng con biết xơ nữa. Xơ là bí mật bản thủ của con,” tôi đùa.

“Ôi,” xơ phá lên cười, má ửng hồng, “Xơ chưa từng *như vậy* bao giờ.” Khi đã hết bối rối, xơ trấn an tôi rằng xơ sẽ không để Rosaleen biết tôi đã mách lẻo với xơ về mẹ ấy. Chúng tôi tiếp tục nói chuyện về quyển nhật ký, về cách thức và lý do mọi chuyện xảy ra, xơ trấn an tôi lần nữa rằng tôi không cần phải lo, đầu óc tôi đã quá căng thẳng rồi, xơ chắc chắn rằng tôi đã viết nó trong lúc buồn ngủ nên quên khuấy đi. Tôi lập tức cảm thấy tốt hơn sau buổi nói chuyện với xơ, dường như có thêm chút lo lắng về thói quen ngủ nghỉ của mình. Nếu có thể vừa ngủ vừa viết nhật ký, thì tôi còn dư sức giờ trò nào khác nữa đây? Xơ Ignatius có năng lực khiến tôi cảm thấy rằng mọi chuyện khó hiểu đều hoàn toàn bình thường, mọi điều đều là do ân trên và tuyệt vời khủng khiếp và chẳng có gì mà phải căng thẳng cả, rằng câu trả lời sẽ tới, mây đen sẽ tan, điều phức tạp sẽ trở nên đơn giản, và những gì kỳ lạ sẽ trở nên thân thuộc. Tôi tin xơ.

“Ôi chao, xem thời tiết kìa,” xơ xoay người nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. “Mặt trời đã lại ló ra. Chúng ta phải đi xem bọn ong ngay thôi.”

Trở lại bên ngoài khu vườn có tường bao, tôi mặc bộ đồ chống ong và cảm thấy mình giống như Michelin trong quảng cáo lốp ô tô.

“Xơ nuôi ong là để có thêm thời gian rảnh hả?” tôi hỏi khi chúng tôi mang dụng cụ đến bên một tổ ong. Ở trường con cũng làm thế. Nếu xơ tham gia hát trong dàn đồng ca thì thỉnh thoảng xơ sẽ được nghỉ học để đi thi hoặc đến nhà thờ làm lễ khi các thầy cô kết hôn. Nếu con làm cô giáo thì trong đám cưới của con, con sẽ không cần đám giặc con thò lò mũi xanh từng biến cả ngày dài của con thành địa ngục lại hát tặng con trong ngày hạnh phúc nhất đời con đâu. Con sẽ đến St. Kitts hay Mauritius. Hoặc Amsterdam. Ở đó mười sáu tuổi là đủ tuổi uống bia rồi. Nhưng nếu được phép thì con cũng chẳng từ chối. Đương nhiên con cũng chẳng đời nào kết hôn lúc mười sáu tuổi đâu. Chắc chắn có pháp luật nào cho phép nhỉ? Xơ chắc biết rành, xơ biết người đàn ông của đời xơ mà.” Tôi hát đầu lên trời.

“VẬY là con hát trong dàn đồng ca à?” xơ hỏi cứ như chẳng hề nghe thấy bất cứ điều gì khác mà tôi vừa nói.

“Vâng, nhưng chỉ ở trường thôi. Con chưa bao giờ đi thi cả, lần đầu tiên thì nhà con đi trượt tuyết ở Verbiers, lần thứ hai thì con bị viêm thanh quản,” tôi nháy mắt.” “Chồng của bạn mẹ con là bác sĩ nên ông ta sẵn sàng viết giấy cho con khi cần. Con nghĩ ông ta mê tí mẹ con. Con thà chết chứ chả đi dự mấy cuộc thi kiểu đó, dẫu rành rành là trường con cũng có tiếng tăm trong các cuộc thi đồng ca. Bọn con đã giành giải thưởng gì đó ở cuộc thi toàn Ireland, hai lần liền.”

“Ồ, con hay hát loại nhạc gì? Ta thích nhất là Nessun Dorma.”

“Đó là ai vậy?”

“Nessun Dorma,” xơ nhìn tôi vẻ bất ngờ. “Ôi, đó là một trong những bài aria dành cho giọng nam cao hay nhất, ở màn cuối trong vở nhạc kịch Turandot của Puccini.” Xơ nhắm mắt, vừa ngân nga vừa đóng đưa theo tiếng hát. “Ôi, ta yêu bài hát đó. Đương nhiên là dưới giọng hát vàng của Pavarotti rồi.”

“À, đúng rồi, đó là ông già mập ú hát chung với Bono. Chẳng hiểu sao mà con cứ tưởng ông ta là đầu bếp nổi tiếng, cho đến khi con thấy hình

ông ta trên báo, ngày ông ta qua đời. Chắc con nhầm ông ta với ai đó, xơ biết cái gã hay làm pizza với đủ mọi nhân kỳ cục trên kênh Âm thực không. Sô cô là và những thứ tương tự ấy? Có lần con nhờ Mae làm cho con ăn nhưng nó khiến con muốn ói. Không, bọn con chẳng hát những loại nhạc như vậy đâu. Bọn con hát bài ‘Câm miệng và để tôi đi’ của nhóm Ting Tings. Nhưng với dân nhạc thì nó nghe hoàn toàn khác, rất nghiêm túc, như một vở opera thực sự vậy.”

“Kênh Âm thực à, không , ta không thấy có kênh đó.”

“Con biết nó là chương trình của đài vệ tinh, Rosaleen và Arthur cũng không biết được chương trình này. Xơ chắc chẳng thích lắm đâu, nhưng có một kênh khác nữa là kênh Chúa. Chắc là trên đó sẽ có nội dung mà xơ thích. Họ nói về Chúa suốt cả ngày.”

Xơ Ignatius mỉm cười với tôi lần nữa, choàng tay qua vai tôi, kéo tôi sát vào người xơ, và chúng tôi cứ bước đi như vậy về phía khu vườn.

“Giờ thì bắt tay vào làm việc nghiêm túc nào,” xơ nói khi chúng tôi đến gần mấy cái tổ ong. “Nghe này, rất quan trọng đây. Câu hỏi đầu tiên, lẽ ra ta phải hỏi con từ trước mới phải, con có bị dị ứng với ong không?”

“Con chẳng biết.”

“Con có bao giờ bị ong chích chưa?”

“Chưa.”

“Hừm. Được rồi. Thế này, dẫu được bảo về đến tận răng, con vẫn có thể xui xẻo bị ong chích. Ồ, đừng nhìn ta như vậy chứ, Tamara. Được rồi, con cứ chạy về với Rosaleen đi, ta chắc là bà ấy đã chuẩn bị sẵn nguyên một cái đùi sau của một con bò để con ăn dần bụng trước bữa tối đây.”

Tôi im re.

“Người ta không chết vì một vết ong chích đâu.” Xơ tiếp. “Trừ phi bị dị ứng, đương nhiên rồi, nhưng ta sẵn sàng chấp nhận nguy cơ đó. Ta vốn

rất can đảm mà.” Mắt xơ lại lấp lánh một cách tinh nghịch. “Chỗ bị chích sẽ hơi sưng lên, sau đó sẽ ngứa ngáy một chút.”

“Như muỗi đốt.”

“Chính xác. Đây là ống thổi khói. Ta sẽ thổi khói vào tổ ong trước khi kiểm tra.”

Khói bắt đầu tuôn qua vòi. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi kỳ cục vì những gì tôi đọc từ quyển nhật ký hồi sáng đang trở thành hiện thực, chúng diễn ra trước mắt tôi theo đúng kịch bản. Xơ để vòi phun bên dưới tổ ong.

“Khi tổ ong bị đe dọa, ong lính sẽ phát ra một chất pheromone gọi là iso-pentyl acetate được biết như mùi báo động. Mùi này sẽ cảnh báo những con ong lớn tuổi trong tổ ong, đó là những con ong có nhiều nọc độc nhất, để bảo vệ tổ khỏi những kẻ xâm nhập. Tuy nhiên, khi bị thổi khói vào, ong lính theo bản năng sẽ hút thật nhiều mật, đó chính là bản năng sống còn của chúng, trong trường hợp chúng phải rời bỏ cái tổ này và đi chỗ khác làm tổ mới. Hút mật sẽ khiến đám ong hiền lành hơn.”

Tôi nhìn theo đụn khói bồng bênh chui vào tổ. Rồi đột nhiên tôi nghĩ tới cảnh hoảng loạn. Tôi thấy chóng mặt. Tôi thò tay ra bấu vào tường.

“Tuần tới ta sẽ chiết lấy mật ong. Bộ đồ chống ong đó dành riêng cho con nếu con muốn phụ ta. Có người bên cạnh sẽ vui hơn. Mấy xơ khác không có hứng thú với việc nuôi ong. Thịnh thoảng ta thích ở một mình, nhưng con biết đó, đôi khi có bạn vẫn tuyệt hơn.”

Đầu tôi quay mòng mòng khi tôi tưởng tượng cảnh khói ngập tổ ong, bày ong hút thức ăn căng bụng, cơn hoảng sợ khủng khiếp và cực điểm. Tôi muốn đập lại xơ và bảo xơ đừng nói nữa, rằng tôi cũng chẳng hứng thú gì với việc trích mật ong, nhưng tôi lắng nghe âm sắc trong giọng nói của xơ, niềm phấn khích, cảm giác vui sướng khi có người bên cạnh, và tôi nhớ đến lời ước trong cuốn nhật ký về chuyện có thể rút lại được lời nói của mình. Tôi uốn lưỡi bảy lần rồi gạt đầu, cảm thấy choáng váng. Đám khói đó.

“Hay ít nhất có ai ở bên giả vờ như họ cũng rất vui vẻ. Ta già rồi. Ta chẳng còn quan tâm gì nhiều nữa. Nhưng thật tốt vì con tình nguyện cùng ta. Ta nghĩ thứ Tư này là một ngày tuyệt vời để trích mật ong đấy. Ta phải xem lại dự báo thời tiết để chắc chắn hôm đó là một ngày đẹp trời, ta thật không muốn lại bị ướt nhem như ngày hôm nay đâu...” Xơ cứ lải nhải cho đến khi tôi cảm nhận thấy ánh mắt của xơ dán chặt vào tôi. Xơ không thể nhìn thấy mặt tôi, tôi cũng vậy, vì tấm lưới trùm đầu.

“Có gì không ổn vậy cưng?”

“Không có gì.”

“Chẳng khi nào lại không có gì cả. Luôn luôn có một thứ gì đó. Quyền nhật ký làm con lo lắng sao?”

“Ồ, vâng, đương nhiên là thế... nhưng không hẳn là nó. Không có gì đâu mà.”

Chúng tôi yên lặng hồi lâu, rồi cứ như để chứng minh lời nói của xơ là đúng, tôi hỏi. “Có ai ở trong lâu đài khi nó bốc cháy không xơ?”

Xơ dừng lại một thoáng cuối cùng cũng trả lời. “Có, thật không may.”

“Cứ nhìn... nhìn đám khói cuộn vào, con lại tưởng tượng ra cảnh hoảng loạn và nỗi khiếp hãi của mọi người”, tôi lại bấu chặt vào tường. “Có ai chết không?”

“Có. Quả thực là có. Tamara, khi ngọn lửa tàn phá tổ ấm ấy, nó cũng tàn phá cuộc đời của rất nhiều người, con không tưởng tượng được đâu.”

Tổ ấm ấy. Tổ ấm. Thật bí ẩn khi một tòa nhà lớn như thế lại có thể được gọi là tổ ấm. Nó từng mang nhiều ý nghĩa với người ta thuở trước, dù những người đó là ai.

“Giờ thì họ sống ở đâu? Những người sống sót ấy.”

“Con biết đấy, Tamara, Rosaleen và Arthur đã ở đây lâu hơn ta nhiều, thực sự con nên hỏi họ. Con hỏi ta và ta sẽ không nói dối, con hiểu chứ? Nhưng câu này thì con nên hỏi họ. Được không?”

Tôi nhún vai.

“Con hiểu ý ta chứ,” xơ đưa tay nắm chặt cánh tay tôi. Tôi cảm thấy sức mạnh của xơ dưới lớp áo giáp. “Ta sẽ không bao giờ nói dối.”

“Vâng, vâng con hiểu.”

“Con hỏi họ đi, được không?”

Tôi nhún vai. “Sao cũng được.”

“Sao cũng được, sao cũng được, chỉ có con lười mới nói thế thôi. Giờ ta sẽ nhắc cái này lên và cho con thấy các cư dân của đế chế ong.”

“Hay quá. Làm sao mà xơ đem hết bọn chúng vào đây được?”

“À, đó là phần dễ dàng nhất. Như tất cả chúng ta, Tamara à, bây ong luôn mong muốn tìm kiếm một mái ấm. Giờ con có biết ta sẽ chỉ cho con xem ong chúa bằng cách nào không?”

“Xơ sẽ dùng bút đánh dấu lên nó.”

“Sao con biết được?”

“Chấn hấn con đã viết thế vào nhật ký trong lúc mộng du. Chó ngáp phải ruồi, phải không xơ?”

“Hừm.”

Khi tôi về nhà thì trời đã tối, vậy là tôi đã ở ngoài suốt cả ngày. Arthur cũng vừa đi làm về, cậu đang bước dọc lối đi trong chiếc áo thợ rừng. Tôi dừng lại chờ cậu.

“Chào cậu Arthur.”

Cậu ngoảnh nhìn tôi.

“Một ngày vui chứ?”

“À.”

“Tốt. Arthur, cháu có thể nói chuyện với cậu một lát trước khi vào nhà không?”

Cậu dừng lại. “Mọi chuyện ổn chứ?” Về lo lắng tôi chưa từng thấy hiện trên mặt cậu.

“Vâng. Không. Đó là về mẹ...”

“Ôi chao, cả hai đều đã về rồi,” Rosaleen nói vọng ra tới cửa chính. “Chắc cả hai đều đã đói ngấu rồi. Tôi vừa lấy bữa tối từ trong lò ra đây, nóng hổi chỉ việc ăn thôi.”

Tôi nhìn sang Arthur, cậu nhìn Rosaleen, có một khoảng lặng khó xử khi Rosaleen không chịu để yên cho hai chúng tôi ở riêng một lát. Arthur đầu hàng trước, cậu bước dọc lối đi trong vườn vào nhà. Rosaleen xích qua một bên để cậu bước vào rồi xích lại chỗ cũ, nhìn tôi một thoáng, sau đó mọ vào trong chuẩn bị bữa tối. Khi chúng tôi đã ngồi vào bàn, Rosaleen xếp thức ăn của mẹ vào khay để bung lên lầu. Tôi hít sâu một hơi.

“Chúng ta có nên thử gọi mẹ xuống nhà ăn cùng không?”

Một khoảng lặng, Arthur nhìn sang Rosaleen.

“Không, bé con à. Mẹ cháu cần được yên tĩnh.”

Tôi không phải là bé con. Tôi không phải là bé con. Tôi không phải là bé con.

“Cả ngày mẹ đã được yên tĩnh rồi. Gặp gỡ người này người nọ cũng tốt cho mẹ mà.”

“Ta nghĩ mẹ cháu thích có không gian riêng.”

“Sao mợ lại nghĩ vậy?”

Rosaleen lờ tôi đi và bung khay lên lầu. Arthur và tôi sẽ được ở riêng với nhau một phút. Cứ như đọc được suy nghĩ của tôi, Rosaleen quay lại bếp. Mẹ nhìn Arthur.

“Arthur, anh vui lòng lấy cho em chai nước trong nhà để xe nhé. Tamara không thích uống nước từ vòi.”

“Ồ không, không sao mà. Cháu uống nước vòi cũng được,” tôi vội nói, cần không cho Arthur đứng dậy.

“Không, không phiền đâu, đi đi Arthur.”

Cậu lại đứng lên.

“Cháu không cần mà,” tôi cương quyết.

“Nếu Tamara không muốn thì thôi, Rosaleen,” Arthur nói khẽ đến mức tôi chỉ lờ mờ đoán được vài chữ.

Rosaleen hết nhìn Arthur lại nhìn sang tôi rồi nhắc chân đi lên cầu thang. Tôi cảm thấy đây sẽ là lần mẹ lên tầng nhanh nhất.

Ban đầu tôi và Arthur chỉ ngồi im. Tôi nói nhanh.

“Arthur, chúng ta phải làm gì đó cho mẹ. Mẹ không bình thường.”

“Những chuyện mẹ cháu trải qua đâu có bình thường. Ta chắc là mẹ cháu thích ăn một mình hơn.”

“Cái gì?” tôi giơ hai tay lên trời. “Hai người làm sao thế? Sao hai người cứ mê mẩn cái trò nhốt kín mẹ một mình vậy?”

“Chẳng ai muốn nhốt mẹ cháu cả.”

“Vậy sao cậu không đi nói chuyện với mẹ?”

“Ta ư?”

“Vâng, cậu đó. Cậu là anh của mẹ, cháu nghĩ cậu có thể khơi gợi lại chuyện cũ, giúp mẹ quay lại với chúng ta.”

Cậu dùng tay che miệng, tránh ánh mắt của tôi.

“Arthur, cậu phải nói chuyện với mẹ. Mẹ cần một gia đình.”

“Tamara, thôi đi,” cậu rít lên khiến tôi sửng sò.

Trong một thoáng, cậu có vẻ bị tổn thương. Nỗi đau sâu sắc thoáng hiện trong ánh mắt cậu. Rồi cứ như thể đã thu hết can đảm, cậu vội liếc mắt nhìn ra cửa phòng bếp rồi quay lại nhìn tôi. Cậu chồm tới, há miệng nói nhanh, “Tamara, nghe này...”

“Giờ chúng ta ăn được rồi. Mẹ cháu rất ổn. Mẹ cháu rất thích món thịt hầm khoai tây.” Rosaleen thở hắt hên, sắp ngửa lao trở lại bếp. Arthur quan sát mẹ từ lúc mẹ bước vào cho đến khi mẹ ngồi xuống.

“Sao hả cậu?” tôi chồm ra mép ghé hỏi Arthur. Cậu định nói gì với tôi?

Đầu Rosaleen quay quanh như ăng ten đang dò sóng.

“Hai người đang nói chuyện gì vậy?”

Cũng có lúc cái khịt mũi của Arthur mang lại tác dụng. Thế là đủ với Rosaleen rồi.

“Ăn thôi,” mẹ tươi tỉnh lảng xăng phân phát thìa và xa lát rau.

Một lát sau Arthur mới bắt đầu ăn. Cậu ăn không nhiều.

Đêm đó tôi ngồi nhìn chăm chăm vào quyển nhật ký suốt mấy tiếng liền. Tôi đặt nó lên đùi và chờ đến lúc những dòng chữ mới xuất hiện. Tôi không thức được đến nửa đêm, vì khi tôi tỉnh dậy lúc một giờ sáng, quyển nhật ký vẫn mở ra trên đùi tôi, bên trong đặc kín những dòng chữ của tôi. Lời dự báo của ngày hôm qua đã biến mất, thay vào đó là một mục khác, mục dành cho ngày mai.

Chủ nhật, ngày 4 tháng 7

Lẽ ra mình không nên kể cho Weseley về ba...

Tôi đọc đi đọc lại câu đó mấy lần. Quái quỷ, Weseley là ai thế nhỉ?

Chương 12: Không tránh khỏi

Tôi cho rằng việc tôi mơ thấy giấc mơ đêm hôm đó là không thể tránh khỏi.

Tôi nằm trên giường, buộc mình chìm vào giấc ngủ, nhưng trớ trêu thay, tâm trí tôi cứ loanh quanh mãi với những dòng nhật ký tôi đọc trong lâu đài trước khi chúng bị xóa đi nhường chỗ cho những dòng tiếp theo. Rất may là tôi đã đọc quá nhiều lần trước khi các dòng chữ biến mất và mục tiếp theo xuất hiện nên tôi gần như đã thuộc nằm lòng. Mọi điều tôi đọc đều trở thành hiện thực trong ngày hôm đó. Tôi tự hỏi liệu ngày mai có diễn ra như những lời tiên đoán siêu nhiên đó không, liệu mọi việc có bị vạch trần như trò đùa độc ác của ai đó không, hay liệu xơ Ignatius có nói đúng không, và liệu những dòng qua quýt vào đêm muộn của một kẻ mộng du có tự lộ rõ bản chất chúng đơn thuần chỉ là những lời lảm nhảm vô dụng không.

Tôi từng nghe về những điều người ta làm khi đang ngủ. Giật đùng đùng như động kinh, thực hiện những hành vi tình dục kỳ cục, giật giũ hay thậm chí giết người, còn gọi là mộng du sát nhân. Có vài vụ án đình đám trong đó người ta phạm tội giết người rồi đổ lỗi cho mộng du. Hai trong số đó được tha bổng và bị buộc phải ngủ một mình sau cánh cửa khóa kín. Tôi không biết đó có phải là điều tôi thu được từ một trong những bộ phim phóng sự Mae từng xem không hay đó là một tập phim của Perry Mason có tựa “Vụ án về cháu gái của kẻ mộng du”. Dù sao thì nếu tất cả những điều đó có thể xảy ra, tôi cho rằng tôi hoàn toàn có thể viết nhật ký trong khi ngủ, và trong khi viết, tôi đã dự đoán trước tương lai.

Tôi tin vào lời bào chữa về mộng du sát nhân hơn.

Biết được giấc mơ sắp tới, à, theo tiên đoán của Tamara Ngày Mai, đầu óc tôi quay vòng vòng cố tìm cách thay đổi giấc mơ, nghĩ cách ngăn không cho ba trở thành thầy giáo tiếng Anh của tôi và giữ ông lại bên cạnh

để chúng tôi có thể thực sự nói chuyện với nhau. Tôi cố nhớ một mặt hiệu mà chỉ mình ba mới hiểu tôi đang nói gì và bằng cách nào đó gọi ông từ cõi chết để kết nối với tôi. Bị ám ảnh trầm trọng, tôi không thể không mơ chính xác những điều mình đã viết, việc mặt ba tôi biến thành mặt giáo viên tiếng Anh, rồi trường tôi chuyển sang Mỹ mà tôi chẳng nói được tiếng bên ấy, rồi chúng tôi sống trên một con thuyền. Điểm khác biệt duy nhất là tôi cứ bị đám học trò yêu cầu đứng lên hát, vài người trong đó là diễn viên bộ phim High School Musical, và khi tôi cố mở miệng, chẳng âm thanh nào phát ra vì bệnh viêm thanh quản. Chẳng ai tin tôi cả vì trước đó tôi từng nói dối như vậy.

Một điểm khác biệt nữa còn đáng ngại hơn là chiếc thuyền tôi đang sống, có hình dáng tựa tựa như chiếc thuyền gỗ của Noah, chất đầy nhóc người như hàng triệu con ong trong tổ. Khói cứ tuồn vào hành lang nhưng chẳng ai ngoại trừ tôi để ý tới, và họ cứ tiếp tục ăn uống, ngồi trong phòng tiệc dài và không ngừng tọng thức ăn vào miệng, giống như phim Harry Potter vậy, trong khi khói đã tràn ngập các phòng. Tôi là người duy nhất nhìn thấy khói nhưng chẳng ai nghe tôi vì bệnh viêm thanh quản làm tôi chẳng thốt được tiếng nào. Tôi nhớ đến câu chuyện chú bé chặn cừu và con chó sói.

Bạn có thể cho rằng quyền nhật ký đã nói đúng, hay một đầu óc hoài nghi hơn sẽ nghĩ rằng vì tôi bị ám ảnh bởi những chi tiết về giấc mơ đã được viết ra, tôi không thể không tự ép mình mơ giấc mơ đó. Nhưng đúng như dự báo, tôi tỉnh dậy với tiếng Rosaleen làm rơi nôi xuống sàn kèm theo một tiếng thét.

Tôi gạt chân qua một bên và nhảy xuống sàn, quỳ gối. Đêm qua, tôi đã giấu quyền nhật ký dưới tấm ván lát sàn theo đúng lời tiên tri của mình. Nếu Tamara Ngày Mai cảm thấy thế là quan trọng thì tôi sẽ nghe theo lời khuyên của cô ta. Ai biết vì sao cô ta – hay là tôi – phải cố công như vậy để giấu giếm nhưng suy nghĩ đồng bóng ngốc nghếch chứ. Có lẽ Rosaleen đi rình mò cô ta, hay là tôi, không viết ra. Mấy đêm vừa qua, tôi dùng cái ghế

gỗ chặn cửa phòng ngủ lại. Nó sẽ không cản trở được Rosaleen nhưng ít nhất cũng báo động cho tôi về sự có mặt của mẹ. Theo như tôi biết, sau đêm đầu tiên, mẹ không hề đứng nhìn tôi ngủ nữa. Chỉ là theo như tôi biết thôi.

Tôi đang ngồi trên sàn bên cánh cửa phòng ngủ, đọc lại những dòng nhật ký tôi qua thì nghe tiếng chân bước lên cầu thang. Tôi nhìn ra ngoài qua lỗ khóa, thấy Rosaleen đang dẫn mẹ đi lên cầu thang. Tôi gần như đã nhảy bật dậy mà nhảy múa ca hát thì Rosaleen gõ cửa phòng tôi sau khi đã đóng cửa phòng mẹ lại. Tôi đứng bật dậy.

“Chào buổi sáng, Tamara, mọi chuyện ổn chứ?”

“À, vâng, cảm ơn mẹ, Rosaleen. Có gì ở dưới lâu vậy?”

“Không, không có gì. Ta làm rớt cái nôi thôi,”

Tay nắm cửa bắt đầu xoay.

“Hừm, khoan nào! Cháu đang ở trần!” tôi Chuỗi người xuống đẩy cửa đóng lại.

“Ồ, được rồi...” Những câu chuyện về thân thể, nhất là những cơ thể trần truồng, thường khiến mẹ bối rối. “Bữa sáng sẽ sẵn sàng trong vòng mười phút nữa.”

“Được ạ,” tôi khẽ đáp, tự hỏi vì cái quái gì mà mẹ lại nói dối chứ. Chuyện mẹ chịu xuống lầu là một *sự kiện lớn*. Đối với những gia đình bình thường thì chẳng có gì đáng nói, nhưng với gia đình tôi thì khác.

Tôi chợt ngỡ ngàng nhận ra tầm quan trọng của từng dòng ghi trong nhật ký, tôi chợt nghĩ mỗi dòng là dấu bánh mì vụn mà tôi từng muốn rải dọc đường từ nhà cũ của tôi đến nơi này. Mỗi từ là một đầu mối, một sự ám chỉ, về chuyện gì đó đang xảy ra ngay dưới mũi tôi. Khi tôi viết rằng tôi thức dậy vì nghe thấy tiếng Rosaleen làm rơi nôi và hét lên, lẽ ra tôi phải hiểu được ẩn ý đằng sau, lẽ ra tôi phải nhận thấy rằng mẹ chẳng bao giờ sợ

ý như thế, rằng hẳn phải có chuyện gì đó xảy ra khiến mẹ làm rơi nôi. Vì sao mẹ lại nói dối về chuyện mẹ xuống lầu? Để bảo vệ tôi? Để bảo vệ chính mẹ?

Tôi ngồi xuống sàn, dựa lưng vào cửa đọc lại những dòng nhật ký vừa phát hiện tôi qua.

Chủ nhật, ngày 4 tháng 7

Lẽ ra mình không nên kể cho Weseley về ba. Mình ghét cách anh ta nhìn mình, đầy vẻ thương hại. Nếu anh ta không thích mình, anh ta sẽ không thích mình. Một người ba tự tử chẳng làm mình tốt đẹp hơn – mặc dù trong trường hợp này thì điều đó đúng, nhưng làm thế nào mà anh ta biết được chứ. Có lẽ mình viết thế này có vẻ đạo đức giả, nhưng mình không muốn ấn tượng của mọi người về mình thay đổi chỉ vì điều ba đã làm. Mình cứ tưởng mình muốn điều ngược lại, tận dụng lòng thương hại, bạn biết đấy. Mình sẽ được mọi người chú ý, mình có thể thành người mà mình luôn mơ ước.

Mình cứ nghĩ mình sẽ thích lắm. Trừ tháng đầu tiên, ngay sau cái chết của ba – mình phát hiện ra thi thể của ông, và nhận được những câu hỏi, những tách trà nóng và những cái vỗ lưng đầy thông cảm của mọi người trong khi mình kể lại chuyện và khóc nức lên – và đương nhiên nhận được rất nhiều cử chỉ ân cần khi lưu lại tổ chim của Barbara, nơi Lulu được dặn dò phải chăm sóc cho mình và mẹ từng li từng tí với món chủ yếu là sô cô la nóng bỏ thêm kẹo dẻo được bung tới hàng giờ. Nhưng mình chẳng nhận được sự chú ý đặc biệt nào từ Arthur và Rosaleen cả, trừ phi sự đãi ngộ này vốn có thể coi là sự quan tâm đặc biệt và tháng tới mình sẽ trở thành cô bé lọ lem.

Mình từng không chịu đựng nổi con bé Susie, đứa học sinh mới trong lớp, nhưng rồi mình phát hiện ra anh trai nó chơi bóng bầu dục cho đội Leinster, thế là lập tức mình ngồi kể nó trong mọi tiết toán và suốt một tháng trời cuối tuần nào cũng đến nhà nó chơi, cho đến khi

anh nó bị đuổi khỏi đội sau khi bị bắt giữ vì nhẩy chơi chơi và giẫm nát xe của ai đó do uống quá nhiều vodka trộn với nước tăng lực Red Bull. Máy tờ báo lá cải xé anh ta và anh ta bị mất tài trợ từ công ty sản xuất kính áp tròng. Suốt cả tuần liền chẳng ai muốn dính dáng gì tới anh ta. Và rồi mình cũng rời đi.

Tôi không thể tin rằng tôi đã viết những dòng này. Thật ớn lạnh.

Dù sao thì Weseley đã hoàn toàn thay đổi khi mình kể là ba tự tử. Lẽ ra mình nên nói lý do gì đó khác, chẳng hạn như chết trong chiến tranh, hay là, mình cũng không biết nữa, bất kỳ kiểu chết nào thông thường hơn. Có quá kỳ cục không nếu mình nói, “À này, về chuyện tự tử ấy. em chỉ đùa thôi. Thực ra thì ba chết vì một cơn đau tim. Hahaha.”

Không. Có lẽ là không.

Weseley là ai thế nhỉ? Tôi nhìn lên ngày. Lại là ngày mai. Vậy là từ giờ đến tối mai, mình sẽ gặp một anh chàng tên Weseley. Hoàn toàn không thể, anh ta sẽ leo qua bức tường pháo đài Rosaleen để chào tôi ư?

Sau giấc mơ kỳ cục khủng khiếp đêm qua, mình tỉnh dậy, cảm thấy còn mệt hơn lúc chưa ngủ. Sau một đêm thức trắng, giờ mình chỉ muốn nằm dài trên giường suốt buổi sáng, suốt cả ngày. Chuyện đó sẽ không xảy ra. Cái đồng hồ biết nói gõ gõ lên cửa phòng mình rồi bước vào.

“Tamara, giờ là chín rưỡi, chúng ta sẽ đi lễ lúc mười giờ rồi ra chợ một chút.”

Phải một lúc sau mình mới hiểu mẹ đang nói gì. “Ồ không, Rosaleen, cháu mệt quá, cháu cũng không phải là người đi lễ đều đặn, cho nên...”

“Vây cũng được, cháu ngủ tiếp đi.” Mợ vừa nói vừa liếc nhanh khắp phòng như để kiểm tra xem tối qua mình có bôi đầy phân lên tường không. “Cháu cứ ở lại và để ý mẹ nhé. Không cần làm phiền mẹ, mẹ cháu đang ngủ, nhưng cháu ở nhà phòng trường hợp mẹ cần cháu, được chứ?”

Hoan hô.

Mình nghe thấy tiếng xe rời đi, tưởng tượng mợ mặt váy áo có ghim cài và đội mũ đính hoa, dẫu mình biết mợ chẳng bao giờ mặc kiểu thế. Mình tưởng tượng Arthur đội chiếc mũ nhỏ xíu trên đỉnh đầu, lái chiếc Cadillac và cả thế giới khoác màu nâu đen trong khi họ đi lễ Misa Chủ Nhật. Mình thật mừng vì họ cho mình ở nhà, mình đã không nghĩ đến chuyện mợ không muốn bị nhìn thấy đi chung với mình trong lễ Misa hay ở chợ, cho đến khi cảm giác bị xúc phạm tràn đến sau đó dù chỉ là trong chốc lát. Mình lại thiu thiu một chốc rồi tỉnh dậy chẳng biết bao lâu sau đó vì tiếng còi xe. Mình lờ đi và cố ngủ tiếp nhưng tiếng còi xe rú lên to hơn và dài hơn. Rồi lập lại lần nữa. Mình loạng choạng bò ra khỏi giường, mở cửa sổ và sẵn sàng một tràng mắng chửi, nhưng thay vào đó, mình lại phá lên cười khi thấy xơ Ignatius chen chúc trong một chiếc Fiat Cinquecento màu vàng với ba bà xơ khác. Xơ ngồi ở ghế sau, cửa sổ hạ xuống và nửa người xơ nhô ra cứ như xơ sắp bị bắn phọt lên trời vậy.

“Romeo chàng hời,” mình mở cửa sổ rộng ra.

“Con trông như vừa bị kéo ngược qua hàng rào^[4] vậy?”

[4] Thành ngữ trong tiếng Anh, ý nói đầu bù tóc rối.

“Có lẽ thế.”

“À, mong là con vui. Con không đi lễ à?”

Một xơ khác gọi xơ và cố kéo xơ vào lại xe.

“Không ạ,” mình phá lên cười. “Con có được mời đâu.”

“Nhà của Chúa lòng lành thì lúc nào cũng mở rộng cả, con hãy nhớ lấy. Hẹn gặp con vào thứ Tư nhé!”

Xor gặp người chui vào xe và lập tức chiếc xe lăn bánh, không thềm giảm tốc độ hay ra hiệu khi cua góc. Mình nhìn thấy một cánh tay giơ lên khi họ rời đi.

Mình nghe thấy, “Cảm ơn vì quyền sáchhhhhhh!” khi họ bay quanh khúc cua.

Mình lim dim vài giờ nữa, tận hưởng không gian yên tĩnh và tự do lười biếng mà không bị làm phiền bởi tiếng nồi niêu loảng xoảng dưới bếp hay tiếng máy hút bụi va vào cửa phòng ngủ khi nó hút bụi trên tấm thảm chùi chân. Trong khoảnh khắc tỉnh táo, mình ngẫm nghĩ về những điều Rosaleen nói tới qua. Về việc gọi mẹ là kẻ nói dối. Họ có cãi vã không? Arthur và mẹ có cãi vã không? Khi chúng mình đến đây, mẹ vui vẻ chào cậu lắm mà. Mình cần tìm thời gian ở riêng với Arthur để trò chuyện nghiêm túc với cậu ấy.

Mình sang thăm mẹ, đã mười một giờ mà mẹ vẫn ngủ say sưa, đúng là bất thường, nhưng ngón tay đặt dưới mũi mẹ cho mình thấy mẹ vẫn còn sống và có vài chỗ khuyết trên khay đồ ăn sáng mà Rosaleen đã để cạnh giường ngủ cho mẹ. Mình lấy một ít trái cây trong bếp, lang thang quanh nhà, xem xét linh tinh, ngắm nghía mấy bức ảnh treo rải rác trong phòng khách. Arthur với một con cá khổng lồ, Rosaleen vận đồ màu tùng lam và giữ chặt chiếc nón, cười rạng rỡ trong một ngày đầy gió. Rồi Rosaleen cùng với Arthur, lúc nào cũng bên nhau nhưng chẳng hề chạm vào nhau, chẳng khác gì hai đứa trẻ con bị ép đứng cạnh để chụp ảnh cho ngày lễ ban thánh thể, tay áp sát vào đùi hay bắt chéo đằng trước, trông vô cùng ngây thơ.

Mình ngồi trong phòng khách đọc tiếp cuốn sách Fiona tặng. Đúng một giờ, xe của Arthur và Rosalên quay về, và cảm giác nặng nề trỗi xuống trong mình. Khoảng không tự do của mình đã mất, lại phải ở trong phòng với người khác, những trò chơi lại bắt đầu, bí ẩn lại tiếp tục, rồi mình chợt giết mình. Mình đang nghĩ cái quái gì thế này?

Lẽ ra mình phải đi lục lọi. Mình phải đột nhập vào nhà kho để xem thực ra nó rộng đến thế nào. Mình cho rằng Rosaleen đã nói dối. Mình nên gọi bác sĩ khám cho mẹ. Mình nên xem xét bên kia đường, hay ít nhất là nhòm vào vườn sau. Có rất nhiều việc lẽ ra mình phải làm, nhưng mình cứ ngồi ì trong nhà mà ỉ ỉ. Sẽ phải cả tuần nữa mình mới có cơ hội tương tự.

Đúng là một ngày phí phạm.

Lưu ý cho bản thân: sau này đừng có làm một con ngốc nữa và hãy để cửa sổ mở.

Mai mình sẽ viết tiếp.

Tôi đặt quyển nhật ký xuống sàn và lấp tấm ván lại. Tôi lấy chiếc khăn sạch trong tủ cùng với chai dầu gội đầu loại xịn gần cạn nhưng chẳng thể mua thêm vì không tìm được chỗ mua, và lần đầu tiên trong đời tôi, vì quá mắc. Tôi đang định tắm thì nhớ ra có đoạn nhật ký nhắc đến chuyện xơ Ignatius ghé thăm vào sáng hôm nay. Đó sẽ là một cơ hội hoàn hảo để kiểm tra những gì được viết trong nhật ký. Tôi cứ để nước vòi hoa sen chảy và đứng đợi ở chiều nghĩ.

Tiếng chuông cửa vang lên, chỉ đơn giản thế thôi cũng làm tôi ớn xương sống.

Rosaleen mở cửa, và thậm chí khi mợ còn chưa mở miệng, tôi đã có thể nhận ra từ bầu không khí rằng xơ Ignatius đang đứng bên ngoài.

“Xơ, chào buổi sáng.”

Tôi nhòm ra từ góc khuất nên chỉ thấy lưng và phía sau Rosaleen. Chiếc váy mợ mặc hôm nay được hăng rau quả Fyffes tài trợ. Họa tiết nải chuối trang trí tùm lum trên váy. Phần còn lại của mợ cứ như bị ép tòi ra ngoài chỗ cửa mở hé hé, cứ như mợ chẳng muốn xơ Ignatius nhìn vào trong vậy. Và nếu trời không bắt đầu đổ mưa vào đúng lúc ấy, tôi không cho rằng xơ có thể tới gần tôi quá chỗ hiên nhà đâu. Lúc ấy cả hai đều đang đứng trong hành lang và xơ Ignatius nhìn quanh. Ánh mắt chúng tôi chạm nhau, tôi mỉm cười và rồi lại nấu mình vào trong.

“Mời vào, mời vào trong bếp,” Rosaleen nói với giọng gấp gáp cứ như trần hành lang sắp sụp xuống vậy.

“Không, ta đứng đây được rồi, ta không ở lại lâu đâu,” xơ Ignatius đứng yên một chỗ. “Ta chỉ muốn ghé qua xem con thế nào. Ta chẳng nhìn thấy hay nghe nói gì về con suốt mấy tuần qua.”

“À vâng, ồ, con xin lỗi. Arthur bận tối tăm với cái hồ, và con thì... loay hoay với việc nội trợ ở đây. Xơ vào phòng bếp nhé, xơ,” mợ hạ thấp giọng cứ như một đứa trẻ sơ sinh đang ngủ.

Mợ đang giấu một người mẹ và một đứa con, Rosaleen, hay thú nhận ngay đi.

Tôi chợt nghe tiếng ghế kéo lê trên sàn vang lên từ phòng ngủ của mẹ.

Xơ Ignatius ngẩng đầu lên, “Gì thế?”

“Không có gì đâu. Con cho là giờ xơ đã chuẩn bị sẵn sàng cho mùa mật rồi nhỉ. Vào bếp nào, đi thôi, đi thôi!”

Mợ cố kéo tay xơ Ignatius và dẫn xơ rời khỏi hành lang.

“Ta sẽ lấy mật vào thứ Tư nếu thời tiết cho phép.”

“Xin Chúa rủ lòng thương cho thời tiết được như vậy.” Rosaleen vuốt đuôi.

“Con muốn ta đem sang bao nhiêu lọ?”

Có gì đó rơi trong phòng mẹ.

Xơ Ignatius dừng bước. Rosaleen vội kéo xơ theo và nói huyền thuyên. Những câu chuyện lật vạt chán phèo. Thế này thế kia thế nọ. Người này chết. Người kia bệnh. Mavis ở dưới thị trấn bị xe hơi tông khi ra ngoài mua áo tặng sinh nhật lần thứ ba mươi của John, cháu trai bà ta. Bà ta chết. Bà ta đã mua được áo và mọi chuyện là như vậy đấy. Thật đáng buồn vì anh trai bà ta vừa chết năm ngoái vì ung thư ruột, giờ gia đình đó chẳng còn ai. Ba bà ta sống một mình và phải chuyển vào nhà dưỡng lão. Mấy tuần rồi ông ta phát bệnh. Thị giác suy giảm trầm trọng, chẳng phải ông ta từng là một tay phóng phi tiêu cừ khôi sao. Và bữa tiệc sinh nhật ba mươi tuổi đó buồn làm sao vì ai cũng tiếc thương Mavis. Bla bla bla về những chuyện nhảm nhí. Chẳng nhắc đến mẹ và tôi một chút nào. Lại một con voi trong phòng.

Sau khi xơ Ignatius rời đi, Rosaleen tì trán vào cánh cửa một thoáng và thở dài. Rồi mẹ đứng thẳng và xoay người nhìn lên ban công. Tôi vội lần đi. Khi tôi thò đầu khỏi chỗ nấp, tôi thấy cửa phòng Rosaleen khép hờ. Một bóng người thoáng qua.

Tôi không thể chịu được việc phải ngồi trong phòng ăn sáng với Rosleen và Arthur. Tôi thà ở bất kì đâu chứ không ở trong cái bếp bốc mùi chiên xào bất ói. Nhưng đương nhiên tôi biết mình sẽ làm gì tiếp theo.

“Mẹ, ra ngoài với con đi,” tôi cầm tay mẹ và dịu dàng kéo bà.

Mẹ ngồi yên như tảng đá.

“Mẹ, đi mà. Ra ngoài hít thở không khí trong lành nào. Chúng ta sẽ đi dạo quanh rừng và hồ nước, chúng ta có thể ngắm nhìn đàn thiên nga. Con dám cá là mẹ chưa bao giờ đi bộ qua những khu đất này trước đây đâu. Đi

mà. Có một tòa lâu đài mỹ lệ và vô số những lối đi đẹp đẽ. Thậm chí còn có cả một khu vườn có tường bao nữa.”

Lúc ấy, mẹ nhìn thẳng vào tôi, tôi có thể thấy trông mắt mẹ dần ra khi mẹ nhìn tôi. Mẹ nói, “Khu vườn bí mật,” rồi mỉm cười.

“Đúng vậy đó mẹ. Mẹ đã đến đó rồi à?”

“Hoa hồng.”

“Đúng rồi, có rất nhiều hoa hồng.”

“Hừm, đẹp.” mẹ khẽ nói, rồi cứ như đột nhiên mẹ chuyển đến từ miền Bắc nước Anh vậy, bà nhả ra vài từ, “Đẹp hơn hoa hồng.” Mẹ vừa nói vừa đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, rồi mẹ nhìn tôi và lướt ngón trỏ lên trên những nét khuôn mặt tôi. “Đẹp hơn hoa hồng.”

Tôi mỉm cười. “Cảm ơn mẹ.”

“Mẹ đã từng đi dạo ở quanh đây rồi, phải không?” Tôi ulla vào bếp, tràn đầy hứng khởi, khiến Rosaleen giật bản mình. Mẹ đặt ngón tay lên môi. Arthur đang nói chuyện điện thoại. Chiếc điện thoại cũ xì gắn dính vào tường.

“Rosaleen,” tôi thì thào. “Mẹ nói chuyện.”

Mẹ dừng tay nhào bột và quay sang tôi. “Cô ấy nói gì?”

“Mẹ nói rằng khu vườn có tường bao là một khu vườn bí mật, và cháu xinh đẹp như một đóa hồng,” mặt tôi sáng rỡ lên. “Đẹp hơn, thực ra mẹ nói thế.”

Mặt Rosaleen cứng lại. “Hay đấy.”

“Hay ư? Hay cái chó má gì?” Tôi phát khùng lên.

Rosaleen và Arthur đồng loạt suyt tôi.

“Đúng rồi. Tamara đấy” Arthur nói.

“Ai ở đầu dây bên kia vậy?”

“Barbara,” Rosaleen nói, mái tóc đen kẹp gọn phía sau của mợ có mấy sợi lòa xòa bung ra đằng trước, mồ hôi bắt đầu tuôn ra khi mợ dồn hết sức để cán bột.

“Cháu nói chuyện với cô ấy được không cậu?” tôi hỏi.

Arthur gật đầu. “Được. Được rồi. Chúng ta sẽ lo xong thôi. Ừ. Được. Thật vậy. Được rồi. Chào.”

Cậu cúp máy.

“Cháu nói là cháu muốn nói chuyện với cô ấy mà.”

“Ồ à, cô ta nói là phải đi.”

“Cô ấy bận ngủ với tên nhóc bảo trì hồ bơi chứ gì. Bận rộn, bận rộn quá đi.” Tôi xiên xỏ. tôi không biết ý tưởng đó đến từ đâu. “Vậy cô ấy gọi có chuyện gì vậy?”

Arthur nhìn sang Rosaleen.

“À, thật không may là họ phải bán cái nhà đang chứa đồ của cháu, nên họ không thể giữ chúng giúp cháu được nữa.”

“Ôi, ở đây không có chỗ,” Rosaleen đáp ngay, quay lại bàn bếp và rắc bột lên khay.

À, tôi đã quen với câu trả lời này.

“Còn ga ra thì sao?” tôi hỏi, bắt đầu hiểu ra những gì ghi trong nhật ký.

“Không có chỗ.”

“Chúng ta sẽ tìm ra chỗ.” Arthur nói vẻ thoải mái.

“Không tìm ra đâu vì chẳng có chỗ nào,” Rosaleen cầm viên bột kế tiếp lên, ném lên bàn bếp và bắt đầu dùng tay vò, nhồi, đấm vào nó, làm thành một hình dáng nào đó.

“Ga ra còn chỗ mà,” Arthur nói.

Rosaleen hơi khựng một chút nhưng không quay lại. “Không có.”

Tôi hết nhìn Rosaleen lại quay sang Arthur, bắt đầu cảm thấy có chút tò mò trước sự bất đồng ý kiến công khai lần đầu tiên này.

“Vì sao, trong đó có gì?” tôi hỏi.

Rosaleen tiếp tục cán bột.

“Chúng ta phải làm sao cho có chỗ thôi, Rosaleen ạ,” Arthur nói vẻ quả quyết, và khi Rosaleen định cắt ngang thì Arthur lên giọng, “Chẳng còn nơi nào khác để chứa đồ cả.”

Đó là quyết định cuối cùng.

Lúc ấy tôi chợt có cảm giác đáng sợ rằng cuộc đối thoại về việc mẹ con tôi chuyển đến sống chung chắc cũng diễn ra không khác gì mấy.

Họ không phản đối gì khi tôi đem tấm chăn ra ngoài vườn cùng một đĩa trái cây và ngồi dưới bóng cây. Cơn mưa rào khiến cỏ ẩm ướt nhưng tôi không định dời đi chỗ khác. Không khí trong lành, mặt trời đang cố sức ló đầu ra lần nữa. Từ chỗ ngồi trên cỏ, tôi có thể nhìn thấy mẹ đang ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Tôi dự đoán mẹ cùng ra, vì nó tốt cho đầu óc của tôi cũng như của mẹ. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, mẹ không chịu ra với tôi.

Rosaleen loay hoay trong bếp, chuẩn bị đồ ăn cho mẹ ít hơn số lượng thức ăn mợ đem ra cho chuồng chim mỗi ngày. Arthur ngồi bên bàn lắng nghe radio mở hết cỡ, tay lật lật tờ báo. Tôi quan sát Rosaleen bung khay rùi khỏi bếp, và một phút sau đó, mợ xuất hiện trong phòng mẹ. Tôi quan sát mợ lăng xăng bày biện như thường lệ. Cửa sổ, bàn, khăn trải bàn, dao nĩa.

Sau khi Rosaleen đặt khay xuống bàn, mẹ đứng thẳng dậy và quan sát mẹ. Tôi nhô lên. Hành động của mẹ, dù là gì đi nữa, cũng khá bất thường. Rồi miệng mẹ mở ra và đóng lại, như thể mẹ đã nói điều gì đó.

Mẹ nhìn mẹ, nói gì đó, rồi quay mặt đi.

Tôi bất giác đứng bật dậy, dõi nhìn hai người họ.

Rồi tôi chạy vội vào trong, suýt nữa xô đổ Arthur, và chạy hồng hộc lên cầu thang. Tôi đẩy tung cửa phòng mẹ, nghe thấy một tiếng hét và tiếng đổ vỡ khi cửa va phải Rosaleen và cái khay của mẹ. Mọi thứ rơi hết xuống sàn.

“Ôi trời,” Rosaleen vội khom xuống và hốt hoảng nhặt nhanh mọi thứ. Váy của mẹ bị kéo ngược đến đùi để lộ đôi chân trẻ trung đáng kinh ngạc. Mẹ xoay người lại trên ghế để nhìn, liếc sang tôi, mỉm cười rồi quay ra cửa sổ. Tôi cố giúp Rosaleen nhưng mẹ không chịu, phẩy phẩy tôi ra và tăng tốc nhặt những thứ tôi định nhặt hết lần này đến lần khác. Tôi theo sát gót mẹ xuống cầu thang như một chú chó con.

“Mẹ nói gì vậy mẹ?” Tôi hạ giọng để mẹ không biết chúng tôi đang nói về bà.

Rosaleen vẫn còn choáng váng sau cú tấn công của tôi, mẹ hơi run rẩy, mặt tái đi. Mẹ loạng choạng cầm cái khay to dùng xuống lầu.

“Sao?” tôi hỏi, theo mẹ vào bếp.

“Sao cái gì?”

“Gì mà ồn thế?” Arthur hỏi.

“Mẹ đã nói gì?” tôi hỏi.

Rosaleen hết nhìn Arthur rồi lại nhìn sang tôi, mắt mở to màu xanh lá non, đồng tử nhỏ xíu khiến mắt mẹ thêm sáng rực.

“Khay bị đổ,” mợ trả lời Arthur rồi quay sang tôi, “Chẳng có gì cả.”

“Sao mợ lại nói dối?”

Nét mặt mợ thay đổi. Biến thành hết sức giận dữ, khiến tôi muốn rút lại lời nói của mình ngay lập tức. Chỉ là ảo tưởng của tôi thôi, tôi đã bịa chuyện, tôi muốn được chú ý tới, tôi chẳng biết nữa. Tôi hết sức bối rối.

“Cháu xin lỗi,” tôi lắp bắp. “Cháu không có ý bảo mợ nói dối. Chỉ là dường như mẹ có nói gì đó. Chỉ thế thôi.”

“Mẹ cháu nói cảm ơn. Ta đáp không có gì.”

Tôi vất óc nhớ lại cử động môi của mẹ. “Mẹ nói xin lỗi,” tôi buột miệng.

Rosaleen đông cứng người lại. Arthur nhắc đầu khỏi tờ báo.

“Mẹ nói xin lỗi, phải không vậy?” tôi hỏi, hết nhìn người này rồi lại nhìn sang người kia. “Vì sao mẹ lại nói vậy?”

“Ta không biết,” mợ hạ giọng.

“Cậu phải biết chứ, Arthur,” tôi nhìn sang cậu. “Theo cậu thế là sao? Vì sao mẹ lại nói xin lỗi?”

“Ta cho rằng mẹ cháu nghĩ mình đem lại nhiều phiền phức,” Rosaleen nhảy vào nói thay cậu. “Nhưng không phải vậy, ta không phiền khi nấu ăn cho cô ấy. Chẳng đáng gì cả.”

“Ồ.”

Arthur rõ ràng muốn bỏ đi ngay, và ngay khi cậu rời đi, ngày trở lại như nó vốn thế. Tôi muốn nhìn hết lượt qua ga ra khi Rosaleen không có mặt, nhưng tôi biết cách tốt nhất là giả vờ không muốn để Rosaleen đi. Như vậy thì mợ sẽ không bao giờ sinh lòng nghi ngờ.

“Cháu có thể giúp mợ bung đồ sang nhà bên kia không?”

“Không,” mợ đáp cộc lốc, vẫn còn bực mình với tôi. “Ồ, không cần nhưng vẫn cảm ơn cháu rất nhiều về đề nghị giúp đỡ, Tamara ạ.” Tôi đảo mắt.

Mợ lấy ổ bánh mì nâu vừa nướng xong và bánh táo mới. Một chiếc đĩa sâu lòng đựng thứ gì đó và vài hộp bia đựng thức ăn. Đủ cho cả tuần.

“À, ai sống ở đó vậy?”

Không có câu trả lời.

“Thôi mà Rosaleen, chúa không biết kiếp trước chuyện gì đã xảy ra với mợ nhưng cháu không phải là mật thám Đức đâu. Cháu mười sáu tuổi, cháu muốn biết chỉ vì cháu chẳng có gì khác để làm. Có thể ở đó người cháu nói chuyện được, một người chưa gần xuống lỗ ấy.”

“Mẹ của ta,” cuối cùng mợ cũng đáp.

Tôi đợi câu tiếp theo của mợ. Mẹ ta dạy ta đừng có thóc mách. Mẹ ta dạy ta lúc nào cũng mặc váy tùng xòe. Mẹ ta dạy ta không bao giờ được tiết lộ công thức làm món bánh táo. Mẹ ta dạy ta không được tận hưởng tình dục. Nhưng chẳng có câu nào tiếp theo cả. Mẹ của mợ. Mẹ của mợ sống ở bên kia đường.

“Vì sao mợ chẳng bao giờ nhắc tới chuyện này?”

Mợ trông hơi bối rối. “Cháu biết mà.”

“Không. Bà kỳ cục lắm sao? Thỉnh thoảng ba mẹ cháu cũng làm cháu mất mặt lắm.”

“Không, bà ấy... bà ấy già rồi.”

“Người già dễ thương lắm. Cháu gặp bà được không?”

“Không, Tamara ạ. Ít nhất là chưa được,” mợ dịu giọng. “Sức khỏe của bà không tốt lắm, không đi lại được. Bà ấy không thoải mái với người

lạ. Nó khiến bà ấy cảm thấy lo sợ.”

“Thì ra là vì vậy nên mợ mới phải chạy qua chạy lại hoài. Thật tội cho mợ, lúc nào cũng phải lo lắng cho người khác.”

Mợ có vẻ cảm động khi nghe tôi nói thế.

“Ta là tất cả những gì bà ấy có. Ta phải chăm sóc bà ấy thôi.”

“Mợ chắc là không cần cháu giúp chứ? Cháu sẽ không nói chuyện hay làm gì khác đâu.”

“Không, cảm ơn cháu, cảm ơn vì đã đề nghị giúp đỡ, Tamara ạ.”

“Vậy là bà chuyển tới ở gần đây để mợ tiện chăm sóc sao?”

“Không,” mợ múc gà và xốt cà vào trong một cái đĩa sâu lòng.

“Vậy mợ chuyển tới ở gần để chăm sóc bà sao?”

“Không luôn,” mợ bỏ hai túi gạo ăn liền vào một hộp nhựa khác. “Bà ấy vẫn sống ở đó mà.”

Tôi ngẫm nghĩ một thoáng trong lúc quan sát mợ.

“Khoan, vậy là mợ lớn lên ở ngôi nhà đó sao?”

“Ừ,” mợ đáp gọn, đặt mọi thứ lên khay. “Đó là ngôi nhà thuở bé ta sống.”

“Vậy là mợ không chuyển đi xa, phải không? Mợ và Arthur chuyển tới chỗ này sau khi cưới hả?”

“Ừ, Tamara, hồi thế là đủ rồi. Cháu biết không, sự tò mò giết chết con mèo^[5] đấy”, mợ thoáng mỉm cười trước khi rời phòng bếp.

[5] Thành ngữ trong tiếng Anh, ý nói sự tò mò có thể gây nguy hiểm cho bản thân.

“Sự buồn tẻ giết chết con mèo chết tiệt thì có,” tôi quát và cánh cửa đóng kín.

Tôi chạy vào phòng khách như mỗi sáng, nhìn mợ lật đặt băng qua đường cứ như một con chuột hoang tưởng sắp bị chim ưng sà xuống cắn đi vậy.

Mợ làm rơi một chiếc khăn lau chén, tôi chờ mợ dừng lại nhặt nó lên. Nhưng mợ không làm vậy. Dường như mợ không để ý. Tôi nhanh chóng chạy ra ngoài, dọc theo lối đi ngoài vườn, lần chân trước cổng như một đứa bé ngoan trong lúc chờ mợ chạy ào ra.

Tôi mạnh dạn bước ra ngoài cổng. Rồi ngay sau đó, tôi bước về phía lối vào khu đất, mong cho mợ giờ đã nhận ra chiếc khăn lau chén bị rơi mất. Báo động đỏ! Có một chiếc bánh táo tỏa nhiệt ở đâu đó. Căn nhà trệt đá đỏ nhìn chán phèo phèo, hai cánh cửa sổ phủ lưới trắng như hai con mắt bị tăng nhãn áp được ngăn cách bởi cửa ra vào màu xanh nước mũi vậy. Cửa sổ có vẻ tối om dấu không phải là thế, lắp kính nhuộm màu, chỉ cho ánh sáng bên ngoài lọt vào mà không hé lộ hình ảnh gì bên trong. Tôi nhặt chiếc khăn lau chén ca rô xanh rơi giữa đường, một con đường gần như luôn luôn – gần như luôn luôn, chết toi – vắng bóng xe chạy. Cổng vườn trước thấp đến mức tôi có thể bước qua được. Tôi nghĩ đó là cách hay nhất, chứ không thì tiếng cọt két của cái cổng năm mươi năm gỉ sét sẽ làm tôi lộ mặt. Tôi từ từ đi dọc lối đi, nhìn vào cửa sổ bên phải tòa nhà. Tôi dán mặt vào kính và cố nhìn qua lớp lưới kính tẩm. Sau tất cả những bí ẩn bị che giấu, tôi không biết nên hy vọng nhìn thấy cái gì nữa. Một bí mật khổng lồ, một giáo phái điên khùng, xác chết, hội hippy, đồ chơi tình dục quái đản cùng với một đồng chìa khóa trong gạt tàn, tôi chẳng biết nữa, bất cứ thứ gì, bất cứ thứ gì ngoại trừ cái lò sưởi điện thay vì một đồng lửa thật, bao quanh bởi gạch nâu xỉn và gờ lát gạch, thảm xanh lá và những chiếc ghế mỗi một với tay dựa bằng gỗ và đệm nhung xanh nhàu nhĩ. Một căn phòng buồn thảm, cứ như phòng đợi khám răng vậy, tôi cảm thấy có chút ân hận. Vậy là

Rosaleen chẳng giấu giếm điều gì cả. À, không hẳn thế, mẹ ấy muốn che giấu thảm họa nội thất khủng khiếp của thế kỷ.

Thay vì nhấn chuông cửa, tôi đi vòng sang bên hông nhà. Ngay khi tới góc cửa, tôi có thể nhìn thấy họ có một khu vườn nhỏ và một ga ra rộng nằm ở cuối khu đất, y hệt như ga ra phía sau căn nhà gác cổng. Có gì đó ánh lên nơi cửa sổ nhà kho. Lúc đầu tôi nghĩ là ánh đèn camera, nhưng rồi tôi nhận ra cái thứ là-bất-kỳ-thứ-gì-đó làm lóa mắt tôi khiến tôi như bị mù trong thoáng chốc chỉ có thể gỡ trò đó khi có ánh mặt trời rọi vào. Khi tới gần cuối lối đi bên hông, tôi khao khát muốn nhìn xem có gì bên kia góc quanh, Rosaleen bước ra trước mặt tôi khiến tôi nhảy dựng lên, tiếng thét của tôi vang vọng trong lối đi hẹp. Rồi tôi phá lên cười.

Rosaleen lập tức suýt suýt tôi, về bên chôn lấp.

“Xin lỗi,” tôi mỉm cười. “Cháu hy vọng không làm bà ấy sợ. Mẹ làm rơi cái này ngoài đường. Cháu chỉ định đến đưa nó cho mẹ thôi. Ánh sáng khi này là gì vậy?”

“Ánh sáng nào cơ?” Mẹ bước sang bên phải một chút, mắt tôi được bảo vệ nhưng tầm nhìn của tôi bị chặn lại.

“Cảm ơn,” tôi dụi mắt.

“Tốt nhất là cháu nên quay về nhà đi,” mẹ thì thầm.

“Ồ, thôi nào, cháu không vào chào một tiếng thôi được sao? Mọi việc hơi quá úm ba la xì bùm đó. Mẹ biết đấy, bí ẩn huyền hoặc.”

“Chẳng có bí ẩn nào cả, mẹ ta không thích gặp người lạ. Có lẽ chúng ta sẽ mời bà ấy sang ăn tối một hôm nào đó nếu bà đủ khỏe.”

“Tuyệt.” Một nhân vật trên năm mươi tuổi nữa cho danh sách người quen của tôi.

Tôi định thử thêm lần nữa khi thấy mẹ đã hòa hoãn khá nhiều, nhưng tôi nghe thấy có tiếng xe ngoài đường, hy vọng đó là Marcus, tôi gơ tay

chào Rosaleen, rồi quay người co giò chạy. Nếu không phải là anh ấy thì năm giây hy vọng cũng là điều thú vị xảy ra trong ngày. Nhưng hóa ra là anh ấy thật. Lúc tôi băng qua con đường thì anh ấy đã đứng ở hiên nhà, tay luồn vào tóc, ngắm nghía bóng mình trong cửa kính.

“Có một sợi tóc thò ra trên lỗ tai anh kìa,” tôi gọi với từ cửa.

Anh quay lại với nụ cười tươi rói. “Goodwin. Thật vui vì được gặp em.”

“Anh đến lấy sách à?”

Anh mỉm cười. “À ừ, đương nhiên rồi, lấy sách. Không thể dừng suy nghĩ về... quyển sách chết tiệt ấy.”

“Thực ra quyển sách ấy có vấn đề.”

“Em có gì không ổn sao?”

“Không, ý em là quyển sách, quyển sách thực sự ấy.”

“Em làm mất nó ư?”

“Không, em không làm mất...”

“Không tin nổi em. Em biết hình phạt cho tội làm mất sách thư viện là gì không?”

“Đi chơi suốt ngày với anh hả?”

“Không đâu, Goodwin. Có tội thì phải chịu phạt. Tôi tuyên bố tịch thu thẻ thư viện lưu động của em.”

“Khôngggggg, làm gì cũng được trừ thẻ thư viện của em.”

“Đúng thế. Nào, trả nó cho tôi,” anh lại gần và bắt đầu đẩy đẩy vào người tôi. “Nó đâu rồi? Có ở đây không?” Tay anh ở khắp mọi nơi, trong túi quần jeans, lần xuống bụng.

“Em cương quyết không giao ra đâu,” tôi phá lên cười. “Thiệt đó Marcus, em không làm mất nó nhưng anh không thể lấy lại nó được.”

“Anh nghĩ em không hiểu quy định của Thư viện lưu động rồi. Em biết đây, mượn sách, đọc nó hay nhảy nhót quanh nó thì tùy nếu nó làm em vui, nhưng rồi em phải trả nó cho anh chàng thủ thư đẹp trai.”

“Không, anh biết đây, chuyện xảy ra là thế này, có người đập vỡ khóa và phát hiện nó không phải là sách, mà là một quyển nhật ký. Tất cả các trang giấy đều hoàn toàn trắng tinh.”

Hoàn toàn trắng tinh. Chết toi.

“Và rồi có ai đó viết vào đó.”

“À... ai đó, phải là em không?”

“Thực ra là không, em không biết ai viết vào đó nữa.” Tôi mỉm cười nhưng tất nhiên tôi đang nghiêm túc. “Chỉ có vài trang đầu thôi. Em có thể xé chúng ra rồi trả quyển sách lại cho anh, nhưng...”

“Em có thể nói là em làm mất nó, nghe còn dễ tin hơn đây.”

“Đợi ở đây nhé, một phút thôi.”

Tôi chạy vào nhà, leo lên cầu thang, nhấc tấm ván sàn và lấy quyển nhật ký ra. Tôi đem nó ra ngoài, ôm chặt trước ngực.

“Anh không được đọc nó, nhưng đây là bằng chứng em không làm mất nó. Em sẽ trả tiền hay bất cứ điều gì... nhưng em không thể trả nó lại cho anh được.”

Anh ấy nhận ra là tôi hoàn toàn nghiêm túc.

“Không, ổn mà. Một quyển sách thôi cũng chẳng ảnh hưởng gì. Anh đọc được không? Có gì liên quan đến anh không?”

Tôi phá lên cười và giữ nó ngoài tầm với của anh. Nhưng anh nhanh hơn tôi, cao hơn nhiều, anh chớp lấy nó. Tôi hốt hoảng. Anh mở trang đầu tiên ra, và tôi chờ sự thật đáng xấu hổ rằng ba tự sát bị lộ ra.

“Lẽ ra mình không nên kể cho Weseley về ba,” anh đọc. “Ai là Weseley vậy?” Anh nhìn tôi.

“Em chẳng biết nữa,” tôi cố giật khỏi tay anh, giờ thì nụ cười không còn nữa. “Trả lại đây, Marcus.”

Anh đưa nó cho tôi. “Xin lỗi, lẽ ra anh không nên đọc, nhưng viết ngày sai rồi. Mừng 4 là ngày mai mà.”

Tôi chỉ lắc đầu. Chỉ ít thì không phải chỉ mình tôi tưởng tượng ra. Quyền nhật ký này là hoàn toàn có thật.

“Anh xin lỗi vì đã đọc nó.”

“Không, thực sự là không có gì mà, em có viết nó đâu.”

“Chắc là một tay Kilsaney nào đó.”

Tôi rùng mình và đóng quyển sách lại. Tôi thiết tha muốn đọc kỹ lần nữa.

“À, nhân tiện nói luôn, em tìm được xơ Ignatius rồi đó!”

“Còn sống, anh hy vọng là thế.”

“Xơ sống ở đầu bên kia khu đất. Em sẽ chỉ đường cho anh...”

“Không, Goodwin ạ, anh không tin em đâu. Ngôi nhà gần nhất mà em chỉ anh tới là một tòa lâu đài đồ nát.”

“Em sẽ đích thân dẫn anh đi mà. Đi nào, chàng thủ thư, đi ra xe sách thôi nào!” Tôi chạy dọc lối đi rồi nhảy lên chiếc xe buýt.

Anh phá lên cười rồi đi theo tôi.

Chúng tôi đậu xe trước căn nhà và tôi bấm còi tin tin.

“Tamara, em đừng làm vậy. Đây là tu viện mà.”

“Thiệt tình, đây không phải là tu viện bình thường đâu.” Tôi lại bấm còi tiếp.

Một phụ nữ mặt chân váy đen, áo khoác đen, sơ mi trắng, cổ đeo thánh giá vàng, tóm lại là bộ đồ đạo trắng đen, ra mở cửa vẻ khá bức bối. Bà ấy nhìn già hơn xơ Ignatius. Tôi nhảy ra khỏi xe.

“Ồn ào gì vậy?”

“Chúng con tìm xơ Ignatius. Xơ ấy muốn mượn sách.”

“Đang giờ nguyện, không thể làm phiền xơ ấy.”

“Ồ. À, đợi một chút.” Tôi lục lọi thùng xe buýt một hồi. “Xơ có thể đưa cho xơ ấy quyển sách này, nói là Tamara gửi, được không? Đây là dịch vụ giao hàng đặc biệt, xơ ấy đặt quyển sách này tuần trước.”

“Ừ, đương nhiên rồi.” Bà xơ cầm quyển sách rồi đóng ngay cửa lại.

“Tamara,” anh nói giọng nghiêm khắc. “Em đưa sách gì cho xơ vậy?”

“*Ngủ với chàng tỳ phú Thổ Nhĩ Kỳ*. Một trong những tuyệt tác của Nhà xuất bản Mills và Boons.”

“Tamara! Em sẽ làm anh bị sa thải mất.”

“Làm như anh quan tâm lắm vậy? Chàng thủ thư, lái xe đi thôi! Đưa em rời khỏi chốn này.”

Chúng tôi lái xe tới thị trấn và dừng lại ở đó như mọi người thấy. Nhưng thực ra chúng tôi đã đi tới Morocco. Anh ấy thậm chí còn hôn tôi dưới bóng kim tự tháp Giza.

“Vậy mấy ngày nay cháu đã làm gì?” Rosaleen vui vẻ hỏi, móc ba nghìn calo vào đĩa của tôi. Quyển nhật ký đã nói đúng, món bánh khoai tây thịt băm.

Mợ tóm lấy tôi ngay khi tôi về tới nhà, tôi chỉ đủ thời gian để giấu quyển nhật ký lên lầu và chạy xuống. Mợ sẽ không thể phàn nàn chuyện tôi giao du với một nữ tu, phải không?

“Phần lớn thời gian cháu đến thăm xơ Ignatius.”

Mợ làm rơi cái muỗng vào bát, rồi vụng về khều ra bằng những ngón tay run rẩy.

“Xơ Ignatius!” mợ hỏi lại.

“Đúng vậy.”

“Nhưng cháu gặp xơ ấy khi nào?”

“Vài ngày trước. À, hôm nay mẹ mợ thế nào? Bà sẽ sang đây ăn tối vào một dịp nào đó chứ?”

“Mấy ngày trước, cháu có nói gì về chuyện gặp xơ Ignatius đâu.”

Tôi chỉ nhìn mợ. Phản ứng của mợ y hệt như điều tôi viết trong nhật ký. Tôi nên nói xin lỗi? Tôi nên tìm cách ngăn chặn chuyện này xảy ra? Tôi không biết phải làm gì, phải xử lý những thông tin được cung cấp như thế nào. Để làm quái gì cơ chứ?

Thay vào đó, tôi nói, “Cháu cũng chưa hề kể là cháu có kinh hôm thứ Ba, nhưng quả thật là cháu có kinh vào hôm đó.”

Arthur thở dài. Mặt Rosaleen đánh lại.

“Cháu nói là cháu gặp xơ Ignatius vài ngày trước? Cháu chắc chứ?”

“Đương nhiên là chắc rồi.”

“Có lẽ cháu chỉ mới gặp xơ ấy hôm nay thôi.”

“Không.”

“Và xơ ấy có biết cháu sống ở đâu không?”

“Vâng, đương nhiên rồi. Xơ biết cháu sống ở đây.”

“À ra thế,” mợ nói nhanh. “Nhưng... nhưng xơ vừa ghé qua sáng nay. Xơ chẳng nhắc gì đến cháu cả.”

“Thật ư? Xơ có nhắc gì về cháu không?”

Đôi khi giọng nói của ta có thể làm thay đổi mọi thứ, tôi biết rõ điều đó. Đôi khi trong các mẫu tin nhắn, người ta không nhận ra được giọng điệu của nhau, hay nhận ra thứ giọng điệu không tồn tại, rồi từ đó hiểu sai hoàn toàn các thông điệp vô tội. Tôi tranh cãi với Zoey không biết bao lâu về cách nó hiểu ý của tôi qua tin nhắn gồm năm từ. Nhưng câu nói này của tôi đi kèm giọng điệu riêng, một cách cố ý. Rosaleen đã nhận ra điều đó. Và vì thông minh, mợ biết ngay tôi đã nghe được cuộc nói chuyện của họ. Mợ biết rằng trong khi nói chuyện với xơ Ignatius, mợ vẫn nghe tiếng vòi sen, và mợ biết tôi đã nghe lén cuộc nói chuyện.

“Cháu quen với xơ thì có vấn đề gì không? Mợ nghĩ xơ ấy sẽ gây ảnh hưởng xấu đến cháu sao? Cháu sẽ gia nhập một giáo phái kỳ lạ nào đó và ngày ngày mặc đồ đen ư? Ồ không khoan đã, có lẽ cháu sẽ làm vậy đấy! Xơ là nữ tu mà!” Tôi phá lên cười và quay sang Arthur, cậu đang gườm gườm nhìn Rosaleen.

“Hai người nói chuyện gì vậy?”

Tôi phát hiện ra sự hốt hoảng của mợ.

“Nói chuyện gì thì có quan trọng gì chứ?”

“Ý mợ là cháu là một cô gái trẻ. Cháu sẽ nói chuyện gì với một nữ tu đây?” Mợ mỉm cười để che giấu cơn bấn loạn.

Khi ấy tôi định kể về tòa lâu đài, về vụ cháy và chuyện có người từng sinh sống trong đó cách đây không lâu như tôi nghĩ. Tôi đang định hỏi Rosaleen rằng ai đã chết và mọi người đi đâu thì nhớ đến điều ghi trong nhật ký: *Mình ước mình đã không kể cho mợ nghe những gì mình biết được*

về tòa lâu đài. Có phải đây là điều tôi không nên đề cập tới? Rosaleen nhìn tôi chăm chăm trong suốt quãng thời gian dài tôi vắt óc tìm ra câu trả lời. Tôi ăn một muống đầy thịt băm để có thêm thời gian suy nghĩ.

“Mợ biết đây... bọn cháu nói về đủ thứ chuyện...”

“Chuyện gì cơ?”

“Rosaleen,” Arthur lặng lẽ nói.

Đầu Rosaleen quay phắt lại nhìn sang Arthur cứ như một con nai nghe tiếng bóp cò từ xa.

“Bữa tối của em nguội bây giờ.” Arthur nhìn vào đĩa đồ ăn còn nguyên của Rosaleen.

“Ồ. Đúng rồi.” Mợ cầm nĩa lên, đâm vào miếng cà rốt nhưng không đưa lên miệng. “Nói tiếp đi, bé con. Cháu đang kể.”

“Rosaleen,” tôi thở dài.

“Để con bé ăn đi,” Arthur nhắc lại.

Tôi nhìn sang Arthur để cảm ơn nhưng cậu không ngẩng lên, chỉ luôn tay xúc thức ăn vào miệng. Một khoảng lặng đầy ngưng đọng trong lúc chúng tôi ăn, tiếng nhai, nuốt và tiếng dao cạo vào đĩa choáng khắp phòng.

“Cháu xin phép đi vệ sinh một chút,” cuối cùng tôi lên tiếng, không chịu đựng nổi sự im lặng nữa.

Chỉ có điều tôi đứng lắng nghe ngoài cửa.

“Tất cả những chuyện này là sao?” Arthur gầm lên.

“Suýt, hạ giọng nào.”

“Tôi không hạ giọng,” cậu rít lên đáp lại, nhưng đúng là cậu có hạ giọng.

“Sáng nay xơ Ignatius có ghé qua nhưng chẳng nói gì đến Tamara cả,” Rosaleen thì thào.

“Thì sao?”

“Xơ cư xử như thể chẳng biết gì về con bé cả. Nếu Tamara đã gặp xơ thì xơ đã phải kể gì rồi chứ. Xơ Ignatius không phải là loại người ưa giấu giếm giếm. Vì sao xơ phải làm thế chứ?”

“Vậy ý em là sao? Rằng Tamara nói dối ư?”

Tôi há hốc miệng, định xông vào phòng, nhưng câu tiếp theo thốt ra từ môi Rosaleen, đầy cay đắng làm tôi dừng lại.

“Đương nhiên là nó nói dối rồi. Y chang như mẹ nó.”

Một khoảng lặng dài. Arthur không nói gì.

Đêm đó, thay vì khóc lóc, tôi tập trung vào quyển nhật ký, đọc lại những dòng viết về ngày mai vốn xuất hiện trong nhật ký vào sáng sớm. Nhưng lần này, tôi đã cố giữ được tỉnh táo, và vào đúng 12 giờ, những dòng chữ của ngày hôm trước biến mất như thể ánh mặt trời đã làm mục ta, thay vào đó, những dòng chữ nắn nót, những dòng chữ nắn nót *của tôi*, bắt đầu hiện ra từng nét một, hết chữ này đến chữ khác, nhanh đến mức tôi gần như không theo kịp.

Chương 13: Tòa lâu đài ồn ã

Tôi gập quyển nhật ký lại, cảm thấy sôi lên vì ngày mai. Có quá nhiều thứ phải lên kế hoạch. Trong khi tôi nằm trên giường, lướt qua tất cả những việc phải làm trong quãng thời gian ngắn ngủi mình có vào ngày mai. Biết rõ Rosaleen và Arthur mãi đến một giờ mới quay về, điều đó chẳng giúp tôi thư thái được là bao. Đó là một buổi đêm tháng Bảy ẩm sì. Đêm nay trời sẽ nổi bão, hoặc mai sẽ là một ngày nóng như thiêu. Tôi mở cửa sổ phòng ngủ ra, mong chờ một làn gió mát lạnh và hất tung chăn qua một bên. Tôi nằm dưới ánh trăng xanh nhàn nhạt, ngắm nhìn bầu trời tối đen chỉ chút sao.

Trong lúc lắng nghe màn đêm tĩnh lặng, tôi chợt nghe thấy tiếng cú kêu, chốc chốc tiếng của một con cừu hay bò kêu gọi sự chú ý, những thanh âm của đêm nông thôn giờ đã trở nên quen thuộc với tôi bỗng bèngh trôi vào căn phòng. Thỉnh thoảng, một làn gió nhẹ hây hây thổi tới, và mỗi lần như thế, tôi lại nghe thấy lá trên các tán cây khẽ xào xạc, cả chúng cũng biết ơn làn gió mát lạnh. Cuối cùng, tôi cảm thấy gai gai lạnh nên vươn tay ra đóng cửa sổ thì nhận ra những âm thanh này giờ mình vẫn nghĩ là tiếng chim kêu kỳ thực lại là những giọng nói từ xa vọng lại. Ở miền đồng quê này, ai biết những âm thanh đó có thể vọng đi được bao xa, song khi lắng tai nghe lần nữa, tôi nhận ra rõ ràng tiếng trò chuyện lúc to lúc nhỏ và tiếng cười bất chợt, có thể cả tiếng nhạc nữa và rồi tất cả lại chìm trong im lặng khi gió thôi không đưa âm thanh lại nữa. Nó vọng tới từ phía lâu đài.

Lúc này đã 12 giờ 5 phút đêm. Tôi khoác bộ đồ thể thao rồi xỏ chân vào đôi giày chạy, sàn nhà kêu cọt két dưới chân trong lúc tôi nhón chân đi thật khẽ. Mỗi lần nó kêu cọt két, tôi lại đứng sững như hóa đá, chờ đợi người không lồ đang ngủ tỉnh giấc vào bất kỳ lúc nào. Tôi dịch cái ghế ra khỏi cửa phòng ngủ, cửa mở thật nhẹ. Sẽ là một kỳ tích nếu tôi có thể xuống được dưới nhà và ra khỏi cửa trước mà không đánh động gì đến chủ

nhà. Tôi nghe thấy tiếng Rosaleen ho nên dừng lại, rồi lập tức đóng cửa lại. Mợ không bao giờ ho ban đêm, tôi coi tiếng ho đó là một lời cảnh báo.

Tôi leo lên giường để tránh phải bước đi trên những tấm ván ọp ẹp, rồi bò lồm cồm trên đệm để tới bên cửa sổ. Đó là một tấm đệm lò xo cũ mềm và cũng phát ra tiếng động, song ít nhất nghe nó cũng chính đáng, như thể tôi đang trở mình vậy. Tôi lấy đèn bấm từ ngăn kéo bàn cạnh giường ra, rồi đẩy cửa sổ mở rộng hơn. Cỡ người tôi có thể chui lọt qua cửa mà không gặp rắc rối nào. Phòng ngủ của tôi nằm ngay trên hiên trước, và cho dù mái khá dốc, nếu tập trung hết mức tôi có thể đặt chân xuống đó. Ở trên mái rồi thì leo xuống hàng rào ở trên hiên và nhảy xuống đất tương đối dễ dàng. Dễ như ăn kẹo.

Đột nhiên cửa phòng ngủ của Rosaleen và Arthur bật mở, và tiếng bước chân hồi hả vọng tới từ hành lang. Tôi nhào trở lại giường và kéo chăn trùm kín mít từ đầu đến chân, đảm bảo sao cho cả bộ đồ thể thao, đôi giày chạy lẫn cây đèn bấm đều được che kín. Tôi nhắm tịt hai mắt lại vừa đúng lúc cửa phòng tôi mở ra. Cửa sổ đang mở rộng, và với đôi tai thính nhạy của tôi, những giọng nói từ xa vọng lại dường như lớn đến mức tôi đoán chắc dự tính của mình đã lộ bém.

Tim tôi đập thình thình trong lồng ngực khi có người đột ngột xuất hiện trong phòng mình. Ván sàn kêu cọt két, từng tấm một, khi bóng người nọ bước tới gần tôi hơn. Là Rosaleen. Tôi nhận ra qua cách mợ nín thở, qua mùi hương tôi ngửi thấy. Tôi không biết mợ đang làm gì, tiếng cọt két im bật cho tôi biết mợ đang đứng im. Quan sát. Quan sát *tôi*.

Tôi cố hết sức để không mở mắt ra. Tôi cố gắng thả lỏng mí mắt, không cho phép nhãn cầu đảo quá nhiều. Tôi cố hít thở bình thường, to hơn bình thường một chút để cho thấy là tôi đang ngủ rất sâu. Tôi cảm thấy một thân người đang cúi xuống trên mình, và thiếu chút nữa tôi đã vùng dậy tấn công, nhưng rồi tôi nghe thấy tiếng cửa sổ đóng lại và hiểu ra mợ cúi qua người tôi để với tới cửa sổ. Tôi định mở bừng mắt ra, chớp lấy Rosaleen và làm ầm ĩ lên. Nhưng làm thế thì được gì chứ?

“Rosaleen,” tôi nghe thấy tiếng thì thảo vọng vào từ cửa phòng ngủ, “Em đang làm gì thế?”

“Em chỉ muốn chắc chắn là con bé ổn cả.”

“Tất nhiên là nó ổn rồi. con bé đâu còn là trẻ con nữa. quay lại giường ngủ thôi.”

Tôi cảm thấy một bàn tay úp lên má mình, rồi những ngón tay dịu dàng vuốt tóc tôi vén ra sau tai như mẹ tôi từng hay làm. Sau đó, tôi chờ đợi tấm chăn sẽ bị kéo khỏi người mình và bộ trang phục dạ hành trốn đi chơi lúc nửa đêm sẽ bị lộ, song thay vì thế, tôi cảm thấy hơi thở của mẹ phả lên mặt tôi, cảm thấy môi mẹ cọ lên trán tôi trong một nụ hôn triu mến, rồi mở bỏ đi. Cửa đóng lại.

Con bé đâu còn là trẻ con nữa.

Sau khi mẹ rời khỏi, tôi đợi tới lúc tiếng ngáy của Arthur bắt đầu vang lên trở lại. Tôi rời khỏi giường, đẩy mở cửa sổ và không nghĩ đến lần thứ hai, tôi leo ra ngoài và nhẹ nhàng đáp xuống mái hiên lợp ngói đen. Chỉ đến lúc đặt chân xuống thảm cỏ và ngược mắt nhìn lên ngôi nhà, lên phòng ngủ, lên khung cửa sổ hé mở tôi mới hiểu ý nghĩa ẩn đằng sau thông điệp tôi nhắc nhở chính mình đừng đóng cửa sổ.

Dùng đèn bấm, tôi dò dẫm đi về phía tòa lâu đài, lần theo các giọng nói. Tôi chỉ có thể nhìn xa được một vài mét phía trước, phần còn lại của thế giới bị lỗ đen của màn đêm nuốt chửng. Những thân cây dường như còn chứa đựng nhiều bí mật hơn vào ban đêm, và trong bóng tối những tiếng rì rào chúng nói với nhau chỉ càng làm tôi thêm tin còn nhiều điều nữa chúng chưa kể cho mình nghe. Khi tôi gần tới tòa lâu đài, tôi nghe thấy tiếng nói, ngửi thấy mùi khói, nghe thấy tiếng nhạc, nhìn thấy ánh sáng hắt ra từ tiền sảnh và căn phòng với những ô cửa sổ còn nguyên vẹn ở bên phải. Những gian phòng còn lại về bên trái và ra phía sau đều tối đen. Tôi tắt đèn bấm và đi vòng ra sau lâu đài, ngang qua hai căn phòng mà tôi cảm thấy có tầm

nhìn rất tuyệt ra hồ nước phía sau cũng như hàng trăm bậc thang dẫn xuống dưới đó. Tôi tới chỗ căn phòng có cửa sổ trước đó mình từng leo qua, và lắng nghe.

Một thứ ánh sáng từ các vì sao đêm bao quanh bậc tường cũ kỹ. Những ngôi sao vàng vọt lượn vòng. Thầm nghĩ căn phòng không có ai, tôi tựa người vào để quan sát, dù những ngôi sao thực sự có thể nhìn thấy qua khung cửa sổ đối diện trông ấn tượng hơn nhiều. Tôi cứ nghĩ chỉ một mình tôi đang ngắm sao cho tới nghe thấy tiếng hôn nhau chùn chụt say sưa. Và ngay sau đó là một tiếng hét.

Rất nhiều tiếng bước chân chạy vang lên, rất nhiều tiếng sụt và rất nhiều lon và chai bị đá đổ. Rất nhiều tiếng thì thào. Rồi tôi cảm thấy có một bàn tay nắm lấy tóc và chộp vào gáy tôi, và thế là tôi bị lôi xềnh xệch vào trong lâu đài theo đúng nghĩa đen.

“Này, bỏ ra,” tôi đá. “Bỏ cái tay thôi tha ra khỏi tôi ngay.”

Tôi đập mạnh lên hai bàn tay ôm quanh eo mình, chắc chắn là tay đàn ông, trong khi tôi nửa bị kéo nửa bị nhấc bổng lên lôi vào lâu đài. Đến lúc này, tôi thầm cảm ơn Rosaleen về chế độ ăn giàu hydrocarbon cũng như một vài ký tôi đã tăng thêm kể từ khi tới đây, nếu không hẳn tôi đã dễ dàng bị ném xốc lên vai hấn. Sau khi lôi tôi vào trong và cho đứng xuống đất, hấn vẫn giữ cánh tay ghì quanh hông tôi và đứng đằng sau tôi. Tôi ngoái lại vài lần để rồi trông thấy một tạo vật xấu xí thảm hại với cái cằm lồm chồm râu. Sáu người đưa mắt nhìn tôi chằm chằm. Vài người ngồi trên cầu thang, vài người khác ngồi trên những cái kết kê dưới sàn. Tôi muốn gào lên để đuổi bọn họ cuốn xéo khỏi ngôi nhà của tôi.

“Cô ta nhìn trộm chúng ta,” kẻ vừa thét lên lúc nãy nói khi bước tới khung cửa, thở hổn hển như thể sắp xỉu vì cơn hoảng loạn mới trải qua.

“Tôi không nhìn trộm, “ tôi đảo mắt đi. “Chuyện đó thật ghê tởm.”

“Nó là người Mỹ,” một gã nói.

“Tôi không phải người Mỹ.”

“Mày nói giọng Mỹ,” một gã khác nói.

“Này, nó là Hannah Montana đấy.”

Nhiều tiếng cười phá lên.

“Tôi từ Dublin đến.”

“Không, không phải.”

“Phải đấy.”

“Mày đang ở xa Dublin quá đấy.”

“Tôi chỉ ở đây vào mùa hè.”

“Đi nghỉ đấy,” một gã nào đó nói, và cả đám bọn họ cùng bật cười.

Một gã xuất hiện nơi khung cửa, đằng sau có ả vừa thét lên. Hắn lắng nghe một hồi trong lúc tôi cố gắng tự vệ với giọng nói thất thanh đầy hoang mang mà dường như tôi không thể kiểm soát được và thậm chí hỏi ma xui quỷ khiến thế nào tôi lại trở thành kẻ dở ngất trong căn phòng toàn một đám quê mùa thế này.

“Gary, buông cô ấy ra đi,” cuối cùng hắn lên tiếng.

Cái cảm lờm chờm râu của Gary biến mất ngay lập tức. Tôi nhận diện tay thủ lĩnh.

Sau khi được thả ra, tôi lấy lại bình tĩnh.

“Tôi có thể nhận thêm câu hỏi nào nữa từ các vị trong phòng không, có lẽ cậu, quý ông diện áo khoác lông cừu và đi Doc Martens kia, cậu muốn hỏi tôi về những ngày khi Guns ‘n’ Roses còn thời thượng chẳng?”

Một tay trong đám nở nụ cười tự mãn, sau đó chống khuỷu tay, và rồi kêu lên vì đau. Cái cảm lờm chờm râu của Gary từ phía sau thúc vào gáy tôi

thật đau.

“Lúc này tôi nghe thấy mọi người từ trên phòng mình. Tôi đang nằm trên giường.” Tôi nhận ra mình đang trong bộ dạng của mỗi phiên hà lớn nhất hành tinh, giống như một đứa trẻ làm gián đoạn buổi dạ tiệc của ba mẹ nó.

“Cô sống gần đây?”

“Nó đang nói láo đấy.”

“Thế ư, vậy thì các người nghĩ tôi sống ở xó xỉnh nào hả? Hay tôi vừa bay từ LA^[6] tới để làm một chuyến tản bộ lúc nửa đêm?”

[\[6\] Los Angeles](#)

“Có phải cô sống trong ngôi nhà gác công?”

“Ngôi nhà gác công *Hoàng gia*,” ai đó khác nói, và tất cả bọn họ bắt đầu phá lên cười.

Okay, nó còn xa mới là điện Buckingham song khá hơn chán so với những ngôi nhà quê kệch đến phát ốm tôi đã nhìn thấy khi chúng tôi chạy xe tới đây. Tôi nhìn từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác trong lúc cố xác định câu trả lời, sẽ đàn độn đến mức nào nếu tôi nói cho họ biết mình đang sống ở đâu?

“Ồ không, tôi chỉ sống trong chuồng bò và ngủ cùng lợn giống hết như các người thôi,” tôi cay cú đáp trả. “Tôi không biết các người bị làm sao nữa, mà nhân tiện đây anh ta trông cũng chẳng có vẻ gì là người vùng này.”

Tôi muốn ám chỉ tới anh chàng thủ lĩnh có làn da ngăm ngăm của băng này, lúc ấy vẫn đang đứng chỗ khung cửa nhìn tôi chằm chặp. Nhắm thẳng vào tay đầu lĩnh trong lúc đang ở thế con tin để tấn công. Quả thực chẳng phải là ý tưởng khôn ngoan nhất.

Cả đám nọ cùng tròn mắt nhìn nhau và tôi có thể nghe thấy mấy từ “phân biệt chủng tộc” được nhắc đi nhắc lại.

“Đó không phải là phân biệt chủng tộc,” tôi đảo mắt. “Anh ta đang mặc đồ D-Squared. Lần cuối cùng tôi tìm ở Hicksville, thưa quý vị rộng tuếch, họ đã hết sạch đồ D-Squared trong kho.”

Quả thực tôi đã không được khôn ngoan cho lắm. Tôi đã xem *Deliverance*, tôi biết đám này có thể khiến tôi phải làm gì, vậy mà tôi đã miệt thị bọn họ là ngu chung với lợn, một sự khởi đầu chẳng hay hóm gì trong khi đáng lẽ phải đưa ra lời xin lỗi. Tôi nhìn thấy hàm răng của tay thủ lĩnh sáng lóe lên khi anh chàng thoáng mỉm cười, rồi sau đó anh ta đưa tay lên che miệng trong lúc các thành viên còn lại của băng bắt đầu sôi sùng sục, đồng loạt nhìn tôi gườm gườm với những ngón tay chỉ chỗ và chĩa đèn về phía tôi, liên tục gọi tôi là đồ phân biệt chủng tộc cho dù tôi đã giải thích vì sao tôi nghĩ anh ta không phải ở đây. Anh chàng đứng ở khung cửa yêu cầu tất cả bọn họ dừng lại, cố thuyết phục cô nàng đã hét lúc trước và vài nhân vật đã chệnh choáng say khác, rồi cuối cùng nắm tay tôi rồi lôi ra ngoài, vòng qua đằng sau lầu đài, trở lại hiện trường của tội lỗi, khung cửa sổ nơi bọn họ cho là tôi đã nhìn trộm.

“Có phải đây là chỗ anh giả bộ giết tôi nhưng kỳ thực lại thả tôi ra không?” tôi hỏi, không khỏi có chút hồi hộp. Thực ra là rất hồi hộp. Okay, tôi nghĩ anh ta sắp nện tôi một trận.

Anh ta mỉm cười. “Cô là Tamara phải không?”

Miệng tôi há hốc. “Làm thế nào anh...” Rồi chợt vỡ lẽ. “Anh là Weseley.”

Đến lượt anh ta có vẻ ngạc nhiên.

“Arthur đã kể cho cô biết về tôi?”

“Arthur? À, phải, tất nhiên là thế rồi. Ông ấy luôn miệng nhắc đến anh.”

Trông anh ta có vẻ lúng túng. “Ông ấy cũng nói với tôi về cô.”

“Thế ư?”

Tôi không hề nghĩ Arthur lại đả động gì đến mình. Thậm chí còn chẳng hình dung ra nỗi cậu đã nói những gì.

“Làm điều chứ?”

Tôi lấy một điều và anh ta quẹt diêm. Khi anh ta châm thuốc, tôi có thể thấy rõ khuôn mặt anh ta. Nước da anh chàng có màu sô cô la sữa chứ không phải gỗ mun, nhưng sẫm màu một cách thật đẹp. Đôi mắt anh ta to và nâu, lông mi dài, đến mức tôi thoáng cảm thấy ghen tị vì trong cuộc sống trước đây của mình tôi đã bỏ ra không ít tiền tiêu vặt cho những bộ mi giả có nhũ. Đôi môi anh ta dày, ướt, hai hàm răng đều tăm tắp, trắng bóc, quai hàm đẹp và xương gò má hoàn hảo. Trông anh ta đẹp đến mức khiến tôi phát ghen. Anh ta cao hơn tôi, đến cả một cái đầu. Que diêm cháy đến tận cùng, làm bỏng ngón tay anh ta, và anh ta buông cho nó rơi xuống. Đến lúc đó tôi nhận ra hắn anh ta cũng đang nhìn mình. Anh ta lại quẹt diêm và tôi rít một hơi. Đã thật lâu rồi.

“Cảm ơn.”

“Không có gì.”

“Anh đang làm cái chết tiệt gì thế, Wes? Ái chà, anh hút thuốc cùng cô ta cơ đấy? Cô ta là họ hàng của cái gia đình quái gở mà em hi vọng anh biết,” cô nàng la hét xuất hiện từ sau góc quanh, ngật ngưỡng bước đi liêu xiêu về phía chúng tôi, và lấp đầy không gian xung quanh bằng thứ mùi của một giỏ quà Body Shop.

“Bình tĩnh đi nào, Kate,” anh ta nói.

“Không, việc quái gì tôi phải bình tĩnh,” cô ta tiếp tục tuôn ra một tràng lảm nhảm vô nghĩa của kẻ say rồi bắt đầu vung xác tay lên đập anh ta lia lịa. Bạn cô nàng lôi cô ta đi.

“Được rồi,” cô nàng hất tay cô bạn ra, rồi lại chộp vội lấy cô kia trước khi té nhào, và gần như lôi cả cô bạn cùng lăn xuống sàn. “Đằng nào tôi cũng sẽ về nhà.”

“Ái chà,” Tôi nhìn anh ta.

“Chẳng đau đâu.”

“Một cái túi giả Louis Vuitton, anh có đùa không vậy? Chỉ nhìn thấy nó tôi đã thấy đau rồi.”

“Cô đúng là một kẻ hợm đời,” anh ta mỉm cười.

“Còn anh là một gã bạn trai tệ hại.”

“Cô ấy đâu phải bạn gái tôi.”

“Là gì thì cũng thế thôi.”

“Cô muốn uống thứ gì không?”

Tôi gật đầu có phần hăm hở thái quá. Anh ta bật cười, rồi chui qua cửa sổ trở vào trong lầu đài. Tôi cũng chui vào theo.

“Này Weseley, anh bạn không định mang đồ uống của bọn ta đi đãi Hannah Montana đấy chứ?”

Weseley tảng lờ người vừa lên tiếng và đưa cho tôi một lon.

“Cái gì thế này?”

“Diamond White.”

“Chưa bao giờ nghe thấy.”

“Cần giải thích thế nào để cô hiểu nhỉ,” anh chàng có vẻ ngĩ ngại tột. “Cứ tưởng tượng như nó là sâm banh, nhưng lại được làm từ táo.”

Tôi đảo mắt ngán ngẩm. “À, nếu anh nghĩ tôi uống sâm banh thì anh chẳng hiểu gì về tôi rồi.”

“Không ư, phải vậy không nhỉ? Nó là rượu táo. Người Mỹ gọi là rượu táo nặng.”

“Tôi không phải người Mỹ.”

“Cô không nói giọng Ireland.”

“Còn anh thì trông không giống người Ireland. Có thể bản sắc Ireland như thế gian này vẫn biết đã thay đổi rồi.” Tôi há hốc miệng đầy mỉa mai.
“Ôi Chúa ơi, chúng ta cần nói với ai đây?”

“Mẹ tôi có tóc đỏ và tàn nhang.”

“Vậy thì chắc bà ấy là người Thụy Điển.”

Anh ta bật cười, rồi chỉ vào cái kết đăng sau tôi, vậy là tôi ngồi xuống. Anh chàng ngồi xuống đối diện.

“Ba anh là người ở đâu?”

“Madagascar.”

“Hay quá nhỉ, giống như trên phim ấy à?”

“Phải, *i sì* như hoạt hình Disney,” anh ta nói đầy châm biếm.

“Anh tới đó bao giờ chưa?”

“Chưa.”

“Thế vì sao ba anh lại đến đây?”

“Vì răng.”

“À, phải.” tôi gạt đầu ra vẻ thấu hiểu. “Luôn có một lý do hợp lý.”

Cả hai chúng tôi cùng bật cười.

Ai đó trong phòng bên cạnh lại lên tiếng nói gì đó về chuyện tôi là đồ phân biệt chủng tộc.

“Tôi chỉ muốn nói về đồ anh mặc,” tôi khẽ nói. “Anh ăn mặc còn bảnh hơn cả John Boy đăng kia, hay Mary Ellen, cô nàng luôn lê chân đi khắp nơi với đôi boot Ugg hàng nhái và mùi mỹ phẩm Dewberry.”

Anh ta cười phá lên và phả khói ra, trong khi đôi mắt nhìn chăm chăm vào tôi.

“Cô ấy không phải bạn gái tôi.”

“Là anh nói thế. Nhưng linh tính siêu điệp viên của tôi thì nói ngược lại.”

“À, được rồi, chỉ là...” anh ta dụi thuốc rồi ném vào một cái lọ. Tôi biết ơn vì cử chỉ đó. Tôi cảm thấy mình như một người mẹ vừa trở về nhà và phát hiện ra lũ trẻ đã xả rác khắp nơi. “Có những chiếc xe buýt, cô biết đấy,” anh ta nói. “Những thứ bốn bánh chở người ta vào thành phố lớn.”

“Từ đâu cơ?” Tôi nghĩ phản ứng của tôi cũng tương tự như thế nếu anh ta hé lộ ra một phương thuốc chữa ung thư. Một con đường biến khỏi chỗ này...

“Dunshauglin. Chưa đến nửa giờ ngồi xe.”

“Và làm thế nào anh đến đó được?”

“Ba tôi lái xe đưa đi.”

À, ba tôi thì chết rồi.

“À, nhân đây hỏi luôn, cái này của cô phải không?” anh ta khua khoắng tìm trong túi rồi đưa cho tôi một cây viết. Tôi đã xoáy nó trên bàn làm việc của Arthur và đánh rơi mất hôm qua.

Mình cảm thấy như có ai đó ở đấy. Có ai đó đang nhìn mình.

“Hôm qua anh có ở đây không?”

“À...” anh ta lại khổ sở nghĩ ngợi.

“Chuyện đó có gì khiến anh phải nghĩ chứ,” tôi gất gỏng.

“Tôi không biết. Không. Có. Không, tôi không biết liệu tôi có ở đây không. Tôi tìm thấy cây viết tôi nay, nếu đây là điều cô muốn hỏi.”

“Vậy là anh không ở đây hôm qua, khi tôi đang ở đây?”

“Gần như ngày nào tôi cũng ở đây cùng Arthur,” anh ta vẫn chưa trả lời câu hỏi.

“Thế ư?”

“À, tôi phải vậy thôi, phải không nào?”

“Thật sao?”

“Tôi làm việc với ông ấy.”

“Ồ.”

“Tôi nghĩ cô có nói Arthur đã kể với cô rồi mà.”

“Ồ...phải. Vậy Rosaleen có biết anh làm việc với Arthur không?”

Anh ta gật đầu. “Tôi không nghĩ bà ấy thích tôi loay quanh ở đây, nhưng từ khi Arthur bị đau lưng, ông ấy cần ai đó giúp một tay.”

“Anh làm việc với ông ấy bao lâu rồi?”

Anh ta lại trầm ngâm nghĩ ngợi, mắt nhìn chăm chăm vào khoảng không xa xăm, “À, để xem nào. Tôi và Arthur đã bắt đầu... được ba tuần rồi.”

Tôi bắt đầu cười.

“Chúng tôi mới chuyển đến đây tháng trước,” anh ta giải thích.

“Thật sao?” Tôi cảm thấy tim mình lâng lâng. Anh ta cũng là kẻ đồng cảnh ngộ với tôi. “Từ đâu vậy?”

“Dublin.”

“Tôi cũng thế!” Về phần khích của tôi xem chừng hơi quá đậm chất *Bộ năm lòng danh*. “Xin lỗi,” tôi cảm thấy mặt mình đỏ lựng. “Chỉ là chút phần khích thái quá khi gặp một thành viên cùng giống loài thôi. Vậy làm thế nào anh leo lên thành thủ lĩnh lệ vậy được? Anh bỏ bùa bọn họ à? Hay dạy họ cách nhóm lửa?”

“Tôi thấy lịch sự ở cô là thứ vắng bóng hoàn toàn đấy. Nhìn trộm, làm hỏng một buổi tiệc tùng và mĩa mai không phải là những thứ thích hợp nếu cô muốn hòa nhập.”

“Tôi đâu có khoái hòa nhập.” Tôi quạu quọ đốp lại. “Tôi muốn biến khỏi nơi này.”

Cả hai chúng tôi cùng lặng thinh.

“Anh có biết gì về những chuyện đã xảy ra ở đây không? Trong lâu đài này?” tôi hỏi.

“Ý cô là chuyện về đám người Norman và mọi thứ khác ư?”

“Không, không phải thế. Chuyện gì đã xảy ra với gia đình từng sống ở đây, thời gian gần đây hơn cơ.”

“Có một vụ hỏa hoạn, đại loại thế, sau đó họ rời đi.”

“Ồ, đáng ra anh phải đi viết sách lịch sử mới phải.”

“Chúng tôi vừa mới chuyển tới đây,” anh ta mỉm cười. “Sao cô lại muốn biết?”

“Tôi chỉ tò mò thôi.”

Anh ta thăm dò tôi một hồi. “Chúng ta có thể hỏi họ nếu cô muốn.” Ý anh ta muốn nói tới đám người ở phòng bên.

Một tràng cười rộ vọng từ bên đó sang. Tôi nghĩ họ đang chơi trò Xoay chai^[7].

[7] Trò chơi trong đó người chơi xếp thành vòng tròn. Một người xoay tròn cái chai. Khi chai dừng lại, miệng chai chỉ vào ai thì người xoay chai phải hôn người đó.

“Không, không cần đâu.”

“Chắc xơ Ignatius biết đấy. Cô biết bà ấy mà, phải không?”

“Sao anh biết?”

“Tôi đã nói với cô rồi, tôi làm việc quanh đây. Tôi đâu có đui.”

“Nhưng tôi chưa bao giờ thấy anh cả.”

Anh ta nhún vai.

“Bà ấy bảo tôi hỏi Rosaleen và Arthur,” tôi giải thích.

“Cô nên làm thế. Cô biết Rosaleen sống trong ngôi nhà phía bên kia đường đối diện cổng chính suốt cả đời bà ấy còn gì. Nếu ai đó biết điều gì thì chính là bà ấy. Có thể bà sẽ kể cho cô nghe mọi chuyện xảy ra quanh đây trong hai trăm năm qua.”

Tôi không thể nói với anh ta rằng quyền nhật ký viết rõ rằng tôi không nên hỏi Rosaleen bất cứ điều gì. “Tôi không biết nữa...tôi không nghĩ hai cậu mợ ấy muốn nói về chủ đề này. Mợ rất kín tiếng. Nhất định họ phải biết những người sống ở đây và nếu có ai đó chết, tôi không muốn bới nó ra. Ý tôi là rất có thể họ vẫn biết những người đó. Arthur không thể làm việc không công. Mà thực ra,” tôi bật ngón tay, “Ai trả công cho anh?”

“Là Arthur. Tiền mặt.”

“À.”

“Vậy sao cô lại đến đây?”

“Tôi nói với anh rồi, tôi nghe thấy tiếng các anh từ phòng ngủ.”

“Không, ý tôi muốn hỏi là sao cô lại có mặt ở đây, ở Kilsaney kia.”

“À.”

Tôi lặng thinh. Và nghĩ thật nhanh. Bất cứ điều gì ngoài sự thật. Tôi không muốn anh ta thương hại mình.

“Tôi cứ nghĩ anh nói Arthur đã kể cho anh nghe về tôi rồi cơ mà.”

“Tôi xứng đáng được giải thưởng nếu moi được gì từ ông ấy. Ông ấy chỉ kể cô và mẹ cô đang ở cùng vợ chồng ông ấy thôi.”

“Anh biết đấy, chúng tôi buộc phải chuyển nhà. Chỉ trong ít lâu thôi. Có lẽ chỉ trong mùa hè. Chúng tôi đã bán nhà. Và đang chờ mua nhà mới.”

“Ba cô không ở đây sao?”

“Không, ông ấy... ông ấy bỏ mẹ tôi, vì một người khác.”

“Ôi trời, rất tiếc phải nghe điều đó.”

“À, phải... một cô người mẫu tuổi đôi mươi nào đó. Cô ta nổi tiếng. Luôn xuất hiện trên các tạp chí. Cô ta hay rủ tôi đi chơi cùng.”

Anh chàng cau mày nhìn tôi, và tôi có cảm giác mình là một con ngốc. “Cô vẫn gặp ông ấy chứ?”

“Không. Không gặp nữa.”

Tôi đang làm theo các nguyên tắc trong nhật ký. *Lẽ ra mình không nên kể cho Wesley về ba.* Nhưng chẳng vì thế tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Thực ra tôi đã nói dối Marcus, và chuyện đó có vẻ hoàn toàn biện minh được vì mọi thứ với Marcus đều là một lời nói dối to đùng, song tôi lại chẳng hề muốn nói dối Wesley. Hơn nữa, anh ta sẽ chỉ có thể moi được từ Arthur, chắc phải mất đến mười năm.

“Wesley, tôi xin lỗi, đó là một lời nói dối,” tôi xoa mặt. “Ba tôi... ông ấy chết rồi.”

Anh ta nhồm lên. “Cái gì? Như thế nào?”

Lẽ ra mình nên nói lý do gì đó khác, chẳng hạn như chết trong chiến tranh, hay là mình cũng không biết nữa, bất kỳ kiểu chết nào thông thường hơn.

“À. Ung thư.” Tôi muốn hai chúng tôi chấm dứt nói về chuyện đó ngay lập tức. Tôi không thể nói tiếp về chuyện này. Tôi không thể làm thế. Tôi muốn anh ta thôi đặt câu hỏi. “Ổ tinh hoàn.”

“Ồ.”

Vậy là thành công.

Sau đó tôi ra về, cảm ơn anh ta và leo trở ra qua cửa sổ. Quay về được nửa đường, tôi bỗng dừng bước, quay người chạy trở lại.

“Wesley,” tôi thì thầm không ra hơi, đứng tựa người vào khung cửa sổ. Anh ta đang thu dọn đồng vỏ lon và đầu mẩu thuốc lá trong căn phòng có cửa sổ.

“Cô quên thứ gì sao?”

“À, vâng...” tôi thì thầm.

“Sao chúng ta lại đang thì thầm nhỉ?” anh ta thì thầm, mỉm cười, đi đến bên cửa sổ và chống người lên hai khuỷu tay.

“Bởi vì à... tôi không hẳn thích nói to chuyện này.”

“Okay,” nụ cười của anh ta tan biến.

“Anh sẽ nghĩ tôi kỳ quặc...”

“Tôi đã nghĩ cô thật kỳ quặc rồi.”

“À, okay. Thế này nhé. Ba tôi không phải chết vì ung thư.”

“Không ư?”

“Không. Tôi chỉ nói vậy vì như thế dễ dàng hơn. Cho dù phần nhắc đến tình hoàn thì không dễ lắm. Cái đó đúng là kỳ quặc.”

Anh ta dịu dàng mỉm cười, “Vậy ông ấy đã chết như thế nào?”

“Ông ấy tự sát. Ba tôi uống cả một lọ thuốc ngủ cùng với whisky. Có ý. Và tôi tìm thấy ông ấy.” Tôi khó nhọc nuốt khan.

Và nó kia. Nét thay đổi trên khuôn mặt mà tôi đã viết ra. Một cái nhìn đượm vẻ thương hại. Cái nhìn tử tế bạn dành cho bất cứ kẻ nào khổ sở. Anh ta không nói gì.

“Chỉ là tôi không muốn nói dối,” tôi bắt đầu quay trở lại.

“Okay. Cảm ơn vì đã cho tôi biết.”

“Tôi chưa bao giờ kể với ai khác.”

“Tôi sẽ không kể với ai đâu.”

“Ok, cảm ơn. Giờ thì tôi về thật đây.”

Thật rụt rè khép nép.

“Tạm biệt.”

Anh ta nhào người xa hơn ra ngoài cửa sổ và cất cao giọng. “Tôi sẽ gặp lại cô, Tamara.”

“Vâng. Chắc rồi.”

Tôi chỉ muốn rời khỏi đó.

Đám người trong tiền sảnh đang huýt sáo cười đùa, và tôi biến mất vào bóng tối.

Đêm hôm ấy tôi học được một điều quan trọng. Bạn không nên cố gắng ngăn cản mọi thứ xảy ra. Đôi khi bạn đã định đoạt phải trở nên yếu

đuổi trước mặt người khác. Có những lúc điều đó là cần thiết, vì tất cả chúng đều là một phần để bạn bước sang phần tiếp theo của bản thân, ngày tiếp theo. Nhật ký không phải lúc nào cũng đúng.

Chương 14: Một giờ

Quyển nhật ký cho tôi biết tôi có thời gian tới lúc một giờ ngày hôm ấy.

Quả là thực sự bất thường, buổi sáng diễn ra y hệt như những gì tôi đọc được tối hôm trước. Rosaleen đánh thức tôi dậy, bảo tôi ở nhà và khi đó dường như thật rõ ràng – thêm một lần thứ hai – là mẹ chỉ đơn giản không muốn tôi hiện diện trước phần còn lại trong thế giới tí xiu của bà. Hãy tưởng tượng ra nỗi kinh hoàng và sự hổ thẹn khi phải nói với bàn dân thiên hạ về sự tồn tại của mẹ con tôi, cũng như chuyện một người đàn ông đã tự cướp đi sinh mạng của mình, tội lỗi nghiêm trọng hơn tất thảy. Tôi không khỏi nổi giận khi nghĩ đến điều đó và đã phải tranh đấu với mong muốn yêu cầu được đi dự lễ nhà thờ, nhưng rồi tôi nằm im dưới chăn, và trong khi tôi lắng nghe tiếng chiếc xe của họ đi xa dần trong một ngày nhuộm màu nâu đỏ, đây chính là chỗ ngày mới của tôi khác đi so với trong nhật ký. Thật bất thường, chứng kiến xảy ra những điều mà tôi cảm thấy kỳ thực đã xảy ra, thậm chí tôi còn mơ cùng một giấc mơ về những cái vôi sen, song tôi đang dần quen với chuyện này.

Thay vì ngủ lại sau khi Rosaleen và Arthur lái xe đi, tôi mặc quần áo vào rồi chạy xuống dưới nhà. Tôi đang ngồi trên bức tường bao quanh khu vườn thì chiếc Cinquecento màu vàng lao vút tới, cửa kính xe hạ xuống.

“A!” Đôi mắt xơ Ignatius sáng lên. “Đúng cô gái ta muốn gặp. Con có tới dự lễ không đây?”

Tôi nhìn vào trong xe, bốn bà xơ đang ngồi chen chúc.

“Ồ, con có thể ngồi lên đầu gối xơ Peter Regina,” bà trêu đùa và tôi nghe thấy một tiếng “hừ” vọng ra từ bên trong. “Chúng ta hát tại tất cả các

khóa lễ sáng. Con là thành viên của một ban đồng ca, con nên gia nhập cùng chúng ta nếu không còn bị viêm thanh quản nữa.”

Không thể, tôi làm điệu bộ, chop lấy cổ họng, há miệng ra rồi ngậm miệng lại.

“Hãy súc miệng nước muối, con sẽ ổn ngay thôi,” xơ nhìn tôi chăm chăm, rồi khuôn mặt bà bừng sáng, “Nhân tiện, cảm ơn con về quyển sách.”

“Không có gì đâu ạ,” tôi phá vỡ màn im lặng của mình. “Con chọn nó dành riêng cho xơ đây.”

“Ta cũng nghĩ vậy,” bà tắc lưỡi. “Con cũng biết là thoát đầu ta không thích cô ta. Marilyn Mountrothman. Cô ta hóm hĩnh và trông chờ quá nhiều, xong cuối cùng ta lại yêu mến cô ấy. Cũng giống như Tariq vậy. Có vẻ họ không phải là một cặp đôi lý tưởng nếu không nhờ vào chuyện anh ta luôn biết chính xác cô ấy nghĩ gì vào bất cứ lúc nào, nhất là khi cô gái khóc vì cái tin nhận được từ ông bố nhưng không muốn nói cho anh ta biết. Ôi, đoạn đó quả thực làm ta cảm động, phải thừa nhận thế. Nhưng anh ta đã đoán ra. Anh ta biết cô gái yêu mình. Một anh chàng thông minh! Ta đoán đó chính là thứ giúp anh ta kiếm được bạc triệu và trở thành một nhà tài phiệt dầu mỏ. Ta rất thích cách người ta đưa ảnh hai nhân vật chính lên bìa trước, cái đó giúp ta hình dung ra hai người họ trong suốt câu chuyện. Chàng trai với mái tóc chải ngược ra sau và thân hình cơ bắp vạm vỡ,” bà tắc lưỡi.

“Xơ đã đọc nó thật sao?”

“Ồ, tất nhiên là ta đã đọc. Xơ Conceptua đang bắt đầu đọc rồi đây.”

Người phụ nữ ngồi ghế khách phía trước quay lại. “Đừng có kể với tôi những gì sẽ xảy ra. Anh ta vừa mới thuê máy bay riêng tới Istanbul.”

“Ồ, những màn tuyệt vời nhất còn đang chờ bà phía trước cơ,” xơ Ignatius vỗ tay. “Chỉ hai từ thôi, tuyệt tác.”

“Tôi nhắc lại, thôi ngay,” xơ Conceptua gắt. “Bà sẽ tuân hết ra cho coi.”

“Chúng ta phải đi thôi,” xơ Mary cầm cần sau tay lái. “Không muộn mất.”

“Tuần sau con sẽ tới chứ hả?” xơ Ignatius hỏi tôi một cách nghiêm túc.

“Okay,” tôi gật đầu. “Con nghĩ con sẽ quay về giường cho đến hết buổi sáng. Nếu gặp Rosaleen, xơ có thể nói cho mợ ấy biết thế chứ ạ?”

Đôi mắt bà nheo lại. “Có thật không?”

“Vâng, con thực lòng nghĩ thế mà.”

“Ta hiểu rồi. Con đang định làm trò gì vậy?”

“Chúng ta cần đi thôi,” xơ Mary nỗ máy.

“Đợi đã,” tôi chợt thấy hơi hoảng. “Con đang cần một thứ từ các xơ. Một cái tên.”

Vài khoảnh khắc sau, tôi nhìn theo họ bay vòng qua khúc quẹo, không thấy xi nhan hay đèn phanh sang, chỉ có cánh tay của xơ Ignatius giơ lên cao vẫy chào.

Bây giờ là mười giờ.

Tôi sắp xếp theo thứ tự các ưu tiên của mình, và mẹ nằm ở vị trí số một. Tôi lục lọi trong danh bạ điện thoại để tìm kiếm cái tên xơ Ignatius đã cung cấp cho tôi. Điện thoại đổ chuông một, hai rồi ba lần, thế rồi ngay trước khi nó nhảy sang máy trả lời tự động, một người đàn ông lên tiếng.

“Xin chào?” anh ta ào ào, rồi hắng giọng. “Hãy chờ máy.” Tôi có thể nghe thấy anh ta đang thở như hết hơi và loay hoay đánh vật để tắt máy trả lời tự động.

Tôi hắng giọng, Tamara Cô Gái Lớn có việc cần phải làm.

“Xin chào, tôi gọi đến để đặt lịch hẹn với bác sĩ Gedad.”

“À, ông ấy không có ở đây,” anh ta nói, giọng ngái ngủ. “Tôi có thể ghi lại lời nhắn không?”

“À... không... liệu ông ấy có quay lại trước lúc một giờ không?”

“Phòng khám của ông ấy không mở cửa Chủ nhật.”

Tôi ngừng lại. Có gì đó thật quen thuộc.

“Thực ra tôi đang gọi từ nhà.”

“Có gì khẩn cấp không ạ?”

Tôi nín thở. Đúng rồi.

“Weseley, có phải anh không vậy?”

“Phải. Ai đấy?”

Nói dối, Tamara, hãy nói dối, hãy bịa ra một cái tên nào đó.

“Tamara đây. Xin lỗi đã đánh thức anh.”

“Tamara,” anh ta nghe đã có vẻ tỉnh táo hơn một chút. “Cô không sao chứ? Cô cần bác sĩ à? Ông ấy là ba tôi.”

“À... không phải cho tôi, mà là mẹ tôi. Nhưng chẳng có gì khẩn cấp đâu. Anh có nghĩ ông ấy sẽ quay lại trước lúc một giờ không?”

“Tôi không biết, họ đi dự lễ nhà thờ, sau đó ra chợ. Thường quay về lúc khoảng một giờ.”

“Có cái quỷ quái gì với mấy buổi lễ và phiên chợ ở nơi này thế nhỉ?”

“Tôi biết, họ đều yêu thích chúng.” Anh ta ngáp. “Tôi nghĩ ba tôi đi chỉ để đưa danh thiếp cho bất cứ ai ho một tiếng.”

Tôi bật cười. “Tôi qua anh ở lại đó có lâu nữa không?”

“Thêm khoảng một tiếng. Cô không nghe thấy tiếng chúng tôi ư?”

“Tôi phải mất nửa tiếng để leo trở lại phòng ngủ. Tôi đã lỡ tay đóng cửa sỏ lại và phải cạy gãy hết cả móng tay mới mở được nó ra.”

Anh ta cười phá lên. “Đáng ra cô nên quay lại, tôi sẽ giúp cô vào nhà. Tôi biết Arthur để đồng công cụ bí mật của ông ấy ở đâu. Cô có muốn tôi bảo ba tôi gọi lại lúc một giờ không?”

“Không cần đâu. Trước một giờ là tốt nhất.”

“Ngày mai thì sao?”

Tôi sẽ phải đợi thêm một tuần nữa để Rosaleen và Arthur lại ra ngoài. Trừ phi... tôi có một tí xúi cơ may khi Rosaleen sang nhà mẹ của mợ.

“Trong khoảng từ mười giờ đến mười một giờ ngày mai nhé?”

“Tôi sẽ nói lại với ba tôi. Và bảo ông ấy gọi cho cô.”

“Không,” tôi vội nói ngay. “Ông ấy không thể gọi đến đây được.”

“Được rồi, cô có *di động* chứ?” anh trêu đùa.

“Không.”

“Okay,” anh ta thở dài. “Giờ này mà đã phải động não là quá sớm với tôi. Cho tôi một giây.”

Tôi đợi.

“Okay, tôi hiểu rồi, cô không muốn Rosaleen và Arthur biết chuyện, vậy khi ba tôi về tôi sẽ tìm hiểu xem ông có rảnh không, sau đó tôi sẽ gặp cô ở lâu đài lúc hai giờ để cho cô hay.”

Tôi mỉm cười. Anh ta hoàn toàn có thể gọi điện, đương nhiên là anh chàng muốn gặp lại tôi.

Tôi gác máy, cảm thấy thật phấn khích. Một việc gần như đã hoàn tất.

Nhiệm vụ số hai là khám phá căn nhà gỗ một tầng. Hay chí ít cũng ngó qua một cái vào vườn sau, tôi không muốn làm bà lão phát hoảng. Với một cái có được chuẩn bị sẵn, tôi bỏ vài quả dâu vào một cái bát, đặt siêu nước lên đun, nướng vài lát bánh mì, rán vài quả trứng...một cách cực tẻ, cố làm đầy chảo cháy sém. Tôi nhúng cái chảo vào chậu rửa và ngán thắm khuôn mặt của Rosaleen khi mợ nhìn thấy nó. Tôi cho mọi thứ vào một cái khay và phủ một chiếc khăn lau đồ uống trà lên trên đúng như Rosaleen vẫn làm mỗi buổi sáng. Cảm thấy tự hào về nỗ lực chuẩn bị bữa sáng đầu tiên trong đời của mình, tôi rời khỏi nhà và bước đi thật chậm để không làm sánh tách trà đã chuẩn bị. Với cả hai tay bận bịu bê khay, leo qua cổng trong khi không thể bám vào cột quả là khó khăn. Cái khăn ngấm nước trà, song tôi vẫn tiếp tục bước đi. Tôi đi ngang qua gian phòng khách treo rèm lưới và bước xuôi theo lối đi bên hông. Một lần nữa, tôi lại không nhìn thấy gì khi một tia sáng chói lóa chiếu thẳng vào mắt. Tôi nhắm tịt hai mắt lại, cố gắng tựa cái khay vào một bên tường cho khỏi nghiêng để có thể dụi mắt. Thiếu chút nữa tôi đánh rơi cái khay, rồi vội vàng đỡ được khi cốc tách va vào nhau lạch cạch. Khi tia sáng thôi không còn chiếu vào mắt và tôi đã có thể nhìn được trở lại, tôi tiếp tục cuộc hành trình, chọn cách nhìn xuống đất trong khi bước đi. Tới cuối lối đi, tôi bước vào trong khu vườn đằng sau và chuẩn bị sẵn sàng để bị thổi bay đi, sẵn sàng để trông thấy một bà lão bé nhỏ đang chăm sóc khu vườn của mình, những cây nấm khổng lồ, những cô tiên, những con kỳ lân và cả một thế giới huyền ảo Rosaleen đang giấu giếm. Song tôi chẳng thấy gì hết. Không gì cả ngoài một bãi cỏ dài, có hai hàng cây hai bên. Mẹ của mợ chẳng hề có đôi tay làm vườn, cái này thì chẳng còn gì phải ngờ nữa.

Đằng sau ngôi nhà gỗ một tầng nom cũng vắng vẻ hết như đằng trước. Ở phía này cũng vậy, từng ô cửa sổ đều được che kín bằng rèm lưới đằng ten. Có hai cửa sổ và một cửa sau. Một cửa sổ là của phòng bếp vì tôi có thể thoáng nhìn ra vòi nước phía trên chậu rửa, cánh cửa ra vào đằng sau có vẻ là phần mới nhất được bổ sung vào ngôi nhà. Nó được sơn màu nâu

với kính mờ màu vàng. Ô cửa sổ thứ hai có rèm kéo kín và không hé lộ điều gì.

Tôi chuyển sự chú ý sang căn nhà kho, nơi vật thể trên cửa sổ tiếp tục lóe sáng thúc giục tôi lại gần. Tôi tăng lòe ngói nhà và bắt đầu tiến và phía nó. Đi được nửa đường, tôi nhận ra mình nên bỏ cái khay lại, song tôi vẫn đi tiếp. Quan sát gần hơn, thứ làm tôi lóa mắt ban nãy có vẻ là thứ đồ thủy tinh vụn xoắn, treo trên một đoạn dây nhiều sợi bện vào nhau. Nó vụn xoắn hình tròn ốc một cách trang nhã và trau chuốt, kết thúc bằng đầu mũi nhọn hoắt, có hình dạng tựa tựa một chùm nho và dài chừng mét rưỡi. Khi gió từ khung cửa sổ lạnh lẽo thổi vào, món đồ thủy tinh xoay thành vòng, xoay tròn, khiến người ta có ảo giác như thể nó đang lao xuống theo đường xoắn tròn ốc, không ngừng bắt ánh sáng từ nhiều vị trí khác nhau. Một cảnh tượng thật mê hoặc.

Trong khi tôi nhìn chăm chăm vào đồ vật vụn xoắn bằng thủy tinh ấy, một cái gì đó khác chợt làm tôi chú ý. Một chuyển động. Nghĩ rằng đó là bóng người trên cỏ, tôi quay ngoắt lại để xem ai đang ở sau lưng mình, song chẳng có gì ngoài những cành cây lay động theo cơn gió hây hây. Tôi nghĩ mình đã tưởng tượng ra nó, song khi tìm kiếm kỹ hơn, nó lại xuất hiện. Có một bóng người bên trong nhà kho. Tôi từ tốn bước lại gần hơn, cố không gây ra thêm tiếng động nào từ cái khay và thực lòng ước thầm mình không còn phải bận tâm đến nó vào lúc này nữa, vì chắc giờ trứng và trà đã nguội ngắt còn mấy miếng bánh mì nướng phết bơ đã mềm oặt. Bậu cửa sổ của căn nhà kho cao vừa ngang vai, tôi kiễng chân đứng bên góc khung cửa ngó vào bên trong. Tôi không dám nhìn quanh phần còn lại của căn phòng mà luôn để mắt nhìn mẹ của Rosaleen phòng khi bà cụ nhìn thấy tôi và tiến về phía tôi với một miếng thủy tinh nhọn hoắt.

Tôi chỉ có thể nhìn thấy lưng bà. Bà lão đang khom người phái trên chiếc bàn làm việc phủ vải len dài màu nâu. Bà lão có mái tóc dài xơ xác, ngả sang nâu nhiều hơn xám, trông như thể bà chưa hề chải tóc từ cả tháng nay. Tôi quan sát bà một hồi lâu, cố gắng quyết định xem có nên gõ cửa hay

không. Thậm chí tôi còn chẳng biết tên bà. Tôi chẳng hề biết họ thời còn con gái của mợ Rosaleen để biết đường xưng hô với bà cụ. Cuối cùng tôi cũng lấy được đủ can đảm. Tôi khẽ gõ cửa.

Thân hình bà lão giật bắn, và tôi hy vọng mình không làm bà cụ bị đau tim. Bà quay lại nửa chừng, chậm chạp và cứng nhắc. Nửa khuôn mặt bà lão ngoảnh về phía tôi bị những lọn tóc dài xơ xác lòa xòa che khuất. Bà cụ đeo một cặp kiếng quá khổ, hai bên mắt kiếng che mất nửa vàng trán và ép lên hai má. Chẳng thể thấy gì hơn ngoài tóc và kiếng, trông bà hết một ông giáo sư khủng.

Tôi tựa cái khay lên một bên đầu gối, và trong khi cốc đĩa trượt qua trượt lại va đập vào nhau, lắc lư sóng sánh, tôi vẩy tay rồi rút, nở nụ cười tươi tắn nhất tôi từng dành cho một người chỉ để bà biết tôi không đến đây để giết bà. Bà cụ chỉ nhìn tôi chăm chăm, không chút biểu cảm, không chút dấu hiệu ghi nhận dù là dưới dạng gì. Tôi nâng cái khay lên cao hết mức, giữ nó thẳng bằng trên đầu gối mình để làm điệu bộ ăn. Vẫn chẳng có phản ứng nào đáp lại. Đến lúc này tôi hiểu ra mình đang gặp rắc rối to, mọi chuyện không theo kế hoạch. Rosaleen đã đúng, mẹ của mợ vẫn chưa sẵn sàng đón nhận những người hoàn toàn xa lạ, mà cho dù là có đi nữa, đáng ra tôi nên đợi đến khi mợ giới thiệu hai chúng tôi với nhau. Tôi lùi lại vài bước.

“Cháu để cái này ở đây cho bà nhé,” tôi nói thật lớn, hy vọng bà cụ nghe được. Rồi tôi để cái khay xuống mặt cỏ và lùi trở ra. Trong lúc đi giật lùi, tôi liếc mắt hết căn nhà kho để nhìn sang phần còn lại của mảnh vườn. Miệng tôi há hốc và tôi bước dịch sang bên để quan sát kỹ hơn. Trong phần còn lại của khu đất, từng hàng dây phơi chằng kín bãi cỏ. Phải có đến từ mười đến hai mươi dây. Trên mỗi dây phơi có treo hàng chục vật thủy tinh đang chuyển động, đủ mọi hình dạng, được xoắn lại và uốn cong thành những hình dạng độc nhất vô nhị, một số góc cạnh, một số trơn láng, tất cả cùng đong đưa trong gió, bắt sáng, lấp lánh và lặng lẽ lay động. Cả một vườn thủy tinh.

Tôi đi qua căn nhà kho và bước vào trong thăm cỏ đằng sau để tiếp tục điều tra. Các vật thủy tinh được buộc đủ xa để không va đập vào nhau, bởi chỉ cần ở gần nhau thêm một xăng ti mét thôi, tôi dám chắc chúng đã vỡ tan tành. Những hàng dây phơi được kéo căng, buộc vào một bức tường ở cuối vườn và chạy thẳng tới một cái cột ở đầu đối diện. Chúng được căng cao hơn tôi, thế nên tôi liên tục phải ngược lên, nhìn ánh sáng của bầu trời qua những thứ đồ thủy tinh. Chúng là những tạo vật đẹp nhất tôi từng nhìn thấy. Một số có vẻ như đang chảy, lỏng và căng đầy, rủ từ dây buộc xuống giống những giọt nước mắt khổng lồ, nhưng thay vì rót xuống, chúng đông cứng lại giữa không trung. Một số khác cứng, ít cuộn xoắn và ít cong hơn xoay xoay với vẻ giận dữ và sắc nhọn hơn, treo lơ lửng như những ngọn giáo băng, như những món vũ khí. Mỗi lần gió thổi, chúng lại đu đưa qua lại, tôi đi xuôi giữa một hàng dây, thỉnh thoảng dừng lại để xem xét chúng. Thật trong sáng và tinh khiết, tôi chưa bao giờ thấy bất cứ thứ gì như thế. Một số có bọt khí bên trong, một số khác trong vẩn vát. Tôi giơ tay lên nhìn qua những đồ vật thủy tinh, bàn tay bị che mờ bởi một vài cái nhưng lại hiện ra rõ nét qua một vài cái khác. Mê hoặc và đẹp tuyệt vời, một số méo mó đến ám ảnh, một số khác xinh xắn và mong manh đến mức dường như chỉ cần chạm vào cũng đủ làm chúng vỡ tan.

Tôi định tiếp tục đi tới khám phá những hàng dây khác trong lúc ngoái lại sau để đảm bảo vẫn chỉ có một mình mình thì thấy mẹ của mợ Rosaleen bất ngờ đi tới một ô cửa sổ nhìn ra nửa thứ hai này của khu vườn. Bà lão đang nhìn tôi, bàn tay áp lên mặt kiếng. Tôi dừng bước, đứng cạnh một hàng dây, cảm thấy mình như một con búp bê Cabbage Patch đứng giữa một khu vườn thủy tinh và mỉm cười đáp lại, tự hỏi bà cụ đã dõi theo tôi được bao lâu rồi. Tôi cố nhìn ra khuôn mặt bà, cố thấy những đường nét nhưng không thể, một lần nữa bà lão lại chỉ để lộ vóc dáng của mình, mái tóc dài buông xuống hai bên vai, không ngả xám như tôi từng đoán, mà có màu nâu lông chuột với những vệt trắng loáng thoáng. Có vẻ như bà không có tuổi, không có khuôn mặt, và thậm chí còn bí ẩn hơn nhiều với tôi vào lúc này so với lúc trước khi tôi nhìn thấy bà.

Tôi rời khỏi khu vườn thủy tinh lay động, thu vào tầm mắt tất cả chúng như thể tôi sẽ không bao giờ được thấy lại chúng nữa, một hình phạt cho tội tự ý xâm nhập. Sau khi đã đi sang bên kia khu vườn, tôi vẫn thấy bà lão nhìn theo mình, không phải trên ô cửa sổ mà ở xa hơn, từ sâu hơn trong căn phòng.

Tôi lại vẫy tay lần nữa, chỉ về phía cái khay đặt trên cỏ, làm cử chỉ ăn uống, như thể lúc này là giờ cho ăn trong sở thú. Bà lão tiếp tục nhìn tôi chăm chăm mà không có bất cứ phản ứng nào. Hoàn toàn không thoải mái - mặt trời nóng bỏng, thẳng tốt, chết toi - tôi quay lại rồi hồi hải rời khỏi khu vườn, không ngoái lại lần nào nhưng lại cảm thấy cái cảm giác tôi từng có khi còn là một cô nhóc chạy từ nhà bạn về nhà mình trong bóng đêm và nghĩ rằng sau lưng mình là một mụ phù thủy.

Đã 12 giờ.

Tôi đi đi lại lại trong phòng khách, hết tới lại lui, hết qua phải lại qua trái. Ngồi xuống, đứng lên. Đi lên phòng mẹ, đến nửa đường thì lại thôi và quay lại phòng khách. Tôi vịn vẹo hai bàn tay, thỉnh thoảng lại ngó qua cửa sổ, chờ đợi mẹ của Rosaleen đi bằng qua đường trên chiếc xe lăn, bốc một bên bánh lên và quạt roi đen đét. Tôi cũng chờ đợi sẽ thấy Rosaleen và Arthur vòng qua chỗ quẹo với tốc độ tối đa. Rosaleen đã gài bẫy quanh căn nhà gỗ một tầng, tôi đã đục phải một sợi dây, một vật cở bị xê xích sai chỗ, tôi bước qua tia laser và làm đổ chuông báo động trong xác tay của mợ. Mợ sẽ trói tôi vào giường, đập gãy hai chân tôi bằng một cây búa và ép tôi phải viết cho mợ một cuốn tiểu thuyết. Tôi không thể làm được chuyện đó. Thậm chí viết nhật kí cũng đã là một việc khó khăn với tôi rồi. Tôi cũng chẳng biết nữa - tôi cảm thấy điều gì đó, bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tôi luôn vi phạm các quy định ở nhà, song tại đây thì khác. Ở nơi này, mọi thứ đều ngặt nghèo và xua rích như thể sống trong một di chỉ khai quật, và tất cả mọi người đều nhón chân rón rén, chứ không bước đi bình thường, nói năng thật khề khàng để không làm nền móng sụp đổ, dùng chổi cọ và mấy món dụng cụ tí xiu quẹt quẹt xuống đất và phùng miệng thổi bụi nhưng

chẳng bao giờ đi xuống sâu hơn, còn tôi lại xuất hiện, sầm sầm giậm chân bước vào nơi này với xẻng và mai, và tôi đã hủy hoại mọi thứ.

Và bây giờ tôi cần trở lại để mang cái khay đi, nếu không Rosaleen sẽ biết những gì tôi đã làm. Tôi hy vọng mình đã không làm mẹ mợ bị ngộ độc - ôi chúa ôi, nhờ tôi làm thế thì sao. Trứng có thể là thực phẩm nguy hiểm và tôi đã quên khuấy không rửa dâu. Liệu mấy con vi khuẩn salmonella có làm chết người không? Thiếu chút nữa tôi đã nhắc máy lên gọi Weseley lần nữa, nhưng tôi kìm lại được. Sau khi phát cuồng lên vì lo lắng suốt một lúc lâu, tôi chợt nhận ra sẽ chẳng có gì xảy tới, ít nhất thì cũng không phải là ngay lập tức, và kỳ thực tôi cũng chẳng làm gì sai cơ mà. Tôi chỉ cố tỏ ra tử tế với một bà cụ. Vậy thì mặc kệ đi. Tôi hy vọng bà cụ thích món trứng của tôi.

Thế là tôi dụ lại. Tiếp theo trong danh sách của tôi là cái ga ra nằm ở cuối khu vườn. Tôi mở cửa sau dẫn từ trong bếp ra vườn rồi chạy qua bãi cỏ, qua những luống rau của Rosaleen ở tận cuối vườn. Tôi ngó lên cửa sổ phòng ngủ của mẹ, vẫn trống không như khi bà đang ngủ. Còn về phần cái ga ra, nom nó cũng khá vừa mắt. Nó được xây từ cùng thứ đá vôi như ngôi nhà, hoặc gần giống, và trông có vẻ được xây cất tử tế hơn bất cứ công trình mới nào từng được xây lên quanh Dublin trong mười năm qua. Tôi nói ra điều này trong sự tôn trọng lớn nhất dành cho ba tôi, một người cực kỳ tự hào về những gì ông đã xây dựng, chỉ có điều tôi không nghĩ ba bận tâm nhiều lắm tới kiến trúc. Ông có vẻ nghĩ nhiều hơn tới không gian cũng như cách làm thế nào để dành cho mỗi người một phần nhỏ nhất của nó trong khả năng có thể. Căn ga ra gần như chạy hết chiều rộng khu vườn, dài hai mươi lăm mét. Bên phải ngôi nhà, phía bên kia một bờ giậu được xén tỉa bằng bàn là lối đi dành cho máy kéo, cũng chỉ là một con đường khác chạy uốn éo quanh rìa ngoài khu đất. Nhưng trước khi nó rời khỏi khu nhà, có một ngã rẽ dẫn vào khung cửa hai cánh của ga ra. Kể từ khi tôi đến, cho đến lúc đó cũng đã gần được một tháng, tôi chưa bao giờ thấy Arthur lái máy kéo vào bên trong. Có thể Rosaleen có lý, có thể bên trong không còn đủ chỗ cho đồ đạc của chúng tôi. Tôi thích đi theo con đường này tới ga ra vì

đi lối này sẽ không bị nhìn thấy từ phía ngôi nhà, song đồng thời cũng có nghĩa là phải mở một cánh cửa lớn hơn, mở một cái khóa to hơn. Tôi ngó vào tất cả các ô cửa sổ song chẳng trông thấy gì. Mọi ô cửa đều bị bịt kín từ bên trong bằng những cái bao đen sì. Tôi thử mở cánh cửa ra vào đã khóa chặt, rồi đi vòng sang hông tới khung cửa hai cánh. Tôi kéo rồi đẩy, đâm rồi đá, dùng cả một tảng đá choảng liên hồi vào cái khóa, song chẳng đi đến đâu ngoài việc để lại những vết lõm trên mặt kim loại.

Đã 12 giờ 30 khi tôi quay trở vào nhà, và vẫn chẳng biết thêm gì về cái ga ra. Tôi rửa tay, thay bộ quần áo lấm lem sau nỗ lực bẻ khóa và đột nhập của mình. Tôi kiểm tra tình hình mẹ, cuối cùng bà cũng đã dậy và đang tắm dưới vòi sen. Tôi thông dong thay đồ, biết mình vẫn còn ba mươi phút nữa trước khi Rosaleen và Arthur quay trở về. Tôi ngồi trên giường, nhìn sang ngôi nhà gỗ một tầng. Có thứ gì đó đập vào mắt tôi.

Trên cây cột cạnh cổng trước. Đó là cái khay. Tôi đứng dậy, ngó qua khu vườn, ngôi nhà. Không có ai ngoài vườn, không có ai nhìn qua cửa sổ. Tôi kiểm tra xem Rosaleen đã về chưa nhưng chiếc xe vẫn chưa trở lại.

Bây giờ là 12 giờ 50 chiều.

Tôi chạy xuống cầu thang, lao ra ngoài, băng qua đường. Cái khay vẫn được phủ bằng chiếc khăn trà như khi tôi đặt nó xuống. Phía dưới chiếc khăn đồ ăn đã biến mất, cốc trà cạn sạch. Tất cả khay cốc sáng bóng như vừa được rửa. Trên khay có một thứ thuộc loại nhỏ nhất trong số những đồ vật thủy tinh lay động tôi đã ngắm nghía lúc trước. Giống như một giọt lệ nho nhỏ, nó thật dịu dàng, nhẵn bóng và nằm gọn lỏn trong lòng bàn tay tôi. Chẳng có gì khác. Không danh thiếp, chẳng có ai để nói cho tôi biết nó dành cho tôi. Tôi đợi, nhưng không ai đến. Đã gần tới một giờ đến mức cảnh báo, và tôi không thể chờ lâu hơn nữa. Tôi không thể mạo hiểm để Rosaleen quay trở về và trông thấy tôi đang trên tường với một cái khay và một viên thủy tinh hình giọt lệ. Tôi cho viên thủy tinh vào túi áo. Rồi chạy băng qua đường nhanh nhất có thể mà không làm rơi vỡ những thứ để trên khay. Vừa kịp đóng cửa trước lại sau lưng, tôi đã nghe thấy tiếng xe của

Rosaleen và Arthur quay trở về. Run bần bật, tôi vội xếp cốc, tách và đĩa đã được rửa sạch vào tủ bát đĩa trong bếp. Tôi trả cái khay về chỗ cũ. Tôi vội lấy quyển nhật ký của mình đang để ngoài phòng khách, chạy lên cầu thang chui vào phòng mẹ và phi thẳng lên giường. Vừa từ buồng tắm ra, mẹ nhìn tôi ngỡ ngàng. Vài giây sau, cửa ra vào bật mở và Rosaleen ngó vào.

“Ôi, tôi xin lỗi,” mẹ nói trong khi mẹ tôi quấn chặt khăn tắm quanh người.

Mẹ lùi ra xa khỏi cửa để chỉ có thể nhìn thấy tôi.

“Tamara, mọi thứ ổn cả chứ?”

“Vâng ạ, cảm ơn mẹ.”

“Cả sáng nay cháu đã làm gì vậy?” Đó chẳng phải là một câu hỏi xuất phát từ sự quan tâm, mà là lo lắng, nhưng lại chẳng phải là lo lắng cho nỗi chán chường của tôi.

“Cháu ở đây với mẹ cả buổi sáng, ngồi đọc sách.”

“Ồ, thế thì tốt quá,” mẹ hơi do dự một chút, luôn sợ phải rời đi, “Mẹ sẽ ở dưới nhà nếu cháu cần.”

Rosaleen đóng cửa lại, và khi tôi nhìn mẹ, tôi nhận ra mẹ đang nhìn tôi và mỉm cười. Sau đó bà cười phá lên, lắc đầu, và tôi gần như muốn hủy cuộc hẹn với bác sĩ Gedad.

Cửa lại mở. Rosaleen nhìn vào khay đựng đồ ăn sáng của mẹ.

“Jennifer, em lại chẳng chịu ăn gì rồi.”

“Ồ,” mẹ nói, ngược mắt nhìn lên trong lúc mặc một chiếc váy ở nhà bằng vải cashmere. “Tamara sẽ ăn hộ em.” Rồi mẹ mỉm cười thật tươi với Rosaleen.

“Không, không,” Rosaleen vừa nói vừa hồi hải bước vào phòng mang cái khay ra. “Chị sẽ mang chúng đi.”

Mẹ vẫn tiếp tục nhìn theo mợ, đôi mắt xanh sáng lên long lanh.

“Tamara, bữa trưa của cháu sắp xong rồi đấy,” Rosaleen nói, có phần bồn chồn rồi lùi ra khỏi phòng.

Tôi bối rối nhìn mẹ, tìm kiếm một lời giải thích, song mẹ đã lại biến mất, chui trở lại vào cái vỏ của bà. Những con rùa rút đầu vào mai có thể vì chúng hoảng sợ hay vì nguy hiểm rình rập và chúng phải bảo vệ bản thân. Dù gì thì một khi những cái mai đó lớn lên, chúng sẽ không bao giờ mất đi được nữa vì chúng đã trở thành một phần cơ thể của lũ rùa.

Trong thời gian ấy, nếu có ai đó cố thuyết phục tôi rằng mẹ sẽ không bao giờ trở lại như tôi trước đây, và nếu ai đó chỉ cần bóng gió nhắc tới chuyện này, tôi lập tức nghĩ tới lũ rùa. Mẹ sẽ giữ nguyên cái vỏ mới mà bà đã nuôi lớn trong mấy tháng vừa qua, và sẽ mang nó quanh người trong suốt phần đời còn lại - và cả tôi cũng thế - nhưng như vậy không có nghĩa là mẹ sẽ biến mất vĩnh viễn vào trong đó. Ngày hôm ấy tôi đã nhìn thấy bằng chứng rằng mẹ đã không biến mất hẳn, tôi thấy rõ điều đó trong đôi mắt bà, tôi nhớ chính xác khoảnh khắc nhìn thấy mẹ trở lại. Lúc ấy là 1 giờ.

Chương 15: Những thứ bạn thấy trong kho nhà bếp

Rosaleen hôm nay nom khác hẳn, đã bỏ ra chút nỗ lực cho buổi lễ cầu kinh và phiên chợ ngày Chủ nhật. Bộ đồ diện ngày Chủ nhật của mẹ là một chiếc váy màu be dài tới đầu gối hơi xẻ ở giữa lưng. Mẹ mặc một chiếc áo màu kem hơi trong suốt với hai bên vai bằng có dây buộc được thắt thành nơ ở trước cổ, lấp ló bên dưới là một chiếc áo ngực ren, cho dù tôi dám ngờ mẹ biết nó có thể bị nhìn xuyên thấu. Điều này quả thực khá khó hiểu. Mẹ mặc một cái áo khoác cũng màu be với một cây trâm gắn lông công cài bên ve áo, dưới chân là đôi giày hở ngón màu da chân có quai đeo gót. Để chỉ cao chừng năm phân, song trông mẹ rất tuyệt. Tôi nói thế, vậy là khuôn mặt mẹ sáng bừng lên, hai má ửng hồng.

“Cảm ơn cháu.”

“Mẹ mua nó ở đâu thế ạ?”

“À,” mẹ có vẻ lúng túng khi nói về bản thân mình. “Ở Dunshauglin. Cách chỗ này nửa giờ chạy xe có một chỗ mẹ rất thích. Mary rất tốt, Chúa ban phước cho linh hồn bà ấy...”

Tôi nín thở chờ đợi tin tức bị kịch về Mary, đó là thứ kiểu gì tôi cũng buộc phải lắng nghe. Tin về một ông chồng đã chết và những câu Chúa ban phước cho bà ta.

Tôi lại cố khơi mào một chủ đề trò chuyện khác.

“Mẹ có anh em trai hay chị em gái nào không ạ?”

“Một cô em gái ở Cork. Helen. Cô ấy là giáo viên. Và mẹ có một anh trai, Brian, sống ở Boston.”

“Họ có bao giờ đến đây chơi không ạ?”

“Thỉnh thoảng, cũng lâu rồi. Thường thì mẹ của mợ sẽ đến thăm họ, như thể bà sẽ có dịp đôi gió, song giờ thì bà không thể đi được nữa rồi. bà bị ĐXC,” rồi mợ nhìn tôi, giải thích. “Đa xơ cứng, cháu có biết là gì không?”

“Một chút thôi ạ. Chứng bệnh gì đó liên quan tới chuyện cơ của chúng ta không hoạt động nữa.”

“Cũng gần đúng. Chứng bệnh này sẽ trở nên tồi tệ hơn theo năm tháng. Mợ không thể đi chơi, mợ không muốn để bà lại một mình, cháu biết đấy, bà cần đến mợ.”

Dường như có rất nhiều người cần đến Rosaleen. Nhưng tôi chợt nhận ra rằng khi có nhiều người đến thế cần tới một người, rất có khả năng người này còn cần họ cần tới mình hơn. Tôi chưa bao giờ muốn cần tới Rosaleen.

Mẹ của mợ chẳng bao giờ tới để chỉ ngón tay buộc tội vào tôi, nhưng lúc hai giờ thì có. Tôi lên ra khỏi nhà mà không bị ai trông thấy, Rosaleen lại đang bận bịu làm bánh tart. Tôi biết được ba nghìn thứ bánh khác nhau mợ đã làm trong suốt cả tuần không chỉ để cho chúng tôi và mẹ của mợ ăn, mà còn mang chúng tới chợ nông thôn vào ngày Chủ nhật để bán cùng các món mứt nhà làm và rau hữu cơ nhà trồng. Mợ cầm cái xắc tay đầy căng tiền giấy và tiền xu lẻ tới bàn, quay lưng lại để lấy thứ gì đó từ trong xắc ra, rồi ấn 20 euro vào lòng bàn tay tôi. Thực lòng mà nói, tôi cảm thấy rất cảm động, tôi từ chối nhận nhưng mợ dứt khoát không đồng ý.

Khi tôi sang tới lầu đài, Weseley đang ngồi trên cầu thang - cầu thang của tôi. Anh ta mặc quần jean xanh, áo phông đen có in hình đầu lâu và đi giày thể thao. Thậm chí cả trong ánh sáng ban ngày, trông anh ta cũng thật dễ mến.

Anh ta ngược mắt lên và tháo tai nghe ra. “Ông ấy có thể đến vào ngày mai, lúc mười giờ.”

Chẳng có lấy câu xin chào hay gì đó đại loại thế, tôi thấy hơi hụt hẫng.

“Ồ. Hay lắm, cảm ơn anh.” Tôi đợi anh ta đứng dậy và vỗ cánh bay đi, giống một con bồ câu bé nhỏ đã trao xong thông điệp, nhưng anh ta vẫn nán lại. “Mà ba anh có thể đến lúc mười giờ mười lăm, đề phòng trường hợp Rosaleen rời nhà muộn hơn, được không?”

“Được chứ, tôi sẽ nói với ông ấy.”

“Okay, hay lắm, cảm ơn anh,” tôi lặp lại.

Anh ta vẫn không rời đi, vậy là tôi bước vào trong, tựa người vào bức tường đối diện.

“Anh có biết bà lão sống trong ngôi nhà một tầng không?”

“Mẹ Rosaleen ấy a? Tôi thấy bà ấy vào tuần đầu tiên chúng tôi chuyển đến đây, nhưng kể từ đó thì không. Bà lão quả thực cũng không ra ngoài nhiều. Bà ấy già lắm rồi. Tôi nghĩ bà ấy bị bệnh Alzheimer hay gì đó.”

“Anh đã bao giờ vào nhà bà ấy chưa?”

“Tôi mang vài thứ đến đó hộ Arthur. Củi, than, vài món đồ đạc, những thứ đại loại như thế. Nhưng Rosaleen luôn hộ tống theo tôi từ lúc vào cho đến lúc ra.” Anh ta mỉm cười, “Mà quả thực ở đó cũng chẳng có gì để đánh cắp, nếu đó là điều bà ấy lo lắng.”

“À, mẹ ấy lo lắng về điều gì đó. Vì thế Arthur chẳng bao giờ đích thân tới ngôi nhà một tầng...” tôi nói to lên thành tiếng suy nghĩ của mình. “Chắc hẳn hai người họ không hợp nhau lắm. Tôi rất muốn biết lý do.”

“Tự điều tra đi, Nancy Drew^[8]. Hay lý do là thế này, tôi là tay thuê của Arthur, vì thế ông ta không sẵn lòng vác chiếc ghế xích đu ọp ẹp sang

cho bà mẹ vợ trong khi ông ta có thể trả cho tôi đồng lương rẻ bèo để tôi làm việc đó cho ông ta.”

[8] Nhân vật chính trong loạt truyện điều tra tội phạm cùng tên do Edward Stratemeyer xuất bản.

“Nhưng ông ấy thậm chí còn chẳng bao giờ đến thăm bà cụ.”

“Cô thực sự đang tìm kiếm thứ gì đó phải không?”

Câu hỏi ấy làm tôi nhớ lại những lời xờ Ignatius đã nói về việc đầu óc tôi luôn làm những chuyện chẳng giống ai khi tìm kiếm. Bà đã biết trước cả tôi là tôi đang tìm kiếm điều gì đó.

“Chỉ là...” tôi nghĩ đến chuyện ấy, “nói một cách thành thật, ở đây tôi cảm thấy buồn tẻ,” tôi bật cười. “Nếu tôi có được cái gọi là cuộc sống, hay vài ba người bạn, hoặc ai đó để tâm sự thì tôi đã chẳng để tâm đến mấy chuyện không đâu. Khi đó chắc tôi sẽ chẳng buồn bận tâm đến Rosaleen và các bí mật của mợ ấy.”

“Bí mật nào hả?” anh ta phá lên cười. “Rosaleen chẳng có bí mật nào cả, chỉ đơn giản là bà ấy không hiểu nổi nghệ thuật giao tiếp. Bà ấy đã quá quen với việc dành thời gian một mình, tôi không nghĩ bà ấy biết cách cung cấp cho người khác thông tin về bản thân mình.”

“Tôi biết thế, và tôi đã nghĩ về chuyện đó, nhưng...”

“Nhưng làm sao?”

Tôi không biết chuyện này xảy ra đến như thế nào hay vì sao, song đột nhiên tôi bắt đầu kể cho anh ta nghe mọi thứ trong vài tuần vừa qua. Tất cả những cuộc trò chuyện kỳ lạ, cuốn album ảnh bị mất, ý nghĩ lạ lùng của Arthur rằng mẹ tôi không muốn gặp cậu, rồi cái cách Rosaleen không chịu để tôi ở trong phòng một mình với bất cứ ai khác khi không có mặt mợ ở đó, việc Rosaleen không nhắc đến tôi trong cuộc nói chuyện của mợ với xờ Ignatius, rồi xờ Ignatius muốn tôi hỏi chuyện Rosaleen, lời nhận xét rằng

mẹ tôi nói dối, chuyện Rosaleen muốn giữ rịt mẹ tôi trong phòng mọi lúc, hay cái cách mợ biến mất đầy kì bí vào trong ngôi nhà một tầng và không muốn tôi sang bên đó, những gì tôi đã thấy trong khu vườn sau nhà, cái khay được để lại trên tường, cuộc tranh luận về chuyện không muốn cắt đồ đạc của chúng tôi trong ga ra.

Anh ta lắng nghe, lắng nghe đầy kiên nhẫn, bày tỏ đủ phản ứng để động viên tôi tiếp tục nói mà không dè chừng.

“Okay...” anh ta nói ngay khi tôi vừa kết thúc. “Tất cả chuyện đó đúng là nghe có vẻ hơi kỳ cục, và tôi hiểu vì sao cô lại thấy ngò vức, song rất có thể tất cả đều có lời giải thích. Chỉ đơn giản vì Rosaleen hơi kỳ cục một chút - tôi không có ý xúc phạm đâu nhé,” anh ta vội nói thêm. “Tôi biết bà ấy là mợ cô.”

“Chẳng có gì là xúc phạm cả.”

“Thực ra tôi chưa ở đây đủ lâu để biết thật rõ về bất cứ ai, song Rosaleen quả tình chẳng nói chuyện với bất cứ ai trong thị trấn. Bất cứ khi nào mẹ tôi gặp bà ấy, bà ấy luôn cúi gằm đầu xuống và tiếp tục bước đi. Tôi không biết chỉ là do bà ấy dè dặt hay là vì cái gì nữa. Còn về chuyện bà ấy ở cạnh cô, bà ấy biết những gì về việc làm mẹ nhỉ? Nhưng nói vậy thôi chứ tôi không hề có ý cho rằng cô sai, Tamara, rất có thể có điều gì đó họ đang giữ kín với cô. Tôi không biết nó có thể là cái quái quỷ gì, nhưng nếu có chuyện gì khác quái lạ xảy ra, hãy cho tôi biết.”

“Có một chuyện cực kỳ quái lạ *đang* xảy ra,” tôi nói.

Tim tôi đánh trống thành thành, tôi không tin nổi mình sắp nói cho anh ta biết về quyền nhật ký. Tôi chỉ rất muốn anh ta tin tôi.

“Kể cho tôi nghe đi.”

“Anh sẽ nghĩ tôi là đồ tâm thần.”

“Không đâu.”

“Chỉ cần làm ơn tin là không phải tôi đang nói dối.”

“Okay. Kể đi,” anh ta nói, bắt đầu trở nên suột ruột.

Tôi kể cho anh ta nghe về quyển nhật ký.

Hoàn toàn có thể hiểu được khi anh ta ngả người ra xa tôi, hai cánh tay khoanh lại, toàn bộ màn ngôn ngữ cơ thể này tương đương với một cái máy tính đang tắt phụt. Ôi Chúa ơi. Anh ta nhìn tôi khác hẳn, kể cả lần biến sắc mặt khi tôi kể với anh ta ba đã chết cũng chẳng là gì, lần này quả là một cấp độ khác hẳn. Anh chàng nghĩ tôi là một con bé điên khùng.

“Weseley,” tôi bắt đầu, nhưng rồi chẳng biết nên nói gì thêm.

“Yoohoo,” một tiếng gọi đột ngột vang lên, vậy là Weseley giật mình bừng tỉnh, đưa mắt nhìn về phía khung cửa. Một cô nàng tóc vàng xinh đẹp bước vào. Cô ta nhìn thẳng vào anh, không hề nhận ra tôi đang tựa vào tường.

“Ashley,” anh ta ngạc nhiên nói, “Em đến sớm.”

“Em biết, xin lỗi, cũng chỉ vì quá phấn khích muốn được gặp anh. Em có mang đến một cái mền,” cô nàng lắc lắc cái giỏ cầm trong tay. Cô ta lao về phía Wesley và thả rơi cái giỏ xuống chân, rồi quàng tay quanh cổ anh ta và hôn, không giống cái hôn của một cô em gái chút nào. Tôi cảm thấy một cơn ghen tị nhói lên đầy ngỗ ngược và lập tức nhún vai coi thường. Như thể cảm nhận được có kẻ đang nhún vai coi thường mình, cô nàng mở bừng mắt ra và thấy tôi đang đứng đó, hai tay khoanh trước ngực, đầy vẻ ngán ngẩm trước màn trình diễn của họ.

“Diễn mùi lắm, nhưng giờ tôi chán quá rồi, tôi có thể đi được chứ?”

Weseley buông cô nàng ra, rồi quay sang tôi mỉm cười.

“Cô là ai?” cô ta nhìn tôi như thể tôi là một con bé nặng mùi kinh khủng. “Cô ta là ai vậy?” cô nàng tóc vàng hỏi anh ta.

“Tôi là người tình bí mật của anh ấy. Chúng tôi thích làm chuyện đó trong các lâu đài cổ mà vẫn mặc nguyên đồ trên người trong khi tôi tựa người vào tường còn anh ấy ngồi trên cầu thang ở phía bên kia phòng. Rất khó nhưng bọn tôi thích thách thức. Tóc xoăn. Hẹn sau nhé anh yêu,” tôi nháy mắt với anh ta trong lúc bước ra cửa.

“Đó là Tamara,” tôi nghe thấy anh ta nói trong lúc tôi rời khỏi tòa lâu đài. “Cô ấy chỉ là một người bạn.”

Cô ấy chỉ là một người bạn. Câu nói có thể giết chết bất cứ cô gái nào ngoài tôi, nó khiến tôi mỉm cười. Không chỉ vì màn tường thuật kỳ quái nhất tôi đưa ra về câu chuyện kỳ quái nhất bạn có thể từng được nghe trong đời chẳng hề khiến anh ta xông vào tôi với một cây đuốc cháy bùng bùng trên tay hòng thiêu sống tôi trên đồng cỏ, mà còn bởi ngay tại đây, đúng tại nơi này, tôi lại có thêm một người bạn.

Và tòa lâu đài là nhân chứng của tôi.

“Tamara,” tôi nghe thấy anh ta gọi đúng lúc ngôi nhà xuất hiện trong tầm nhìn. Tôi quay lại vài bước, đi sát gần vào các thân cây hơn để Rosaleen ưa dò xét không trông thấy chúng tôi nói chuyện với nhau.

Anh ta thở không ra hơi khi bắt kịp tôi.

“Về quyền nhật ký ấy.”

“À phải, tôi xin lỗi đã quên mất nó.”

“Tôi muốn tin cô, nhưng tôi không thể.”

Tôi đồng thời được khen ngợi và sỉ nhục trong cùng một lúc.

“Nhưng nếu cô cho tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mai, và rồi chúng diễn ra thật, khi đó tôi sẽ tin cô. Như thế cũng có lý, phải không nào?”

Tôi gật đầu.

“Nếu cô đúng, khi đó tôi sẽ giúp cô làm bất cứ việc gì cô định làm.”

Tôi mỉm cười.

“Nhưng nếu cô dựng đứng chuyện này lên,” anh ta lắc đầu và lại nhìn tôi đầy kỳ cục. “Khi đó cô biết rồi đây...”

“Tôi biết. Khi đó anh sẽ muốn trở thành bạn trai tôi. Tôi hiểu.”

Anh ta bật cười. “Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Tôi vẫn chưa đọc. Nó chỉ xuất hiện vào buổi chiều, tôi cũng không biết chắc lúc nào.”

Nom anh ta có vẻ ngờ vực. Ý tôi là thậm chí đến bản thân tôi cũng thấy khó mà tin chính mình, dù tôi biết mình không nói dối.

“Tôi sẽ đọc khi về đến nhà, rồi sẽ gọi cho anh sau, được chứ? Mà anh có nhà không? Tôi không muốn làm phiền anh và *Yoohoo*.”

Anh ta phá lên cười. “Okay, vậy hãy gọi cho tôi.” Weseley bắt đầu quay lại. “Nhưng tiện đây xin nói luôn, cô ấy không phải bạn gái tôi.”

“Chắc là không rồi,” tôi trả miếng.

Về đến nhà, tôi xuống ngồi cùng Arthur và Rosaleen dưới phòng khách, giả bộ đọc cuốn sách Fiona đã đưa cho tôi. Sau đó tôi ngáp dài, vươn vai, lấy cớ rời khỏi phòng và leo lên lầu. Tôi lấy quyển nhật ký từ dưới ván sàn lên, mang ghế tới chặn cửa rồi ngồi xuống đọc. Dòng đầu tiên làm tôi thực sự bồn chồn.

Thứ Hai, ngày 5 tháng Bảy

Thật là tai họa! Sáng nay bác sĩ Gedad có mặt đúng như đã định. Rosaleen rời nhà lúc 10 giờ sáng để kịp giờ cho ăn tại sở thú đúng như mình dự đoán. Mình đã cẩn thận theo dõi để đảm bảo chắc chắn sẽ không có gì khiến mẹ vội quay về sớm. Bác sĩ Gedad bấm

chuông cửa lúc 10 giờ 15. Mình cầu mong mẹ không nhìn ra ngoài cửa sổ và trông thấy chiếc xe của ông ta đậu ở đó, song về việc này tôi chẳng thể làm gì được. Mình chỉ cần đưa ông bác sĩ vào trong nhà và ra khỏi nhà nhanh nhất có thể. Mình đợi ông ta ngoài cửa, và ông bác sĩ có vẻ là một người thật niềm nở đáng mến. Lẽ ra mình cũng chẳng nên ngạc nhiên khi Weseley là con trai ông ta. Chúng mình đang ở lối vào khi cửa trước mở thì Rosaleen bước vào. Chân thành mà nói, về mặt mợ khi nhìn thấy ông bác sĩ nom cứ như bà vừa bị cảnh sát bắt quả tang vậy. Bác sĩ Gedad dường như không hề nhận ra. Ông vẫn tỏ vẻ thân thiện và làm quen xã giao với mợ, vì hai người họ chưa từng gặp nhau. Vậy là bác sĩ Gedad tự giới thiệu bản thân, còn Rosaleen chỉ đứng nhìn ông ta chăm chăm như thể một sinh vật lạ từ trên trời rơi xuống đã chui vào ngôi nhà quý báu của mợ. Mợ bắt đầu nói một thôi một hồi chẳng ra đâu vào đâu với vẻ bối rối về món bánh táo, bà ném bánh táo và phát hiện ta đã cho muối vào đó thay vì đường, và đây là lần đầu tiên mợ nhầm lẫn như thế. Dường như mợ thực sự phát bần lên, như thể đó là điều tồi tệ nhất mà bất cứ ai từng làm trên thế giới này. Mợ về nhà để lấy chiếc bánh khác mà mợ đã làm cho bữa tối. Mợ tin chắc mình và Arthur sẽ hiểu nếu chúng mình cho phép mợ mang nó tới cho mẹ mợ. Ý mình là dẫu sao đó cũng chỉ là một cái bánh táo. Mợ đã thực sự chấn động. Mình chẳng rõ liệu nguyên do là vì mợ phạm phải một sai lầm hay vì mình đã thu xếp mời một bác sĩ tới khám cho mẹ sau lưng mợ. Bác sĩ Gedad hỏi thăm mẹ mợ, người mà ông nghe nói là không được khỏe, và trong một tình hình thế giới đổi chiều khó tin nhất trên đời, bác sĩ Gedad cuối cùng lại trò chuyện với Rosaleen trong bếp, trong khi mình không được phép ngồi cùng họ, và khi hai người đã hết chuyện, bác sĩ Gedad nói với mình ông ta tin chắc sự hiện diện của ông tại đây là không hề cần thiết. Ông lấy làm tiếc cho những mất mát của mình, đưa cho mình một tờ rơi nói về một dịch vụ tư vấn nào đó rồi ra về.

Giờ thì mọi sự còn đáng ngán hơn so với trước khi mình bắt đầu chuyện này. Mình không thể chịu được nó thêm nữa. Mình không chịu nổi phải sống ở đây thêm nữa. Lần tiếp theo Marcus tới cùng chiếc xe buýt của anh ta, mình sẽ cướp nó và buộc anh ta phải đưa mình về nhà. Cho dù ngôi nhà ấy có ở đâu đi chăng nữa, thì dứt khoát cũng không phải nơi này.

Ngày mai đừng trông mong mình viết gì thêm.

Hai bàn tay run rẩy, tôi trả quyển nhật ký trở lại dưới tấm ván sàn và biết rằng mình cần sửa chữa chuyện này. Tôi xuống nhà, và ở trong bếp Rosaleen đang làm bánh cho ngày hôm sau.

Tôi ngồi xuống quan sát mẹ, bồn chồn cắn móng tay trong khi cố quyết định xem nên làm gì. Nếu tôi ngăn bà cho muối vào bánh, điều đó cũng có nghĩa là tôi có thể ngăn bà quay lại ngôi nhà bên cổng quá sớm. Nhưng nếu tôi thay đổi mọi thứ, khi đó Weseley sẽ chẳng bao giờ tin tôi. Tôi thực sự cần gì hơn đây, một ông bác sĩ cho mẹ hay một đồng minh ở đây để giúp tôi?

“Tamara, cháu có thể lấy đường trong kho bếp giúp mẹ được không?” Bà xen vào dòng suy nghĩ của tôi.

Tôi lạnh toát người.

Mẹ quay lại, “Tamara?”

“Vâng,” tôi vội đáp. “Cháu lấy ngay đây.”

“Cháu có thể đổ đường đầy đến đây thôi, thế sẽ dễ hơn,” mẹ mỉm cười vui vẻ, thích thú cái lúc mẹ cháu gần gũi kiểu này.

Tôi nhận cái cốc đong từ tay mẹ và cảm thấy như đang ở bên ngoài chính mình trong lúc đi tới kho bếp. Trong căn phòng nhỏ cạnh bếp, tôi nhìn vào những tầng giá chạy từ sàn cao lên tới tận trần, tích trữ đủ mọi thứ mà một người có lẽ sẽ cần đến trong mười năm. Các loại gia vị đựng riêng

rẽ trong những lọ thủy tinh có nắp vặn, được dán nhãn với nét chữ hoàn hảo ghi rõ thành phần bên trong và hạn dùng. Một giá đựng các loại củ; hành tây, khoai tây, khoai lang, cà rốt. Một giá đựng đồ hộp, xúp và nước hầm, đậu, cà chua đóng lon. Phía dưới là các loại lương thực, tất cả đều đựng riêng trong bình thủy tinh; gạo, mì đủ loại hình dạng và màu sắc, đậu hạt, yến mạch, đậu lăng, ngũ cốc, nho khô, mơ khô. Rồi nguyên liệu để nướng bánh; bột mì, đường, muối và gia vị, và vô số bình đựng dầu, dầu ô liu, dầu vừng, giấm nho, dầu hào, rồi hàng giá hàng dãy các loại gia vị. Số lọ đựng mật ong và mứt thậm chí còn nhiều hơn; mứt dâu tây, mâm xôi và cả mận. Quả là vô cùng tận. Cả đường và muối đều đã được đổ ra khỏi túi đựng, cho vào các lọ. Những cái lọ được ghi nhãn, với cùng thứ chữ viết tay hoàn hảo đó, *Đường và Muối*. Bàn tay tôi run lên khi tôi với tới lọ muối. Tôi vẫn nhớ bài học từ tối hôm trước, tôi có thể thay đổi quyền nhật ký, tôi không cần phải tuân theo câu chuyện trong đó, nếu tôi không tìm thấy nó, hẳn cuộc sống sẽ tiếp tục trôi đi mà tôi không hề biết trước điều gì.

Nhưng khi tôi nghĩ tới Weseley, nếu tôi mang đường đến cho Rosaleen, khi đó mẹ sẽ không quay trở lại nhà vào ngày mai, mẹ sẽ không bắt gặp ông bác sĩ trước khi ông ta kịp lên lầu, mẹ sẽ không thể thuyết phục ông ta không gặp mẹ tôi. Nếu tôi thay đổi quyền nhật ký, khi đó tôi đương nhiên hoàn toàn chẳng biết được điều gì sẽ xảy đến. Tôi sẽ không thể nói với Weseley những gì xảy ra ngày mai, và anh ta sẽ không tin tôi về chuyện quyền nhật ký. Tôi sẽ mất một người bạn và trông giống như kẻ quái đản nhất hành tinh.

Nhưng nếu tôi kể cho anh ta biết chuyện gì sẽ xảy đến vào ngày mai, khi đó mẹ không thể gặp được bác sĩ. Tôi liệu còn có thể chờ đợi ở nơi này bao lâu nữa trong khi bà ngồi trên lầu hết ngủ rồi lại thức như thể chẳng có chút gì khác biệt giữa hai trạng thái đó cả?

Tôi đi đến quyết định của mình và với lấy một cái lọ.

Chương 16: Trừu tượng tuyệt đối

Tôi chỉ ngủ được rất ít tối hôm đó, cứ lăn lộn trần trọc hoài, cảm thấy quá nóng và đá tung chăn ra, rồi lại thấy quá lạnh và kéo chăn đắp lên người, thò một chân rồi lại thò một tay ra, vẫn chẳng có cách gì khiến tôi thoải mái, tôi chịu không tài nào tìm ra được một tư thế giúp mình khoan khoái. Tôi đánh bạo xuống dưới nhà lần vào bếp để gọi điện cho Weseley về đoạn nhật ký. Tôi không dùng cầu thang, thay vào đó tôi làm thầy dạy thể dục của mình tự hào bằng cách leo qua lan can rồi nhẹ nhàng hạ xuống sàn đá. Nói tóm lại, tôi đã làm rất tốt để không phát ra tiếng động nào, ấy thế nhưng đúng lúc tôi đưa tay cầm lấy điện thoại trong bếp, Rosaleen xuất hiện bên khung cửa trong một chiếc váy ngủ chắc phải có niên đại từ thế kỷ 19, dài chấm sàn, che kín hai bàn chân, làm cho mợ giống như đang trôi bồng bênh trong đó chẳng khác gì một bóng ma.

“Rosaleen,” tôi nhảy dựng lên.

“Cháu đang làm gì thế?” bà thì thào.

“Cháu đang kiểm cốc nước. Cháu thấy khát.”

“Để mợ lấy cho cháu.”

“Không,” tôi gắt. “Cháu có thể làm được. Cảm ơn mợ. Mợ về giường đi.”

“Mợ sẽ ngồi cùng cháu trong khi cháu...”

“Không, Rosaleen,” tôi lên giọng. “Mợ cần dành cho cháu không gian sống, làm ơn đi. Cháu chỉ muốn một cốc nước thôi, sau đó cháu sẽ trở lại giường.”

“Được rồi, được rồi,” mợ giơ hai tay lên ra bộ chịu thua. “Chúc cháu ngủ ngon.”

Tôi chờ nghe thấy tiếng răng rắc trên các bậc thang. Sau đó, tôi nghe thấy tiếng cửa phòng của mẹ đóng lại, tiếng bước chân mẹ trong phòng ngủ, rồi tiếng lò xo trên giường mẹ cọt kẹt. Tôi hồi hải lao tới bên điện thoại, bấm số Wesley. Anh ta nhắc máy chỉ sau nửa hồi chuông.

“Chào, Nancy Drew.”

“Chào,” tôi thì thào, lạnh cứng người, đột nhiên cảm thấy không chắc chắn chút nào về điều mình đang làm.

“Thế nào, cô đọc quyển nhật ký chưa?”

Tôi tìm kiếm bất cứ dấu hiệu nào cho hay tôi không nên nói cho anh ta biết. Tôi lắng nghe thật kỹ âm điệu của anh ta, có phải anh ta đang giễu tôi không? Hay anh ta đang dặt mũi tôi? Liệu có phải tôi đang nói ra loa ngoài trong một căn phòng đông kín đám bạn quê một cục của anh ta – bạn biết đấy, đó đúng là điều tôi sẽ làm nếu một con gà ngớ ngẩn nào đó vừa chuyển tới sống tại khu vực của tôi lại không mời mà đến xông vào bữa tiệc của tôi và bắt đầu tuôn ra đủ lời nhảm nhí về một quyển nhật ký biết tiên tri.

“Tamara?” anh ta hỏi, và tôi không thể nghe thấy âm điệu nào, không có thứ gì khiến tôi đổi ý.

“Vâng, tôi đây,” tôi thì thào.

“Cô đã đọc quyển nhật ký chưa?”

“Rồi,” tôi cố căng óc ra nghĩ. Tôi có thể nói với anh ta tôi đã đùa, rằng đó chỉ là một trò đùa vui nhộn khác, giống như câu chuyện ba tôi chết. Ôi, hẳn chúng tôi sẽ cười một trận ra trò.

“Và? Thôi nào? Nói tiếp đi, cô đã làm tôi phải đợi đến tận 1 giờ đêm,” anh ta bật cười. “Tôi đã cố đoán ra đủ thứ. Liệu có trận động đất nào sắp xảy ra không? Có số trúng lô tô không? Hay thứ gì đó có thể giúp chúng ta kiếm ra tiền?”

“Không,” tôi mỉm cười, “Chỉ toàn những suy nghĩ và cảm xúc xưa rích thôi.”

“À,” anh ta nói, nhưng tôi có thể nghe được anh ta mỉm cười. “Được rồi, bỏ qua mấy vụ kia đi. Làm ơn nói về lời tiên tri đi nào.”

Tối hôm ấy, tôi bừng tỉnh dậy lúc 4 giờ sáng, sau đó lại tỉnh giấc lúc 4 giờ 46 phút. Rồi lại tỉnh dậy lúc 5 giờ 35, và cuối cùng là 6 giờ 15. Trong những quãng thời gian ngủ được, tôi mơ thấy thủy tinh vỡ tan tành, mơ thấy mình chạy qua khoảng sân treo những đồ thủy tinh, song lại vào một ngày lộng gió, và những đồ thủy tinh đó bị thổi tung lên, rạch vào mặt tôi, vào hai cánh tay tôi, đâm sâu vào da tôi. Nhưng tôi không thể tới được phía cuối khu vườn, tôi liên tục bị lạc lối giữa các hàng dây, còn bóng người đứng sau cửa sổ quan sát tôi, với mái tóc xõa lòa xòa trước mặt, mỗi lần ánh chớp lóe lên, tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt người phụ nữ, bà ta trông giống hệt Rosaleen. Cứ mỗi lần như thế, tôi lại bừng tỉnh, mồ hôi vã ra đầm đìa, tim đập thình thịch trong lồng ngực, và rất sợ phải mở mắt. Rồi tôi lại ngủ tiếp để rồi tiếp tục đi thẳng vào giấc mơ đó. 6 giờ 15 phút, không thể ép mình ngủ lại, tôi tỉnh giấc. Và cho dù toàn bộ kế hoạch này là để giúp mẹ trở lại là chính bà, tôi kiểm tra bà với chút hy vọng mong manh nhất rằng bà vẫn ổn. Tôi không biết tại sao, tất nhiên tôi muốn mẹ khá lên bằng cả trái tim mình, song vẫn luôn có một phần trong tôi, phần ẩn kín trong bóng tối để bảo vệ cái nút bấm tự hủy, phần đó không bao giờ muốn để bóng tối lại đằng sau.

Tôi là người đầu tiên xuống dưới nhà lúc 6 giờ 45, lần đầu tiên kể từ khi tôi chuyển về đây sống. Tôi ngồi trong phòng khách với một tách trà, cố ép mình tập trung vào cuốn sách về cô gái vô hình Fiona đã đưa cho tôi. Tôi đang đọc trung bình một đoạn mỗi ngày, nhưng chắc hẳn tôi đã đắm chìm vào câu chuyện mà không hề nhận ra, vì tôi chẳng hề nhìn hay nghe thấy người đưa thư lại gần ngôi nhà, nhưng tôi lại nghe thấy tiếng tập phong bì rơi xuống tấm thảm chùi chân ngoài cửa. Luôn hào hứng mỗi khi có dịp làm điều gì đó khác biệt trong ngôi nhà nơi mọi thứ diễn ra như trong một

cỗ máy đồng hồ, tôi đi ra ngoài cửa lấy chúng vào. Theo đúng nghĩa đen, mấy cái phong bì đã ở ngay trong tầm tay tôi thì một bàn tay, cũng theo đúng nghĩa đen, thò vào đoạt lấy chúng, chẳng khác gì một con kền kền bỏ nhào xuống vồ lấy con mồi.

“Cháu không cần phải làm thế, Tamara,” Rosaleen tươi cười nói, nhét tập phong bì vào túi trước tạp dề.

“Không có gì đâu, cháu chỉ định mang chúng vào thôi, Rosaleen, cháu không định đọc chúng.”

“Tất nhiên là không rồi,” mợ nói như thể ý nghĩ đó chưa từng thoáng qua trong đầu bà. “Cháu cứ ngồi chơi thư giãn cho thoải mái,” mợ mỉm cười, vỗ vai tôi.

“Cảm ơn mợ,” tôi mỉm cười. “Mợ biết đấy, mợ nên ít nhất một lần để ai khác làm gì đó cho mợ,” tôi đi theo bà vào bếp.

“Mợ thích tự tay làm mà,” bà nói, rồi bắt tay vào chuẩn bị bữa sáng. “Vói lại, Arthur rất giỏi trong nhiều việc, nhưng ông ấy sẽ lược một quả trứng cho tới tận tháng Chín nếu cháu để ông ấy làm việc đó,” bà tặc lưỡi.

“Nhân tiện nói về tháng Chín, chuyện gì sẽ đến ạ?” cuối cùng tôi hỏi, “Dự kiến là mẹ con cháu sẽ ở lại hết mùa hè. Bây giờ đã là tháng Bảy rồi, và vậy đấy, vẫn chưa ai nói gì về tháng Chín cả.”

“Phải, và cũng gần đến sinh nhật cháu rồi,” đôi mắt mợ sáng lên. “Và chúng ta cần trao đổi xem cháu thích làm gì vào dịp đó. Tổ chức một bữa tiệc chẳng? Hay tới chơi với vài người bạn ở Dublin?”

“Thực ra, có lẽ cháu sẽ thích có vài người bạn tới đây gặp cháu,” tôi nói. “Cháu thích họ thấy nơi cháu sống hiện tại, thấy những gì cháu làm hằng ngày.”

Rosaleen có vẻ hơi choáng váng khi nghe thấy điều này. “Đến đây ư? Ồ...”

“Chỉ là một ý nghĩ thôi ạ,” tôi vội vàng thôi lui. “Để tới đây với Laura và Zoey là quá xa, và có thể lại quá rắc rối cho cậu mẹ...”

Tôi đợi mẹ chen vào trấn an, song bà chẳng hề làm thế. “Dù sao thì cháu cũng muốn bàn về tương lai hơn là nói về sinh nhật,” tôi thay đổi chủ đề. “Nếu mẹ con cháu vẫn ở đây vào tháng Chín, mà xem ra có vẻ sẽ là như thế, làm thế nào cháu có thể đi từ đây tới St Mary được ạ? Chẳng có chiếc xe buýt nào, hay ít nhất cũng không có chiếc xe nào chạy ngang qua đây. Cháu không nghĩ là Arthur sẽ lái xe đưa cháu tới trường và đón về mỗi ngày...” Tôi đợi mẹ nói với tôi rằng đó chính xác là điều sẽ diễn ra. Nhưng một lần nữa bà lại không nói gì. Bà bắt đầu sửa soạn sẵn sàng cho bữa sáng, lấy ra đồng nồi chảo thường đóng vai hồi chuông báo thức cho tôi.

“À, đó là việc cháu cần phải trao đổi với mẹ cháu, mẹ đoán là vậy, mẹ không thể cho cháu câu trả lời.”

“Nhưng Rosaleen, làm thế nào cháu có thể trao đổi bất cứ chuyện gì với mẹ cháu được chứ?”

“Ý cháu là sao?” Choang, choang, bình, xoảng. Toàn bộ hệ thống trong bếp đồng loạt vận hành.

“Mẹ biết ý cháu muốn nói gì mà,” tôi bật dậy đứng cạnh mẹ, song mẹ vẫn không nhìn tôi. “Mẹ cháu chẳng nói năng gì. Mẹ cháu hoàn toàn tê liệt rồi, cháu không hiểu vì sao mẹ không chịu thừa nhận chuyện này.”

“Mẹ cháu không bị tê liệt, Tamara,” cuối cùng mẹ cũng ngừng tay nhìn tôi. “Mẹ cháu chỉ... *buồn*. Chúng ta cần dành cho mẹ cháu không gian và thời gian, để mẹ cháu tự mình hình dung ra tất cả. Bây giờ hãy là một cô gái ngoan và lấy trứng trong tủ lạnh ra cho mẹ, rồi sáng nay mẹ sẽ chỉ cho cháu cách làm món ốp lết sao cho thật to và ngon,” mẹ mỉm cười. “Cháu nghĩ sao nếu mẹ cho thêm một ít ớt vào trong món trứng cho cháu?”

“Ớt,” tôi tươi tỉnh nói và khuôn mặt mẹ sáng lên. “Những *quả ớt* đáng yêu ngon lành giải quyết hết tiêu chuyện đau đầu,” tôi vui vẻ nói, rồi

uể oải lê chân tới tủ lạnh lấy trứng, trong khi khuôn mặt mợ lại ỉu xiu. Tôi lấy một trái xanh và một trái đỏ ra khỏi tủ lạnh. “Ồ xem nào, xin chào ông Ớt Xanh. Ông nghĩ sao về giải quyết chuyện đau đầu giùm tôi? Tôi sẽ đi học ở đâu vào tháng Chín đây?” Tôi giơ trái ớt lên áp vào tai mình và lắng nghe. “Ồ không, như thế không ổn đâu.” Tôi lắc lắc trái ớt. “Có lẽ cháu sẽ thử trái đỏ. Xin chào ông Ớt Đỏ. Rosaleen có vẻ như cho rằng ông có thể giải quyết được vấn đề hóc búa trong cuộc sống của tôi. Theo ông thì chuyện gì sẽ diễn ra? Liệu chúng tôi sẽ đưa mẹ tôi vào trại điên hay để bà ấy ở trên lầu mãi mãi?” Tôi lại lắng nghe. “Không. Chẳng có gì cả.” Tôi bỏ hai trái ớt xuống mặt bàn. “Có vẻ như hôm nay mấy trái ớt không giúp gì được cho chúng ta. Có lẽ chúng ta nên thử vài củ hành tây,” tôi nói, làm bộ kích động. “Hay phô mai bào!”

“Tamara,” tôi nghe thấy Arthur nói, giọng điệu cảnh cáo, và tôi dừng lại. Tôi chậm chạp lê bước ra ngoài và hờn dỗi đi vào phòng khách. Cho dù chúng tôi không được phép ăn trong phòng khách, Rosaleen vẫn mang món trứng ốp lết đến cho tôi. Một người biết nghĩ hẳn sẽ xin lỗi, song thay vì thế tôi lại đòi muối.

Đến 10 giờ, tôi quan sát Rosaleen hối hả rời nhà, mang theo cái khay chất đủ đồ ăn cho cả một gia đình, và trong số những nỗi lo trong ngày của tôi có việc mẹ mợ sẽ nhắc tới chuyến ghé thăm của tôi. Việc tôi không viết gì về chuyện này không có nghĩa là nó sẽ không xảy ra. Đến 10 giờ 15 chiếc xe của bác sĩ Gedad dừng bánh bên ngoài ngôi nhà. Tôi hít một hơi thật sâu rồi ra mở cửa.

“Hẳn cháu là Tamara,” ông tươi cười lên tiếng trong lúc bước vào. Ông lập tức khiến tôi mỉm cười. Ông ta cao ráo, gọn gàng, khỏe khoắn. Mái tóc ông đã ngả xám và ôm sát đầu. Hai gò má cao và đôi mắt dịu dàng đem đến cho ông nét mềm mại, song ông ta vẫn hoàn toàn nam tính và điển trai. Tôi mời ông bác sĩ vào nhà và bắt tay ông ta.

“À, chúc cháu một buổi sáng tốt lành, chúng ta đang có một mùa hè thật tuyệt phải không?” thanh âm ông nói phát ra từ tận cuống họng, như thể

có một chiếc bánh mì đang mắc kẹt trong đó, làm tiếng nói của ông hơi nghèn nghẹt, nhưng theo kiểu đầy nhạc tính rất dễ nghe. Thở âm Madagascar của ông trộn lẫn vài từ được phát âm đúng kiểu Ireland thú thật. Đó là một giọng nói thật dễ mến và đặc biệt. Tôi thích cảm giác có ai đó tới đây từ bên ngoài nơi này và sắp làm mới mọi thứ, khuấy động chúng, chỉnh sửa chúng.

“Cháu có cần cất áo khoác cho bác hay làm gì khác không ạ?” tôi hỏi, cho dù ông chẳng hề mặc áo khoác. “Hay ca táp của bác?” Tôi đang rất bối rối, lo lắng, không dám chắc mình nên làm gì. Tôi bồn chồn nhìn ra phía cửa.

“Không cần đâu, cảm ơn cháu, Tamara. Bác sẽ cần mang nó theo,” ông mỉm cười.

“À vâng. Tất nhiên rồi.”

“Bác tin rằng bác tới đây để khám cho mẹ cháu đúng không?”

“Vâng, mẹ cháu ở trên lầu. Cháu sẽ đưa bác lên.”

“Cảm ơn cháu. Tamara, bác rất tiếc được biết chuyện của ba cháu. Weseley đã kể lại tin buồn với bác. Chắc đó là một thời gian rất khó khăn với hai mẹ con cháu.”

“Vâng, cảm ơn bác,” tôi mỉm cười và cố nuốt xuống cục gì đó vương vương luôn trôi lên mỗi khi ai đó nhắc đến ba.

Tôi dẫn ông lên lầu, và gần như bắt đầu tin mình sẽ thực hiện trót lọt được chuyện này, bắt đầu khắp khởi hy vọng sẽ đưa mẹ trở lại như trước song cũng phiền muộn tràn trề vì mất Weseley, thì cánh cửa trước mở ra. Rosaleen bước vào nhà, trên tay bung một cái khay phủ giấy thiếc. Mọi nhìn bác sĩ Gedad như thể ông là thần Chết hiện hình. Khuôn mặt mợt trắng bệch.

“Chúc buổi sáng tốt lành,” bác sĩ Gedad vui vẻ nói.

“Ông ...?” Mợ hết đưa mắt nhìn người đàn ông lạ mặt đang đứng trong nhà mình rồi lại nhìn sang tôi, rồi lại nhìn ông. Đôi mắt mợ nheo lại, “Ông là người bác sĩ mới chuyển đến đây.”

“Đúng thế,” vị khách vừa vui vẻ nói vừa quay lại đi xuống cầu thang.

Không ... Tôi thăm gào lên với ông ta.

“Rất vui được gặp bà, bà...”

“Rosaleen,” mợ vội nói, liếc nhìn tôi rồi lại nhìn ông. “Xin cứ gọi tôi là Rosaleen. À, chào mừng bác sĩ tới nơi này.”

Hai người bắt tay.

“Cảm ơn bà rất nhiều. Và tôi phải cảm ơn bà và chồng bà vì đã cho Weseley nhà tôi làm việc ở đây.”

Rosaleen liếc nhìn tôi, khuôn mặt lộ rõ vẻ không thoải mái. “À, có cậu ấy đúng là chúng tôi cũng đỡ được bao nhiêu,” bà đáp lại lời cảm ơn. “Bác sĩ,” bà nói, trông đầy bối rối. “Có chuyện gì... tại sao... Tamara, cháu ốm à?”

“Không, cháu vẫn khỏe, cảm ơn mợ, Rosaleen. Mời bác đi theo cháu, bác sĩ Gedad,” tôi hồi hã nói trong lúc bước lên cầu thang.

“Cháu đi đâu vậy?”

“Lên phòng mẹ cháu,” tôi nói với giọng lễ độ hết mức có thể.

“Ồ, cháu sẽ không muốn quấy rầy mẹ đâu, Tamara,” mợ nói, mỉm cười với tôi và thoáng nhú mảy với bác sĩ Gedad, chừng như ra hiệu với ông rằng tôi là một con bé tính khí kỳ quặc. “Cháu biết giấc ngủ quan trọng đến thế nào với mẹ cháu mà.” Mợ đưa mắt nhìn ông bác sĩ. “Cô ấy gần đây không ngủ được nhiều, một điều dễ hiểu trong hoàn cảnh cô ấy vừa trải qua.”

“Tất nhiên rồi,” ông bác sĩ nghiêm nghị gật đầu. Rồi ông nhìn tôi, “Vậy đây, có lẽ bác nên để mẹ cháu nghỉ ngơi. Bác có thể quay lại vào lần khác.”

“Không!” tôi phản đối. “Rosaleen, mẹ cháu đã ngủ li bì gần như liên tục mỗi ngày trong suốt tuần vừa qua rồi,” tôi không thể kiểm soát được những tiếng rít vang lên trong giọng nói của mình, nghe như tiếng ken két từ một cây đàn violon vậy.

“Vì những đêm trước đó mẹ cháu đã thức trắng, tất nhiên rồi,” Rosaleen cương quyết nói. “Ông dùng trà chứ, bác sĩ? Chắc ông không thể tin nổi chuyện này, nhưng có vẻ như tôi đã dùng muối khi làm bánh thay vì đường. Mẹ tôi thiếu chút nữa đã té nhào,” bà bật cười. “Cho dù tôi biết bà ấy không nên ăn bánh vào bữa sáng,” mợ nói có vẻ áy náy.

“Mẹ bà đạo này thế nào?” ông bác sĩ hỏi. “Tôi nghe nói cụ không được khỏe.”

“Tôi sẽ kể cho ông trong lúc dùng trà,” mợ vui vẻ nói, và ông bác sĩ bật cười, quay xuống cầu thang lần nữa.

“Rosaleen, thật khó nói không với một phụ nữ như bà.”

Tôi đứng tên cầu thang, miệng há hốc trước những gì đang diễn ra. Tôi đã đọc về chúng, nhưng không tin nổi ông bác sĩ lại dễ dàng tuân theo mợ đến vậy trong khi một bệnh nhân rõ ràng là đang đau ốm nằm trên lầu.

“Bác chỉ đang cho mẹ cháu nghỉ ngơi thêm chút nữa, Tamara,” bác sĩ Gedad nói, “Và sau đó bác sẽ lên khám cho mẹ cháu.”

“Okay,” tôi thì thầm, cố kìm nước mắt, vì tôi biết cho dù Rosaleen có sắp nói gì với bác sĩ Gedad đi chăng nữa, ông ta cũng sẽ không lên cầu thang. Bất chấp việc đã biết trước kết cục, tôi vẫn cố thử xen vào với họ, song Rosaleen đã ngăn tôi lại từ ngoài cửa.

“Nếu cháu không phiền, Tamara, mẹ muốn trao đổi riêng vài câu với bác sĩ về mẹ mẹ. Chỉ để chắc chắn mọi chuyện vẫn ổn. Bà có phần không được khỏe mấy ngày gần đây.”

Tôi nuốt nước bọt, ban đầu cảm thấy có lỗi vì chuyện ghé thăm của tôi đã làm sức khỏe bà lão kém đi, nhưng cảm giác tội lỗi đó biến mất cũng nhanh như khi nó xuất hiện, và cơn tức giận trở lại. Tôi thực sự chẳng bận tâm đến mẹ của mẹ, tôi đang quá giận việc mẹ giật bác sĩ khỏi mẹ tôi.

“Vâng, tất nhiên cháu hiểu, Rosaleen. Cháu cũng chỉ đang cố gắng làm chính xác điều tương tự với mẹ cháu thôi,” tôi đáp lại đầy ác ý. Tôi quay lưng lại với mẹ trước khi bà kịp có cơ hội phản bác lại rồi dùng dùng chạy lên lầu. Tôi nghe thấy tiếng cánh cửa đóng lại, và đi vào phòng mẹ. Bà vẫn đang ngủ, cuộn tròn người như một quả bóng như thế vẫn đang nằm trong bụng mẹ.

“Mẹ,” tôi dịu dàng thì thầm, quỳ gối xuống vuốt tóc bà ra sau.

Mẹ tôi rên lên.

“Mẹ, dậy thôi.”

Đôi mắt bà bừng mở ra.

“Mẹ, con cần mẹ dậy. Con đã mời một bác sĩ đến cho mẹ. Ông ấy đang ở dưới nhà nhưng con cần mẹ xuống gặp ông ấy, hay gọi ông ấy. Làm ơn làm điều đó vì con được không mẹ?”

Bà rên lên và nhắm mắt lại.

“Mẹ, nghe con nói, việc này rất quan trọng. Ông ấy sẽ giúp mẹ khá hơn.”

Mẹ lại mở mắt ra. “Không,” bà cầu nhàu.

“Con hiểu mẹ, con biết mẹ nhớ ba hơn bất cứ thứ gì khác trên trái đất này. Con biết mẹ yêu ba rất nhiều, và có lẽ mẹ nghĩ không có gì trên thế

giới có thể giúp mẹ cảm thấy khá hơn, nhưng mẹ có thể cảm thấy khá hơn và sẽ là như thế.”

Mẹ lại nhắm mắt.

“Mẹ, con xin mẹ đấy,” tôi thì thầm, nước mắt tuôn trào. “Con cần mẹ làm việc này vì con.”

Hơi thở của mẹ chậm lại và sâu hơn khi bà chìm vào giấc ngủ. Tôi quỳ gối xuống bên cạnh bà, khóc nức nở.

Bên dưới phòng ngủ, tôi nghe thấy cuộc trao đổi thì thầm của bác sĩ Gedad và Rosaleen. Rồi cửa bếp mở ra, và tôi gạt nước mắt, lay mẹ lần nữa để đánh thức bà dậy.

“Được rồi, mẹ, bác sĩ đang tới. Tất cả những gì mẹ phải làm là đi ra cửa. Chỉ đến đó thôi, không hơn.”

Mẹ trông có vẻ cảnh giác, nhận ra tôi vừa đánh thức bà dậy.

“Mẹ, làm ơn đi nào.”

Mẹ trông đầy bối rối. Tôi bật rửa, bỏ bà lại đó và chạy vội xuống cầu thang đúng lúc Rosaleen đang mở cửa trước.

“A, Tamara, bác đã trao đổi một chút với Rosaleen, và bác nghĩ tốt nhất lúc này bác nên để mẹ cháu yên tĩnh nghỉ ngơi rồi quay lại sau nếu bà cần bác. Nếu cháu cảm thấy cần liên lạc, thì đây là danh thiếp của bác.”

“Nhưng cháu đã gọi để bác khám cho mẹ cháu hôm nay.”

“Bác biết, nhưng sau khi nói chuyện với mợ cháu, bác nhận ra điều đó không cần thiết. Thực sự không có gì phải lo lắng cả, mẹ cháu đúng là đang trải qua một quãng thời gian khó khăn, song không có nhiều lý do để cháu phải lo ngại cho sức khỏe của bà. Bác tin chắc mẹ chỉ muốn cháu thư giãn để đầu óc tỉnh táo thôi,” ông nói với tôi bằng giọng của một người cha.

“Nhưng thậm chí bác còn chưa gặp mẹ cháu,” tôi giận dữ nói.

“Tamara,” Rosaleen nói với âm sắc cảnh cáo.

Bác sĩ Gedad nom có vẻ bối rối, và băn khoăn về quyết định của mình. Ông có lý do nào để không tin Rosaleen đây, tôi có thể thấy ông đang hỏi mình câu đó. Cả Rosaleen cũng thấy, và mợ hành động thật nhanh.

“Cảm ơn ông vì đã đến tận nơi, thưa bác sĩ,” Rosaleen lịch sự nói, “Làm ơn hãy chuyển lời chào của tôi tới Mary và con trai ông là ...”

“Weseley,” ông nói, “Cảm ơn bà. Và cũng xin cảm ơn vì trà và bánh. Tôi chẳng thấy có chút muối nào trong đó cả.”

“Ồ không, đó là trong cái bánh đại hoàng,” mợ bật cười như một đứa trẻ.

Và ông ra về. Mợ đóng cửa lại rồi quay sang nhìn tôi, song tôi đã đi qua trước mặt mợ tới cửa, mở ra rồi đóng sầm lại thật mạnh sau lưng mình. Tôi chạy ngược lên đầu đường. Bên ngoài, không khí thật ẩm áp, đượm hương thơm ngọt của cỏ mới cắt và mùi phân bò. Tôi có thể nghe thấy tiếng máy cắt cỏ của Arthur ở đằng xa, tiếng động cơ ồn ào xóa mờ thực tế khỏi tai Arthur trong khi cậu chăm chú tập trung vào những công việc chỉnh trang của mình. Ở phía đối diện, tôi trông thấy xơ Ignatius ở đằng xa, về bên tay trái tôi; một thân hình mang màu xanh hải quân và trắng nổi bật lên trên nền xanh lục. Tôi chạy tới chỗ xơ, cơn phẫn nộ ào ào cuộn sôi trong máu tôi như một dòng sông đang sủi bọt. Xơ đang bày giá vẽ và ghé đầu ra giữa bãi cỏ phía trước lâu đài, cách chỗ tôi quãng một phần tư dặm, và đứng ngay trước một hồ nước đầy thiên nga bơi lội, dưới bóng mát của một cây sồi khổng lồ. Buổi sáng lúc này đã khá nóng, bầu trời truyền một màu xanh chàm hoàn hảo, không một gợn mây trong phạm vi hàng dặm. Bà mặc váy màu xanh hải quân và sơ mi trắng, chân đi đôi xăng đan nâu, cổ đeo thánh giá và chiếc nhẫn sáng lấp lánh trên ngón tay. Xơ đang tập trung cao độ, đầu ghé sát tờ giấy vẽ, lưới đưa đi đưa lại quanh môi trong lúc bà đưa cọ.

“Con ghét mợ ấy,” tôi hét lên, phá vỡ sự im lặng và làm cả bầy chim đậu trên một cái cây gần đó bay vút lên trời, nơi chúng cố gắng tập hợp lại rồi chuyển sang đậu chỗ khác. Tôi giậm chân bước qua vạt cỏ khô héo vì nắng với đôi dép xỏ ngón.

Xơ Ignatius không ngược mắt nhìn lên khi tôi lại gần. “Chúc buổi sáng vui vẻ, Tamara,” bà hân hoan nói. “Lại thêm một buổi sáng đáng yêu nữa.”

“Con ghét mợ ấy,” tôi hét lên to hơn, bước lại gần giọng vẫn ngân lên thật cao.

Lần này xơ nhìn tôi, đôi mắt hốt hoảng mở to. Bà vội vã lắc đầu và xua tay như thể đang đứng trên đường ray cố tìm cách ngăn cản một đoàn tàu đang chạy tới lại.

“Phải, đúng thế đấy, con *ghét* mợ ấy,” tôi tiếp tục hét lên.

Xơ đặt một ngón tay lên môi, giậm chân bành bạch như thể bà đang cần đi vào nhà vệ sinh vậy,

“Mợ ấy là dòng giống quý dữ,” tôi hằn học.

“Ôi, Tamara!” cuối cùng xơ bùng nổ, và giơ hai cánh tay lên trời, trông vô cùng phẫn nộ.

“Cái gì chứ? Con chẳng thèm quan tâm *ông ấy* nghĩ gì. Con *muốn* ông ấy nện con lăn kên ra. Hãy đưa con đi khỏi đây, Chúa ơi, con chán lắm rồi và con muốn về *nhà*,” tôi rên rỉ trong tuyệt vọng, rồi buông mình ngã vật xuống cỏ. Tôi nằn ngửa lên nhìn trời. “Đám mây kia trông giống hệt một cái dương vật.”

“Ôi, Tamara, con thôi đi nào,” xơ gất.

“Sao chứ, con làm xơ bực à?” tôi hỏi đầy mỉa mai, chỉ muốn làm tổn thương tất cả những ai tôi tiếp xúc cho dù họ có tử tế và dịu dàng đến đâu.

“Không! Con làm con sóc chạy mất rồi,” bà nói, chưa bao giờ tôi thấy bà thất vọng đến thế. Tôi ngồi dậy, choáng váng, và lắng nghe bài diễn thuyết dài sôi nổi của bà. “Ta đã cố thử tìm cách làm thân với nó suốt cả tuần nay. Ta rải một ít đồ ăn lên một cái khay và cuối cùng cũng dụ được nó - nó không thích hạt, thế nên tất cả các câu chuyện nói rằng sóc thích các loại hạt cần phải được thay đổi, nó cũng chẳng động đến phô mai nhưng lại thích mê bánh quy giòn Toffee Pops, con có tin nổi không - nhưng bây giờ hãy nhìn xem, nó đã đi mất rồi và sẽ không bao giờ quay lại nữa, và xơ Conceptua sẽ ăn tươi nuốt sống ta vì đã xoáy Toffee Pops của bà ấy. Ta nghĩ con và những màn bi kịch của con đã làm nó lên cơn đau tim,” xơ thở dài, bình tâm lại, rồi quay sang tôi. “Con ghét ai cơ? Ta đoán chắc là Rosaleen.”

Tôi nhìn bức vẽ của bà. “Và xơ cho rằng đó là sóc sao? Trông nó giống một con voi với cái đuôi xù to tướng.”

Thoạt đầu xơ Ignatius có vẻ tức giận, sau đó, khi ngắm nghía bức tranh kỹ hơn, xơ bắt đầu phá lên cười. “Ôi, Tamara, con thực sự là liều thuốc hoàn hảo, con biết thế mà.”

“Không,” tôi gắt gỏng, đứng bật dậy. “Có vẻ là không. Nếu không con đã chẳng phải gọi điện mời bác sĩ đến khám cho mẹ. Nếu đúng thế con đã có thể tự mình chữa khỏi cho mẹ con.” Tôi đi đi lại lại trước mặt xơ.

“Con đã gọi bác sĩ Gedad,” bà trở lại nghiêm túc.

“Vâng, và ông ấy tới sáng nay. Con đã lên kế hoạch sao cho ông ấy tới lúc Rosaleen đang ở chỗ mẹ mợ ấy, nhồi nhét thức ăn cho bà cụ, và nhân tiện đây con cũng muốn nói con đã thấy mẹ mợ ấy, và chẳng có cách nào trên đời bà ấy có thể dùng hết tất cả chỗ đồ ăn đó mỗi ngày trừ phi bà lão bị nhiễm giun. Nhưng Rosaleen quay về nhà sớm trước khi bác sĩ Gedad kịp leo lên cầu thang bởi vì – thật hay ho làm sao – mợ ấy đã cho muối vào cái bánh đại hoàng thay cho đường và vâng, xơ đã đứng khi nhìn con như thế, bởi vì chính con đã làm việc đó và con không quan tâm, con sẽ lại làm thế ngày mai và khoảng bốn giờ nữa là con biết trước liệu trên thực tế con có

làm thế hay không.” Tôi thở lấy hơi. “Nói tóm lại, mợ ấy quay về để lấy cái bánh táo đáng lẽ dành cho con và Arthur, mà thực ra con đâu có quan tâm, vì tất cả đồ ăn của mợ ấy làm con xì hơi năm mười lần một ngày, và mợ ấy đã thuyết phục được bác sĩ không khám cho mẹ con nữa. Vậy là bây giờ ông ấy về rồi, còn mẹ con vẫn đang trong phòng ngủ, có khi ngay lúc này đây bà đang mũi dãi lòng thông và bôi hết cả lên tường.”

“Bà ấy mời ông bác sĩ về bằng cách nào vậy?”

“Con không biết, con không biết mợ ấy đã nói những gì với ông ấy. Ông bác sĩ chỉ nói ngay lúc này mẹ con chỉ cần nghỉ ngơi, và nếu con lại cần ông ấy trong trường hợp khẩn cấp hay gì đó, con cứ việc gọi điện.”

“À, chắc bác sĩ phải biết chứ,” xơ nói không mấy chắc chắn.

“Xơ, thậm chí ông ấy còn chưa hề gặp mẹ con. Ông ấy chỉ nghe qua Rosaleen.”

“Vậy tại sao ông ấy lại không nên tin Rosaleen?” bà hỏi.

“À, tại sao ông ấy lại *neen* tin chứ? Con mới là người đã gọi ông ấy, chứ không phải mợ ấy. Thế nếu con từng thấy mẹ tìm cách tự tử nhưng con chưa bao giờ nói cho Rosaleen biết thì sao?”

“Mẹ con đã cố làm thế thật?”

“Không! Nhưng vấn đề mấu chốt không phải ở đó.”

“Hừm.” Xơ Ignatius tiếp tục im lặng trong lúc nhúng cây cọ vẽ vào một thứ màu nâu bầm rồi phết lên giấy.

“Bây giờ trông nó giống một con vật lai vừa ăn phải một cái hạt bị hỏng,” tôi nói.

Bà cười mũi rồi lại bật cười.

“Xơ từng bao giờ, ừm, cầu nguyện chưa? Tất cả những gì con thấy xơ làm là lấy mật ong, làm vườn hay vẽ.”

“Ta thích tạo nên những thứ mới mẻ, Tamara. Ta luôn tin rằng quá trình sáng tạo là một trải nghiệm tâm linh nơi ta cùng sáng tạo với đấng Sáng Thế Thiêng liêng.”

Tôi nhìn quanh, mắt mở to. “Và có phải đấng sáng thế Thiêng liêng đang nghỉ ăn trưa không ạ?”

Xơ Ignatius đắm chìm trong suy nghĩ. “Ta có thể tới gặp bà ấy nếu con muốn,” bà khẽ nói.

“Cảm ơn xơ, nhưng mẹ con cần đến nhiều hơn một bà xơ. Con không hề có ý xúc phạm đâu.”

“Tamara, con có biết thực ra điều ta làm là gì không?”

“À, xơ cầu nguyện.”

“Phải, ta cầu nguyện. Nhưng ta không chỉ cầu nguyện. Ta đã lập thế sống nghèo khổ, trong sạch và tuân phục, như tất cả các nữ tu Thiên chúa giáo khác, nhưng trên hết, ta đã nguyện sẽ giúp đỡ những người nghèo khổ, đau ốm và không được học hành. Ta có thể nói chuyện với mẹ con, Tamara, ta có thể giúp.”

“Ồ. Con đoán mẹ con là hai trong ba thứ đó.”

“Hơn nữa ta không *chỉ là một bà xơ*, như con nói đấy, ta cũng được đào tạo để làm bà đỡ,” xơ nói, trát màu lên tờ giấy.

“Nhưng nói thế thật ngớ ngẩn, mẹ con đâu có bầu.” Rồi tôi hiểu ra điều bà vừa nói, “Đợi đã, xơ là gì cơ? Từ bao giờ ạ?”

“Ồ, ta đâu chỉ là một khuôn mặt xinh xẻo,” xơ tặc lưỡi. “Đó là công việc đầu tiên của ta. Nhưng ta luôn cảm thấy Chúa vẫy gọi ta tới một cuộc sống tâm linh và phụng sự, vậy là ta gia nhập dòng nữ tu và, cùng với họ, ta đi vòng quanh thế giới, mang theo lợi thế lớn lao có thể vừa là một bà xơ vừa là một bà đỡ. Ta đã trải qua phần lớn tuổi ba mươi của mình ở châu Phi.

Ở khắp nơi. Từng chứng kiến những chuyện tàn khốc, song cũng được thấy cả những điều tuyệt diệu. Ta đã có dịp gặp qua những người đặc biệt và phi thường nhất.” Bà mỉm cười với ký ức.

“Có phải ở đó xơ đã gặp người tặng xơ cái này không?” Tôi mỉm cười, gạt đầu về phía cái nhẫn vàng có căn viên ngọc lục bảo tí xíu của bà. “Quá nhiều cho lời thề nghèo khổ của xơ đấy. Nếu xơ bán nó đi, xơ có thể xây được một cái giếng ở đâu đó tại châu Phi, con từng đọc chuyện đó trên quảng cáo rồi.”

“Tamara,” bà nói, choáng váng trước lời lẽ của tôi. “Ta được tặng nó gần ba mươi năm trước nhân dịp hai mươi lăm năm làm nữ tu đấy.”

“Nhưng trông cứ như thể xơ đã kết hôn vậy, sao người ta lại tặng cho xơ cái nhẫn đó?”

“Ta kết hôn cùng Chúa,” xơ mỉm cười.

Tôi nhăn mặt kinh tởm. “Kinh quá. Nếu xơ kết hôn với một người đàn ông thực sự tồn tại, ý con là một người xơ có thể thực sự nhìn thấy, và ông ta chẳng bao giờ chịu bỏ tất cả của mình vào giỏ đồ giặt cả, khi đó xơ chắc đã có một cái nhẫn kim cương cho hai mươi lăm năm phụng sự.”

“À, ta hoàn toàn hạnh phúc với thứ ta có, cảm ơn con rất nhiều,” xơ mỉm cười. “Chẳng lẽ ba mẹ con chưa bao giờ đưa con đi dự lễ nhà thờ sao?”

Tôi lắc đầu và bắt chước ba. “Trong tôn giáo chẳng có tí tiền nào cả. Nhưng ông ấy hoàn toàn sai. Cả nhà con đã tới Rome và nhìn thấy Vatican. Máy người đó đầy nhóc tiền.”

“Nghe giống ông ấy lắm,” xơ tặc lưỡi.

“Xơ đã gặp ba con?”

“À phải,” bà bật cười.

“Khi nào? Ở đâu?”

“Khi ba con ở đây.”

“Nhưng con không hề nhớ ông ấy từng ở đây.”

“À, có đấy. Thưa Quý Cô Biết Tuốt.”

Tôi mỉm cười. “Xơ có ghét ba con không?”

Xơ Ignatius lắc đầu và mỉm cười.

“Thôi nào, xơ được phép nói xơ ghét ông ấy. Phần lớn mọi người đều thế. Cả con đôi khi cũng cảm thấy vậy. Con và ba từng cãi cọ nhau rất nhiều. Con chẳng giống ba chút nào, và con nghĩ vì thế ba con ghét con.”

“Tamara,” xơ nắm hai bàn tay tôi, làm tôi cảm thấy hơi bối rối. Bà thật dễ mến và nhẹ nhàng, cứ như thể một chút xíu hiện thực thôi cũng đủ để thổi bay bà đi, nhưng với tất cả những chuyến đi và những công việc bà làm hằng ngày, có thể xơ đã chứng kiến hiện thực cuộc sống nhiều hơn tôi. “Ba con rất yêu con, với cả trái tim ông ấy. Ba con rất tốt với con, lo cho con một cuộc sống tốt đẹp, và luôn có mặt khi con cần. Con là một cô bé may mắn hiếm có. Đừng nói về ba con như thế. Ông ấy là một con người xuất sắc.”

Tôi lập tức cảm thấy có lỗi, và vì những thói quen cũ luôn sống rất dai, tôi lại xử sự như cách mình vẫn luôn hành xử. “Vậy thì đáng ra xơ phải kết hôn với ông ấy,” tôi gắt gỏng. “Hẳn xơ sẽ được đeo nhẫn vàng trên tất cả các ngón tay.”

Sau một khoảng im lặng dài, có lẽ là thời gian dành cho tôi để xin lỗi, nhưng vì tôi không làm thế, xơ Ignatius lại quay về với bức vẽ dang dở của bà. Bà nhúng cọ vẽ vào màu xanh lục rồi quét các vệt màu lên giấy nơi bà bắt đầu cuộc hành trình với những cử động giật cục lạ lùng ở cổ tay, như một ông nhạc trưởng cầm cọ vẽ, để làm những vệt màu xanh lục trông giống những chiếc lá hay gì đó đại loại như thế.

“Trước mặt xơ chẳng có cái cây nào cả.”

“Và sóc cũng không. Ta đang dùng trí tưởng tượng của mình. Dù sao đi nữa, đó cũng không phải là cái cây, cái ta đang cố tả lại là môi trường nơi chú sóc bé nhỏ tội nghiệp của ta sống. Hãy nghĩ về nó như một thứ nghệ thuật trừu tượng, một bước rời khỏi thực tế khi thể hiện hình ảnh,” xơ dạy bảo. “VẬY ĐÂY, nó có một phần trừu tượng, như một tác phẩm nghệ thuật thực hiện những nét tự do, chẳng hạn như thay đổi màu sắc và hình khối theo những cách thức dễ nhận thấy, luôn được coi là thể.”

“Giống như con voi màu nâu của xơ có một cái đuôi thay vì một cái vòi.”

Xơ tảng lờ tôi. “Ngược lại, trừu tượng tuyệt đối,” bà nói tiếp, “không mang bất cứ dấu vết liên hệ nào tới bất cứ thứ gì có thể nhận ra được.”

Tôi ngắm nghía bức vẽ của bà chăm chú hơn một chút. “Phải rồi, con phải nói bức tranh của xơ ít nhiều giống trừu tượng tuyệt đối hơn. Hệt như cuộc sống của con vậy.”

Bà tặc lưỡi. “Ồ, màn bi kịch của tuổi mười bảy.”

“Mười sáu,” tôi đính chính lại. “Mà này, hôm qua con đã sang chỗ mẹ của Rosaleen đấy.”

“Thế ư? Bà cụ thế nào?”

“À, bà cụ đưa cho con cái này,” tôi lấy viên thủy tinh hình giọt nước mắt từ trong túi ra và lăn tròn nó trong lòng bàn tay. Nó mát lạnh và trơn nhẵn, thật êm dịu. “Bà ấy treo rất nhiều vật thủy tinh ở đó, thật lạ lùng. Ở vườn sau nhà bà ấy có một nhà kho, và phía sau nhà kho có cả một khoảng sân treo đủ các đồ thủy tinh. Có những cái nhọn hoắt trông thật kinh khủng, nhưng phần lớn chúng rất đẹp. Chúng được treo trên dây phơi quần áo, có khoảng mười hàng dây như thế, tất cả đều được buộc vào dây, và phản chiếu ánh sáng. Con nghĩ bà ấy đã treo chúng lên đó. Chắc chắn không phải

bà ấy trông cho chúng mọc lên rồi. Nhưng chỗ đó trông cứ như một trang trại thủy tinh vậy.” Tôi bật cười.

Xơ Ignatius ngừng vẽ, và tôi bỏ mảnh thủy tinh vào lòng bàn tay bà. “Bà ấy đưa cái này cho con à?”

“Không, chính xác thì không phải bà ấy đưa tận tay cho con. Con thấy bà ấy trong nhà kho, bà ấy đang làm gì đó trong nhà kho, đeo kiếng bảo hộ, cúi người làm gì đó với thủy tinh, và con nghĩ con đã làm bà ấy giật mình. Vậy là con để cái khay lại ngoài vườn cho bà ấy. Con đã chuẩn bị cho bà ấy ít đồ ăn.”

“Con thật tốt bụng.”

“Cũng không hẳn đâu, giá mà xơ tận mắt thấy mấy món đồ ăn đó. Và Rosaleen không hề biết con đã ở đó, thế nên con buộc phải quay lại để lấy cái khay, lúc đầu con nghĩ nó sẽ còn đầy nguyên. Nhưng nó lại được để trên tường bên ngoài ngôi nhà, tất cả các đĩa đều sạch bong, toàn bộ đồ ăn được ăn hết, tất cả các món. Và cái này được để trên đĩa,” tôi cầm lại nó từ tay bà và ngắm nghía lần nữa. “Bà ấy thật đáng mến, phải không nào?”

“Tamara,” xơ Ignatius đưa cánh tay ra bám lấy cái giá vẽ mỏng manh vốn không thể mang lại chỗ dựa cho bà.

“Xơ không sao chứ ạ? Trông xơ có vẻ hơi...” Tôi không cần phải nói hết câu vì xơ Ignatius trông rất yếu, tôi lập tức quàng cánh tay quanh người bà và nhớ ra rằng bất chấp tính tình trẻ trung và tiếng cười khúc khích như trẻ con của mình, xơ là một bà lão đã ngoài bảy mươi.

“Ta ồ, ta ồ,” bà nói, cố gắng bật cười, “Đừng có cuống lên như thế. Tamara. Ta cần con nói chậm lại, và nói lại những gì con đã nói. Con tìm thấy viên thủy tinh trên cái khay khi con quay lại lấy cái khay về ư.”

“Vâng, trên tường khu vườn đằng trước,” tôi chậm rãi nói.

“Nhưng không thể nào. Con có tận mắt thấy bà ấy để cái khay lên đó không?”

“Không ạ, con chỉ thấy cái khay từ cửa sổ phòng ngủ của con. Chắc bà ấy mang nó ra để đó trong lúc con đang ở chỗ khác trong nhà. Sao xơ hỏi nhiều thế? Có phải xơ đang phát bực vì con sang bên đó không? Con biết, có thể con không nên làm thế, nhưng Rosaleen luôn làm bộ bí hiểm quá.”

“Tamara,” xơ Ignatius nhắm nghiền mắt, và nom có vẻ còn mệt mỏi hơn khi xơ mở mắt ra. “Mary, mẹ của Rosaleen, bị chứng đa xương cứng, và chứng bệnh này thật không may ngày càng nặng hơn theo thời gian. Bà ấy luôn bị dính vào xe lăn, chính vì thế Rosaleen đã trở thành người chăm sóc toàn thời gian của bà ấy. Thế nên, con thấy đấy, bà ấy không thể tự mình cầm khay lăn xe ra khu vườn đằng trước được,” xơ lắc đầu. “Không thể nào.”

“Có thể lắm chứ,” tôi trả lời. “Nếu bà ấy để cái khay lên đùi, khi đó bà ấy sẽ rảnh cả hai tay để tự mình lăn xe...”

“Không, Tamara, bà ấy không còn dùng được tay nữa. Bà ấy không thể tự di chuyển ra tận ngoài đó. Hơn nữa, ngoài vườn trước còn có các bậc cấp.”

Tôi nhìn về phía ngôi nhà một tầng, và cho dù không thể trông thấy nó từ nơi chúng tôi đang đứng, tôi vẫn thấy được các bậc cấp. “Ồ vâng. Lại thật. Vậy thì còn ai nữa sống trong ngôi nhà đó nhỉ?” tôi hỏi.

Xơ Ignatius im lặng, đôi mắt bà nhìn quanh như thể xơ đang nghĩ ngợi ghê lắm. “Không có ai cả, Tamara,” bà thì thầm. “Không có ai cả.”

“Nhưng con đã thấy ai đó. Xơ nghĩ đi nào,” tôi hoảng hốt hét tướng lên. “Con đã trông thấy ai trong nhà kho vậy? Một người phụ nữ cúi còng người xuống với đôi kiếng bảo hộ và mái tóc dài. Cả những vật thủy tinh treo khắp sân nữa. Bà ta có thể là ai chứ?”

Xơ Ignatius lắc đầu quây quây.

“Rosaleen có một người em gái, mẹ ấy đã kể với con về cô em này. Cô ấy sống ở Cork. Cô ấy là giáo viên. Có thể cô ấy tới thăm, xơ nghĩ thế nào?”

Xơ Ignatius tiếp tục lắc đầu. “Không. Không. Không thể nào.”

Những cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi và cả người tôi bỗng chốc sồn da gà. Thái độ trên khuôn mặt vốn luôn điềm tĩnh của xơ Ignatius cũng chẳng giúp trấn an tôi. Trông bà cứ như vừa thấy một con ma vậy.

Chương 17: Ma ám

Tôi thôi không vặn hỏi xơ Ignatius nữa, khuôn mặt bà đã trở nên xám ngoét, không còn chút sắc hồng nào.

“Xơ ngồi xuống đi nào, ngồi xuống cái ghế này đi xơ. Xơ không sao đâu, chỉ là hôm nay trời nóng quá thôi.” Tôi cố giữ bình tĩnh trong lúc giúp bà ngồi xuống cái ghế đầu bằng gỗ. Tôi dịch cái ghế vào sát thân cây hơn để bà được che mát. “Hãy ngồi nghỉ tạm ở đây một phút, rồi chúng ta sẽ quay trở vào trong nhà.”

Bà không trả lời, chỉ để mặc tôi dìu bà đi, một tay tôi ôm lấy quanh hông xơ, tay kia nắm lấy tay bà. Sau khi bà đã ngồi xuống, tôi vén mấy lọn tóc lòa xòa khỏi mặt bà. Xơ không có vẻ đang sốt.

Tôi nghe ai đó đang gọi tên mình từ đằng xa, và nhìn thấy Weseley chạy lại. Tôi cuống cuống vẫy tay để báo cho anh ta biết tôi có thể nhìn thấy anh ta. Khi chạy tới chỗ tôi, anh chàng hết cả hơi và phải cúi gập người xuống, hai tay chống lên đầu gối để thở lấy hơi.

“Con chào xơ,” cuối cùng anh ta lên tiếng, dành cho người nữ tu một cái vẫy chào thật ngớ ngẩn, cho dù anh chàng đang ở ngay bên cạnh bà. “Tamara,” anh ta quay sang tôi, cảnh giác, “tôi nghe được hết rồi.”

“Nghe gì cơ?” tôi sốt ruột hỏi, trong lúc anh ta thở hắt hển.

“Rosaleen.” Phì phò. “Ồ trong bếp.” Phì phò. “Với ba tôi.” Phì phò. “Cô nói đúng. Về tất cả. Về đường và muối và,” phì phò, “chuyện bà ấy về nhà sớm. Làm thế nào cô biết được?”

“Tôi đã nói với anh rồi,” tôi liếc nhanh mắt sang xơ Ignatius, nhưng bà đang nhìn chăm chăm vào khoảng không xa xăm như thể sắp xỉu bất cứ lúc nào. “Chúng được viết trong nhật ký.”

Anh ta lắc đầu với vẻ không tin, vậy là tôi nổi cáu. “Nghe này, tôi chẳng quan tâm nếu anh ta không tin tôi, hãy chỉ nói cho tôi biết những gì...”

“Tôi tin cô, Tamara, chỉ là tôi không tin chuyện đó. Cô hiểu chứ?”

“Phải, tôi hiểu. Tôi cũng thế.”

“Okay, tôi chuồn khỏi chỗ Arthur lúc mười giờ sáng nay. Tôi và ông ấy chia nhau ra để tôi đến thăm chút cho mấy cây óc chó và trồng ở phía Nam khu đất, chúng tôi đang gặp rắc rối với mấy cây óc chó bị bệnh tàn rụi,” anh ta nhìn sang xơ Ignatius. “Vậy là chúng tôi cố giữ cho nồng độ pH của đất trên 6,0 rồi cắt hết những cành nhiễm bệnh...”

“Weseley, im đi,” tôi cắt ngang.

“Phải rồi, xin lỗi. Tôi không thể ngừng nghĩ tới những gì cô nói, vậy là tôi tới chỗ ngôi nhà bên cổng và nắp bên ngoài cửa sổ phòng bếp mở ra vườn sau. Tôi nghe thấy hết. Rosaleen,” anh ta nói thẳng vào chuyện trước khi tôi có cơ hội giục anh ta tiếp tục. “Đầu tiên bà ấy bắt đầu nói về mẹ mình, nói rằng sức khỏe của bà lão đã suy giảm. Bà lão mắc chứng đa xơ cứng. Bà ấy hỏi ông vài câu hỏi về mẹ mình, xin ông vài lời khuyên, đại loại thế. Tôi nghĩ bà ấy chỉ đang tìm cách kìm chân ba tôi.”

Tôi liên tục gật đầu, những lời kể này hoàn toàn khớp với câu chuyện của xơ Ignatius, và ít nhất tôi biết Rosaleen đã không nói dối tôi về mẹ của mợ.

“Ba tôi thực sự làm tôi phát bực, tôi chỉ muốn gào lên với ông ấy, bảo ông ấy lên lầu. nhưng đúng lúc ba tôi nói ông sẽ lên khám cho mẹ cô, Rosaleen bắt đầu nói về bà ấy. Ba tôi rất muốn lên lầu gặp mẹ cô, nhưng Rosaleen rất kiên quyết. Bà ấy nói...”

Anh ta ngừng lại.

“Thôi nào, Weseley, nói cho tôi biết đi.”

“Hãy hứa cô sẽ bình tĩnh khi tôi nói cho cô biết, cho tới khi chúng ta tìm ra được gì đó.”

“Okay, okay,” tôi thúc giục anh ta.

“Okay,” và lúc này anh ta nói chậm hơn, vừa nói vừa quan sát tôi. “Bà ấy nói chuyện này đã từng xảy ra trước đây. Rằng mẹ cô có xu hướng trầm cảm và thường xuyên rơi vào trạng thái như bây giờ, những lúc như thế mẹ cô thu mình lại và tách khỏi mọi người...”

“Thật vớ vẩn!”

“Tamara, nghe đã. Bà ấy nói ba mẹ cô đã giấu cô chuyện đó suốt đời, vì thế dứt khoát không nên để cô biết điều đó. Bà ấy nói mẹ cô đang dùng thuốc chống trầm cảm, và điều tốt nhất có thể làm là để mẹ cô một mình trong phòng cho đến khi cơn trầm cảm trôi qua. Bà ấy nói đó là những gì người ta luôn làm.”

“Vớ vẩn!” tôi lại cắt ngang. “Đó là nói dối! Một lời nói dối thôi tha! Trước đây mẹ tôi chưa bao giờ thế này, mẹ tôi, mẹ tôi - hừm, mẹ ấy là đồ dối trá thôi tha! Làm sao mẹ ấy dám nói ba không bao giờ nói với tôi. Tôi phải biết chứ. Tôi ở cùng nhà với ba mẹ tôi mỗi ngày, mẹ tôi chưa bao giờ như thế. Chưa bao giờ!”

Tôi đi đi lại lại, tôi gào thét, máu trong người tôi đang sôi lên. Tôi cảm thấy phần nộ đến mức muốn túm lấy bầu trời mà xé toạc ra. Tôi cảm thấy hoàn toàn mất kiểm soát, như thể chẳng còn gì tôi có thể làm để giúp mọi thứ ổn thỏa trở lại. Tôi tự hỏi mình. Liệu có phải làm sao đó tôi đã sợ ý không nhận ra cách cư xử của mẹ? Liệu có phải mẹ đã từng thế này trước đây mà tôi không nhớ? Chẳng lẽ tôi là một đứa con gái tệ hại đến mức dễ dàng bị gạt ra như thế? Tôi nghĩ về những cuối tuần vắng nhà – liệu có phải ba mẹ đã đi tới nơi nào khác? Tôi chợt nghĩ về những nụ cười nhợt nhạt mẹ dành cho ba, về sự thật là bà chẳng bao giờ nhiệt tình đến thái quá như các bà mẹ khác, chẳng bao giờ tỏ lộ ra điều gì. Không, những chuyện đó

chẳng có ý nghĩa gì cả. Chỉ đơn giản là mẹ tôi không phải là người giàu cảm xúc, bà chẳng bao giờ kêu khóc, bà không đa cảm, song điều đó không có nghĩa bà bị *trầm cảm*. Không, không, không, làm sao Rosaleen lại dám nói rằng ba tôi đã nói dối khi ông không thể làm điều gì để bảo vệ bản thân nữa. Tất cả đều sai bét. Tất cả đều sai bét hết.

Weseley cố giữ lấy tôi và giúp tôi bình tĩnh lại, song tôi vẫn gào thét, hay ít nhất đó là những gì tôi nhớ được. Rồi sau đó, tôi nhớ xơ Ignatius cuối cùng cũng tỉnh, đứng lên và bước về phía tôi với đôi tay rộng mở và khuôn mặt dịu dàng, buồn bã đó, nhưng già hơn, già hơn rất nhiều so với chỉ vài phút trước, khuôn mặt giờ đây buồn bã và đầy thương cảm đến mức tôi hầu như không dám nhìn bà.

“Tamara, giờ con cần phải nghe ta nói...” bà đang nói nhưng tôi không muốn nghe. Tôi vùng vẫy và oằn người thoát khỏi họ. Rồi sau đó tôi nhớ mình đã chạy, chạy thật nhanh trong tiếng họ hét gọi tên tôi văng vẳng ở phía sau. Tôi vấp ngã vài lần, cảm thấy Weseley đang ở đằng sau tôi, níu lấy tôi. Tôi gào thét và tiếp tục chạy, mỗi lúc một nhanh hơn, nghĩ rằng anh ta đang bám sát gót mình. Tôi không biết khi nào anh ta ngừng chạy, khi nào anh ta quyết định để tôi đi, nhưng tôi vẫn tiếp tục chạy bất chấp cơn đau nhói trong lồng ngực và cảm giác khó thở. Những giọt nước mắt nóng hổi trào ra từ khoe mắt tôi và trôi ngược ra sau hai bên tai, tốc độ của tôi không cho chúng cơ hội rơi xuống. Tôi chạy ra khỏi vạt rừng, lao thẳng ra giữa đường, rồi tiếng gầm của một động cơ, tiếng lốp xe ken két trên mặt đường và một hồi còi dài vang lên bên tai tôi và tôi đứng đờ ra như hóa đá. Tôi hoàn toàn bất động, chờ đợi bị tông phải, chờ đợi cản trước của chiếc xe thúc mạnh vào mạng sườn, chờ đợi mình bay lên đập thẳng vào kiềng chắn gió, song chuyện đó không xảy ra. Thay vì thế, tôi cảm thấy hơi nóng phả ra từ lưới tản nhiệt cạnh chân mình, thật gần, quá gần, và phần tôi tắm trong bóng đen của tôi cảm thấy như thế vẫn chưa đủ gần. Rồi cửa xe bật mở, và tiếng quát tháo vang lên. Một người đàn ông. Hai tay tôi bịt chặt lấy tai, tôi khóc ròng, không còn hơi sức đâu để thở, và tôi có thể nghe thấy tên

mình bị réo lên liên hồi. Giận dữ, gây gổ, chỉ trích. Như thể đây là lỗi của tôi.

Cuối cùng, những lời nói dịu lại, rồi những cánh tay ôm choàng lấy tôi, lắc nhẹ người tôi, tiếng âm ỉ tắt lịm, và tôi nhận ra mình đang ở trong vòng tay Marcus, chiếc xe thư viện lưu động đang ở cạnh chúng tôi, còn tôi đang úp mặt vào chiếc áo sơ mi của anh khóc nức lên từng chập.

Cuối cùng tôi ngược lên nhìn anh. Nét mặt anh có vẻ quan tâm, e ngại.

“Vậy giờ chúng ta sẽ đi đâu? Paris? Hay Australia?” anh dịu dàng mỉm cười hỏi.

“Không,” tôi nức nở. “Em muốn về nhà. Em chỉ muốn về nhà thôi.”

Tôi ngồi im lặng trên xe trong suốt quãng đường tới Killiney. Marcus cố tìm cách hỏi chuyện, nhưng sau một hồi đành bỏ cuộc. Cuối cùng tôi cũng nín khóc, cơ thể tôi không còn run bần bật nữa mà chỉ còn khẽ run rẩy, tôi cảm thấy thật yếu ớt sau cơn chấn động, cảm thấy mệt mỏi vì tất cả. Cuối cùng tôi đưa cái khăn giấy dính đầy nước mũi lên lau lần cuối và hít một hơi thật sâu rồi thở ra.

“Có vẻ ổn hơn rồi đây,” Marcus nói, đưa mắt nhìn tôi trong khi chúng tôi dừng trước đèn đỏ. “Nào, giờ em sẽ kể cho anh nghe chứ?”

Tôi háng giọng và mỉm cười với anh. “Xin chào Marcus. Em muốn xin cho quên trời đất.”

“Em biết không, đây chính xác là điều anh đang nghĩ đây,” anh mỉm cười tinh quái và lái xe tới đậu bên cửa hàng bán rượu ngay khi đèn chuyển xanh. “Em có sở thích giống anh đây,” anh nói trước khi đóng cửa xe và chạy vào trong cửa hàng.

Đáng ra lúc đó tôi nên kể với anh. Một lần nữa. Tuổi của tôi. Tôi đã có thể gạt bỏ đi được bao nhiêu chuyện đau tim. Vẫn còn một tuần nữa mới

đến sinh nhật lần thứ mười bảy của tôi, và có lẽ với anh như thế vẫn còn quá trẻ, tôi chẳng chắc nổi mình đang nghĩ gì, hay liệu tôi có thể thực sự suy nghĩ được hay không. Tôi cảm thấy dờ dẩn, và muốn mình dờ dẩn hơn nữa. Tôi không muốn cảm nhận, tôi không muốn phải nghĩ ngợi. Cuộc sống của tôi đã tuột ra khỏi tầm kiểm soát tới mức tôi muốn mất nốt cả sự kiểm soát chính bản thân mình. Ít nhất cũng là trong một lúc.

Chúng tôi chỉ còn cách Killiney một giờ đi đường. Một giờ chẳng là gì cả, nhưng với tôi đó là cả một thế giới ngoài tầm tay với. Tôi đã bị lôi tuột ra khỏi ngôi nhà của tôi, nơi thuộc về, tôi cảm thấy như thể cùng với nó, cả danh tính của tôi cũng đã bị tước đoạt. Tôi không nghĩ một số người biết chuyện bị đẩy ra khỏi nhà có nghĩa là gì. Chắc rồi, bạn có thể thấy nhớ nhà, hay bạn có thể chuyển đi và thấy nhớ nhưng một nơi nào đó. Nhưng chúng tôi đã bị ép phải rời đi. Một ngân hàng nào đó, một nơi chẳng liên quan gì tới sự ám áp, tới ký ức hay gia đình, đã truy đuổi ba tôi, giày vò ông tới mức khiến ông tự kết liễu đời mình, rồi sau khi đã làm thế, bọn họ lấy đi ngôi nhà chứa đựng mọi ký ức của chúng tôi, tước mất của chúng tôi cảm nhận về nơi chốn, về cội rễ của gia đình. Và trong khi chúng tôi bị tống ra đường, bị buộc phải sống với những người họ hàng mà mình hầu như chẳng hề quen biết, ngôi nhà ấy chỉ im lìm ngời đó, to lớn và trống rỗng, với một tấm biển Bán Nhà đóng đinh lên tường rào như hai ngón tay được giơ lên với chúng tôi, trong khi chúng tôi buộc phải ngồi bên ngoài quan sát nó như những kẻ xa lạ, không thể quay trở về.

“Em vẫn còn chìa khóa ngôi nhà này chứ?” Marcus hỏi trong khi chúng tôi phóng xe theo những con đường lộng gió chạy qua khu vực.

Tôi gật đầu. Thêm một lời nói dối nữa.

“Này, chậm lại đi, Tamara,” anh nhìn tôi dốc ngược lon bia thứ ba lên. “Chừa lại cho anh một ít,” anh bật cười.

Tôi uống cạn và ợ lên thật to.

“Sexy đấy,” anh phá lên cười, luôn giữ một mắt để ý con đường.

Nếu bạn hỏi tôi lúc này, tôi sẽ thành thực nói rằng đó là khoảnh khắc đầu tiên tôi quyết định một cách có ý thức về điều mình muốn làm. Tất nhiên tôi có thể trách anh vì đã nhét ý tưởng đó vào đầu tôi, nhưng thực sự nó là của tôi. Có lẽ tôi đã biết từ khoảnh khắc tôi lao ra đường và anh choàng hai cánh tay ôm lấy tôi, rằng cuối cùng chúng tôi sẽ trở về ngôi nhà này và tôi sẽ cùng anh lăn lộn dưới sàn trong phòng ngủ của tôi. Có thể tôi đã quyết định như thế từ ngày đầu tiên tôi gặp anh. Có thể tôi đã lên kế hoạch cho mọi thứ. Có thể tôi đã làm chủ ở mức độ tốt hơn tôi nghĩ. Hoặc có thể lon bia thứ ba đã gây thảm họa cho tôi trong trạng thái cảm xúc khi đó. Tôi chỉ chờ các địa điểm cho Marcus trong khi chúng tôi lái xe, kể cho anh nghe những câu chuyện, nói cho anh biết tên những người sống tại đó. Tôi không chờ anh đáp lại, vì việc anh có trả lời hay không cũng chẳng thực sự quan trọng. Tôi nói ra những chuyện đó là vì tôi. Giọng tôi nghe như vọng tới từ nơi nào đó khác. Tôi không còn cảm thấy là chính mình nữa. Tôi cũng chẳng thực sự bận tâm xem mình là ai nữa. Tôi đã từ bỏ việc vờ là nhân vật tôi cố gắng vào vai, như Zoey và Laura. Như tất cả những người khác quanh chúng ta, cứ như thể làm thế chúng ta sẽ xoay xở với cuộc sống của mình tốt hơn vậy. Nhưng cách đó không thành công. Nó đã không thành công với Laura, cũng chẳng khá hơn với Zoey, và chắc chắn chẳng hề hiệu quả với tôi.

Chúng tôi dừng xe bên ngoài ngôi nhà. Tôi bảo Marcus đậu xe vào một con phố nhỏ gần đó, để từ ngoài đường lớn không thể nhìn thấy nó. Lối dân cư xung quanh tới ngắm nghía những quyển sách là điều cuối cùng chúng tôi muốn. Ngôi nhà khuất khỏi tầm nhìn từ ngoài đường. Cánh cổng lớn màu đen, có lắp máy quay, gắn vào bức tường bao cao tới ba mươi mét đủ làm nản lòng bất cứ tay trộm nào. Ba đã dành rất nhiều thời gian và công sức cho cái cổng đó. Lên kế hoạch hết lần này tới lần khác, hỏi tôi và mẹ xem hai mẹ con tôi nghĩ gì, và rất đỗi tự hào dẫn tôi ra lối vào để hỏi ý kiến tôi, còn tôi chẳng bao giờ trả lời. Nói với ông là tôi cóc quan tâm. Tôi lúc nào cũng làm ba bị tổn thương.

Tôi nghĩ mình đã kể cho Marcus nghe chuyện này trong lúc chúng tôi bước bên nhau, nhưng tôi không rõ nữa.

“Em không có điều khiển mở cổng trong bộ chìa khóa,” tôi nghe mình nói. “Em sẽ phải trèo qua rồi mở cửa từ bên trong.”

Tôi có một hệ thống. Tôi đã làm chuyện này nhiều lần rồi. Mẹ và ba luôn tịch thu chìa khóa của tôi vào phần lớn các buổi tối sau giờ học để tôi không thể trốn đi được, song bất chấp chiều cao của nó, tôi đã an toàn trèo qua cổng nhiều lần. Tôi có thể nghe thấy Marcus cảnh báo tôi, bảo tôi nên đi đường nào, song tôi không nghe theo anh. Một cách tự động, tôi cứ thế leo lên cổng rồi hạ xuống đất an toàn ở phía bên kia. Tôi nghe thấy anh hoan hô trong lúc tôi bước dọc theo lối xe chạy dài dẫn tới ngôi nhà của chúng tôi. Anh có lẽ đã nghĩ mình tới đây cùng tôi, song tôi không hề ở gần anh.

Ngôi nhà của chúng tôi; kiếng, gạch, gỗ, lộng lẫy, sáng lòa, hiện đại, thoáng đãng. Nó giống như nhà mẫu trong một quyển catalogue. Gạch để ngụy trang những phần của ngôi nhà nằm trong vách đá mà nó được xây ăn vào trong, gỗ để hài hòa với những khoảng rừng cây bao quanh ngôi nhà, kiếng để đem đến cho chúng tôi tầm nhìn về phía mặt biển trải ra xa vô tận. Ba đã cố tạo nên nơi ở hoàn hảo nhất mà không ai trong chúng tôi có lúc nào đó lại muốn rời đi. Ông đã làm rất ổn. Tôi biết cửa trước bị khóa, vậy là như được lập trình, tôi đi vòng ra sau nhà.

Trái banh tennis ở vườn sau vẫn luôn còn đó, nằm ướt nhẹp và sũng sinh nước sau khi bay từ sân tennis gần đó của chúng tôi ra vườn nhưng tôi quá làm biếng nên chẳng đi nhặt về. Hôm ấy tôi đang chơi cùng ba. Mùa xuân đã tới, hồi ấy chúng tôi mới bắt đầu chơi lại ở sân ngoài trời, nhưng tôi chơi thật kinh khủng. Sau cả một mùa đông chẳng động gì đến vợt, tôi thành ra lúng túng, tôi đánh hụt banh hoài, liên tục đánh banh bay qua rào và gần một phờ vì những lần phải chạy ra vườn tìm banh. Ba đã rất kiên nhẫn, ông không la rầy, không nói gì hết. Thậm chí ba còn đi tìm banh dù lỗi không phải do ông. Thậm chí ông còn cố ý đánh lỗi mấy lần, và chuyện

đó còn làm tôi nổi quạu hơn nữa. Tôi vẫn nhớ ba mặc cái quần soọc ngắn đánh tennis màu trắng, áo phông trắng có cổ, đôi vớ thể thao kéo lên quá cao làm tôi thấy mắt mịt cho dù tôi là người duy nhất có thể nhìn thấy. Ba thân yêu của tôi...

Ở đằng sau vẫn còn những bức tượng trong vườn – một đôi vợ chồng già béo mồm tay cầm dụng cụ làm vườn, người đàn ông để hở khe hông – điều mà ông nội tôi, ba của ba tôi, vẫn hay nói tới trước khi ông mất. Ông gọi người phụ nữ là Mildred và người đàn ông là Tristan, chẳng vì lý do nào cụ thể nhưng những cái tên ấy đã khiến tôi bật cười từ khi còn nhỏ xíu, và Mildred cũng như Tristan đã trở thành một phần của gia đình. Dẫu vậy đó chỉ là khi ông nội gọi bọn họ như thế. Ba đã thử, nhưng không thành công. Mẹ rõ ràng đã không thu xếp cho chuyển hai bức tượng đi, vậy là Mildred và Tristan trở thành những cư dân duy nhất còn lại của ngôi nhà từng có lúc đầy ắp người. Gần chỗ đây phơi có một cái kệ nhựa màu đỏ nằm lẩn trong cỏ, bị đánh rơi từ lần mẹ đồ giặt cuối cùng được mang ra phơi khô.

Tôi leo lên nóc che bể bơi, cái thang gỗ ọp ẹp dãi dầu mưa nắng vẫn còn nằm trên mái. Tôi cất nó trên này cho những cuộc đào thoát giữa đêm khuya của mình. Trong lần tân trang mới nhất cho ngôi nhà, bể bơi được phủ một tấm vải dầu màu xanh da trời, sáu cái giường xếp kê cạnh bể bơi của chúng tôi vẫn nằm chéo góc với cửa sổ cùng những tấm đệm hồng, chờ đợi tôi và cửu bơi buổi sáng của tôi. Một cái phao bơi đã xếp lếp nằm cạnh một trong những cái giường xếp để nằm phơi nắng. Tôi đã mang nó về từ Marbella. Cái phao có màu hồng bạc. Manuela, một cậu con trai tôi từng hôn năm ngoái đã đưa nó cho tôi, và tôi nhất quyết muốn mang nó về nhà. Và giờ nó nằm đây, chẳng còn ai dùng đến. Một cái hôn bị gạt bỏ.

Sau khi lên được trên nóc, tôi dùng thang leo xuống ban công phòng mình. Chẳng bao giờ có ai khóa cửa ban công phòng tôi, nó ở mãi trên cao, vượt xa ngoài tầm với của bất cứ tên trộm nào. Đầu tôi quay cuồng khi cuối cùng tôi cũng leo vào được ban công. Thời tiết lúc này đã dịu hơn vì chúng tôi đã ra gần bờ biển. Không khí biển mát lạnh, gió thổi mang đi cái nóng

tháng Bảy và đem tới mùi tảo và muối biển. Tôi nhìn về phía bãi biển, thu vào tầm mắt cảnh vật, nhớ lại mười sáu mùa hè trôi qua bên ba mẹ, rồi những buổi tối bên bạn bè. Tôi không biết mình đã đứng đó bao lâu quan sát một gia đình tưởng tượng đang viết tên từng thành viên lên cát và một bé gái chôn ba mình trong cát, khi tôi chợt nhớ ra Marcus vẫn đang ở ngoài cổng. Tôi biết chắc ban công phòng mình không bị khóa – và đã không hề nhầm. Ngay sau khi tôi mở cửa, chuông báo động vang lên. Tôi vội chạy ngay vào trong, hy vọng người ta chưa đổi mật mã. Tất nhiên là chưa. Liệu có người chủ cũ đầu óc bình thường nào lại có lúc nào đó muốn đột nhập lại vào ngôi nhà cũ đã bị tịch thu chứ?

Sau thất bại trong lần thử thứ nhất do các ngón tay quá run rẩy, tôi nhớ lại những gì cần làm và chuông báo động cuối cùng cũng tắt. Tôi thở lầy hơi vài lần, đợi cho tới khi tiếng ngân ong ong trong tai mình tắt hẳn. Tôi bấm nút mở cổng, rồi đi xuống dưới nhà mở cửa trước ra. Trong lúc đợi Marcus đi vào, tôi lang thang quanh nhà. Tôi đưa ngón tay lướt trên các bề mặt, một số chỗ đã hơi bám bụi. Tôi nghe thấy Marcus sau lưng mình, giọng nói của anh vang vọng ngoài tiền sảnh. Tôi nghe thấy anh huýt sáo, có vẻ bị ấn tượng.

Tôi đi vào bếp, nhìn thấy những bữa tối gia đình trên bàn ăn, những bữa sáng hối hả ở bàn ăn sáng, những bữa ăn đêm Giáng sinh ở bàn ăn tối ngay gần đó, những bữa tiệc ồn ào, những lễ sinh nhật, lễ mừng Năm Mới. Tôi nhớ lại những cuộc cãi cọ, giữa mẹ và ba, giữa tôi và ba. Tôi nhớ tới những buổi khiêu vũ. Nhảy cùng ba trong một buổi tiệc. Tôi nhớ những mẹo nhỏ trong các buổi tiệc của ba. Một câu chuyện dài tôi chẳng bao giờ thực sự hiểu nhưng vẫn thích nghe ba và quan sát điệu bộ của ông trong lúc kể. Ông sẽ trở nên thật sống động, sẽ rất thích được trở thành nhân vật trung tâm giữa những người ông tin tưởng. Hai gò má ông sẽ đỏ ửng vì rượu, đôi mắt xanh của ông sáng lên nhưng ba sẽ thuật lại thật hoàn hảo và tự tin từng từ một trong câu chuyện trong lúc chỉ nóng lòng muốn tới câu cuối cùng để được thấy mọi người đồng loạt phá lên cười. Tôi có thể nhìn thấy khu vực của mẹ, nơi bà ngự trị cùng các quý bà trong đêm tiệc, tất cả cùng tùm tùm

vào cạnh nhau, những phụ nữ sang trọng với những đôi giày đắt tiền, mắt cá chân thon thả, làn da rám nắng và mái tóc nhuộm highlight.

Quay mặt đi, tôi thấy ba đang lang thang bước đi qua các căn phòng, nháy mắt với tôi, trên tay cầm điều xì gà trong lúc ông đi vào căn phòng duy nhất nơi mẹ cho phép ba hút thuốc. Tôi đi theo ba vào trong. Tôi quan sát ông bước vào và chào bạn bè mình, tất cả họ cùng reo lên phấn khích khi ba khui nắp chai brandy ngon nhất trong khi họ ngồi xuống nói chuyện hay chơi snooker. Tôi ngó quanh các bức tường và nhớ lại những bức ảnh. Những thành tựu của ba, những tấm bằng, các giải thưởng thể thao của ông, và cả những bức hình chụp gia đình. Tôi kia, đôi mắt ươn ướt, trong ngày đầu tiên đến trường, tôi ngồi trên vai ông ở Disney World, mặc một cái áo phông in hình chuột Micky với mái tóc tết đuôi ngựa và nụ cười ngốc nghếch chẳng có cái răng cửa nào. Tôi đi sang phòng bên cạnh. Ba và các bạn ông đứng trên đỉnh một đường trượt tuyết ở Aspen. Một bức ảnh chụp ba chơi golf cùng Pagdraig Harrington tại một sự kiện từ thiện có các nhân vật nổi tiếng.

Tôi đi sang phòng xem ti vi và thấy ông ngồi trong chiếc ghế bành ưa thích của mình xem truyền hình, tôi thấy mẹ ngồi trong một góc khác, chân co lên, hai tay quàng quanh chân như thể che chở, cả ai người cùng đang cười vì một chương trình hài hước nào đó. Rồi ba nhìn về phía tôi và lại nháy mắt. Ông đứng dậy, và tôi đi theo ông. Chúng tôi cùng đi qua tiền sảnh, đi qua trước mặt Marcus đang dõi theo tôi, rồi ông bước qua cánh cửa phòng làm việc đóng kín. Ba biến mất. Tôi không thể vào trong đó.

Cuộc cãi cọ. Cuộc cãi cọ kinh khủng giữa hai chúng tôi. Tôi đã đóng sầm cánh cửa đó lại trước mặt ông và chạy lên lầu. Đáng ra tôi phải nói với ba tôi yêu ông. Đáng ra tôi phải xin lỗi và ôm lấy ông.

“Con không bao giờ muốn thấy mặt ba nữa. Con ghét ba!”

“Tamara, quay lại!” Giọng nói của ba. Giọng nói đáng mến tôi muốn được nghe lại. Ba ơi. Con đây, con đã trở lại, làm ơn hãy ra khỏi phòng làm

việc đi.

Rồi sáng hôm sau, tôi trông thấy ông, ba đẹp trai của tôi. Ba đẹp trai của tôi dưới sàn nhà. Không phải như cách tôi trông đợi ở ông. Tôi trông đợi ba sẽ sống mãi. Ông được trông đợi để mắt đến tôi mãi mãi. Ông được trông đợi sẽ thăm vấn các cậu bạn trai của tôi và dẫn tôi đi giữa hai hàng ghế nhà thờ. Ông được trông đợi sẽ nhẹ nhàng thuyết phục mẹ khi tôi không được làm như ý, sẽ nháy mắt với tôi khi ông bắt gặp ánh mắt tôi. Ông được trông đợi sẽ nhìn tôi đầy tự hào trong cuộc đời còn lại của tôi. Rồi sau đó, khi ông về già, tôi được trông đợi sẽ bảo vệ ông, sẽ có mặt khi ông cần, sẽ báo đáp lại tất cả.

Đó là lỗi của tôi. Tất cả là lỗi của tôi. Tôi đã cố cứu ba nhưng thậm chí còn chẳng biết nên làm thế nào cho đúng. Giá như tôi học được cách làm. Giá như tôi chú ý ở trường học. Giá như tôi cố gắng trở thành một người biết quan tâm và tử tế hơn con bé ích kỷ tôi từng là, khi ấy rất có thể tôi đã trở nên hữu ích. Người ta nói tôi tìm thấy ba quá muộn,à chẳng còn gì tôi có thể làm, nhưng bạn chẳng bao giờ biết được. Tôi là con gái ông, biết đâu điều đó đã có thể giúp được ít nhiều.

Căn phòng đó, căn phòng của ba, mang đậm mùi của ba. Mùi nước thơm sau khi cạo râu, mùi xì gà, mùi rượu vang hay brandy, mùi của sách và gỗ. Căn phòng ba đã kết liễu đời mình, với tấm thảm trải sàn bị ố vì tôi nôn rượu vang đỏ xuống vào tối hôm diễn ra tang lễ của ông. Tôi không thể vào trong đó.

Tôi nghe thấy tiếng lon va vào nhau và tiếng túi ni long sột soạt bèn quay lại. Marcus đang nhìn tôi.

“Nhà đẹp lắm.”

“Cảm ơn.”

“Em không sao chứ?”

Tôi gật đầu.

“Hắn là lạ lắm lắm khi quay lại đây.”

Tôi lại gật đầu.

“Hôm nay em ít nói quá.”

“Em không đưa anh đến đây để nói.”

Và anh nhìn tôi, tôi có thể thấy điều đó trên khuôn mặt anh, anh cũng muốn nó.

Nói với anh ấy đi. Nói đi.

“VẬY thì lại đây, để em chỉ cho anh thấy căn phòng tuyệt nhất trong ngôi nhà này,” tôi mỉm cười. Rồi nắm lấy tay anh và dẫn anh lên lầu.

Quay trở lại phòng ngủ của mình, tôi nằm xuống sàn phòng, lên tấm thảm nhung mềm mại màu kem, nơi từng là chỗ kê cái giường rộng thênh thang của tôi với đầu giường bọc da màu trắng. Đầu tôi quay cuồng vì chất cồn và tất cả những chuyện khác đã xảy ra. Tôi muốn quên đi mọi thứ đã xảy đến ngày hôm đó, xơ Ignatius, Weseley, Rosaleen, bác sĩ Gedad, người phụ nữ bí ẩn trong ngôi nhà của mẹ Rosaleen. Tôi muốn quên đi cả mẹ mình khi tôi cố kéo thân hình yếu ớt đỡ đầu của bà ra khỏi giường. Tôi muốn quên đi Kilsaney và tất cả những ai sống trong đó. Tôi muốn quên đi việc chúng tôi đã rời khỏi ngôi nhà này, cũng như việc ba từng làm việc ông đã làm. Tôi muốn quay trở lại buổi tối tôi lên ra ngoài, rồi sau đó cãi cọ với ông. Tôi muốn mọi thứ thay đổi.

Và rồi mọi thứ thay đổi.

Mọi thứ.

Và nếu có lúc nào đó tôi cố dựng các quân domino đứng lên, tất cả chúng lại bắt đầu đổ xuống.

Chương 18: Yên nghỉ

Cho dù hai năm trước, ngôi nhà của chúng tôi ở Killiney có thể trị giá bốn tiền, đến tám triệu euro, hiện giờ nó đã bị rao bán với giá chỉ bằng nửa chừng đó. Tôi biết ngôi nhà đáng giá bao nhiêu vào hai năm trước vì ba vẫn thường xuyên cho định giá nó. Mỗi lần kết quả định giá mới được thông báo, ông lại lấy một chai vang ngon của mình từ dưới tầng hầm lên, và ba đã bước lên khỏi tầng hầm căn nhà tám triệu euro của ông cùng một chai Chateau Latour đáng giá 450 euro để chia sẻ cùng người vợ có thân hình hoàn hảo như người mẫu và cô con gái vị thành niên hoàn toàn bị mất cân bằng hormone của ông.

Tôi không bực với ba về thành công của ông, tôi không phải loại người đó, và không chỉ vì thành công của ông đương nhiên cũng là thành công của chúng tôi - và thật mỉa mai, cả những thất bại của ông cũng trở thành của chúng tôi luôn - mà còn vì ông làm việc cần cù, từ sáng sớm đến tối mịt, cả vào dịp cuối tuần. Ông đề tâm tới những gì ông làm, đều đặn đóng góp cho các quỹ từ thiện, chuyện ông làm điều đó trong bộ đồ dạ tiệc trước mặt những chiếc máy ảnh đang chụp lia lịa hay với cánh tay giơ cao trong một buổi đấu giá từ thiện hoàn toàn không quan trọng. Ông cho đi, và đó mới là điều đáng nói. Chẳng có gì sai trong việc sở hữu một ngôi nhà đắt giá, chẳng có gì sai hết. Bên trong việc xây nên thứ gì đó, làm việc cật lực để đạt được điều gì đó luôn tồn tại thứ gọi là niềm kiêu hãnh. Song đáng ra với mỗi thành công thứ cần phần lớn chẳng nên là chất đàn ông của ba mà là trái tim ba. Thành công của ba cũng giống như mụ phù thủy trong câu chuyện cổ tích *Hansel và Gretel*; nó nuôi dưỡng ông vì những lý do sai lầm, làm ông phát phì lên sai chỗ. Ba xứng đáng với thành công của ông, ông chỉ cần một bài học ra trò về sự khiêm nhường. Cả tôi đáng lẽ cũng cần một bài học tương tự. Tôi từng nghĩ mình đặc biệt tới mức nào khi ngồi trong chiếc Aston Martin màu bạc ba chở tôi đến trường vài buổi sáng. Giờ thì tôi đặc

biệt đến đâu, khi ai đó đã mua cái xe đó từ một bãi tập kết xe bị tịch thu với cái giá chỉ bằng một phần giá ban đầu. đặc biệt đến mức nào đây.

Lý do tôi nhắc tới giá ngôi nhà là vì dù giá bán đã bị giảm xuống một nửa, và nếu đánh giá từ lượng bụi tích tụ lại trong nhà, chắc hẳn mức giá sẽ bị hạ xuống thêm nhiều nữa, ngôi nhà vẫn đòi một mức giá cao, vẫn là ưu tiên của các đại lý bất động sản. Tôi không hề biết khi tôi mở cửa ban công phòng mình và khởi động hệ thống báo động, nó đã gửi một cuộc điện thoại tự động tới đại lý bất động sản, những người này đang ngồi trong văn phòng im ắng đến mức đáng lo ngại của mình lập tức nhảy lên xe và lao vội tới nơi để kiểm tra. Trong khi tôi còn đang ở tít trên lầu, lại quay mặt về hướng khác, tất nhiên tôi không thể nghe thấy tiếng những cánh cổng được điều khiển bằng điện mở ra cách đó nửa dặm ở tận cuối lối xe. Trong khi tôi đang đắm chìm vào những chuyện riêng của mình, tôi cũng chẳng nghe thấy người phụ nữ mở cửa trước và bước vào tiền sảnh.

Nhưng bà ta đã nghe thấy chúng tôi.

Vậy nên người tiếp theo tới thăm chúng tôi là cảnh sát. Tiếng bước chân nặng nề vang lên trên ba nhịp cầu thang ít nhất cũng cho phép chúng tôi ngưng chuyện chúng tôi đang làm dưới sàn phòng ngủ, nhưng chưa cho chúng tôi đủ thời gian để mặc đồ, vậy là trong lúc nấp sau lưng Marcus, với quần áo nằm rải rác xung quanh, tôi gặp cảnh sát viên Garda Fitzgibbon, một cảnh sát quá cân từ Connemara tới, với khuôn mặt còn đỏ hơn cả mặt tôi, người tôi vẫn thường xuyên có dịp làm quen cùng đám bạn bè mình trên bãi biển. Song đây không phải lúc cho những cuộc hội ngộ.

“Tôi cho cô một phút để cô mặc đồ vào, cô Goodwin,” anh ta nói, lập tức ngoảnh mặt nhìn đi hướng khác.

Với anh chàng Marcus hai mươi hai tuổi, người được mời tới ngôi nhà cũ chưa bán của một cô bé mười tám tuổi, anh thấy toàn bộ chuyện này có chút rầy rà, nhưng phần nhiều là thú vị. Anh chẳng hề biết cô bé mình vừa ngủ cũng còn một tuần nữa mới đến sinh nhật mười bảy tuổi, và vì thế

không chỉ mấy lon bia là cực kỳ phạm pháp mà cả một nửa những gì hai người họ vừa làm trên tấm thảm nữa. Anh không rời mắt khỏi tôi và cười khi trong lúc chúng tôi hối hả mặc quần áo vào. Tôi phát hoảng, tim tôi đập thình thịch to đến mức hầu như tôi chẳng nghĩ ngợi nổi nữa, cảm thấy buồn nôn tới mức tôi sợ mình sẽ ói ra ngay ở đó, trước mặt tất cả bọn họ.

“Tamara, bình tĩnh nào,” anh vênh vang nói. “Họ chẳng thể làm gì hết. Đây là nhà em cơ mà.”

Đến lúc ấy tôi nhìn sang anh, và cảm thấy căm ghét mình hơn cả mức rồi đây anh có thể.

“Đây không phải là nhà em, Marcus,” tôi thì thầm, giọng tôi từ chối làm việc.

“À, thì là của ba mẹ em, sao cũng được...” anh mỉm cười và kéo một ống quần jean lên.

“Ngân hàng đã tịch thu nó,” tôi nói, ngồi xuống đó, mặc đồ vào, cảm thấy hoàn toàn mất phương hướng. “Nó không còn là của gia đình em nữa.”

“Cái gì?” Một quân domino không lồ đổ ập xuống, tôi cảm thấy sàn nhà rung chuyển khi nó đập mạnh xuống sàn, như một tòa nhà chọc trời khổng lồ sụp đổ tan tành.

“Em xin lỗi,” tôi nói, rồi òa khóc. Rồi những lời đã từ lâu tôi muốn nói với anh cuối cùng cũng được nói ra, nhưng theo một cách sai bét và hoàn toàn không đúng thời điểm. “Em mười sáu tuổi,” tôi hoảng sợ nói.

Thật may cảnh sát viên Fitzgibbon, vốn vẫn đứng ngoài cửa, đã lập tức trở nên cảnh giác sau những tiếng lên giọng đầu tiên và nghe thấy phần còn lại của cuộc trao đổi. Ít nhất anh ta sẽ tin Marcus không biết gì, nhưng Marcus sẽ phải chứng minh chuyện này trước tòa. Fitzgibbon đã phải bước vào khi Marcus nổi giận đùng đùng lao về phía tôi, không phải để đánh tôi, không hề, nhưng để quát tháo tôi dữ dội đến mức tôi muốn anh trút vào tôi thêm nhiều lời chửi rủa nữa, gọi tôi là đủ thứ trên đời, nhưng anh chỉ hét lên

và tôi biết tôi đã hủy hoại mọi thứ của anh. Dù anh đã thỏa thuận bất kỳ điều gì với ba mình về cái thư viện lưu động đó, nó chắc hẳn là cơ hội cuối cùng của anh. Chúng tôi chưa bao giờ nói về điều đó nhưng tôi nhận ra ngay ai đó đang ở vào thời khắc cơ hội cuối cùng. Tôi đã quen với việc nhìn thấy nó mỗi ngày trong gương.

Chúng tôi bị giải về đồn. Trải qua thủ tục ê chề của việc khai lại đầy đủ toàn bộ sự việc. Tôi đã hy vọng rằng vào lần đầu tiên khi cuối cùng tôi cũng làm tình, tôi có thể viết lại mọi chi tiết vừa hấp dẫn vừa bối rối vào một quyển nhật ký, chứ không phải tại một đồn cảnh sát. Tamara Goodwin. Tamara Rách Việc, lại làm tan tành mọi thứ, như thường lệ.

Rosaleen và Arthur đã phải lái xe lên Dublin đón tôi từ đồn cảnh sát về. Ngay khi ba Marcus biết chuyện, ông cho một chiếc xe tới đón anh. Tôi cố xin lỗi hết lần này tới lần khác, tuyệt vọng cố níu lấy anh trong làn nước mắt để anh dừng lại lắng nghe, nhưng anh không chịu nghe tôi, thậm chí chẳng buồn nhìn tôi. Arthur ngồi lại ngoài xe trong lúc Rosaleen vào gặp cảnh sát, sự việc ê chề thứ nhì xảy ra với tôi ngày hôm đó. Rosaleen dường như lo lắng hơn về Marcus, về những gì có thể xảy đến với anh. Họ nói với mẹ rằng hình phạt tối đa cho việc quan hệ tình dục với “trẻ em” dưới mười bảy tuổi là hai năm. Nghe đến đó, tôi òa khóc. Rosaleen có vẻ khổ sở chẳng kém gì tôi, tôi không rõ liệu có phải vì tôi đã bôi xấu tên tuổi của mẹ, thậm chí còn hơn cả việc ba tôi tự sát không hay vì mẹ thực sự quý mến Marcus. Mẹ hỏi hết câu này tới câu khác về Marcus cho tới khi cảnh sát viên Fitzgibbon dường như đã giúp mẹ bình tĩnh lại với tin có vẻ anh thực sự không biết tuổi của tôi, và nếu Marcus có thể chứng minh chuyện này trước tòa, anh sẽ không sao hết. Dường như thế là đủ với Rosaleen, nhưng với tôi thì không. Liệu việc đó sẽ làm anh mất bao nhiêu thời gian? Cần đến bao nhiêu phiên hầu tòa? Bao nhiêu ê chề? Tôi đã hủy hoại cuộc sống của anh, đã phá tanh bành mọi thứ.

Rosaleen thậm chí chẳng buồn tìm cách nói chuyện với tôi, mẹ hầu như chẳng thèm nhìn tôi. Mẹ cộc lốc nói với tôi là Arthur đang chờ, rồi mẹ

rời khỏi đồn cảnh sát. Tôi cũng đứng dậy theo sau. Không khí trong xe căng thẳng kinh khủng khi tôi ngồi vào trong, như thể hai cậu mợ vừa cãi nhau. Tôi đoán những gì vừa xảy đến với tôi cũng đã là quá đủ để gây căng thẳng cho họ. Tôi sợ chết khiếp, thực sự chết khiếp. Tôi không dám nhìn Arthur. Cậu chẳng nói gì trong khi tôi vào xe cũng như sau đó, khi chúng tôi nổ máy lên đường quay lại Kilsaney. Tôi thực sự thấy nhẹ nhõm khi được đi xa đến thế, được cắt đứt khỏi những gì đã xảy ra. Cuối cùng nó đã cắt đứt sợi dây liên hệ gắn bó tôi với nơi này. Cũng có thể đó là ý định của tôi.

Tôi khóc ròng trên suốt con đường về nhà, quá bối rối, quá thất vọng, quá phần nộ. Toàn bộ chuyện này chĩa hết vào tôi. Đầu tôi ong lên như búa bổ khi giọng đàn ông từ máy thu thanh chui vào hai cái tai tôi, bò dần mỗi lúc một gần hơn lên não tôi, và khi chỗ còn tôi đã uống vào người bắt đầu để lại dấu ấn. Sau chừng ba mươi phút, Arthur dừng xe bên ngoài một cửa hàng.

“Anh làm gì vậy?” Rosaleen hỏi.

“Em có thể vào đó mua mấy chai nước và ít thuốc đau đầu không?” ông nhẹ giọng hỏi.

“Cái gì? Em ư?”

Một khoảng im lặng thật dài.

“Anh không sao chứ?” Rosaleen hỏi cậu.

“Rose,” ông chỉ nói thế.

Tôi chưa bao giờ nghe cậu gọi Rosaleen như thế. Nó khiến tôi cảm thấy thật quen thuộc, tôi đã từng chứng kiến cảnh này, từng nghe thấy nó ở đâu đó, nhưng không thể nghĩ ra được. Rosaleen nhìn lại tôi, rồi nhìn sang Arthur. Nỗi sợ kinh khủng nhất của mợ là phải để hai cậu cháu tôi ở lại riêng với nhau. Tôi chợt nghĩ thật nhanh. Cuối cùng, bà chui ra khỏi xe, và chạy vội vào trong cửa hàng.

“Cháu ổn chứ?” Arthur hỏi, nhìn tôi qua gương chiếu hậu.

“Vâng ạ, cảm ơn cậu.” Nước mắt tôi lại trào ra. “Cháu rất xin lỗi, Arthur. Cháu rất xấu hổ.”

“Đừng xấu hổ, cô bé,” ông nói, giọng thật nhẹ nhàng. “Tất cả chúng ta đều làm những chuyện nhẹ dạ khi còn trẻ. Cái đó rồi sẽ qua thôi,” ông hơi mỉm cười với tôi. “Miễn là cháu ổn, hiểu không?” Rồi cậu nhìn tôi, một cái nhìn đượm vẻ lo lắng, nỗi lo của một người cha về điều tôi đã làm.

“Vâng, cháu vẫn ổn, cảm ơn cậu.” Tôi lại lấy khăn giấy ra, thực sự bối rối. “Không phải là... anh ấy không ... cháu biết mình đã làm gì.” Tôi lúng túng hắng giọng. Tôi có thể thấy Rosaleen đang đứng ở cuối hàng người dài, lo lắng nhìn ra phía chúng tôi ở trong xe.

“Arthur, chứng trầm cảm của mẹ cháu, nó có di truyền trong gia đình không ạ?”

“Chứng trầm cảm nào?” cậu ngoài lại hỏi.

“Cậu biết mà, chứng trầm cảm mà sáng nay Rosaleen nói với bác sĩ Gedad là mẹ cháu đang mắc phải ấy.”

“Tamara,” ông nhìn tôi và biết tôi đang muốn nói gì. Ông đưa mắt kiểm tra Rosaleen trong cửa hàng. Vẫn còn ba người đang trước. “Hãy nói thẳng với cậu xem nào.”

“Cháu đã hẹn bác sĩ Gedad tới khám cho mẹ sáng nay. Mẹ cháu cần được giúp đỡ, Arthur, có gì đó *không ổn*.”

Cậu có vẻ rất lo ngại khi nghe chuyện này. “Nhưng ít nhất mẹ cháu vẫn đi dạo hằng ngày, mẹ cháu có thể hít thở chút không khí trong lành.”

“Cái gì?” tôi lắc đầu. “Arthur, mẹ cháu chưa hề ra khỏi nhà từ khi mẹ con cháu đến đây.”

Quai hàm cậu nghiền chặt và cậu liếc nhanh – thắng tốt, chết toi – về phía Rosaleen trong cửa hàng. “Bác sĩ Gedad đã nói sao khi ông ấy thăm bệnh cho mẹ cháu?”

“Ông ấy thậm chí còn chưa kịp lên lầu. Rosaleen nói với ông ấy mẹ cháu bị trầm cảm từ nhiều năm nay, rằng ba cháu biết chuyện nhưng quyết định không bao giờ nói cho cháu biết và,” tôi bắt đầu òa khóc, không thể nói hết câu. “Tất cả đều là dối trá. Ba cháu thậm chí chẳng còn ở đó để biện hộ cho bản thân, hay có thể nói cho cháu... tất cả đều là dối trá. Cho dù cháu biết cháu không phải là người được nói,” tôi khịt mũi.

“Nghe này, Tamara, nín đi. Rosaleen chỉ đang cố gắng chăm sóc mẹ cháu tốt nhất có thể thôi,” cậu khẽ nói, gần như thì thầm, như đề phòng Rosaleen có thể nghe thấy ông từ trong cửa hàng. Chỉ còn lại một người đang trước.

“Cháu biết, Arthur, nhưng nếu đó không phải là cách đúng thì sao? Đây là tất cả những gì cháu muốn nói. Cháu không biết chuyện gì đã xảy ra giữa hai người họ nhiều năm về trước, nhưng nếu có điều gì đó, bất cứ điều gì mẹ cháu đã làm với Rosaleen khiến mẹ ấy tổn thương hay phật ý, cậu có nghĩ liệu chuyện này có thể là...”

“Có thể là gì cơ?”

“Có thể là một cách , để trả đũa chẳng hạn? Nếu mẹ cháu đã làm chuyện gì đó với mẹ ấy, nói dối theo cách nào đó...”

Cửa xe mở, cả hai chúng tôi cùng giật bản mình.

“Kỳ thật, hai người nghĩ tôi là ma hay sao thế,” Rosaleen nói, có vẻ bất bình và lo lắng khi ngồi vào xe. “Đây,” mẹ ném một cái túi vào lòng Arthur.

Cậu nhìn sang Rosaleen, một cái nhìn thật lâu, chăm chú, lạnh lùng khiến tôi ớn xương sống, khiến tôi muốn ngoảnh mặt nhìn đi chỗ khác. Ông đưa cái túi cho tôi. Rosaleen có vẻ ngạc nhiên.

“Cầm lấy, cái này có thể giúp ích cho cháu đây,” cậu nói, rồi nỗ máy.

Không ai trong chúng tôi nói gì trong một giờ sau đó. Khi chúng tôi quay về đến ngôi nhà bên cổng, trời đã đầy ắp mây, làm tối sầm cả ngày nắng đẹp. Trời se lạnh, và những đám mây hứa hẹn sẽ đổ mưa. Con gió hây hây thổi tới thật dễ chịu cho cái đầu đang ngột ngạt của tôi, tôi hít vài hơi thật sâu trước khi đi vào trong nhà. Rồi tôi leo lên lầu.

“Chắc cháu biết cháu sẽ không được đi đâu trong một thời gian tới,” Rosaleen nói.

Tôi gật đầu.

“Sẽ có vài việc để cháu làm quanh đây,” mẹ nói thêm.

“Tất nhiên rồi ạ,” tôi khẽ nói.

Arthur đứng bên cạnh, lắng nghe.

“Hãy ở trong khuôn viên khu đất khi cháu ra khỏi nhà,” ông nói thêm, và dường như ông đã phải cố gắng rất nhiều để nói ra từng đó.

Rosaleen đưa mắt nhìn cậu, ngạc nhiên và sau đó là phật ý vì cậu đã chen vào. Cậu chẳng hề nhìn Rosaleen. Rõ ràng kế hoạch của mẹ là giữ chặt tôi trong nhà để tôi không gây ra thêm rắc rối nào nữa. Arthur thì không khắt khe đến thế.

“Cảm ơn cậu,” tôi nói, rồi lên lầu với mẹ.

Mẹ đang nằm ngủ trên giường. Tôi rón rén tới bên cạnh bà và đưa tay ôm quanh người bà, áp thật chặt mẹ vào mình. Tôi hít vào mùi hương từ mái tóc mới gội của bà.

Dưới nhà, một cơn bão vừa nổi lên khi tôi nghe thấy giọng Rosaleen và Arthur ngoài phòng khách. Thoạt đầu hai người họ chỉ nói chuyện, rồi mỗi lúc một to tiếng hơn. Rosaleen cố buộc chồng bà im lặng vài lần, nhưng Arthur lớn tiếng nạt mẹ, và mẹ đành bỏ cuộc. Tôi không thể nghe

được hai người nói những gì, và cũng chẳng buồn cố thử. Tôi đã từ bỏ việc nhúng mũi mình vào những chỗ không thuộc về nó, tất cả những gì tôi muốn là mẹ khỏe lại, và nếu việc Arthur lên giọng có thể giúp tôi đạt được điều đó, vậy thì tốt thôi. Tôi nhắm chặt hai mắt lại, ước gì ngày hôm nay chưa bao giờ diễn ra. Tại sao quyền nhật ký lại không cảnh báo tôi chứ?

Cuộc tranh luận giữa Rosaleen và Arthur trở nên tồi tệ hơn. Không thể lắng nghe thêm nữa, tôi quyết định rời đi để dành cho họ và cả tôi khoảng không gian chúng tôi cần. Tôi cũng ghét việc mình đã mang chuyện không hay này tới cho họ. Trước khi mẹ con tôi đến đây, cậu mợ ấy đã thật hạnh phúc với cuộc sống của mình, với những công việc lật vật hằng ngày, chỉ hai người họ bên nhau, sự xuất hiện của tôi đã gây ra một vết rách toạc trong mối quan hệ của họ, và vết rách ấy cứ chậm chậm toạc ra mỗi ngày một lớn hơn. Ngay khi có một khoảng ngừng trong cuộc cãi cọ của hai người, tôi gõ cửa, và Arthur bảo tôi vào.

“Cháu xin lỗi đã quấy rầy cậu mợ,” tôi khẽ nói. “Cháu chỉ muốn ra ngoài một chút cho thoáng đầu. Quanh quẩn trong khuôn viên thôi. Có được không ạ?”

Arthur gật đầu. Rosaleen quay lưng về phía tôi, và tôi có thể thấy hai bàn tay mợ nắm chặt lại hai bên người. Tôi vội vã đóng cửa lại rồi ra khỏi nhà. Trời sẽ còn sáng thêm khoảng một giờ nữa, nghĩa là cho tôi đủ thời gian để đi dạo một lát cùng cơ hội giúp đầu óc tỉnh táo lại. Tôi muốn đi tới lâu đài, nhưng tôi có thể nghe thấy Weseley và đám bạn bè của anh ta đang tụ tập. Tôi chẳng có tâm trạng để gặp gỡ bọn họ, tôi chỉ muốn ở một mình. Vậy là tôi rẽ ngược hướng và đi về phía xơ Ignatius, dù biết mình không định đến gặp bà. Vào giờ này tôi không muốn băng qua rừng, tôi tiếp tục đi xuôi con đường và cúi gầm đầu xuống trong lúc bước qua bên vòm cổng tối sẫm mang kiến trúc Gothic, cửa vẫn bị xích và bỏ mặc cho mục nát.

Ngay khi nhìn thấy nhà nguyện trong tầm mắt, tôi nhận ra mình đã nín thở. Tôi đi tới chỗ nhà nguyện, từ chỗ này tôi có thể thấy nhà của xơ Ignatius và nhờ vậy cảm thấy đủ an toàn để bước vào trong. Nơi này chỉ đủ

chỗ cho nhiều lắm là mười người. Một nửa mái đã sụp xuống, nhưng bên trên, những cây sồi đã ngả cành lá che chở cho nó. Một ngôi nhà nguyện cổ kính là lạ, chẳng trách xơ Ignatius lại thích nó đến thế. Không có băng ghế cầu nguyện, tôi đoán chỗ này đã dọn dẹp cho mấy buổi lễ gần đây. Phía trên bàn thờ, một cây thánh giá gỗ đơn sơ nhưng lớn được gắn vào tường đá. Tôi đoán xơ Ignatius có ít nhiều liên quan với việc nó hiện diện trên đó. Vật duy nhất còn lại đứng sừng sững trong nhà nguyện là một cái bồn tắm thạch to đại – thẳng tốt, chết toi – sút mẻ và nứt tùm lum quanh miệng, song nó vẫn đứng hiên ngang, được gắn chặt xuống sàn bê tông. Trong lòng bồn hiện là nơi cư ngụ của lũ nhện và bụi bặm, song tôi có thể hình dung ra hết thế hệ này đến thế hệ khác của dòng họ Kilsaney đã tập hợp tại nơi này để làm lễ đặt tên cho con cái họ. Có một cánh cửa gỗ mở ra khu nghĩa địa nhỏ kế bên. Tôi quyết định không đi qua nó mà thay vì thế quay lại cửa chính tôi đã đi qua để vào trong. Từ phía sau cánh cổng che chắn cho khu nghĩa địa, tôi căng mắt ra để đọc các tấm bia. Có nhiều bia không tài nào đọc được, chúng bị phủ đầy rêu, bị thời gian tàn phá. Trong một hầm mộ quá khổ an nghỉ cả một gia đình, Edward Kilsaney, vợ ông ta, Victoria, cùng các con trai của họ Peter, William và Arthur và em gái họ, một cái tên bắt đầu bằng chữ B, phần còn lại đã biến mất theo thời gian với linh hồn xấu số mang cái tên bắt đầu bằng chữ B. có thể là Beatrice, hay Beryl, Bianca hay Barbara. Tôi cố dành cho người phụ nữ này một cái tên. Tưởng nhớ Florie Kilsaney; vĩnh biệt mẹ, chúng con đau buồn vì mất mẹ. Robert Kilsaney chết khi một tuổi vào ngày 26 tháng Chín năm 1832, rồi người mẹ Rosemary ra đi theo con mười ngày sau đó. Tưởng nhớ Helen Fitzpatrick mất năm 1882; chồng và các con luôn yêu quý bà. Có những tấm bia kiêu lời hơn, chỉ có tên họ, ngày tháng, và càng vì thế mà có vẻ bí hiểm hơn; Grace và Charles Kilsaney 1850-1862. Chỉ mới mười hai tuổi, cả hai cùng sinh và cùng mất một ngày. Quá nhiều câu hỏi có thể đặt ra.

Mỗi tấm bia mộ đủ rõ để có thể đọc đều mang trên chúng nhiều biểu tượng, một số bia mang hình vòm, một số chạm hình bồ câu, mũi tên, những con chim, số khác có hình những con vật với bộ dạng kỳ quái, những

biểu tượng tôi không hiểu gì song ước gì có thể biết được ý nghĩa. Tôi dự định sẽ hỏi xơ Ignatius vào bất cứ lúc nào tôi cảm thấy mình có thể đối diện với bà trở lại. Tôi nhìn qua một lần nữa những tấm bia, không còn cảm thấy sợ như lần đầu tiên tôi đi ngang qua. Có thể tôi ít nhất cũng đã lớn lên đôi chút. Một cây thánh giá lớn cao vút chĩa thẳng lên trời, với nhiều cái tên được thêm vào khi từng gia đình nối nhau gia nhập, tên họ và những câu chữ khắc lại ngày càng dễ đọc hơn theo năm tháng. Dòng chữ mới nhất, còn rõ nét nhất nằm ở dưới cùng, và ngay khi mắt tôi dừng lại ở nó, tôi không hiểu nổi tại sao mình lại không nhận ra nó sớm hơn. Dưới chân cây thánh giá có một khối đá lớn với những cái tên khắc trên đó. Trên mặt đất, đằng trước khối đá, là một bó hoa – hoa tươi – được buộc lại bằng một cọng cỏ dài. Tôi leo lên hàng rào để nhìn dòng chữ được khắc.

Laurence Kilsaney 1967-1992

HÃY YÊN NGHĨ

Chỉ mới mười bảy năm trước. Ông ta hẳn đã chết trong vụ hỏa hoạn ở lâu đài. Và mới chỉ hai mươi lăm tuổi. Thật buồn. Cho dù tôi không hề biết Laurence, hay bất cứ ai trong gia đình ông ta, tôi bắt đầu khóc. Tôi hái mấy bông hoa dại, bó chúng lại bằng dây buộc tóc của mình, và không thêm nghĩ lắm làm gì, tôi leo qua hàng rào và đặt chúng trên mộ ông ta. Tôi để bó hoa xuống ngôi mộ và đưa tay ra để chạm vào bia đá, nhưng đúng lúc các ngón tay tôi chạm vào mặt đá lạnh toát, tôi nghe thấy một tiếng động sau lưng mình; một tiếng tách. Tóc gáy tôi dựng đứng. Tôi quay ngoắt lại, chờ đợi sẽ đối mặt với một người lạ hoắc, gần tới mức tôi cảm thấy hơi thở của người đó đang phả vào gáy mình. Tôi nhìn quanh theo khắp mọi hướng, gần như quay cuồng trong nỗ lực cố lấy lại tập trung. Chỉ có cây, cây và cây trong tầm mắt. Tôi cố thuyết phục bản thân là mình vừa bị ma ám vì tôi đang đứng giữa một nghĩa địa cổ xưa, bao quanh tôi là hàng bao nhiêu thế hệ của một gia đình đã bị chết vì dịch bệnh, chiến tranh, thống khổ, hỏa hoạn, và nhân đạo hơn, vì tuổi già. Tôi cố thuyết phục mình như thế song rõ

ràng đã có ai ở đó, tôi dám chắc như vậy. Tôi nghe thấy tiếng cành cây gãy và đầu tôi vụt quay lại, hướng về phía tiếng động.

“Xơ Ignatius, có phải xơ đấy không ạ?” tôi gọi. Câu trả lời chỉ là âm vang giọng nói run rẩy của chính tôi vọng lại. Thế rồi tôi thấy các lùm cây xao động, nghe thấy tiếng sột soạt xa dần, khi ai đó đi giữa các thân cây theo hướng đối diện.

“Weseley?” tôi gọi, âm thanh run rẩy trong giọng nói của tôi vọng lại.

Cho dù đó là ai, người này cũng đã rời đi rất vội vã. Tôi nuốt khan nặng nhọc rồi vội vàng rời khỏi khu nghĩa địa, leo qua hàng rào và nhanh chóng rời xa khỏi nó, cố lôi thân mình đi như thể tôi đang dính phải một mạng nhện khổng lồ.

Tôi hồi hả trở về ngôi nhà bên cổng, liên tục ngoái nhìn lại đằng sau để đoán chắc mình không bị bám đuôi. Trời đã nhá nhem khi tôi về đến nhà. Rosaleen đang ngồi đan trong phòng khách, trong tiếng ti vi được bật lên lặng lẽ. Khuôn mặt mợt có vẻ phờ phạc, mệt mỏi vì tranh cãi. Arthur đang ở trong gara ngoài vườn sau, bực bội trút giận lên đồ đạc không cần biết nó là thứ gì, trong lúc ông đi quanh. Sự tò mò của tôi đã bị dập tắt ngóm, tôi không còn bận tâm tới việc hai người đã trải qua những gì ở nhà. Tôi cảm thấy mình đang đuổi theo một bí mật, và giờ đây bí mật đó lại đuổi theo tôi. Tôi thấy sợ, tôi chỉ muốn thời gian trôi qua để mẹ thôi buồn phiền, trở nên khá hơn để chúng tôi có thể rời khỏi nơi đây, một nơi có vẻ bị ám nặng bởi những hồn ma của quá khứ, một quá khứ đang mỗi lúc một lôi tôi vào sâu trong nó hơn, bất chấp việc tôi chẳng có gì liên quan đến nó.

Chương 19: Luyện ngục

Tôi ở yên trên giường trong suốt hai tuần sau đó, lên phòng rồi lại xuống nhà để ăn sáng, ăn trưa, ăn tối và làm bất cứ việc vặt vãnh nào Rosaleen, cho là hình phạt thích đáng, có thể là hút bụi phòng khách, đánh bóng đồ đồng thau, lấy hết sách trên các giá xuống lau chùi cho sạch bụi, quan sát mợ vừa chăm chút cho vườn rau và cây vừa giải thích cho tôi biết mợ đang làm gì. Tôi nghĩ mợ rất thích tất cả những chuyện này, ríu rít nói huyền thuyên với tôi như thể tôi là một đứa bé còn đang mọc răng sữa và tất cả những gì mợ nói đều là điều lần đầu tiên tôi được nghe đến vậy. Tôi nghĩ việc có nhiều linh hồn cạn kiệt sống quanh mợ đã mang đến cho bà sự sống, như ma cà rồng vậy, chúng tôi càng kiệt quệ, bà càng mạnh mẽ. Bạn có thể sẽ không tin điều đó, nhưng thậm chí tôi không thể ép mình đọc nhật ký nữa. Như thể tôi đã từ bỏ mọi thứ. Mỗi ngày trôi qua, tôi lại cảm thấy sự sống tỏa ra từ phòng mẹ nhiều hơn từ phòng tôi. Tôi càng mất đi nhiều năng lượng, mẹ lại càng có nhiều lên. Tôi có thể nghe thấy bà đi đi lại lại trong phòng như một con sư tử đã tự bẫy mình lại trong một cái chuồng. Tôi nổi loạn chống lại quyển nhật ký. Tôi coi nó là nguyên do đầu tiên đẩy tôi tới tình thế hiện tại. Tôi cảm thấy mọi quyết định tôi đưa ra cho tới lúc này đều xuất phát từ những gì quyển nhật ký đã viết, và tôi không muốn thử cuộc sống đó nữa. Tôi muốn kiểm soát cuộc sống của mình. Tôi muốn nằm trên giường và mặc kệ thế giới trôi qua ngay dưới mũi tôi như trước đây.

Mỗi ngày tôi đều đợi Marcus gọi điện. Anh chẳng hề gọi.

Mỗi ngày xơ Ignatius đều ghé đến. Tôi thấy rầu muốn chết, và tôi từ chối gặp bà. Tôi tin chắc xơ biết chuyện gì đã xảy ra, tôi tin chắc cả thị trấn đều biết. Quá nhiều cho khởi đầu mới của tôi. Tôi không muốn một bài lên lớp. Tôi không muốn một ánh mắt nhìn nghiêm khắc. Tôi đã lỡ hẹn đi lấy mật ong với xơ, tôi đã lỡ cả cuộc hẹn ra chợ. Ấy vậy mà ngày nào xơ cũng qua thăm tôi. Tôi có thể nghe thấy tiếng bà dưới cửa sổ phòng mình, đầy

quan tâm, hiển nhiên bà biết chuyện gì đã xảy ra, tôi tin chắc đến giờ cả thị trấn đã nghe được câu chuyện. Quá nhiều cho khởi đầu mới của tôi. Đáng lẽ tôi phải giúp xơ, nhưng thay vì thế tôi lại nằm trong phòng, lẩn trốn trong bộ đồ ngủ, xấu hổ ê chề mỗi khi nghĩ tới những gì đã xảy ra. Arthur đã thử vào gặp mẹ tôi vài lần. Cậu đợi đến khi Rosaleen ra ngoài vườn sau phơi đồ và nhẹ nhàng gõ lên cửa phòng mẹ. Nếu cậu nghĩ mẹ tôi sẽ mời ông vào, thì rõ ràng ông sẽ không nhận được lời mời đó. Sau chừng một hai phút, cậu bỏ đi.

Tuy nhiên, tối qua Rosaleen và Arthur lại cãi cọ. Tôi nghe thấy Arthur nói, “Tôi không thể làm thế này thêm nữa,” sau đó cậu dùng dằng đi lên phòng mẹ và ở lại đó mười lăm phút. Rosaleen lắng nghe ngoài cửa suốt quãng thời gian đó. Tôi không thể nghe thấy Arthur nói gì.

Hôm Chủ nhật, tôi nằm trên giường suốt cả ngày. Tôi nghe mấy bà xơ bấm còi xe để thúc tôi ra khỏi giường, nhưng tôi mặc kệ. Thậm chí tôi còn chẳng nhìn qua cửa sổ. Tôi chỉ muốn lẩn trốn khỏi tất cả. Có lẽ tôi nên liên lạc với Marcus. Có lẽ tôi nên viết thư cho anh. Tôi chẳng biết mình nên viết cái quái gì nữa. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra là xin lỗi, và hai từ đó là chưa đủ.

Hôm nay, chiếc xe tải dọn đồ tới, mang theo tất cả đồ đạc của chúng tôi từ nhà kho của chồng Barbara. Tôi quan sát người ta lúi chúi chiếc xe tải vào xuôi theo con đường dẫn tới ga ra mà chẳng hề cảm thấy một chút hào hứng nào. Chúng không còn thuộc về tôi nữa. Chúng thuộc về cô gái từng sống trong ngôi nhà đó. Và tôi không còn là cô gái ấy nữa. Tôi lại ngủ thiếp đi. Tôi tỉnh giấc khi nghe thấy chuông cửa reo lần nữa. Lại là xơ Ignatius. Bà tỏ ra rất cương quyết. Thoạt đầu tôi nghĩ bà thân thiện, sau đó là quan tâm, nhưng hôm nay bà có vẻ hơi điên rồ. Tôi lắng nghe bà từ trên phòng ngủ. Tất cả là những lời lảm bảm, nhưng rồi thỉnh thoảng xơ Ignatius lại cao giọng lên.

“Chẳng lẽ con cứ xì xầm xì xầm nằm mãi trên đó, quần mình trong chần đệm, để mặc con bé nghĩ mình đã làm gì sai, và để cậu con trai tội

nghiệp đó xì xầm xì xầm tất cả sao?”

Những lời xì xầm.

“Nói với con bé là nó nhất định phải đến gặp tôi.”

Xì xầm, xì xầm.

Rồi cánh cửa đóng lại. Tôi nhìn qua cửa sổ, chỉ ghé mắt qua bậc cửa sổ và thấy xơ Ignatius, mặc áo sơ mi và váy hoa, đầu cúi gằm bước đi. Tim tôi đau nhói khi thấy bà như vậy, nhưng đồng thời, theo một cách thật lạ kỳ, nó cũng nhẹ nhõm hẳn. Bà đã nói Rosaleen phải làm sao để tôi không cảm thấy có lỗi. Có thể cuối cùng bà đã tha thứ cho tôi. Thậm chí chỉ cần nghĩ thế thôi cũng đủ làm tinh thần tôi phấn chấn. Nó đem đến cho tôi hy vọng, cho phép tôi nghĩ tôi đã phản ứng thái quá, và đáng ra tôi chỉ nên rút ra bài học từ mọi thứ rồi bước qua chúng.

Tối đó, tôi không thể nằm yên, tôi không tài nào chợp mắt được. Tôi lấy quyển nhật ký từ dưới tấm ván lát sàn lên, rồi đợi, đợi hoài những dòng chữ xuất hiện, hy vọng khi lò tịt chúng đi, tôi đã không làm chúng biến mất hẳn. Khi cuối cùng những dòng chữ cũng xuất hiện, chúng khiến tôi ngồi bật dậy chú ý.

Tháng Bảy, thứ Tư

Hôm nay mình gọi cho Marcus. Mình tìm thấy tên anh trong sổ danh bạ. Cũng không có nhiều người mang họ Sandhurst cho lắm ở Meath. Hóa ra ba anh là một luật sư cỡ bự và có một công ty nổi tiếng ở Dublin. Mình còn có thể gây ra thêm rắc rối cho Marcus đến mức nào đây? Mình sợ gặp phải ba mẹ anh, nhưng rồi có một phụ nữ nào đó trả lời, nghe có vẻ rất long trọng rồi chuyển thẳng máy cho anh. Ngay khi anh nghe thấy giọng mình, mình đã phải cầu xin anh đừng gác máy. Rồi khi đã thuyết phục được anh, mình không còn biết phải nói gì nữa. Mình xin lỗi anh, nhắc đi nhắc lại, đến mức cuối cùng anh

ngăn mình lại. Anh nói mọi truy cứu đã bị bãi bỏ. Chẳng lẽ chưa ai cho mình biết?

Chưa...

Mình hỏi anh có phải ba anh đã thu xếp chuyện đó không. Anh không tin nổi mình lại hỏi anh điều đó. Anh nói mình đang gặp nhiều rắc rối hơn nhiều nên anh nghĩ mình chẳng nên biết làm gì. Anh chúc mình may mắn rồi gác máy.

Anh đã nói về chuyện quái quỷ gì thế chứ? Cái gì mình không nên biết cơ?

Tôi gọi cho Marcus ngày hôm sau, ít nhất cũng cảm thấy đỡ bồn chồn hơn vì biết ba anh sẽ không nghe máy. Mọi việc diễn ra hết như tôi đã viết, ngoại trừ việc thay vì hỏi liệu có phải ba anh đã thu xếp để các truy cứu được bãi bỏ hay không, tôi hỏi làm thế nào chúng được bãi bỏ. Sau cả một đêm trằn trọc để nghĩ về việc đó, đây là giải pháp tối ưu nhất tôi có thể đưa ra. Tuy vậy, tôi vẫn chẳng có được câu trả lời nào. Kỳ thực, có thể anh đã gác máy sớm hơn.

Tháng Bảy, thứ Năm

Mình dành thời gian với mẹ trong phòng bà trước khi về ngủ. Mẹ đang khe khẽ ngân nga một giai điệu cho chính bà. Mình không biết đó là bài gì, song nó làm mẹ mỉm cười.

“Con có một thứ cho mẹ,” mình nói, và lấy giọt nước mắt thủy tinh từ trong túi ra để xuống cạnh bàn đầu giường.

Mẹ ngừng ngân nga ngay khi trông thấy nó. Mẹ nằm trên giường, mắt hé vừa đủ để nhìn thấy viên thủy tinh. Và mẹ cứ thế nhìn nó chăm chăm.

“Nó thật đẹp, phải không ạ?” mình nói.

Mẹ nhìn mình, một cái nhìn sắc lẹm làm mình giật thót, rồi lại nhìn chăm chăm vào giọt nước mắt thủy tinh. Hình như chính sự hiện diện của nó khiến mẹ phật ý, vậy là mình vờ tay về phía nó, định cầm lại. Bàn tay mẹ đưa ra thật nhanh, chớp lấy bàn tay mình. Cử chỉ không làm mình đau nhưng khiến mình sốc.

“Không,” là tất cả những gì mẹ nói.

“Okay.” Mình nuốt khan. “Okay.”

Tối muộn hôm đó, mình nhanh chóng ngủ thiếp đi, đang mơ thấy mình vào thăm Marcus trong tù thì cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình. Trong mơ đó là một tên cai tù, nhưng mình nhanh chóng tỉnh giấc và khuôn mặt mẹ hiện lên sát gần, mũi bà gần như chạm vào mũi mình. Mình cố nuốt trở lại tiếng kêu thét sắp buột ra.

“Mẹ,” mình thở hắt hắt, cố ngồi dậy. “Mẹ đang làm gì...”

“Con lấy được nó ở đâu?” mẹ thì thầm vào sát tai mình.

“Cái gì ạ? Con lấy cái gì ở đâu cơ?”

“Giọt nước mắt,” mẹ sốt sắng nói, đưa mắt lên nhìn tường phòng ngủ khi chúng tôi nghe thấy tiếng lò xo bên giường Rosaleen và Arthur kêu cọt kẹt.

“Cái...” bộ óc ngái ngủ của tôi chạy hết tốc lực. “À, là giọt nước mắt thủy tinh ấy ạ?”

Mẹ gật đầu điên cuồng.

“Con chỉ... con.” Phải nói thật là mình phát hoảng. Mình nghĩ mình sắp gặp rắc rối to. “Con tìm thấy nó, vậy thôi,” mình lại nuốt khan lần nữa.

“Chỉ đơn giản là con tìm thấy.”

“Vâng, ở gần quanh nhà. Con trông thấy nó thật đẹp. Vậy là con giữ lại.”

Rồi sau đó mình nhận ra điều gì đã khác đi ở mẹ, ngoài chuyện bà đang nói, đó là ánh sáng đã đột nhiên bùng lên trong đôi mắt bà, giúp chúng sống lại. Mình đã thấy nhớ nó biết bao. Nhưng lí do duy nhất giúp mình nhận ra thứ ánh sáng này là ngay khi mình nói ra những lời vừa rồi, ngay khi mình nói dối, thứ ánh sáng ấy lại lụi đi. Đôi mắt mẹ lại đờ đẫn, trống rỗng, thiếu sinh khí. Mình đã dập tắt chút phấn khích chạy qua trong bà, mình đã giội gáo nước lạnh vào ngọn lửa. Sau đó mẹ lặng lẽ rời về phòng bà.

Cửa phòng Rosaleen mở ra. Tiếng bước chân vang lên dọc hành lang. Cửa phòng mình hé mở. Chiếc áo ngủ dài màu trắng sáng lên trong ánh trăng.

“Có gì không ổn à?” mẹ hỏi ngay.

“Không có gì ạ,” mình nói, vẫn đang ngồi trên giường.

“Mẹ nghe thấy tiếng cửa đóng.”

“Chẳng có gì không ổn cả,” mình nhắc lại, kéo chăn quấn sát quanh người.

Rosaleen im lặng chăm chú nhìn mình hồi lâu, gật đầu, rồi đóng cửa lại. Mình nghe thấy tiếng lò xo cọt kẹt và mọi thứ chìm vào im lặng.

Sau đó mình không thể ngủ nổi. Mình cứ nghĩ mãi việc mình nói dối mẹ là đúng hay sai. Khi ánh mặt trời buổi sáng đã tràn ngập phòng mình, mình nhận ra mình đã phạm sai lầm. Đáng ra mình nên nói cho mẹ biết sự thật.

Sau khi đọc đoạn nhật ký đó, tôi có cả ngày để lên kế hoạch sẽ nói những gì với mẹ. Tôi cảm thấy hồi hộp cả ngày hôm đó, quan sát

nhịp sống lặng lẽ của mẹ và biết chẳng mấy chốc nữa tình trạng bị ếm bùa sẽ bị phá vỡ. Tôi cố nhớ lại từng từ trong đoạn nhật ký, tôi không muốn làm sai sót tất cả. Tôi muốn nói chính xác những gì tôi đã viết để thu được cùng một câu trả lời. Tôi muốn mẹ đến phòng tôi giữa đêm khuya, tôi muốn kể cho mẹ sự thật về giọt nước mắt thủy tinh. Tôi chờ đợi suốt cả ngày.

Cuối cùng, sau bữa ăn tối, tôi lên lầu, vào phòng ngủ mẹ. Bà đang nằm trên giường, nhìn lên trần nhà, miệng khẽ ngân nga.

“Con có một thứ cho mẹ,” tôi nói, giọng lạc đi đến mức gần như không nghe rõ lời nào. Tôi bắt đầu lại. “Con có một thứ cho mẹ.”

Mẹ tiếp tục ngân nga trong lúc tôi cho tay vào túi lần tìm viên thủy tinh đã ấm lên vì tiếp xúc với cơ thể tôi. Tôi để nó xuống bàn đầu giường. Tiếng lanh canh khe khẽ khiến mẹ đưa mắt sang nhìn, nhưng đầu thì không ngoảnh lại. Khi đôi mắt mẹ bắt gặp giọt nước mắt thủy tinh, bà lập tức thôi ngân nga, ngón tay thôi không xoắn tóc nữa.

“Nó thật đẹp, phải không ạ?” tôi hỏi.

Khi đó mẹ nhìn tôi, và tôi nhận ra khoảnh khắc những tia sáng bùng lên trong mắt bà. Bà chuyển mắt sang miếng thủy tinh. Không hề muốn nhưng tôi biết mình phải tuân thủ quy trình, tôi lấy nó và đứng như tôi viết, mẹ đưa bàn tay ra, bàn tay bà chộp lấy bàn tay tôi để ngăn tôi không lấy miếng thủy tinh.

“Không,” mẹ kiên quyết nói.

“Okay,” lần này cô gắng không mỉm cười. “Okay.”

Tôi ngồi dậy trên giường, không tài nào ngủ nổi vì biết mẹ sẽ đánh thức tôi dậy. Tôi đọc đoạn nhật ký cho ngày hôm sau, không rõ liệu nó có chính xác không vì những biến cố sắp xảy ra rất có thể sẽ làm thay đổi những gì Tamara của ngày mai có trong tay.

Tháng Bảy, thứ Sáu

Chúc mừng sinh nhật mình, Mười bảy. Mình quyết định sáng nay sẽ rời khỏi giường.

“À, chúc cháu một buổi sáng tốt lành. Hôm nay trông cháu tươi tắn hơn nhiều rồi. Chúc sinh nhật vui vẻ!”. Khuôn mặt Rolaseen dần ra thành một nụ cười. “Đợi một phút nhé, mẹ đang giấu quà sinh nhật của cháu trong phòng mẹ.”

Bà quay lại mang theo một gói quà được bọc hoàn hảo với giấy lụa hồng và ruy băng màu trắng và hồng. Mình mở gói quà ra, tìm thấy một cái giỏ đựng bột tắm bồn, xà bông và dầu gội strawberry.

“Cháu có thích không?”

“À, Rosaleen, nó... quả thực là hoàn hảo, cháu cảm ơn mẹ.”

“Mẹ nghĩ nó rất hợp với cháu,” khuôn mặt bà sáng lên. “Mẹ nhìn thấy nó tháng trước, cháu có tin được không, vậy là mẹ tự nhủ rồi thậm chí nói cả với Arthur, ‘Cái giỏ đó cứ như ghi sẵn tên Tamara ở trên rồi vậy.’ Mẹ đã cất nó trong nhà kho suốt cả tháng, cháu tin nổi không, mẹ rất lo cháu sẽ tìm ra trước,” mẹ bối rối cười khúc khích.

Những lời mẹ nói làm mình lạnh người. Rosaleen quả là thông minh hơn mình tưởng. Chẳng có cách nào để mẹ tránh không cho mình tới chỗ nhà kho, hay cất đồ đạc của mẹ con mình ở đó chỉ vì mẹ đang giấu một giỏ xà bông nho nhỏ. Hoặc mẹ khôn ngoan hơn nhiều, hoặc mẹ nghĩ mình là một con ngốc. Mình lại càng thấy bị thôi thúc muốn chui vào nhà kho đó hơn.

“Nó thật hoàn hảo,” tôi mở gói quà ra và ngửi. Mình thật sự thích nó. Với mình nó thật khác biệt. Năm ngoái, vào dịp sinh nhật thứ mười sáu, mình nhận được một cái túi xách Louis Vuitton và đôi giày Gina, còn năm nay, một chai bột tắm bồn và một bộ dầu gội đầu,

nhưng thật lạ là mình thấy biết ơn món quà này hơn vì mình thực sự cần đến nó. Mình đã hết sạch dầu gội đầu mà đám sóc đồ thì không dễ bị gây ấn tượng bởi cái túi xách Louis Vuitton.

Mẹ lại ngủ suốt cả ngày. Zoey và Laura đều gọi điện tới. Mình bảo Rosaleen nói với bọn họ là mình ra ngoài.

Xơ Ignatius ghé qua, mang theo một món quà. Rosaleen nghĩ ý sẽ chuyển lại nhưng xơ không đưa nó cho mẹ. Càng tặng lơ xơ lâu hơn, mình càng làm tình hình tệ hơn. Giờ đây mình có quá nhiều điều phải xin lỗi. Mình nghĩ xơ chính là người bạn tốt nhất mình từng có, nhưng mình chỉ muốn lẩn trốn thế giới, mình không chịu nổi cảm giác bị nhìn thấy.

Sau bữa tối, Rosaleen từ trong bếp mang theo một cái bánh sô cô la thấp nền, vừa đi vừa hát Happy Birthday. Chắc hẳn thiếu chút nữa mình đã bắt gặp mẹ trong lúc làm dở sáng nay. Mình nghĩ mẹ đang có ý đồ gì đó, vì trông mẹ đầy vẻ tội lỗi và mẹ giấu diếm thứ gì đó trong tạp dề. Hẳn đó là nguyên liệu để làm bánh, nhưng mình không biết nữa... Giờ mà kiểm tra tạp dề của mẹ thì chắc là đã quá muộn, nhưng cho dù thứ đó có là gì đi nữa, mình biết chắc mẹ đã giấu nó.

Mình sẽ lại viết vào ngày mai.

Tôi phải thừa nhận là tôi đã không nghĩ mấy về sinh nhật của mình trong suốt tuần lễ tôi nằm trên giường, và những lúc nghĩ về nó, suy nghĩ của tôi luôn đi kèm với cảm giác nặng nề dành cho Marcus tội nghiệp. Giá như chúng tôi chờ đợi. Giá như tôi nói trước với anh. Từ khi tỉnh giấc cho đến lúc chìm vào giấc ngủ tôi không hề nghĩ về kiểu lễ sinh nhật nào tôi có thể hoặc hẳn đã có trong cuộc sống trước đây của mình, hay thứ quà gì hẳn tôi sẽ được tặng. Nhưng sau khi đọc các đoạn nhật ký hôm nay và hôm qua, tôi có hứng thú, cảm thấy phấn khích.

Cứ như thể tôi đã trải qua mười ngày lang thang qua một hẻm núi mờ mịt sương mù và thậm chí chẳng thể nhìn xa hơn chóp mũi của mình. Nhưng giờ đây sương mù đã tan. Tâm trí tôi đã chỉ đơn giản là cứ mãi băn khoăn với một chuyện suốt thời gian đó, đến mức nó không thể tập trung vào bất cứ điều gì khác. Dường như nó đã kết thúc chuyến lang thang của mình, vì tôi đang ngồi dậy trên giường, cảm giác cao độ, tim đập như chạy đua, cảm giác tức thở như vừa chạy hàng dặm dài. Tôi quyết định mai phải tìm cho ra Rosaleen đang làm quái quỷ gì trong nhà bếp sáng ngày mai.

Trong lúc đang phác ra một kế hoạch, tôi nghe cửa phòng mẹ mở. Tôi vội vàng nằm xuống, nhắm mắt lại. Mẹ đóng cửa sau lưng thật nhẹ nhàng, bà hiểu mình cần phải làm thế. Mẹ ngồi xuống bên mép giường tôi, và tôi đợi bàn tay bà đặt lên vai tôi. Và nó đây. Lay lay thật gấp gáp.

Tôi mở bừng mắt ra, không hề cảm thấy hốt hoảng như tôi đã viết, thay vì đó tôi cảm thấy mình hoàn toàn sẵn sàng.

“Con lấy nó ở đâu ra?” bà thì thầm, mặt ghé sát vào mặt tôi.

Tôi ngồi dậy.

“Bên kia đường. Trong ngôi nhà một tầng,” tôi thì thầm trả lời.

“Nhà Rosaleen,” mẹ thì thầm, và ngay lập tức nhìn qua cửa sổ. “Ánh sáng,” bà nói, và tôi nhìn thấy một luồng sáng giống như ánh đèn pin hắt trên tường phòng ngủ đối diện với cửa sổ phòng tôi. Quầng sáng cũng mang cùng hiệu ứng như khi một tán cây đưa qua đưa lại trước ánh trăng làm ánh sáng hết biến mất rồi lại xuất hiện trong phòng. Có điều không phải do tán cây, vì quầng sáng này có vẻ lấp lánh hơn, giống như ánh sáng phản chiếu từ thủy tinh, tạo ra những mảng màu. Nó phản chiếu lên khuôn mặt tái nhợt của mẹ, và dường như mẹ bị hút vào nó, hòa nhập vào nó. Tôi lập tức đưa mắt nhìn qua

cửa sổ sang ngôi nhà một tầng. Treo trên cửa sổ trước nhà, một mảnh thủy tinh đựng đưa bắt sáng, làm tỏa ra những chùm tia sáng, chẳng khác gì một ngọn hải đăng.

“Ở bên đó có hàng trăm cái khác nhau như thế,” tôi thì thầm. “Con cũng không định sang bên đó, chỉ có điều, Rosaleen...” cả hai chúng tôi đều quay ra nhìn về phía bức tường vì chúng tôi nghe thấy tiếng lò xo trên giường của Arthur và Rosaleen, “Mợ ấy có vẻ quá bí hiểm. Con chỉ muốn chào mẹ mợ ấy một câu, thế thôi. Mấy hôm trước, con mang đồ ăn sáng sang cho bà cụ và con thấy ai đó trong nhà kho ở vườn sau. Người đó không phải là mẹ Rosaleen.”

“Ai vậy?”

“Con không biết. Một người phụ nữ. Một người phụ nữ lớn tuổi, tóc dài. Bà ấy đang làm việc trong đó. Chế tạo chúng. Chắc chắn bà ấy tự thổi thủy tinh, mẹ có nghĩ bà ấy được làm thế không? Một cách hợp pháp ấy?” Tôi nhìn giọt nước mắt trong tay mẹ. “Có đến hàng trăm miếng như thế. Tất cả đều treo trên dây. Con sẽ chỉ cho mẹ xem. Khi con quay lại lấy, cái khay được đặt trên bức tường bên ngoài. Mảnh thủy tinh được để trong khay.”

Cả hai chúng tôi cùng nhìn vào giọt nước mắt.

“Nó có nghĩa là gì nhỉ?” tôi phá vỡ sự im lặng.

“Bà ấy có biết không?” mẹ hỏi lại, không trả lời câu hỏi của tôi.

Tôi đoán bà ám chỉ Rosaleen. “Không”, tôi lắc đầu. “Có chuyện gì thế mẹ?”

Mẹ nhắm nghiền hai mắt rồi đưa tay lên che. Bà xoa mắt dữ dội, rồi luồn hai bàn tay vào tóc như thể cố đánh thức mình dậy.

“Mẹ xin lỗi. Mẹ thấy mọi thứ thật mơ hồ. Chỉ là dường như mẹ không thể... thức dậy được,” bà nói, lại xoa mắt lần nữa. Sau đó mẹ

nhìn thẳng vào tôi, đôi mắt bà sáng lên. Mẹ cúi xuống, hôn lên trán tôi.
“Mẹ yêu con, con yêu quý. Mẹ xin lỗi.”

“Xin lỗi chuyện gì ạ?”

Nhưng tôi đang hỏi cái lưng bà vì mẹ đã đứng dậy khỏi giường tôi và lặng lẽ rời phòng. Tôi lại nhìn ngoài về phía ánh sáng, miếng thủy tinh có rìa lờm chờm quay vòng vòng như thể được thổi từ bên trong. Rồi sau đó, trong khi tôi tập trung nhìn nó, rèm cửa chuyển động và tôi nhận ra ai đó đang theo dõi tôi. Hay đã theo dõi chúng tôi.

Rồi tôi nghe thấy cửa phòng Rosaleen mở ra, tiếng bước chân vang lên dọc hành lang rồi cửa phòng tôi hé mở. Mẹ đứng đó, một cái bóng trắng mờ.

“Có gì không ổn à?” mẹ hỏi.

“Không có gì ạ,” tôi nói, hết như trong nhật ký.

“Mẹ nghe thấy tiếng cửa đóng.”

“Chẳng có gì không ổn cả,” tôi theo đúng lời thoại.

Sau một hồi nhìn chăm chăm thật lâu, mẹ để tôi yên một mình để tự hỏi liệu mình đã thu được gì khi nói với mẹ sự thật. Phải có điều gì tốt đẹp đến từ chuyện này, và tôi tin chắc rằng mình sắp khám phá ra. Tôi mở quyển nhật ký ra lần nữa để xem có thay đổi gì không. Và nín thở.

Các trang giấy đã bị cháy, cong xoắn lại ở các rìa mép, giấu kín thế giới ngày mai khỏi mắt tôi.

Chương 20: Bà nội trợ trong bếp với bột ca cao

Tôi không ngủ lại sau biến cố diễn ra lúc sáng sớm tinh mơ. Tôi đã nằm kéo chăn đến tận cằm, người cứng đờ với nỗi sợ hãi ớn lạnh khiến tôi run bần bật trên giường mỗi khi nghe tiếng động dù là nhỏ nhất. Tôi tin chắc người phụ nữ trong ngôi nhà một tầng chính là người đã đi theo tôi tới nghĩa địa tuần trước và khi buổi sáng dần trôi qua, mặt trời tỏa nắng xua đi bóng tối, tôi dần dần bớt hãi bà ta hơn. Có thể bà ta chẳng hề đáng sợ, có khi chỉ là hơi kì lạ. Qua mái tóc và quần áo bà ta khi ở trong xưởng, rõ ràng bà ta không phải loại người hay gặp gỡ người khác. Thêm nữa, bà ta đã tặng tôi viên thủy tinh hình giọt nước mắt nhỏ làm quà. Rõ ràng bà ta có thể đi ra ngoài được.

Nhưng những trang nhật ký bị đốt cháy đem đến cho tôi linh cảm về một hiểm họa đang treo lơ lửng.

Suốt cả đêm, tôi mơ thấy lửa cháy; những tòa lâu đài bốc cháy, những quyển sách bốc cháy. Tôi mơ thấy thủy tinh được nấu, những mẻ thủy tinh nóng chảy đang được định hình và thổi. Sau khi bừng tỉnh trong một căn phòng tối om, với một trái tim đang nện như phát cuồng trong lồng ngực, tôi đã cố thức. Tôi dán mắt vào những trang nhật ký trong quãng thời gian còn lại của buổi sáng, chờ đợi các trang giấy bị sém duỗi phẳng trở lại, chờ đợi những dòng chữ hiện ra một cách thần kỳ với những nét gạch nét móc nắn nót. Nhưng mấy trang giấy vẫn sém quăn như cũ.

Tôi dậy sớm sáng hôm sau, quyết tâm bắt quả tang Rosaleen đang làm gì, dù nó có là gì đi nữa. Bắt quả tang Bà nội trợ trong Bếp với Bột Cacao chính xác ra chẳng phải là thứ kích thích nhất trên đời, song tôi hiểu ra rằng quyển nhật ký đang dẫn tôi tới đâu đó, đang cố

chỉ ra thứ gì đó, tới lối mà chính tôi cũng đã chỉ ra cho con nhặng xanh. Tôi sẽ là con ngốc nếu không nhận ra sự màu nhiệm của những gì đang diễn ra. Mỗi từ là một manh mối, mỗi câu đều là mũi tên chỉ đường, một biển chỉ dẫn giúp tôi thoát khỏi nơi này.

Máy thu thanh bật oang oang dưới bếp, Arthur đang tắm và sang tuần thứ hai liên tiếp, Rosaleen nghĩ mợ có cả buổi sáng cho riêng mình. Mợ quay về phía tôi rồi đi tới kho bếp. Tôi nấp khỏi tầm nhìn vừa kịp lúc, đứng nép sau cánh cửa. Lúc này tôi có thể thấy mợ trong kho, và theo dõi mợ qua khe cửa.

Mợ để khay đồ ăn sáng của mẹ trên bàn bếp, thò tay vào một cái hộp được giấu đằng sau một cái hộp khác lấy một lọ thuốc. Tim tôi đập như quai búa, tôi phải đưa tay lên miệng để không hét lên. Tôi dõi nhìn mợ dốc hai viên thuốc vào lòng bàn tay. Mợ tháo vỏ, trút bột thuốc vào cháo rồi trộn kỹ. Tôi cố vật lộn với chính mình để quyết định xem liệu có lao ra ngay lúc đó mà mặt đối mặt với mợ hay không. Tôi đã bắt quả tang bà. Tôi vẫn luôn biết mợ đang làm gì đó, song tôi buộc phải ngăn mình lại. Máy viên thuốc rất có thể chỉ đơn giản là thuốc chữa đau đầu và việc tôi nhảy bổ vào mợ sẽ là lợi bất cập hại, *một lần nữa*, hoặc nếu không phải thế, chúng chắc chắn là thứ gì đó nghiêm trọng hơn và đang khiến mẹ bệnh thêm. Tôi gi sát vào khe cửa hơn nhưng khi tôi làm thế, tấm ván lát sàn dưới chân tôi kêu cọt két. Rosaleen lập tức thả lọ thuốc vào tạp dề, cầm khay lên và quay người lại như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Tôi vội bước ra từ sau cánh cửa.

“A, chúc cháu một buổi sáng tốt lành,” mợ nói, nở một nụ cười rạng rỡ. “Cô gái sinh nhật ngày hôm nay cảm thấy như thế nào?” mợ hỏi, đúng như quyển nhật ký tiên đoán. Có thể tôi hơi hoang tưởng một chút nhưng tôi tin chắc đôi mắt mợ đang dò xét nét mặt tôi để tìm hiểu xem liệu tôi có chứng kiến những gì bà đã làm trong kho bếp hay không.

“Già,” tôi đáp lại bằng nụ cười, cố tỏ vẻ bình thường.

“Ồ, cháu đâu có già, cô bé,” mợ bật cười. Mợ nhớ hồi bằng tuổi cháu. Bà ngược mắt lên trời “tất cả đều còn ở phía trước. Giờ mợ sẽ mang những thứ này lên cho mẹ cháu, rồi mợ sẽ xuống làm cho cháu một bữa sáng đặc biệt vào ngày sinh nhật.”

“Cám ơn mợ, Rosaleen,” tôi ngọt ngào nói rồi nhìn mợ hồi hả bước lên cầu thang.

Trong khi mợ biến mất vào phòng mẹ và cửa đã đóng lại sau lưng bà, người ta mang thư tới để trên tấm thảm chùi chân ngoài cửa trước. Tôi đứng yên, chờ đợi Rosaleen cười chỏi bay từ trên lầu xuống để vồ lấy nó, nhưng mợ không làm thế. Bà không nghe thấy tiếng giao thư. Tôi nhặt bưu phẩm lên, chỉ có hai cái phong bì trắng, chắc là hóa đơn, rồi chạy ủa vào bếp. Tôi không biết phải làm gì, tôi vội vã nhìn quanh tìm nơi để giấu, bởi lúc này tôi không có thời gian để đọc. Tôi lại nghe thấy tiếng bước chân của Rosaleen vang lên trên cầu thang, tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực. Vào phút chót, tôi quyết định nhét mấy cái phong bì vào đằng sau chiếc quần thể thao đang mặc và để chiếc áo len thun dài tay che đi. Tôi đứng giữa bếp, hai tay đưa ra sau lưng, bộ dạng in rành rành hai chữ “có tội”.

Mợ đi chậm lại khi nhìn thấy tôi. Các bó cơ trên cổ mợ căng ra.

“Cháu đang làm gì vậy?” mợ hỏi.

“Có gì đâu ạ.”

“Cháu có làm gì đó. Tay cháu đang cầm cái gì vậy, Tamara?” mợ nghiêm giọng hỏi.

“Cái quần lót mắc dịch,” tôi nói, kéo sau quần lên.

“Đưa hai tay ra cho mợ xem,” mợ cao giọng.

Tôi đưa hai bàn tay từ sau lưng ra. Rồi vênh vảo vầy vầy trước mặt mợ.

“Quay người lại,” giọng mẹ run lên.

“Không,” tôi đáp đầy thách thức.

Chuông cửa reo. Rosaleen không nhúc nhích. Tôi cũng không.

“Quay người lại,” mẹ nhắc lại lần nữa.

“Không,” tôi lặp lại, mạnh mẽ hơn, cương quyết hơn.

“Rose!” Arthur lớn tiếng gắt từ trên cầu thang. Rosaleen không trả lời, và chúng tôi nghe thấy tiếng ủng vang lên trên cầu thang khi cậu đi xuống. “Tôi sẽ ra mở cửa vậy,” cậu nói, ngán ngẩm đưa mắt nhìn chúng tôi. Ông mở cửa ra.

“Weseley.”

“Cháu không thể lùi cái xe tải vào thêm nữa, như vậy đã được chưa? À, chào, Tamara,” anh ta đứng ngoài cửa nhìn qua vai Arthur.

Đôi mắt Rosaleen nheo lại thêm nữa.

Tôi mỉm cười. Phải, tôi đã có một người bạn mà mẹ không hề biết.

Tôi mở to mắt nhìn Weseley, hy vọng anh ta hiểu có chuyện gì đó không ổn. Tôi không muốn hai người họ rời đi.

“Chúng tôi sẽ gặp lại hai người sau, thế nhé,” Arthur nói.

Cánh cửa đóng lại sau lưng hai người đàn ông, bỏ mặc chúng tôi ở lại mặt đối mặt với nhau trong bếp.

“Tamara,” mẹ dịu giọng nói. “Cho dù cháu đang giấu cái gì, và mẹ nghĩ mẹ biết nó là cái gì, hãy đưa nó lại cho mẹ.”

“Cháu chẳng giấu giếm gì hết, Rosaleen. Còn mẹ thì sao?”

Bà giật mình cau mày.

Đúng lúc ấy, chúng tôi nghe thấy tiếng rầm rầm vang lên từ một căn phòng trên lầu, rồi đến tiếng đĩa rơi và sau đó là tiếng chân dậm lên ván lát sàn. Cả hai chúng tôi đều bừng tỉnh khỏi màn gùm gùm nhìn nhau và lập tức ngược lên.

“Ông ấy ở đâu?” tôi nghe thấy mẹ rít lên.

Tôi nhìn Rosaleen rồi chạy qua mẹ.

“Không, cô, bé,” mẹ kéo tôi lại.

“Rosaleen buông cháu ra, bà ấy là mẹ cháu.”

“Mẹ cháu không được khỏe,” mẹ lo lắng nói.

“Phải, và cháu tự hỏi tại sao lại thế!” tôi hét vào mặt mẹ rồi chạy lên lầu.

Tôi không chạy xa được đến thế. Mẹ đã mở tung cửa ra với đôi mắt mở to, đôi mắt đượm vẻ kinh hoàng, bà sục sạo nhìn quanh hành lang.

“Bà ấy đâu?” mẹ nói không thể tập trung nhìn tôi.

“Ai cơ ạ? Rosaleen à...?” tôi bắt đầu nhưng mẹ đẩy tôi ra khi nhìn thấy mẹ ở dưới chân cầu thang.

“Ông ấy đâu?” mẹ nhắc lại trong lúc đứng trên đầu cầu với chiếc váy ngủ trên người.

Rosaleen mở mắt to hết cỡ, đang vặn vẹo hai bàn tay trong tạp dề. Tôi vẫn có thể thấy hình dạng lọ thuốc trong túi. Tôi nhìn từ người này sang người kia, không hiểu nổi chuyện gì đang diễn ra.

“Mẹ, ba không có ở đây,” tôi nói, cố giữ lấy tay mẹ. Bà vùng ra.

“Có đây. Mẹ biết. Mẹ có thể cảm nhận thấy ông ấy.”

“Mẹ, ba không có ở đây,” tôi cảm thấy nước mắt tuôn trào. “Ba đi rồi.”

Mẹ lập tức quay sang nhìn tôi, rồi hạ giọng chỉ như đang thì thầm, “Ông ấy chưa ra đi đâu, Tamara, người ta chỉ nói thế nhưng không phải vậy. Mẹ có thể cảm thấy ông ấy.”

Giờ thì tôi đang khóc thực sự. “Mẹ, thôi đi nào, con xin mẹ đấy. Đó chỉ là...chỉ là... linh hồn ba mà mẹ cảm thấy ở quanh mẹ thôi. Ba sẽ luôn ở bên mẹ. Nhưng ba đi rồi... thực sự đi rồi. Làm ơn đi mẹ...”

“Tôi muốn gặp ông ấy,” mẹ yêu cầu Rosaleen.

“Jennifer,” mợ nói, hai tay chìa ra, cho dù mợ còn ở quá xa để chạm vào mẹ. “Jennifer, thư giãn đi nào, hãy quay về phòng nằm nghỉ đi.”

“Không!” mẹ hét lên, giọng bà trở nên run rẩy. “Tôi muốn gặp ông ấy! Tôi biết ông ấy ở đây. Chị đang giấu ông ấy!”

“Mẹ,” tôi khóc ròng. “Mợ ấy không giấu ba. Ba chết rồi, thực sự chết rồi.”

Mẹ quay sang nhìn tôi, nom bà thật buồn, rồi bà nổi giận và lao xuống cầu thang. Rosaleen chạy ra cửa.

“Arthur!” mợ lớn tiếng gọi ra ngoài.

Arthur đang ở ngay lối xe cùng Weseley để chất đồ lên chiếc bán tải lập tức quay lại.

Mẹ chạy ra ngoài vườn, hét lớn “Ông ấy đâu?” hét lần này tới lần khác.

“Jen, dừng lại ngay, thư giãn nào, không sao đâu,” Arthur cố nhắc đi nhắc lại để trấn an mẹ.

“Arthur ,” mẹ kêu lên, chạy tới chỗ cậu, đưa hai cánh tay ôm chầm lấy cậu. “Ông ấy đâu? Ông ấy ở đây, đúng vậy không?”

Arthur choáng váng nhìn Rosaleen.

“Mẹ,” tôi khóc lóc. “Arthur, hãy giúp mẹ cháu, làm ơn hãy làm gì đó giúp mẹ cháu. Mẹ cháu nghĩ ba cháu vẫn còn sống.”

Arthur nhìn mẹ với vẻ mặt của một người đang tan nát trái tim. Cậu ôm mẹ vào vòng tay, trong khi thân hình xương xẩu của mẹ run lên nức nở và bà không ngớt hỏi ba ở đâu và tại sao, cậu vỗ vỗ lên lưng mẹ để an ủi.

“Anh biết Jen, anh biết Jen, tất cả ổn rồi. Ổn rồi.”

“Làm ơn giúp mẹ cháu,” tôi đứng giữa vườn, òa khóc, đưa mắt nhìn Rosaleen rồi sang Arthur, lúc ấy đang đỡ lấy mẹ. “Hãy đưa mẹ cháu tới chỗ nào đó. Hãy tìm ai đó tới giúp.”

“Lúc này ba cháu đang ở nhà,” Weseley khẽ gợi ý, “Cháu có thể gọi cho ba bảo ông tới.”

Có thứ gì đó nhói lên trong tôi. Một cơn sợ hãi lạnh toát. Một thứ linh tính. Tôi nghĩ tới quyền nhật ký bị cháy, nghĩ tới những đám lửa trong giấc mơ của mình. Tôi cần đưa mẹ rời khỏi ngôi nhà này.

“Hãy đưa mẹ cháu tới chỗ ông ấy,” tôi nói với Arthur .

Arthur nhìn tôi bối rối.

“Tới chỗ bác sĩ Gedad,” tôi nói khẽ để mẹ không nghe thấy.

Trong vòng tay Arthur, mẹ quằn quại và quy dãn, nỗi đau khổ đã không chế bà.

Arthur gạt đầu với tôi, đầy nghiêm nghị. Rồi cậu nhìn sang Rosaleen.

“Anh sẽ sớm quay về.”

“Nhưng anh...”

“Anh sẽ đi,” cậu kiên quyết nói.

“Cả em cũng sẽ đi,” Rosaleen nói nhanh, vội vã cởi tạp dề rồi chạy vào trong nhà. “Em sẽ lấy áo khoác cho cô ấy.”

“Weseley ở lại đây với Tamara,” Arthur ra lệnh.

Weseley gật đầu và bước mấy bước lại gần tôi hơn.

Chỉ lát sau, cả ba người đều ngồi trên chiếc Land Rover, mẹ ngồi sau xe khóc rờn, trông thần thờ như mất hồn.

Weseley đưa tay khoác lên vai tôi che chở.

“Rồi sẽ ổn cả thôi,” anh dịu dàng nói.

Khi mẹ con tôi tới đây, tôi cảm tưởng cả tôi và mẹ đều đã kiệt sức, hai người bò lên bãi biển ho sặc sụa, và nhổ nước phì phì sau khi thuyền chúng tôi chìm ngấm. Chúng tôi như một mớ nát bươm, chúng tôi chẳng có gì, chẳng thuộc về đâu, sống không mục đích, như thể chúng tôi bị nhốt trong một căn phòng chờ không có cửa ra.

Tôi đã hiểu khi thứ gì đó bị vùi dập tàn tệ, chúng không đơn giản là vỡ tan ra từng mảnh – chúng chính là những kẻ sống sót. Tôi không hề nghĩ thế cho tới khi buộc phải xem một bộ phim tài liệu về thiên nhiên mà Arthur ưa thích. Bộ phim nói về những hòn đảo ở Nam Thái Bình Dương, những hòn đảo nằm cách nhau rất xa, và người ta tìm hiểu xem bằng cách nào sự sống có thể lan truyền từ đảo này sang đảo khác. Không kể đến lũ chim, làm cách nào các dạng sống khác có thể lan rộng. Thế rồi những trái dừa đó bập bênh trôi tới. Tất cả đều bị sóng đánh giạt đi. Hai vật thể lạc lối đã sống sót trên biển cả và tới được bờ biển. Chúng đã làm gì? Chúng tự cắm rễ xuống cát, mọc lên

thành cây và phát triển thành hàng trên các bãi biển. Đôi khi sóng gió vùi dập có thể đem lại nhiều thứ. Bạn có thể thực sự trưởng thành.

Cho dù mẹ đã có một cơn điên cuồng hoảng loạn, nghĩ rằng ba vẫn còn sống và có vẻ như đang tan nát, tôi cảm thấy đây là điểm khởi đầu cho cái gì đó mới mẻ. Và trong khi chúng tôi nhìn họ lái xe đi, Rosaleen ngoái lại nhìn đầy lo ngại, không muốn để chúng tôi lại nhưng cũng không muốn chỉ có Arthur và mẹ đi với nhau, tôi thực sự không thể không cảm thấy điều đó. Nhưng tôi vẫn mỉm cười và vẫy tay.

Chương 21: K nghĩa là... Kangaroo

Ngay khi họ rời khỏi, tôi lao vào trong nhà. Trên giá treo áo khoác, tạp dề Rosaleen được vắt rúm ró lên trên trong lúc mẹ vội vã chạy ra ngoài. Tôi vớ lấy nó và cho tay vào túi.

“Tamara, cô đang làm gì vậy?” Weseley đang đứng sát sau lưng tôi. “Có lẽ tôi nên chuẩn bị cho cô một cốc trà hay thứ gì đó để cô bình tĩnh lại... cái quái gì thế kia?”

Anh ta đang hỏi về lọ thuốc tôi cầm trên tay.

“Tôi hy vọng anh có thể nói cho tôi biết điều đó,” tôi đưa cho anh mấy viên thuốc. “Tôi bắt gặp Rosaleen cho chúng vào bữa sáng của mẹ tôi.”

“Cái gì? Ái chà, Tamara,” Weseley nói. “Bà ấy bỏ thuốc vào đồ ăn của mẹ cô?”

“Tôi thấy bà mở vỏ và trút thứ bột bên trong vào món cháo ngũ cốc, sau đó trộn đều. Bà ấy không biết tôi đã nhìn thấy bà ấy.”

“À, có thể chúng là thuốc được kê đơn.”

“Anh nghĩ thế à? Vậy chúng ta thử xem xem sao. Bất chấp việc Rosaleen thích giả bộ là tôi chẳng biết chút gì về việc dùng thuốc của mẹ tôi, tôi vẫn biết tên bà không phải là...” tôi đọc cái tên ghi trên lọ, “Helen Reilly.”

“Đó là mẹ Rosaleen. Để tôi xem nào,” anh ta cầm mấy viên thuốc từ tay tôi. “Chúng là thuốc ngủ.”

“Làm thế nào anh biết được?”

“Trên nhãn có ghi mà. Oxyzepam. Đó là thuốc ngủ. Bà ấy cho thứ này vào đồ ăn của mẹ cô à?”

Tôi nuốt khan, nước mắt trào ra.

“Cô tin chắc mình thấy bà ấy làm thế chứ?”

“Phải tôi tin chắc. Và suốt hai tuần qua mẹ tôi chẳng lúc nào ngừng ngủ cả. Li bì.”

“Mẹ cô có hay dùng chúng ko? Biết đâu mẹ cô chỉ đang cố muốn giúp bà ấy?”

“Weseley, mẹ tôi bị mê man đến mức gần như chẳng nhớ nổi tên mình nữa, như thế không phải là *giúp bà*. Có vẻ như Rosaleen đang cố làm tình trạng mẹ tôi nặng thêm thì đúng hơn. Chuyện này *rõ ràng* làm tình trạng mẹ tôi nặng hơn.”

“Chúng ta cần nói cho ai đó biết.”

Cảm giác nhẹ nhõm khi nghe thấy hai từ chúng ta ủa tới như một đợt thủy triều.

“Tôi cần nói với ba tôi. Ông ấy sẽ nói với ai đó, được chứ?”

“Okay.”

Sau đó tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm, rằng mình không còn đơn độc nữa. Tôi ngồi xuống cầu thang trong khi anh ta gọi điện cho ba mình để báo cho ông biết chuyện.

“Thế nào?” tôi bật dậy ngay khi anh ta gác máy.

“Họ đang ở cùng phòng với ba tôi, thế nên ông không thể nói gì về chuyện này được. Ba tôi chỉ nói ông sẽ đề ý tới nó. Trong lúc chờ đợi, chúng ta chỉ việc giữ an toàn cho mấy viên thuốc này.”

“Okay,” tôi hít một hơi thật sâu. Chuyện gì phải đến sẽ đến. “Vậy anh giúp tôi lấy dụng cụ của Arthur nhé, làm ơn được không?”

“Cô cần nó để làm gì?” anh ta hỏi, vô cùng bối rối.

“Để phá khóa nhà kho.”

“Cái gì?!”

“Chỉ là ...” tôi cố tìm lời phù hợp, “Làm ơn hãy giúp tôi. Chúng ta không có nhiều thời gian, tôi sẽ giải thích mọi thứ sau. Nhưng bây giờ anh làm ơn, làm ơn giúp tôi có được không? Mấy người họ chẳng mấy khi ra khỏi nhà, đây là cơ hội duy nhất của tôi.”

Anh ta im lặng nghĩ ngợi hồi lâu. Vừa nghĩ vừa xoay xoay lọ thuốc trong tay. “Okay.”

Trong khi Weseley chạy vào ga ra kiêm nhà xưởng bên cạnh ngôi nhà, tôi sốt sắng đi đi lại lại ngoài vườn, hy vọng họ sẽ không quay về trước khi tôi có cơ hội tìm kiếm rõ ràng. Tôi ngừng bước đi để nhìn sang ngôi nhà một tầng, muốn xem xem liệu miếng thủy tinh đã phản chiếu ánh sáng thẳng vào phòng tôi có còn đó hay không. Nó đã biến mất. Nhưng có một vật trong vườn thu hút sự chú ý của tôi. Một cái hộp. Tôi bước lại gần hơn.

“Weseley,” anh ta lập tức nghe thấy âm sắc cảnh báo trong giọng nói của tôi liền quay lại nhìn theo hướng tay tôi chỉ.

“Cái gì thế?” anh ta hỏi.

Tôi sang đường để xem xét cái hộp. Weseley đi theo sau tôi. Nó được bọc ngoài bằng giấy nâu, phía trước mặt có ghi tên tôi cùng một dòng chữ “Chúc mừng sinh nhật.”

Tôi cầm hộp lên và nhìn quanh. Chẳng có ai sau những ô cửa sổ, hay đằng sau tấm rèm lưới. Tôi gỡ giấy nâu ra, và bên trong là cái hộp đựng giày màu nâu. Tôi nhắc nắp hộp lên, trong đó là chùm đèn xoay

bằng thủy tinh đẹp nhất trên đời, những chuỗi những viên hình giọt nước mắt đủ cỡ xen lẫn những khối hình trái tim, được nối với nhau bằng những sợi dây xỏ qua những cái lỗ nhỏ tí xíu. Tôi nhắc nó lên, giơ nó ra trước ánh sáng, chùm đèn sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời và quay tròn trong làn gió hây hây. Tôi mỉm cười và nhìn vào trong nhà để vẫy tay, để mỉm cười, để cảm ơn một người nào đó.

Chẳng có gì.

“Cái quái gì...” Weseley nói trong lúc ngắm nghía món đồ thủy tinh.

“Một món quà. Dành cho tôi.”

“Tôi không biết hôm nay là ngày sinh nhật cô,” anh cầm lấy chùm đèn và xem xét.

“À, bà ấy thì có.”

“Ai cơ? Mẹ Rosaleen à?”

“Không...” tôi nhìn chăm chăm vào ngôi nhà một tầng thêm lần nữa. “Người phụ nữ.”

Anh ta lắc đầu. “Vậy mà tôi đã nghĩ cuộc sống của mình thật kì lạ rồi cơ đấy. Người phụ nữ đó là ai nhỉ? Ba mẹ tôi không nghĩ còn ai đó ngoài bà Reilly sống ở đó.”

“Tôi không biết nữa.”

“Chúng ta hãy gặp bà ấy. Để nói lời cảm ơn.”

“Anh nghĩ tôi nên làm thế?”

Anh ta đảo mắt. “Cô nhận được món quà, đó là cơ hội hoàn hảo để đi vào trong kia.”

Tôi cắn môi và nhìn vào ngôi nhà.

“Trừ phi cô sợ, tất nhiên rồi.”

Và chính xác như thế.

“Không, ngay lúc này chúng ta có nhiều việc quan trọng hơn để làm,” tôi nói. Tôi băng qua đường, hối hả đi ra vườn sau để tới chỗ gara.

“Cô biết đấy, xơ Ignatius đã phát điên khi cố gắng tìm gặp cô. Hôm trước cô cứ thế bỏ chạy, cô làm bà ấy phát hoảng. Cô làm cả hai chúng tôi phát hoảng.”

Tôi liếc mắt nhìn Weseley trong khi anh ta lục lọi trong hộp dụng cụ để tìm thứ thích hợp cho việc phá khóa.

“Tôi đã nghe nói về những gì xảy ra. Cô không sao chứ?”

“Vâng, tôi ổn cả. Tôi không muốn nói về chuyện đó,” tôi gắt gỏng. “Cảm ơn anh,” tôi nói thêm nhẹ nhàng hơn.”

“Nghe nói bạn trai cô gặp chút rắc rối.”

“Tôi đã nói tôi không muốn nhắc tới chuyện đó rồi cơ mà,” tôi gắt lên. “Và anh ta không phải bạn trai tôi.”

Nghe đến đó, anh ta bắt đầu phá lên cười. “Vậy thì cô biết tôi cảm thấy thế nào rồi đấy.”

Bất chấp tất cả những gì đã xảy ra sáng hôm đó, tôi mỉm cười.

Weseley không mất mấy thời gian để mở khóa. Chúng tôi bước vào trong, ngay lập tức tôi đối diện với cuộc sống cũ của mình, tất cả chúng đang được xếp chồng chồng lên nhau, lẫn lộn chẳng theo thứ tự nào, phòng bếp lẫn vào phòng khách, phòng ngủ của tôi trùm lên phòng chơi, phòng ngủ dành cho khách lẫn với khăn tắm trong buồng tắm. Chúng ăn nhập với nhau cũng hoàn hảo như ý nghĩ trong đầu tôi vậy. Ghế xa lông bọc da, ti vi plasma, những món đồ có hình dạng kì

cục trông có vẻ rẻ tiền và vô hồn sau thế giới tôi đã sống trong vài tháng vừa qua.

Điều làm tôi bận tâm nhiều hơn là được thấy tận mắt thứ Rosaleen và Arthur giấu trong này. Weseley lật tấm phủ bụi ở tận trong cùng nhà kho lên, tôi thực sự chẳng bị ấn tượng mấy. Chỉ lại thêm những món đồ cũ, bị thời gian hủy hoại, bị mặc cho mỗi xông một găm. Tôi không rõ mình trông đợi cái gì nữa - có thể là một hai xác chết. Một máy in tiền, những hộp đựng súng đạn, một lối đi bí mật xuống tầng hầm của Rosaleen. Bất cứ thứ gì, ngoại trừ đồng đồ đạc mỗi một nặng mùi này.

Tôi quay lại chỗ đồ đạc của mình. Weseley liền đi theo, thỉnh thoảng lại ô a trước vài món đồ, trong khi lượn quanh thùng hộp. Tạm nghỉ giữa cuộc điều tra phần cuộc sống giấu kín của Arthur và Rosaleen, chúng tôi ngồi xuống cái ghế xa lông từng được kê trong phòng khách của gia đình tôi, ngắm qua quyển album ảnh của tôi trong khi Weseley bật cười trước những giai đoạn khác nhau trên chặng đường vị thành niên của tôi.

“Đây là ba cô à?”

“Phải,” tôi mỉm cười, ngắm khuôn mặt tươi vui rạng rỡ của ông, ông đang đứng trên sàn nhảy tại một đám cưới của người bạn. Ba rất thích nhảy. Ông nhảy rất cừ.

“Ba cô trẻ quá.”

“Phải.”

“Chuyện gì xảy ra vậy?”

Tôi thở dài.

“Cô không cần phải kể về nó nếu không muốn.”

“Không có gì,” tôi nuốt khan. “Chỉ là ông ấy vay nhiều tiền quá và không có tiền trả. Ba tôi là nhà đầu tư bất động sản và rất thành công. Ông ấy có tài sản khắp thế giới. Mẹ con tôi không biết rõ, nhưng ba gặp rắc rối lớn. Ông bắt đầu bán đi mọi thứ để trả nợ.”

“Ba cô không nói với cô việc ông ấy gặp rắc rối sao?”

Tôi lắc đầu. “Ông ấy quá kiêu hãnh. Ông ấy sẽ có cảm giác làm mẹ con tôi thất vọng.” Mắt tôi ướt nhòa, “Nhưng chắc tôi cũng sẽ chẳng buồn quan tâm. Thực sự là thế.” Tôi phản đối quá nhiều. Tôi có thể hình dung cảnh ba đang cố nói cho tôi biết ba đang muốn bán đi mọi thứ. Tất nhiên tôi hẳn sẽ quan tâm, hẳn tôi sẽ rên rẩy và ngưng nguẩy, tôi sẽ chẳng chịu hiểu, tôi sẽ thấy bẽ mặt về những gì mọi người nghĩ về chúng tôi. Tôi chắc sẽ thấy nhớ Marbella vào mùa hè, Verbiers vào dịp Năm Mới. Chắc tôi sẽ gất vào mặt ông, gọi ông là đủ thứ trên đời, và chắc là tôi sẽ dùng dùng bỏ vào phòng và đóng sầm cửa lại. Hồi đó tôi đúng là một con heo tham lam. Tôi ước gì ba tôi đã cho tôi cơ hội để hiểu, tôi ước gì ông đã bảo tôi ngồi xuống, nói khó khăn ông gặp phải và đáng ra chúng tôi cần cùng nhau vượt qua nó. Tôi hẳn sẽ chấp nhận sống ở bất cứ nơi nào, trong một căn phòng, trong một tòa lâu đài đồ nát ngay bây giờ nếu điều đó có nghĩa là tất cả chúng tôi được ở bên nhau.

“Giờ tôi chẳng bận tâm tới chuyện bị mất thứ gì nữa, tôi muốn có ba ở bên mỗi ngày hơn,” tôi thút thít. “Giờ thì mẹ con tôi đã mất hết mọi thứ, kể cả ông. Ý tôi là, có gì đáng chú. Khi bọn họ tịch thu ngôi nhà, tôi nghĩ đó là đòn chí tử với ông ấy.” Tôi nhớ lại khi ông ấy đánh golf cùng mẹ, khuôn mặt ông ấy đầy nghiêm túc khi ông ấy nhìn ra xa dõi theo trái banh của mình. “Họ có thể lấy đi tất cả, nhưng không phải là ngôi nhà.”

Tôi giờ sang trang và cả hai chúng tôi cùng bật cười. Trong ảnh là tôi, mất cả hai răng cửa, đang ôm lấy chuột Mickey trong Disney World.

“Cô không... tôi không biết nữa, giận ông ấy chứ? Nếu ba tôi làm thế, tôi sẽ...” Weseley lắc đầu, không tài nào hình dung nổi điều đó.

“Có chứ,” tôi đáp. “Tôi đã rất giận ba trong một thời gian dài. Nhưng trong mấy tuần vừa rồi, tôi đã nghĩ về những điều chắc hẳn ông ấy phải trải qua. Thậm chí cả vào những ngày tệ hại nhất đời mình, tôi cũng không thể nào làm điều ông ấy đã làm, chắc hẳn ba đã phải chịu đựng áp lực khủng khiếp lắm, chắc ông phải khổ sở lắm. Hẳn ông ấy đã cảm thấy bị mắc kẹt, hẳn ông ấy không còn muốn ở lại thêm nữa. Và... vậy đấy, khi ông ấy mất họ không thể lấy thêm gì nữa. Mẹ và tôi được bảo vệ.”

“Cô nghĩ ông làm thế vì cô?”

“Tôi nghĩ ba làm thế vì rất nhiều lí do. Vì mọi lí do sai lầm, nhưng với ông, tất cả chúng đều đúng đắn.”

“À, tôi nghĩ cô rất dũng cảm,” Weseley nói và tôi ngược lên nhìn anh ta, cố không òa khóc.

“Tôi chẳng cảm thấy dũng cảm chút nào cả.”

“Có đấy,” anh ta nói. Mắt chúng tôi gặp nhau.

“Tôi đã phạm phải những lỗi lầm ngu ngốc đáng hổ thẹn nhất trên đời,” tôi lầm bầm.

“Cái đó cũng chẳng sao. Chúng ta ai cũng phạm sai lầm cả,” anh ta mỉm cười tươi tắn.

“À, tôi không nghĩ tôi đã phạm sai lầm nhiều bằng anh,” tôi nói cố thêm, cố làm không khí nhẹ nhàng hơn. “Đường như anh luôn phạm những sai lầm khác nhau với những người khác nhau mỗi tối.”

Anh ta bật cười. “Okay, hãy xem Rosaleen giấu cái gì dưới này nào.”

Không tài nào rời mắt khỏi những quyển album ảnh, tôi bắt đầu xem sang một quyển khác và tìm ra những bức ảnh chụp hồi còn bé của mình. Tôi đắm chìm trong thế giới khác, trong quãng thời gian đã mất. Ở đâu đó đằng sau tôi có thể nghe thấy Weseley đang bình phẩm về những gì anh ta tìm thấy, nhưng tôi mặc kệ anh ta. Thay vì thế, tôi nhìn chăm chăm vào ba đẹp đẽ của tôi, thật hạnh phúc phong độ, và cả mẹ nữa. Rồi đến bức ảnh chụp lễ rửa tội của tôi. Chỉ có tôi và mẹ. Tôi thật bé bỏng trong vòng tay mẹ, đến nỗi tất cả những gì có thể nhìn thấy dưới lớp tã trắng bong là cái đầu tí xíu hồng hồng.

“Ái chà chà, Tamara, thử nhìn cái này xem.”

Tôi mặc kệ anh ta, đắm chìm trong bức ảnh tôi và mẹ chụp ở nhà thờ, mẹ bồng tôi trên tay, khuôn mặt bà rạng rỡ nụ cười tươi rói. Người chụp bức ảnh, tôi đoán là ba, đã để ngón tay lên ống kính để che đi khuôn mặt vị tu sĩ. Biết rõ về ba, tôi đoán nhiều khả năng đây là có chủ ý. Tôi vuốt ve ngón tay to tướng sáng lên vì đèn flash của ông và bật cười.

“Tamara, nhìn tất cả những thứ này xem.”

Bức ảnh chụp nửa người tu sĩ, mẹ, tôi trên tay bà ở bên chậu nước thánh rửa tội, một người nữa bị cắt bỏ bên phải nhờ những thủ thuật nhiếp ảnh ma lanh, nhưng có bàn tay ai đó đang đặt lên đỉnh đầu tôi. Một bàn tay phụ nữ, tôi có thể đoán được từ chiếc nhẫn trên tay người này. Rất có thể là Rosaleen, mẹ đỡ đầu của tôi, người dường như chẳng bao giờ làm như mẹ đỡ đầu bạn tôi vẫn làm, nghĩa là gửi thiệp mừng tới vào mọi dịp, kèm theo tiền trong đó. Không đâu, mẹ đỡ đầu của tôi muốn dành thời gian cho tôi kìa. Thật muốn ới.

“Tamara,” Weseley nắm lấy tôi khiến tôi nhảy dựng lên. “Hãy nhìn cái này xem,” mắt anh ta mở to. Anh ta cầm lấy tay tôi, cảm giác

râm ran vệt chạy khắp cánh tay tôi.

Tôi nhét bức ảnh lễ rửa tội vào túi quần rồi đi theo anh ta.

Mọi cảm giác kì cục tôi cảm thấy với anh ta nhanh chóng bốc hơi hết trội. Tôi nhìn quanh khu vực Weseley vừa vén vải phủ lên.

“Có chuyện gì to tát vậy?” tôi hỏi, chẳng hề cảm thấy ấn tượng nào. Cảnh tượng trước mắt đâu có đáng kích động như anh ấy tỏ vẻ. Những món đồ cũ nhất tôi từng được thấy qua. Sách, bài poker, đồ gốm, tranh vẽ, tất cả đều được trùm kín, những cuộn vải rèm, thảm trải sàn, lò sưởi xếp tựa đầu giường, rồi đủ loại đồ trang trí.

“Có chuyện gì to tát ư?” mắt anh ta mở to trong khi anh ta nhảy từ chỗ nọ sang chỗ kia nhặt cái này rồi cái khác lên, vén vải phủ mấy bức tranh sơn dầu vẽ mấy đứa trẻ bộ dạng xấu xa với cổ áo dựng lên cao quá vành tai, và những quý bà béo phì chẳng hấp dẫn chút nào với bộ ngực xò xè, hông rộng kèn càng và đôi môi mỏng quệt. “Hãy nhìn tất cả những thứ này coi, Tamara, nhìn coi, cô không nhận ra gì sao?”

Anh ta lôi một tấm thảm lăn trải trên sàn nhà bụi bặm.

“Weseley, đừng có làm bừa bộn,” tôi gắt gỏng, “Chúng ta không có nhiều thời gian trước khi họ quay về đâu.”

“Tamara, mở mắt ra nào. Hãy nhìn những chữ cái viết tắt.”

Tôi sẫm soi tấm thảm, món đồ bụi bặm trông giống thảm treo tường hơn là thảm trải sàn. Trên khắp mặt thảm là những chữ K.

“Và nhìn cái này coi,” Weseley mở một thùng sứ ra. Lần này cũng vậy, tất cả đĩa, tách uống trà, dao ăn và nĩa đều mang chữ K ở trên. Một con rồng uốn quanh một thanh kiếm leo lên từ ngọn lửa. Rồi tôi nhớ từng thấy cùng biểu tượng này trên vòm lò sưởi trong phòng khách của ngôi nhà bên cổng.

“K,” tôi lí nhí. “Tôi không hiểu nó. Tôi không...” Tôi lắc đầu, nhìn quanh gian kho thoát đầu có vẻ như một nhà chứa rác song giờ đây lại giống như một kho báu.

“K nghĩa là...” Weseley chậm rãi nói như thể tôi là một cô nhóc con, và anh nhìn tôi, nín thở.

“Kangaroo,” tôi nói, “Tôi không biết đâu, Weseley, tôi thấy rối tinh rối mù, tôi không...”

“Kilsaney,” anh ta nói, một cơn ớn lạnh lan khắp người tôi.

“Cái gì? Không thể nào,” tôi nhìn quanh. “Làm thế nào bọn họ có tất cả những thứ này?”

“À, hoặc bọn họ đã đánh cắp chúng...”

“Đúng rồi!” chuyện này nghe thật có lý đối với tôi. Họ là kẻ trộm, không phải Arthur mà là Rosaleen. Tôi có thể tin điều đó.

“Hoặc họ cất giữ chúng cho nhà Kilsaney,” Weseley ngắt lời tôi. “Hoặc...” anh ta cười cợt nhìn tôi, hai bên lông mày hết nhướng lên rồi hạ xuống.

“Hoặc là gì?”

“Hoặc họ chính là người nhà Kilsaney.”

Tôi xì một cái, bác bỏ ý tưởng ngay lập tức rồi trở nên trở nên bị phân tâm vì một ánh đỏ lấp ló dưới cuộn thảm Weseley đã hát nhào. “Quyển album ảnh!” tôi thốt lên, nhìn chăm chăm vào quyển album đỏ tôi tìm thấy trong thư viện phòng khách vào tuần đầu tiên tôi tới đây. “Tôi đã biết tôi không hề tưởng tượng ra nó mà.”

Chúng tôi ngồi xuống xem qua quyển album, trong khi cận kề thời điểm Arthur và Rosaleen có thể sẽ quay về. Trong đó là những bức ảnh đen trắng chụp những đứa trẻ, một số có màu nâu đỏ.

“Có nhận ra ai không?” Weseley hỏi.

Tôi lắc đầu và anh ta tăng tốc lật giở các trang.

“Đợi đã.” Một bức ảnh chợt đập vào mắt tôi. “Giở ngược lại.”

Có một bức ảnh chụp hai đứa trẻ, xung quanh là cây cối. Một cô bé và cậu bé lớn hơn vài tuổi. Hai đứa trẻ đứng đối diện nhau, nắm tay nhau, trán chạm trán. Một hình ảnh về cử chỉ chào hỏi kì lạ giữa Arthur và mẹ vào ngày đầu tiên ở đây của chúng tôi chợt lóe trong tâm trí tôi.

“Đó là mẹ tôi và Arthur,” tôi mỉm cười nói. “Chắc lúc đó mẹ mới chỉ khoảng năm tuổi.”

“Nhìn Arthur xem, thậm chí lúc còn nhỏ ông ấy cũng chẳng đẹp trai lắm,” Weseley đùa cợt, nghiêng đầu ngắm nghía bức ảnh kĩ hơn.

“A, đừng xấu tính thế chứ,” tôi bật cười. “Nhìn họ xem tôi chưa bao giờ thấy ảnh mẹ hồi bé.”

Trang tiếp theo có một bức ảnh chụp mẹ tôi, Arthur, Rosaleen và một cậu bé khác.

Tôi há hốc miệng thảng thốt.

“Mẹ cô và Rosaleen biết nhau hồi còn bé,” Weseley nói. “Cô có biết chuyện này không?”

“Không,” tôi không thờ nổi. Tôi thấy chóng mặt. “Không thể nào, chưa từng có ai nhắc tới chuyện này.”

“Anh chàng cuối hàng là ai thế nhỉ?”

“Tôi không biết.”

“Mẹ cô có còn anh em trai nào nữa không? Anh ta có vẻ trông lớn tuổi nhất.”

“Không, mẹ tôi không có. Ít nhất là bà chưa bao giờ nhắc đến...”

Weseley luồn bàn tay vào dưới lớp ni lông và lấy bức ảnh ra.

“Weseley!”

“Chúng ta đã đi xa đến mức này, cô có muốn biết toàn bộ chuyện này không?”

Tôi nuốt khan rồi gật đầu.

Weseley lật mặt sau bức ảnh lên.

Trên đó viết: *Artie, Jen, Rose, Laurie. 1979*

“Có vẻ là Laurie,” Weseley. “Có gợi ý gì cho cô không? Tamara, trông cô cứ như vừa nhìn thấy ma ấy.

Dòng chữ **Laurence Kilsaney HÃY YÊN NGHỈ** trên tấm bia mộ.

Arthur đã gọi Rosaleen là “Rose” trong xe trên đường từ Dublin quay về.

Ba từ Rose yêu Laurie được khắc trên cây táo.

“Ông ta chính là người chết trong đám cháy ở lâu đài. Laurence Kilsaney. Tên ông ta có trên một ngôi mộ tại khu nghĩa địa của gia đình Kilsaney.”

“Ồ.”

Tôi nhìn chăm chăm vào bức ảnh bốn người họ, tất cả đều mỉm cười, khuôn mặt thật ngây thơ, mọi thứ vẫn còn phía trước họ, một tương lai đầy hứa hẹn. Mẹ và Arthur đang nắm chặt tay nhau, Laurence thoải mái đưa cánh tay quàng lên cổ Rosaleen, bàn tay nhẹ nhàng thả lỏng buông xuống ngực bà. Ông ta đứng trên một chân trụ, chân kia bắt chéo qua nó làm dáng. Trông ông ta có vẻ đầy tự tin, thậm

chí kênh kiệu. Cầm ông ta ghéch lên, ông ta mỉm cười nhìn vào ống kính với bộ dạng như thể vừa hét lên điều gì đó với người chụp hình.

“VẬY là mẹ tôi, Arthur và Rosaleen từng cùng chơi với một người nhà Kilsaney,” tôi nói to suy nghĩ của mình thành tiếng. “Thậm chí tôi còn chẳng biết bà đã từng sống ở đây.”

“Cũng có thể không, có khi mẹ cô tới đây vào kỳ nghỉ.” Weseley tiếp tục lật giở. Tất cả bức ảnh đều chụp cùng bốn người họ, tất cả cùng ở các độ tuổi khác nhau, tất cả cùng kề vai bên nhau. Một vài bức ảnh chụp riêng từng người, vài bức chụp hai người một, nhưng phần lớn chụp cả bốn người. Mẹ tôi là người trẻ nhất, Rosaleen và Arthur gần tuổi nhau hơn, còn Laurence lớn tuổi nhất, luôn nở một nụ cười hết cỡ với một cái nhìn tinh quái ánh lên trong đôi mắt. Thậm chí từ khi còn là một cô bé, Rosaleen đã có vẻ già hơn, với ánh mắt cứng rắn, và nụ cười chẳng bao giờ mở rộng hơn những người khác.

“Nhìn này, tất cả họ đang ở trước ngôi nhà bên cổng,” Weseley chỉ về bốn người bạn đang ngồi trên bức tường của khu vườn. Không có gì thay đổi ngoại trừ một số thân cây trong vườn giờ đã lớn lên và to ra nhiều, nhưng hồi đó chỉ vừa được trồng và còn là cây con. Cánh cổng, ngôi nhà, mọi thứ vẫn y nguyên như thế.

“Đây là mẹ tôi trong phòng khách, vẫn cái lò sưởi đó.” Tôi xem xét bức ảnh thật kỹ. “Vẫn là giá sách đó. Thử nhìn phòng ngủ xem,” tôi há hốc miệng. Đó là căn phòng tôi đang ở bây giờ. Nhưng tôi không hiểu. Bà đã sống ở đây, đã lớn lên ở đây.

“Cô thực sự không biết gì về những chuyện này sao?”

“Không,” tôi lắc đầu, cảm thấy cơn đau đang tới, cái đầu khốn khổ của tôi đang bị quá tải với quá nhiều thông tin và quá ít câu trả lời. “Ý tôi là, tôi biết mẹ từng sống ở vùng nông thôn nhưng... tôi nhớ khi chúng tôi tới thăm Arthur và Rosaleen hồi tôi còn bé, ông tôi vẫn luôn ở đây, bà tôi mất khi mẹ còn trẻ. Tôi nghĩ chắc ông cũng đang tới thăm

Arthur và Rosaleen, nhưng... Chúa ơi, chuyện gì đang diễn ra vậy? Sao tất cả họ đều nói dối?”

“Nhưng chính xác thì họ đâu có nói dối, phải không nào?” Weseley cố làm dịu cơn choáng váng.” Chỉ là họ không cho cô biết họ đã sống ở đây. Điều đó, nói chính xác ra, cũng chẳng phải bí mật đáng kinh ngạc nhất trên thế giới.”

“Và họ chẳng hề nói cho tôi biết thực ra họ đã biết Rosaleen trong suốt cuộc đời, rằng họ đã sống trong ngôi nhà bên cổng và họ từng quen biết gia đình Kilsaney. Cũng chẳng phải gì nhiều, nhưng vẫn là có nếu anh giữ nó như một bí mật. Nhưng tại sao họ lại giấu giếm chuyện đó? Còn có gì họ đang giấu tôi nữa đây?”

Weseley rời mắt khỏi tôi, tiếp tục lật giở các trang album ảnh như thể để tìm câu trả lời của tôi. “Này, nếu ông cô từng sống trong ngôi nhà bên cổng, nghĩa là ông ấy làm việc quản lý lãnh địa ở đây. Ông ấy từng làm việc của Arthur.”

Một hình ảnh khiến tôi sững sờ vụt qua hiện qua trong tâm trí, lúc ấy tôi vẫn còn nhỏ, ông tôi đang quỳ xuống, hai bàn tay ngấp trong đất mùn. Tôi còn nhớ thứ cấu đen ở móng tay ông, một con giun ngoằn ngoèo bò trong đất, ông chộp lấy nó và giơ lên đong đưa gần sát mặt tôi, tôi kêu ré lên, còn ông thì bật cười, và đưa tay ôm tôi. Ở ông luôn tỏa ra mùi đất và cỏ. Các móng tay ông luôn cấu đen.

“Tôi không biết liệu có bức ảnh nào chụp người phụ nữ không,” tôi lật giở sang các trang tiếp theo.

“Người phụ nữ nào?”

“Người phụ nữ trong ngôi nhà một tầng đã chế tạo nên những mảnh thủy tinh.”

Chúng tôi chăm chú xem những trang tiếp theo, tim tôi đập thành thịch thật to trong lồng ngực, tôi nghĩ mình sắp lẫn nhào ra ngất xỉu

mắt. Tôi bắt gặp những bức ảnh nữa chụp Rosaleen và Laurence cùng nhau.

Rose và Laurie, 1987.

“Tôi nghĩ Rosaleen đã yêu Laurence,” tôi nói, đưa ngón tay lần theo khuôn mặt họ.

“Ừ, à,” Weseley nói, tay lật sang một trang khác. “Nhưng Laurence không yêu Rosaleen.”

Tôi nhìn vào bức ảnh tiếp theo mắt mở to. Ở trang kế bên là một bức ảnh mẹ, một cô gái vị thành niên, xinh đẹp, tóc vàng để dài, cười tươi hết cỡ, hàm răng hoàn hảo, Laurence đang khoác một cánh tay ôm người mẹ, và đang hôn má bà cạnh thân cây có khắc chữ.

Jen và Laurie 1989.

Tôi nhìn phía sau bức ảnh.

“Có khi họ chỉ là bạn bè thôi...” Weseley chậm rãi nói.

“Weseley, nhìn họ mà xem.”

Đó là tất cả những gì tôi cần nói. Phần còn lại đã rõ ràng rành rành để có thể nhìn thấy, đang nằm ngay đó trước mắt chúng tôi. Họ là hai người yêu nhau.

Tôi nghĩ về những gì mẹ nói với tôi khi tôi từ khu vườn hồng quay về hôm đầu tiên tôi gặp xơ Ignatius. Tôi đã nghĩ bà nói không chuẩn xác, tôi cứ ngỡ rằng bà muốn nói với tôi là tôi xinh đẹp như một bông hồng. Nhưng nhớ đâu bà có hàm ý chính xác như những gì bà đã nói thì sao, rằng “*Con xinh đẹp hơn Rose.*”

Và ở cách xa hai người, bên phía rìa đối diện bức ảnh, Rosaleen ngồi trên một tấm thảm vải kẻ ca rô, bên cạnh một cái giỏ đựng đồ ăn picnic, đang lạnh lùng nhìn chằm chằm vào ống kính.

Chương 22: Căn phòng tối

Tôi không biết chúng tôi còn bao nhiêu thời gian nữa cho tới khi Rosaleen và Arthur quay về cùng mẹ tôi, hay liệu họ có quay về cùng bà hay không, nhưng tôi không còn bận tâm về việc bị bắt quả tang nữa. Tôi đã phát chán với những bí mật của họ, phát mệt vì việc phải nhón chân rón rén đi vòng quanh, cố tìm hiểu những gì đang bị che đậy khi không ai để mắt tới. Weseley, hoàn toàn ủng hộ trước hành động tiếp theo của tôi, dẫn tôi đến ngôi nhà một tầng nằm bên kia đường. Cả hai chúng tôi đã tìm kiếm những câu trả lời, và chưa bao giờ trong đời mình tôi gặp một người như Weseley, luôn sẵn sàng giúp tôi nhiều đến thế. Tôi nghĩ tới xơ Ignatius và tìm tôi thất lại. Tôi đã bỏ rơi bà, tôi cũng cần phải gặp bà nữa. Tôi nhớ một trong những lần gặp đầu tiên giữa hai chúng tôi, xơ đã nắm lấy tay tôi và nói bà sẽ không bao giờ nói dối tôi như thế nào. Bà sẽ luôn nói cho tôi sự thật. Xơ biết điều gì đó. Bây giờ nghĩ lại, tôi chợt hiểu thực ra bà đã nói với tôi ngay lần tôi gặp bà là bà biết chuyện gì đó, bà đã rất rõ ràng yêu cầu tôi hỏi bà, và tôi chưa bao giờ nhận ra điều đó cho tới tận lúc này.

Weseley dẫn tôi đi xuôi xuống lối đi bên hông nhà, hai đầu gối tôi run lẩy bẩy trong lúc bước đi, và tôi chờ đợi chúng quy xuống bất cứ lúc nào, làm tôi đổ ập xuống đất như một ngôi nhà dựng bằng các lá bài. Buổi sáng đang tối sầm lại và gió đang nổi lên mỗi lúc một mạnh thêm. Bây giờ mới tầm giữa trưa, vậy mà bầu trời đã đầy mây, những đám mây to xám xịt đã tập hợp lại, cứ như thể đôi mắt của bầu trời đã bị che phủ dưới đôi lông mày rậm rịt, vàng trán của nó cau lại đầy quan ngại trong lúc theo dõi tôi.

“Tiếng động gì vậy?” Weseley hỏi khi chúng tôi đi đến cuối con đường.

Chúng tôi dừng lại lắng nghe. Đó là tiếng lanh canh.

“Thủy tinh,” tôi thì thầm. “Chúng va đập vào nhau trong gió.”

Một âm thanh khiến người ta thoáng bất an. Không giống tiếng lanh canh của chuông gió, nghe như tiếng thủy tinh vỡ, khi những viên thủy tinh nhỏ, tròn trịa hay có góc cạnh, va vào nhau trong gió. Bị nhún lên hàng trăm lần, chúng tạo thành thứ âm thanh thật quái lạ.

“Tôi sẽ tới đó kiểm tra xem sao,” Weseley nói khi chúng tôi bước vào vườn rau. “Cô sẽ ổn thôi, Tamara. Chỉ cần nói với bà ấy là xong. Sau đó bà ấy có thể nói với cô nhiều hơn.”

Tôi bồn chồn nhìn theo anh ta bước đi qua bãi cỏ, qua trước mặt nhà xưởng và biến mất vào bãi thủy tinh.

Tôi quay sang phía sau ngôi nhà và nhìn qua các ô cửa sổ. Phòng bếp vắng tanh. Tôi khẽ gõ lên cửa sau và đợi, không có ai trả lời. Bằng một bàn tay run rẩy, và tôi thầm mắng mình vì đã xúc động như thế, tôi nắm lấy tay cầm cửa và kéo xuống. Cánh cửa mở ra. Tôi kéo cánh cửa hé ra một chút và ngó vào trong. Có một lối đi hẹp queo thẳng qua góc phải. Có ba cánh cửa phía trong lối đi, tất cả đều đóng. Một cửa bên phải, hai cửa bên trái. Cánh cửa thứ nhất dẫn vào bếp, và tôi đã biết trước chẳng có ai trong đó. Tôi bước vào trong, cố gắng giữ cánh cửa để không cảm thấy mình không bị sập bẫy và để không cảm thấy mình bị cắt đứt với bên ngoài, nhưng gió thổi mạnh đến mức làm cánh cửa đóng sập lại. Tôi giật bắn mình và một lần nữa nhủ thầm mình thật ngốc nghếch làm sao. Một bà lão, còn là người tặng tôi một món quà, khó lòng có thể làm hại tôi. Tôi gõ nhẹ lên cánh cửa bên phải. Không có tiếng trả lời, vậy là tôi nhẹ nhàng vặn tay nắm và từ tốn mở cửa. Đó là phòng ngủ, hiển nhiên là của một bà lão. Trong phòng sực mùi ẩm mốc, bột talc và thuốc khử trùng TCP. Trong phòng có một cái giường gỗ cũ kỹ sẫm màu có chần lông vịt vải hoa, cạnh giường để một đôi dép và một tấm thảm trải giường màu xanh cổ vịt từ những năm tám

mười đã trải qua không ít lần giũ và hút bụi. Có một cái tủ đứng trợ trợ một mình, có lẽ là nơi chứa đựng tất cả của nả trần tục của chủ nhân. Một bàn trang điểm nhỏ có tấm gương đã ố mờ kê áp vào bức tường có gắn cửa, một cây lược chải tóc, mấy lọ thuốc, chuỗi tràng hạt cầu nguyện và quyển Kinh Thánh được để ngăn nắp trên mặt bàn. Đối diện với giường là khung cửa sổ nhìn về vườn sau. Ngoài ra trong phòng chẳng có thứ gì khác, chẳng có ai.

Tôi nhẹ nhàng đóng cửa lại và tiếp tục bước xuôi hành lang. Thảm trải sàn được phủ bởi một tấm lót nhựa là lạ, như thể để giữ cho gạch lát luôn sạch. Nó làm vang lên những kèn kẹt dưới chân tôi, và tôi lấy làm ngạc nhiên khi chẳng ai nghe thấy tôi đang tới. Trừ khi người phụ nữ trong nhà xưởng, nghĩa là có thể bà sẽ gặp Weseley. Tôi lạnh cứng người và thiếu chút nữa thối lui ra ngoài, nhưng tôi đã đi xa tới mức này và không lùi lại được nữa. Tôi đi tới tận cùng hành lang, đến chỗ nó quẹo qua phải. Có thêm một cánh cửa nữa ở cuối phòng dẫn đến phòng coi tivi, căn phòng tôi đã nhìn qua cửa sổ. Với tiếng tivi mở lớn đến mức tôi có thể nghe thấy tiếng đồng hồ đếm lùi tích tắc, tôi đoán mẹ Rosaleen đang ở trong đó, nhưng nói cho cùng tôi có bận tâm về bà lão thì lúc này không phải lúc giới thiệu bản thân. Mà cũng chẳng phải tôi đang kiếm bà. Có một sảnh nhỏ ở phía cửa trước, và bên trái tôi có một cánh cửa nữa, đằng sau nó tôi đoán là phòng ngủ thứ hai.

Tôi gõ cửa khẽ đến mức thậm chí cả chính tôi cũng chẳng thể nghe thấy. Lần thứ hai, tôi gõ mạnh hơn và đợi lâu hơn, nhưng chẳng có tiếng động nào.

Tôi xoay tay nắm cửa. Cửa không khóa, nó có thể mở ra.

Với trí tưởng tượng hoạt động quá mức của mình, tôi đã hình dung nhiều về những bí mật của Rosaleen trong mấy tháng vừa qua, nhưng cũng có thể trong nhiều năm, nhưng trên thực tế tất cả chúng đã làm thất vọng; những thứ tìm được trong ga ra, trong khi khiến tôi kinh

ngạc và bị tổn thương vì đã không biết Arthur và mẹ từng là bạn bè từ thuở bé, chúng vẫn chẳng hề đạt tầm cỡ của những kịch bản tôi đã hình dung trong đầu mình. Bí ẩn ban đầu đằng sau ngôi nhà hóa ra lại là bà mẹ ốm yếu của mẹ, những xác chết trong ga ra thực ra lại là tất cả những gì lột khỏi lâu đài. Trong khi làm tôi tò mò, khám phá này có phần thất vọng vì nó không tương xứng với mức độ căng thẳng tôi cảm thấy quanh Rosaleen. Nó không tương xứng với mức độ bí hiểm Rosaleen đã che đậy.

Lần này tôi đã không bị thất vọng.

Lần này tôi đã ước được thấy những tấm thảm từ thập kỷ bảy mươi, những món đồ gỗ sẫm màu, mùi ẩm mốc và một phòng ngủ bài trí tẻ nhạt. Vì những gì nhìn thấy làm tôi choáng váng đến tận xương tủy, tôi chỉ đứng đó, cứng đờ như đóng băng, mồm há hốc, không thể thở được bình thường.

Trên cả ba bức tường còn lại, phủ kín từ sàn tới tận trần nhà là những bức ảnh của tôi. Tôi khi còn bé xíu, tôi trong lễ ban thánh thể, tôi trong một lần tới thăm ngôi nhà bên cổng hồi ba tuổi, bốn tuổi, sáu tuổi. Tôi trong các vở kịch tại trường, các buổi tiệc sinh nhật và các bữa tiệc khác, tôi trong vai cô bé cầm hoa trong đám cưới người bạn mẹ, mặc đồ phù thủy dịp Halloween, rồi một bức vẽ nguệch ngoạc của tôi năm đầu tiên đi học. Có một bức ảnh tôi ở lối vào ngôi nhà bên cổng chỉ mới chụp tuần trước, ngồi trên tường, vung vẩy hai chân, mặt ngược lên trời. Có một bức ảnh chụp tôi và Marcus, trong lần đầu anh tới ngôi nhà này, vào hôm trước khi chúng tôi leo lên chiếc xe buýt và thực hiện một chuyến đi dài. Có một bức ảnh chụp buổi sáng mẹ, Barbara và tôi tới ngôi nhà bên cổng lần đầu tiên. Rồi lúc tôi khoảng tám tuổi đứng giữa con đường dẫn tới lâu đài cạnh ngôi nhà, trông có vẻ chán ngán trong lúc mẹ nói chuyện với Arthur và Rosaleen bên những chiếc sandwich kẹp trứng và cốc trà đặc. Có một bức ảnh chụp chỉ mới cách đây một tuần ở nghĩa địa, đàn đặt hoa lên mộ Laurence

Kilsaney. Rồi một bức ảnh tôi đang bước đi về phía lâu đài. Những bức ảnh tôi chụp cùng xơ Ignatius, đi dạo, nói chuyện, nằm dài trên cỏ, và một bức chụp tôi trong lâu đài, đang ngồi trên bậc tam cấp vào buổi sáng đầu tiên phát hiện ra quyển nhật ký, đôi mắt nhắm tịt hướng về mặt trời. Khi đó tôi đã biết có người theo dõi mình. Tôi đã viết lại điều đó. Ở đó có vô vàn bức ảnh, giống như một câu chuyện kể lại cả cuộc đời tôi, nhưng tôi đã quên từ lâu, thậm chí những cảnh tôi chưa bao giờ biết đến, tất cả đều ghi lên giấy ảnh.

Trong góc phòng có một cái giường đơn, nhem nhuốc và bừa bộn. Cạnh giường kê một cái tủ có khóa, trên mặt để đầy thuốc. Trước khi quay bước rời khỏi phòng, mắt tôi chợt bắt gặp một bức ảnh quen thuộc. Tôi bước tới bức tường phía xa và lấy bức ảnh đã nhàu nát trong túi ra. Tôi áp nó lên tường, hai bức ảnh trùng nhau đến hoàn hảo, mặc dù bức ảnh trên tường rõ hơn nhiều. Không có ngón tay chặn trước ống kính nữa, vậy là khuôn mặt người tu sĩ xuất hiện, bên cạnh ông ta là mẹ đang bế tôi trên tay. Đặt lên cái đầu hồng hồng của tôi là một bàn tay có đeo nhẫn. Bức ảnh trên tường to hơn nhiều so với bức ảnh tôi đã tìm thấy, nó được phóng to và chụp cận cảnh, nên chiếc nhẫn hiện lên rất rõ, tôi có thể lập tức nhận ra chủ nhân của nó.

Xơ Ignatius.

Phía dưới bức ảnh rửa tội là bức mẹ nâng tôi phía trên bồn rửa, còn người tu sĩ đang rảy nước thánh lên đầu tôi. Tôi nhận ra cái bồn đó. Giờ nó đầy nhóc nhện và bụi bặm trong nhà nguyện cạnh khu nghĩa địa. Bên cạnh đó là khuôn mặt đỏ lựng của mẹ, bà đang nằm trên giường, tóc dính bết vào vàng trán ướt đẫm, còn tôi vừa mới chào đời, được quấn tã lót, nằm trong vòng tay bà. Một bức ảnh khác chụp xơ Ignatius đang bế tôi. Lúc mới sinh.

Tôi không chỉ là một nữ tu, tôi cũng được đào tạo để làm bà đỡ.
Bà đã nói vậy chỉ mới vài ngày trước.

“Ôi chúa ơi,” tôi run lấy bầy, hai đầu gối như rụng rời. Tôi vớ tay về phía tường, nhưng chẳng có gì tôi bầu vịu vào, ngoại trừ nhưng bức ảnh của chính tôi. Các ngón tay tôi chộp lấy chúng, lột chúng khỏi tường trong khi tôi ngã lăn ra sàn. Tôi không ngất đi nhưng cũng không tài nào đứng dậy nổi. Tôi muốn rời khỏi nơi này. Tôi cúi gục đầu vào giữa hai chân và chậm chạp hít vào rồi thở ra.

“Hôm nay cháu gặp may đấy,” tôi nghe thấy một giọng nói vang lên sau lưng mình, và vụt trở nên cảnh giác. “Thường thì cánh cửa này luôn khóa trái. Thậm chí mợ cũng chưa bao giờ vào trong này. Ông ấy luôn bận rộn.”

Rosaleen đang đứng trên ngưỡng cửa, tựa người vào khung cửa, hai cánh tay đưa ra sau lưng. Và thật bình thản.

“Rosaleen,” tôi lạc giọng. “Chuyện gì đang diễn ra vậy?”

Mợ tặc lưỡi. “Ồ, cô bé, cháu biết chuyện gì đang diễn ra mà. Đừng vờ vịt với ta là cháu không hề rình mò.” Bà nhìn tôi lạnh lùng.

Tôi bồn chồn nhún vai, biết ngay rằng bộ dạng của mình đầy vẻ tội lỗi.

Mợ ném thứ gì đó về phía tôi, và chúng rơi xuống sàn.

Hai cái phong bì tôi đã lấy lúc sáng và giấu dưới tấm ván lát sàn. Tôi thấy rất tức giận vì mợ đã lục lọi phòng ngủ của mình, nhưng cảm thấy lúc này không phải thời điểm thích hợp để phản đối. Sau đó mợ ném một thứ khác nặng hơn, nó kêu bị một tiếng khi rơi xuống tấm thảm trải sàn và lớp ván sàn bên dưới. Tôi lập tức biết ngay nó là gì. Tôi đưa tay ra chộp quyền nhật ký. Tôi mò mẫm với chốt khóa để có mở ra xem liệu những trang giấy bị cháy sém đã biến mất chưa. Có thể tôi đã làm thay đổi tiến trình rồi. Song các câu hỏi của tôi đã được trả lời trước khi tôi kịp có thời gian tìm ra chúng.

“Cháu đã làm hỏng niềm vui của ta khi đốt những trang giấy đó,” mợ mỉm cười, nụ cười nhếch một bên mép. “Arthur và mẹ cháu đang ở trong nhà. Có lẽ ta không nên rời khỏi họ...” bà đưa mắt nhìn về phía ngôi nhà trong khi nhai nhai trong miệng. Lúc đó trông mợ thật mong manh, Rosaleen đáng mến đang cố gánh cả thế giới lên vai thiếu chút nữa tôi đã đưa tay về phía mợ, nhưng mợ ngoảnh lại về phía tôi, vẻ lạnh lùng tái hiện trong đôi mắt bà. “Nhưng ta cần rời khỏi họ. Ta biết cháu đang ở đây. Lát ta có hẹn với cảnh sát viên Garda Murphy. Ta đoán cháu không biết là việc gì, phải không nào?”

Tôi khó nhọc nuốt khan và lắc đầu.

“Một kẻ dối trá tệ hại,” bà khẽ nói, “hệt như mẹ cháu vậy.”

“Mợ không có quyền nói mẹ cháu như thế,” giọng tôi run lên.

“Ta chỉ muốn giúp bà ta, Tamara,” bà nói. “Bà ta không chịu ngủ. Bà ta giày vò chính bản thân mình. Lúc nào cũng nghĩ về quá khứ, rồi bắt đầu hỏi đủ thứ mỗi lần ta mang đồ ăn lên...” đến đây bà chuyển sang nói với chính mình, gần như thể đang muốn thuyết phục bản thân. “Ta đã làm thế vì bà ta. Không phải vì ta. Và bà ta hầu như chẳng chịu ăn mấy, thế nên bà ta có vẻ cũng chưa ngấm nhiều thuốc cho lắm. Ta làm thế là vì bà ấy.”

Tôi cau mày, không biết nên ngắt lời hay là để mợ tự tiếp tục nói ra. Trong khi bà đang đắm chìm trong suy nghĩ, tôi với lấy hai cái phong bì. Và đọc tên ghi bên ngoài.

Điền sản Kilsaney

Nhà bên công,

Kilsaney Demesne,

Kilsaney,

Meath

Phong bì tiếp theo có cùng địa chỉ được in bên ngoài, song lần này nó mang tên của cả Arthur và Rosaleen.

“Nhưng,” tôi nhìn từ phong bì này sang phong bì kia. “Nhưng... cháu không...”

“Nhưng, nhưng , nhưng,” Rosaleen nhại lại, mỗi lời nói của bà làm từng cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi.

“Họ của Arthur là Bryne. Cũng giống như mẹ cháu,” tôi nói với giọng rít lên chói tai.

Mắt Rosaleen mở to, bà mỉm cười. “Được, được, được. Cô mèo không đến mức tò mò như ta nghĩ.”

Tôi cố hết sức để đứng dậy. Khi tôi đứng lên, Rosaleen dường như đã sẵn sàng, sẵn sàng để làm gì đó với một cánh tay vẫn để sau lưng.

Tôi nhìn hai cái phong bì lần nữa, cố hình dung xem chuyện gì đã xảy ra.

“Mẹ cháu không phải là người nhà Kilsaney. Họ của bà là Bryne.”

“Phải. Bà ta không phải là người nhà Kilsaney, chưa bao giờ là người nhà Kilsaney, nhưng vẫn luôn muốn thế,” đôi mắt bà lạnh ngắt. “Bà ta chỉ muốn cái tên. Bà ta luôn muốn những thứ không phải của mình, đồ chó cái cướp giật,” bà ta hằn học. “Bà ta giống cháu đấy, luôn chường mặt ra khi không hề được mong muốn.”

Miệng tôi há hốc, “Rosaleen ,” tôi thở dốc. “Có... có chuyện gì không ổn với mọi vậy?”

“Có gì không ổn với ta ấy à? Chẳng gì hết, ta phải trải qua hai tháng vừa nấu ăn vừa lau dọn, chăm lo cho mọi người, duy trì mọi thứ

như bình thường cho hai kẻ vô ơn...” đến đây mắt bà mở lớn, miệng bà há rộng và bà hét lên giận giữ đến mức tôi phải bịt cả hai tai lại, “... ĐỒ DỐI TRÁ!”

“Rosaleen!” tôi hét lên. “Thôi đi! Có chuyện gì đang xảy ra vậy?” Tôi lại đang khóc. “Cháu không biết chuyện gì đang xảy ra cả.”

“Có đấy, cháu biết đấy, bé con ạ,” bà rít lên.

“Cháu không phải bé con, cháu không phải bé con, cháu không phải bé con!” cuối cùng tôi gào lên, những lời tôi đã luôn nói trong đầu rớt cuộc cũng vang lên, mỗi lúc một lớn hơn theo từng nhịp thở.

“À, có đấy, đáng ra cháu phải là CON TA!” mợ hét lên, “Bà ta đã cướp mất cháu của ta!” bà lại hét lớn. “Đáng ra cháu phải là của ta. Giống như ông ấy. Ông ấy là của ta. Bà ta đã cướp ông ấy đi mất!” Rồi sau đó những lời nói ấy đã lấy hết sức lực của bà, Rosaleen dường như đang suy sụp từ trong nội tâm.

Tôi im lặng trong lúc căng đầu suy nghĩ. Không thể nào có chuyện mợ nói đến Laurence Kilsaney, đó là chuyện nhiều năm trước, từ trước khi tôi ra đời, chắc hẳn bà đang nói về...

“Ba cháu,” tôi thì thầm. “Mợ đã yêu ba cháu.”

Đến đây mợ ngẩng đầu nhìn tôi, khuôn mặt đầy đau đớn, tôi gần như thấy thương cảm thay cho bà.

“Đó là lý do vì sao ba không quay về đây cùng mẹ, đó là lý do ông ấy luôn ở lại Dublin. Có chuyện gì đó đã xảy ra giữa mấy người trong suốt những năm qua.”

Thế rồi khuôn mặt Rosaleen dần ra và bắt đầu cười khê. Thoạt đầu nhìn là những tiếng cười khúc khích nho nhỏ, rồi sau đó bà ngửa đầu ra sau và phá lên cười thật to.

“Geogre Goodwin ư? Cháu nghiêm túc đấy chứ? Geogre Goodwin luôn là một kẻ thất bại, kể từ khi ông ấy mò tới đây trong chiếc xe bé choắt hõm hĩnh của mình cùng ông bố cũng hõm hĩnh không kém để đề nghị mua lại nơi này. “Nó sẽ trở thành một khách sạn tuyệt vời, một khu spa tuyệt hảo,” bà nhại lại và tôi có thể hình dung ba đã nói những lời ấy, có thể hình dung ông tới đây trong bộ vest kẻ sọc cùng ông nội Timothy, và chỉ còn thiếu nước bấm nút gọi xe ủi tới ủi sập tòa lâu đài, ba hẳn là hiện thân của quỷ dữ đối với những người này, những người muốn bảo vệ lâu đài và đất đai của họ. “Ông ta muốn mọi thứ, kể cả mẹ cháu, cho dù bà đã có một đứa con. Điều tốt ông ta từng làm là mang mẹ cháu và cháu ra khỏi nơi này. Không! Kỳ thực điều tốt nhất ông ấy làm là kết liễu đời mình để những *vụ kiện tụng* không cướp nốt khu đất này đi. Đó là điều tốt nhất và duy nhất Geogre Goodwin từng làm. Và ông ta cũng biết, ta dám cược là ông ta biểu rõ điều đó cho tới tận khi ông ta uống hớp whisky đầu tiên...”

“THÔI ĐI!” tôi rít lên. “THÔI ĐI,” tôi lao tới phía mợ để đánh bà, làm bất cứ điều gì để ngăn không cho bà nói những lời dối trá bản thủ khủng khiếp, nhưng bà đã lao tới tôi trước khi tôi kịp xông tới bà. Hai cánh tay mạnh mẽ đó, được tôi luyện qua việc nhào bột, nặn bánh táo suốt ngày, qua việc chăm bón tưới nước cho những luống rau hữu cơ, qua việc bê khay lên xuống cầu thang mỗi buổi sáng, quả là mạnh mẽ. Với một cánh tay giơ ra, bà thật đẩy mạnh vào ngực tôi, làm tôi choáng váng, như thể ngực tôi bị đè bẹp. Tôi ngã vật ra sau và đập đầu vào góc tủ. Tôi nằm dưới sàn thở dốc. Rồi tôi bắt đầu òa khóc. Tầm nhìn của tôi trở nên nhòe nhoẹt, tôi cảm thấy vị máu trong miệng nhưng không biết vì sao khi tôi bị va đầu. Tôi quay cuồng mất phương hướng, không thể đứng dậy, không thể tìm ra cửa.

Sau một hồi, tôi cũng không rõ bao lâu, cuối cùng tôi cũng nhìn thấy Rosaleen ở ngưỡng cửa, hình ảnh của mợ hiện lên lơ mơ. Tôi chao đảo ngồi dậy, sờ tay lên đầu, máu dính lên ngón tay run rẩy của tôi.

“Nào, nào,” Rosaleen dịu giọng nói, “Tại sao cháu lại làm thế, cô bé? Tại sao cháu buộc ta phải làm thế? Chúng ta cần phải bàn xem mình sẽ nói những gì,” bà nói. “Chúng ta không thể để cháu quay lại như thế này, sau khi đã nhìn thấy tất cả những cái này. Không. Không, ta phải nghĩ đã. Bây giờ ta cần suy nghĩ.”

Tôi lúng búng gì đó đến mức không hề có ý niệm chính xác mình đang cố nói gì. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ tới là mợ vừa nói ba đã đưa tôi cùng mẹ rời khỏi nơi này, và lúc đó mẹ có tôi rồi. Không thể có chuyện đó, nghe chẳng có lí chút nào. Ba mẹ đã gặp nhau trong một buổi dạ tiệc, một buổi dạ tiệc có rất đông người tham gia, và ngay khi ông nhìn thấy mẹ, ông đã muốn phải có bà. Tự ba đã nói thế, ông luôn nói như thế. Ba mẹ đã yêu nhau ngay lập tức. Họ có tôi. Tất cả câu chuyện là như thế, đó là những gì ba đã kể cho tôi nghe. Có thể tôi đã nghe nhầm, có thể mợ đã dựng chuyện. Nhưng tôi đau đầu khủng khiếp và lúc này tôi thấy mệt rũ rời, hai mí mắt chỉ chực nhắm lại. Sau đấy tôi nhận ra Rosaleen đang nói, nhưng không phải tôi. Tôi lại mở mắt ra. Bà đang nhìn dọc hành lang, trông vẻ hơi hoảng hốt.

“Ồ,” bà lại nói khe khẽ. “Tôi không nghe thấy ông vào. Tôi nghĩ ông đang ở trong nhà xưởng.”

Người chế tác thủy tinh. Nếu la lên, tôi có thể được trợ giúp, nhưng tôi lại nghe thấy giọng đàn ông, điều đó khiến tôi bồn chồn. Đó không phải giọng của Arthur. Cũng không phải Weseley, ôi, anh ta đâu rồi nhỉ? Hay anh ta bị thương rồi? Anh ta đã đi vào vườn thủy tinh, tới chỗ đám thủy tinh đó, tôi đã gặp những con ác mộng về chúng hầu như hàng đêm. Bị thổi tung lên trong gió, chúng sẽ va đập vào nhau, cọ xát vào nhau, cắt xẻ và đâm toạc trong lúc tôi hồi hải chạy trong vườn cố thoát ra ngoài, và người phụ nữ vẫn quan sát tôi. Người phụ nữ đó đâu rồi?

“Sao ông không đi vào trong bếp, tôi sẽ mang cho ông một cốc trà? Như thế chẳng phải tốt sao? Ý ông là gì? Ông đứng đó bao lâu rồi? Nhưng con bé xông vào tôi, tôi chỉ cố gắng tự vệ thôi. Tôi sẽ đưa nó về nhà ngay khi tôi giải quyết xong chuyện với nó.”

Người đàn ông nói thêm gì đó, tôi có thể nghe thấy âm thanh từ những miếng nhựa lót sàn. Một bước chân, tiếp theo là một bước kéo lê, rồi lại một bước chân, rồi lại một bước kéo lê.

Tôi kéo mình ngồi dậy, bám vào giường để cố đứng lên. Rosaleen mãi nói chuyện với người đàn ông nên không hề nhận ra tôi đứng dậy. Tôi không thể nghe thấy những gì người đàn ông nói, nhưng lúc này giọng mợ trở nên khắc nghiệt hơn, mất đi vẻ yếu đuối bối rối và trở lại là Rosaleen lúc trước. Chiếm hữu.

“*Chiếm hữu,*” xờ Ignatius đã ngầm nghĩ về lời nhận xét của tôi dành cho Rosaleen mấy tuần trước. “*Con chọn từ thú vị đấy.*”

“Đây là lí do ông không bao giờ cho tôi vào phòng này phải không? Đây là cách ông muốn tôi tìm ra sự thật sao? Thế này thật không đúng, ông biết mà.”

Giọng nói của ông ta lại vang lên, tiếp theo là tiếng dậm chân, rồi tiếng kéo lê.

“Và là cái gì đây?”

Cuối cùng, cánh tay bà giong ra sau lưng, bà chìa tay thật nhanh nhặt chùm đèn thủy tinh đã tặng cho tôi. Tôi muốn hét lớn nó thuộc về tôi, nhưng ngoài lời đi đã có quá nhiều biến động.

“Đây không phải là một phần trong thỏa thuận, ông biết thế mà, tôi rất vui lòng để ông chơi với thủy tinh vì ông muốn vậy đến thế, tôi nghĩ lửa và thủy tinh sẽ giúp ông hồi phục sau... à phải, sau mọi chuyện, ông đã đi quá xa. Ông đã làm hỏng mọi thứ, ông đã hoàn toàn

làm hỏng mọi thứ. Có nhiều chuyện cần phải thay đổi từ bây giờ, nhiều chuyện cần phải thay đổi.”

Laurie. Laurence Kilsaney HÃY YÊN NGHỈ.

Tôi chợt lạnh toát người. Mợ đang tưởng tượng ra ông ta. Hoặc bà đang nhìn thấy một hồn ma. Không, không phải thế, tôi cũng nghe thấy ông ta.

Những từ ngữ giận dữ vang lên, rồi Rosaleen vung cách tay ra sau và ném đèn chùm thủy tinh ra hành lang. Tôi nghe thấy một tiếng hét. Rosaleen lao vào người đàn ông, và tôi thấy một cây gậy chống vung lên, nó đánh mợ bật ra, bà ngã ra sau, đập mạnh vào tường. Bà nhìn người đàn ông đầy kinh hoàng, và tôi lùi lại một góc, vùi đầu thật chặt vào giữa hai chân, chỉ muốn thoát ra khỏi nơi này, muốn được ở bất cứ nơi nào khác ngoài nơi này, muốn được ở bất cứ nơi khác ngoài nơi này song không tài nào nhúc nhích được.

“Rose,” tôi nghe thấy một tiếng gọi.

“Vâng, mẹ à,” mợ nói, loạng choạng cố đứng dậy, giọng run rẩy. “Con đến ngay đây mẹ.” Bà nhìn người đàn ông lần cuối rồi chạy dọc hành lang tới cửa phòng xem tivi.

Người đàn ông bước vào ngưỡng cửa, và tôi đã chuẩn bị tinh thần nhưng khi nhìn thấy ông ta, tôi vẫn kêu thét lên. Phía dưới mái tóc dài rối bù, một khuôn mặt méo mó khủng khiếp đang nhìn chăm chăm vào tôi. Một bên khuôn mặt trông như thể đã bị nấu chảy, bị kéo ra rồi lớp da được đắp lại nhằm che giấu. Người đàn ông vội vàng đưa tay lên tóc để cố che đi khuôn mặt. Ông ta mặc áo dài tay, nhưng khi ông ta đưa tay lên mặt, khúc tay cụt bị lộ ra. Cả phần người bên trái bị bỏng hoàn toàn, vai rũ xuống như một dòng sáp nến chảy xuôi xuống cơ thể người đàn ông. Đôi mắt ông thật to và có màu xanh da trời, một bên nằm hoàn hảo giữa da thịt lành lặn, bên kia bị kéo xệ xuống nhiều đến

mức trông như trời ra khỏi hố mắt, để lộ trông trắng và tất cả những gì nằm bên dưới. Ông ta bắt đầu lại gần tôi, và tôi bắt đầu òa lên khóc.

Tôi nghe thấy tiếng cửa sau bật mở, và gió ùa vào. Tôi nghe thấy tiếng bước chân lên trên tấm nhựa lót sàn, và người đàn ông Rosaleen gọi là Laurie hoảng sợ quay ngoắt lại.

“Để cô ấy yên!” Tôi nghe thấy Weseley la lên, là Laurie giơ cao hai tay lên, choáng váng, buồn bã, run rẩy. Weseley nhìn vào và trông thấy tôi, hẳn trông tôi phải thảm lắm vì khuôn mặt anh ta biến sắc, cơn giận bùng lên, và anh ta đẩy Laurie vào sát tường, bàn tay chộp vào cổ ông ta.

“Ông đã làm gì cô ấy?” anh hét vào mặt người đàn ông.

“Bỏ ông ấy ra,” tôi nghe tiếng mình nói, thật khẽ, tôi không thể nói thành tiếng nữa.

“Tamara rời khỏi đó,” Weseley nói, khuôn mặt đỏ lựng, các mạch máu treo trên cổ phập phồng vì nỗ lực phải bỏ ra để giữ người đàn ông kia lại. Tôi không rõ bằng cách nào, nhưng cuối cùng tôi cũng đứng dậy và thúc mình bước tới trước được. Tôi cố gắng đặt một bàn tay lên tay Weseley để ngăn anh ta lại. Anh ta buông Laurie ra, nắm lấy tay tôi và lôi tôi ra khỏi phòng, đẩy Laurie vào trong, đóng sầm cửa và khóa trái. Anh rút chìa khóa ra, cho vào túi, trong khi tôi nghe thấy người đàn ông gào thét đòi ra.

Chương 23: Vụn bánh mì

Đúng lúc tôi đi tới cuối lối đi, Rosaleen vùng ra từ sau chỗ ngoặt để chặn đường. Chắc hẳn bà ta đã đi qua cửa trước. Bà vớ tay ra chụp lấy cánh tay tôi, nhưng tôi chỉ suýt soát tằm với của bà, móng tay bà bám vào da tôi khi bà chụp lấy tay tôi rồi cố bám chặt. Tôi kêu thét lên và quay sang Weseley.

“Theo tôi,” anh nói, quay người chạy.

Tôi cũng chạy nhưng đột ngột bị giật ngược ra sau, cổ đau nhói khi mợ túm lấy tóc tôi, cổ tôi trở lại. Tôi vung cùi chỏ thúc thật mạnh vào bụng bà, vậy là bà buông tôi ra. Bất chấp cách bà cư xử với tôi một giờ vừa qua, tôi vẫn cảm thấy áy náy và dừng lại để nhìn xem bà có sao không. Mợ cúi gập người lại, nhăn mặt.

“Tamara, đi thôi!” Weseley hét lên.

Nhưng tôi không thể, làm thế thật lố bịch. Tôi không hiểu vì sao chúng tôi đánh lộn, tại sao mợ nổi giận với tôi. Khi tôi lại gần, mợ ngẩng lên, vung cánh tay phải ra sau và tát thật mạnh lên mặt tôi. Tôi cảm giác rát bỏng thật lâu sau khi bàn tay bà đã rời khỏi mặt mình. Weseley kéo tôi, vậy là tôi chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài bỏ chạy.

Chúng tôi chạy qua khu vườn đằng sau, ngang qua khu nhà kho kiêm nhà xưởng ngăn cách cuộc sống hàng ngày khỏi khu vườn thủy tinh bí mật. Khi tới đó, tôi mới nhận ra gió đã thổi mạnh lên đến thế nào. Gió thổi ào ào, tóc tôi bay tung rối bời, vờn quanh mặt tôi một cách cuồng loạn, đôi lúc làm tôi không nhìn thấy cái gì, đôi khi nhét một mớ vào miệng tôi. Weseley nắm chặt lấy một bàn tay tôi, thế nên tôi cần đến cánh tay còn lại để giữ thăng bằng trong khi chúng tôi chạy qua bãi cỏ dính nhăng lấy mỗi bước chân, vì thế tôi không thể vuốt tóc

khỏi mặt. Những miếng thủy tinh đang quay mòng mòng rồi loạn trong gió, đưa tới đưa lui không theo nhịp điệu nào nên rất khó có thể phán đoán liệu chúng có bay vào mặt khi chúng tôi băng qua hay không. Thật khó có thể chạy lách qua và cố gắng không bị những cạnh sắc của chúng cứa phải.

Tôi bám chặt lấy tay Weseley và chỉ nhớ mình đã nghĩ, “Đừng buông ra, đừng buông ra.” Thỉnh thoảng anh ta lại quay sang để đảm bảo tôi vẫn còn đó, cho dù bàn tay anh ta đang siết chặt quanh bàn tay tôi đến mức như bóp nát các ngón tay. Tôi nhìn thấy vẻ mặt lo lắng trên khuôn mặt, nỗi kinh hoàng trong đôi mắt anh. Chúng tôi đang cùng dấn thân vào chuyện này, và tôi chưa bao giờ cảm thấy biết ơn vì có một người bạn đến thế. Chúng tôi cúi gập người dưới các hàng thủy tinh quay mòng mòng và tìm đường tới mép vườn. Weseley bắt đầu tìm cách để chúng tôi leo tường. Tôi đứng đó quan sát xung quanh, cảm thấy hai cánh tay đau rất khi những vết cắt trên cánh tay tôi, và có thể cả trên mặt nữa, bắt đầu rỉ máu và luồng khí lạnh lướt qua chúng. Tôi nhìn thấy Rosaleen nhanh chóng xuất hiện ở nhà xưởng và đưa mắt nhìn quanh vườn tìm kiếm chúng tôi. Mắt chúng tôi gặp nhau. Mọi lao tới.

Weseley hỏi hã xếp các thùng gỗ và các khối bê tông chồng lên nhau, chất cao lên để chúng tôi có thể leo qua tường. Anh trèo lên và cuối cùng cũng leo lên đến đỉnh tường.

“Tamara lên ngay đi. Tôi sẽ kéo cô lên.”

Anh ôm eo tôi kéo lên, và tôi loay hoay đẩy người mình lên, hai khuỷu tay để trần cọ lên bê tông, hai đầu gối thúc vào tường, nhưng cuối cùng tôi cũng leo lên được. Tôi nhảy xuống đất ở phía bên kia, cơn đau dội lên từ mắt cá rồi chạy lan khắp chân tôi. Weseley ở ngay sau tôi. Anh lại nắm tay tôi. Và chúng tôi lại chạy.

Băng qua đường, rồi lao thẳng vào ngôi nhà bên cổng, tôi lớn tiếng gọi Arthur và mẹ giữa hai lần thở dốc. Không có tiếng trả lời, ngôi nhà lặng lẽ nhìn trừng trừng vào chúng tôi, với tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ quả lắc trong hành lang. Cả hai chúng tôi leo lên lầu rồi lại chạy xuống, mở tung các cánh cửa, lớn tiếng gọi từng phòng. Trước đó tôi đã cảm thấy lo lắng, còn giờ thì kinh hoàng tột độ. Tôi ngồi trên giường, quỳn nhật ký trên tay. Từ từ nhưng đầy chắc chắn, những trang giấy cháy sém bắt đầu duỗi thẳng trước mắt tôi, xòe ra, dài ra, chữ viết không còn thành hàng lối với các nét móc nắn nót mà xuất hiện những nét nguệch ngoạc méo mó như được viết trong cơn kinh hoàng tột độ.

“Weseley,” tôi gọi.

“Tôi đây!” anh gọi lớn dưới cầu thang.

“Chúng ta phải đi thôi,” tôi gọi lớn.

“Đi đâu?” anh hét lên. “Chúng ta cần gọi cảnh sát, cô không nghĩ thế sao? Kẻ đó là ai vậy? Chúa ơi, cô có nhìn thấy mặt ông ta không?” Tôi có thể thấy sự hoảng hốt trong giọng nói của anh.

Tôi đứng dậy thật nhanh. Quá nhanh. Máu dồn lên đầu tôi, khiến tôi xây xẩm. Những đốm đen lấm chầm trước mắt tôi, và tôi cố gắng tiếp tục bước đi, hy vọng cuối cùng chúng sẽ biến mất. Tôi tìm đường ra hành lang, bám vào tường, cố hít thở thật sâu. Mạch máu trên trán tôi đập quỳnh quáng điên rồ, da tôi nóng bỏng và ẩm ướt.

“Tamara, cô sao vậy?” là tất cả những gì tôi nghe thấy.

Tôi cảm thấy quỳn nhật ký rời khỏi tay tôi và rơi bịch xuống sàn. Sau đó - không còn gì nữa.

Tôi tỉnh dậy, nhận ra mình đang nhìn chăm chăm vào một bức tranh của Mary, người mỉm cười nhìn xuống tôi qua một tấm mạng

màu xanh da trời nhạt. Đôi môi mỏng của bà mỉm cười nói với tôi rồi mọi thứ sẽ ổn cả, hai bàn tay bà chìa ra và rộng mở như thể đang đưa cho tôi một món quà vô hình. Rồi tôi nhớ lại những gì diễn ra ở ngôi nhà một tầng và giật mình ngồi bật dậy. Đầu tôi đau dữ dội như bị đập vỡ, như thể không khí xung quanh đè nặng lên tôi.

“Ai ôi,” tôi rên rỉ.

“Suyt, Tamara, con cần nằm xuống, từ từ thôi,” xơ Ignatius dịu dàng nói, nắm lấy tay tôi, trong khi bàn tay còn lại của bà đặt lên vai tôi để nhẹ nhàng đỡ tôi nằm xuống.

“Đầu con,” tôi rên lên, nằm xuống trở lại và chăm chú nhìn mặt bà.

“Con có một cú va đập rất nặng,” bà nói, lấy khăn nhúng chậu nước và nhẹ nhàng lau trán tôi.

Tôi thấy nhói buốt và căng người ra.

“Weseley,” tôi hốt hoảng, nhìn quanh và đẩy tay bà ra.”Anh ấy đâu?”

“Cậu ấy đang ở cùng xơ Conceptua. Cậu ấy không sao cả, cậu ấy đưa cháu đến tận đây,” xơ mỉm cười.

“Tamara,” tôi nghe thấy một giọng nói nữa, và mẹ chạy ủa tới, quỳ gối xuống bên tôi. Trông mẹ khác hẳn. Bà mặc đồ chần chu. Mái tóc mẹ được buộc ra sau thành đuôi ngựa và khuôn mặt bà gầy hơn, nhưng đôi mắt bà... bất chấp những vằn đỏ và sưng lên như thể bà vừa khóc, sự sống đã trở lại với đôi mắt bà. “Con không sao chứ?”

Tôi không tin nổi mẹ đã rời khỏi giường, tôi chỉ biết nhìn bà chăm chăm, dõi theo bà, chờ đợi bà lại chìm một cơn mê man nữa. Mẹ cúi xuống, hôn tôi thật mạnh lên trán, gần như khiến tôi bị đau. Bà lùa ngón tay vào mái tóc tôi, hôn tôi lần nữa và nói lời xin lỗi tôi.

“Ồi,” tôi nhăn mặt khi mẹ chạm vào vết thương của tôi.

“Ồi, con yêu, mẹ xin lỗi,” mẹ lập tức buông tay và lùi lại ngẩn nhìn tôi. Bà có vẻ băn khoăn. “Weseley nói cậu ấy tìm thấy con trong một căn phòng ngủ, ở đó có một người đàn ông với những vết sẹo...”

“Ông ấy không hề đánh con,” tôi lập tức biện hộ cho người đàn ông mà không biết vì sao. “Khi Rosaleen xuất hiện, mẹ ấy rất tức giận, liên tục tuôn ra những lời dối trá về mẹ và ba. Con lao tới chỗ bà ấy để bảo bà ấy thôi đi, bà ấy đẩy con...” Tôi áp bàn tay lên vết thương của mình. “Có nặng không ạ?”

“Sẽ không để lại sẹo đâu. Hãy kể cho mẹ nghe về người đàn ông đó,” giọng mẹ lạc đi.

“Ông ấy và Rosaleen cãi nhau. Mẹ gọi ông ấy là Laurie,” tôi đột nhiên nhớ ra.

Xơ Ignatius bám chặt ghế như thể sàn nhà đang rung chuyển dưới chân bà. Mẹ đưa mắt nhìn xơ, quai hàm nghiến chặt, rồi mẹ quay lại nhìn tôi lần nữa. “Thì ra đúng là thế. Arthur đã nói sự thật.”

“Nhưng không thể có chuyện đó,” xơ Ignatius thì thầm. “Chúng ta đã chôn cậu ấy, Jennifer. Cậu ấy đã chết trong vụ hỏa hoạn.”

“Ông ấy không chết, xơ ơi. Con đã thấy ông ấy. Con đã thấy phòng ngủ của ông ấy. Trên tường là hàng trăm bức ảnh.”

“Anh ấy rất thích chụp ảnh,” mẹ nói, thật khẽ như đang suy nghĩ thành tiếng.

“Tất cả đều chụp ảnh con,” tôi nói, hết nhìn người này lại nhìn người kia. “Hãy nói cho con biết về ông ấy. Ông ấy là ai?”

“Ảnh ư? Weseley không hề nói gì đến chúng,” xơ Ignatius lắc đầu nói, mặt bà tái nhợt.

“Anh ấy không nhìn thấy. Con đã thấy tất cả. Cả cuộc đời con ở trên tường.” Những lời nói mắc lại trong họng, nhưng tôi vẫn tiếp tục. “Ngày con ra đời, ngày con rửa tội,” sau đó tôi nhìn mẹ và con giận bùng lên trong tôi. “Con đã thấy mẹ.”

“Ôi,” những ngón tay xương xẩu của bà đưa lên che miệng. “Ôi Tamara.”

“Sao mẹ không nói gì với con? Sao cả hai người đều nói dối?”

“Ta rất muốn nói với con,” xơ Ignatius chen vào, “ta đã nói với con là ta không bao giờ nói dối, và con có thể hỏi ta bất cứ điều gì, nhưng con chưa bao giờ hỏi. Ta đã đợi mãi. Ta không nghĩ đó là chỗ của ta, nhưng đáng ra ta cần phải làm thế. Giờ ta đã hiểu ra.”

“Đáng lẽ chúng ta không nên để con tìm hiểu ra cách này,” mẹ nói, giọng bà run rẩy.

“Thế ư, không ai trong hai người có đủ can đảm để làm điều Rosaleen đã làm. *Mợ ấy* đã nói với con.” Tôi đẩy tay mẹ và quay đi. “Bà ấy kể những chuyện ngớ ngẩn về ba và ông nội tới đây, muốn mua lại nơi này để xây dựng một spa. Mợ ấy nói ba đã gặp mẹ, và ba đã gặp con.” Tôi đã nhìn bà, chờ đợi mẹ tôi nói với tôi rằng tất cả đều là dối trá.

Mẹ im lặng.

“Hãy nói với con ấy là ba con.”

Mẹ bắt đầu khóc, rồi lại ngừng, hít một hơi thật sâu và tìm cách lấy sức mạnh từ một nơi nào khác. Khi bà lên tiếng, giọng bà quả quyết và trầm sâu. “Được rồi, Tamara, hãy nghe mẹ nói. Con phải tin chúng ta không nói với con điều này vì chúng ta tin đó là điều đúng đắn nên làm trong suốt những năm qua, và Geogre,” mẹ khoát tay,

“Geogre rất yêu con, bằng cả trái tim ông ấy, như thể con là một giọt máu của ông ấy...”

Tôi vụt kêu lên, không tin nổi những gì mình đang nghe thấy.

“Ông ấy không muốn mẹ nói với con. Ba mẹ cãi nhau suốt về chuyện đó. Nhưng đó là lỗi của mẹ. Tất cả là lỗi của mẹ, mẹ xin lỗi.” Nước mắt tuôn rơi xuống má bà, cho dù rất muốn không cảm thấy gì, muốn nhìn bà trừng trừng để bà cúi mặt xuống, và để cho bà thấy bà đã làm tôi bị tổn thương đến mức nào, nhưng tôi không thể. Tôi không thể không cảm thấy gì. Thế giới của tôi đã bị đảo lộn đầy tàn khốc, tôi đã bị văng ra khỏi quỹ đạo.

Xơ Ignatius đứng dậy, áp bàn tay lên đầu mẹ trong khi bà cố gồng mình kìm dòng nước mắt, lau má và tìm cách an ủi tôi. Tôi không thể nhìn mẹ, vậy là đôi mắt tôi dõi theo xơ Ignatius trong khi bà đi sang bên kia phòng. Xơ mở ngăn tủ và lấy ra một món quà rồi mang trở lại cho tôi.

“Đây. Ta đã cố đưa cái này cho con từ lâu rồi,” bà nói, rung rung nước mắt. Bà quay lại bên tôi với một món quà được gói bọc trên tay.

“Xơ, ngay lúc này con thực sự không có tâm trạng nhận quà sinh nhật sinh nhẽo gì cả. Khi mẹ con đang nói với con rằng suốt cuộc đời con bà đã luôn nói dối con,” tôi nói thật cay độc, mẹ cắn môi, vầng trán bà nhăn nhúm. Mẹ chậm rãi gật đầu, chấp nhận bất cứ điều gì tôi trút xuống đầu bà lúc đó. Khi ấy tôi muốn hét vào mặt bà, muốn tận dụng cơ hội này để nói ra mọi điều xấu xa tôi cảm thấy về bà, giống như tôi hay làm khi cãi cọ với ba, nhưng rồi tôi ngăn mình lại. Những hậu quả. Những tác động ngược. Quyền nhật ký dạy tôi điều đó.

“Mở nó ra,” xơ Ignatius nghiêm giọng nói.

Tôi xé tờ giấy bọc bên ngoài, trong đó là một cái hộp. Trong hộp là một cuộn giấy. Tôi nhìn bà tìm kiếm những câu trả lời, nhưng bà

đang quỳ gối xuống bên cạnh tôi, hai bàn tay chắp lại, đầu cúi xuống, chìm trong những lời cầu nguyện.

Tôi giờ tờ giấy ra. Đó là *Giấy chứng nhận Rửa tội*.

Giấy chứng nhận Rửa tội này xác nhận rằng

Tamara Kilsaney

được sinh ngày Hai mươi tháng Bảy, năm Một

nghìn chín trăm chín mươi mốt,

tại Lâu đài Kilsaney, Hạt Meath

và được trình diện Thế Giới

trong tình yêu

bởi

Người mẹ, Jennifer Byrne, và người cha,

Laurence Kilsaney

Vào ngày hôm nay

Ngày 1 tháng Một, năm Một nghìn chín trăm

chín hai.

Tôi nhìn chăm chăm vào tờ giấy, đọc đi đọc lại, hy vọng đôi mắt đã đánh lừa tôi. Tôi không còn biết bắt đầu từ đâu nữa.

“Được rồi, bắt đầu từ đâu đã nào, họ ghi sai ngày rồi,” tôi cố tỏ ra tự tin, nhưng giọng nói của tôi nghe thật thảm hại, và tôi biết thế. Đây là thứ tôi không thể đánh bại mặc dù tỏ ra rất cay nghiệt.

“Ta xin lỗi con, Tamara,” xơ Ignatius lặp lại.

“VẬY ĐÓ LÀ LÝ DO TẠI SAO XƠ LUÔN NÓI CON MƯỜI BẢY TUỔI,” TÔI NHỚ LẠI NHỮNG CUỘC TRÒ CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI. “NHƯNG NẾU CÁI NÀY ĐÚNG THÌ CON ĐÃ MƯỜI TÁM... MARCUS,” TÔI NGƯỢC NHÌN XƠ. “XƠ KHÔNG ĐỊNH ĐỂ ANH ẤY PHẢI VÀO TÙ ĐÂY CHỨ?”

“CÁI GÌ?” MẸ HẾT NHÌN TÔI RỒI LẠI NHÌN XƠ. “MARCUS LÀ AI?”

“KHÔNG PHẢI CHUYỆN CỦA MẸ,” TÔI GẮT GÔNG. “CÓ THỂ SAU HAI MƯƠI NĂM NỮA CON SẼ CHO MẸ BIẾT.”

“TAMARA, LÀM ƠN ĐI CON,” BÀ VAN NÀI.

“ANH ẤY CÓ THỂ PHẢI VÀO TÙ,” TÔI GIẬN DỮ NÓI VỚI XƠ IGNATIUS.

XƠ IGNATIUS CUÔNG CUÔNG LẮC ĐẦU. “KHÔNG. TA ĐÃ HẾT LẦN NÀY ĐẾN LẦN KHÁC YÊU CẦU ROSALEEN PHẢI NÓI CHO CON BIẾT. NẾU KHÔNG CHO CON HAY, THÌ ÍT NHẤT CŨNG PHẢI BÁO CẢNH SÁT. BÀ ẤY NHẤT ĐỊNH KHẲNG KHẲNG RẰNG CẬU TA KHÔNG SAO. NHƯNG TA ĐÃ HÀNH ĐỘNG. TA NÓI VỚI CẢNH SÁT, TAMARA, CHÍNH TA ĐÃ TỚI DUBLIN GẶP GẶP CẢNH SÁT VIÊN GARDA FITZGIBBON ĐỂ CHO ANH TA XEM TỜ GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY. CÒN TỘI PHÁ CỬA VÀ XÂM NHẬP GIA TƯ NỮA... NHƯNG SAU KHI CÂN NHẮC HOÀN CẢNH, MỌI LỜI BUỘC TỘI ĐÃ BỊ BÃI BỎ.

“CÁI GÌ ĐÃ BÃI BỎ? CHUYỆN GÌ ĐÃ XẢY RA VẬY?” MẸ HỎI, NHÌN XƠ IGNATIUS ĐẦY LO LẮNG.

“Chúa ơi, Tamara, nếu đến giờ em vẫn chưa biết, thế thì em gặp nhiều rắc rối hơn những gì anh nghĩ. Nghe này, anh chúc em may mắn trong mọi chuyện nhưng... đừng gọi lại cho anh nữa.”

ĐÓ LÀ CUỘC NÓI CHUYỆN CUỐI CÙNG CỦA CHÚNG TÔI. KHI ĐÓ ANH ĐÃ BIẾT VÌ SAO NHỮNG LỜI BUỘC TỘI BỊ BÃI BỎ, CŨNG NHƯ SỰ TÌNH LÔI THÔI ĐẾN MỨC NÀO KHI THẬM CHỈ TÔI CÒN CHẴNG BIẾT TUỔI THỰC CỦA CHÍNH MÌNH? TÔI ĐÃ QUÁ NHẹ NHỜM VÌ MARCUS, ĐẾN MỨC CON GIẬN CỦA TÔI DỤ XUỐNG TRONG CHỐC LÁT, RỒI NHẹ NHỜM TAN BIẾN, RỒI LẠI SÔI LÊN LẦN NỮA. ĐẦU TÔI ĐAU NHƯ BÚA BỎ, TÔI ĐƯA TAY LÊN ÁP VẾT THƯƠNG CỦA MÌNH.

“Vậy hãy để con nói thẳng mọi chuyện. Rosaleen không nói dối. Laurie là ba con. Người đàn ông kì quái... với những bức ảnh đó?” Sau đó tôi hét lên. “Tại sao không ai nói cho con hay? Sau tất cả mọi điều nói dối? Tại sao tất cả mọi người để con nghĩ con mất ba ruột của con?”

“Ôi, Tamara, Geogre là ba con. Ông ấy yêu con hơn bất cứ thứ gì trên đời. Ông ấy nuôi dạy con như con ruột. Ông ấy nuôi dạy con như con ruột. Ông ấy...”

“CHẾT RỒI”, tôi hét lên. “Và tất cả mọi người để con nghĩ con đã mất ba ruột của mình. Ông ấy nói dối con. Hai người nói dối con. Con không thể tin nổi chuyện này.” Đến lúc này tôi đã ngồi bật dậy, đầu óc quay cuồng.

“Mẹ con nghĩ Laurie đã chết, Tamara, lúc ấy con mới một tuổi. Mẹ con có cơ hội để bắt đầu cuộc đời mới. Geogre yêu mẹ con, ông ấy yêu con. Mẹ con muốn bắt đầu lại. Bà ấy không nghĩ con cần tới nỗi đau này.”

“Và điều đó làm mọi chuyện ổn hết chẳng?” tôi hỏi mẹ, cho dù xơ Ignatius đang biện hộ cho bà.

“Không, không, ta không tán thành với chuyện đó. Nhưng mẹ con xứng đáng được hạnh phúc. Bà ấy đã rất đau khổ khi Laurie chết.”

“Nhưng ông ấy chưa chết,” đến đây tôi hét lên. “Ông ấy sống trong ngôi nhà một tầng, ăn sandwich và bánh táo vào mỗi ngày đáng nguyên rủa, Rosaleen biết ông vẫn còn sống.”

Đến đây, mẹ tôi òa khóc, xơ Ignatius ôm chặt lấy mẹ trong vòng tay bà, khuôn mặt mẹ đang hiện rõ nỗi đau khổ mà bà đang chịu đựng. Tôi dừng lời, nhận ra không chỉ tôi là người duy nhất bị lừa dối. Mẹ chỉ mới vừa biết người đàn ông bà yêu hóa ra vẫn chưa chết. Thử trò đùa bệnh hoạn gì tất cả họ đã bày ra đây?

“Mẹ, con xin lỗi,” tôi dịu giọng nói.

“Ôi, con yêu,” mẹ sụt sùi. “Có lẽ mẹ xứng đáng bị như thế. Vì đã làm vậy với con.”

“Không. Không, mẹ không đáng phải chịu như thế. Nhưng ông ấy không xứng đáng với mẹ. Ông ấy phải bệnh hoạn lắm mới giả chết như vậy.”

“Ông ấy đã cố gắng bảo vệ mẹ con, ta đoán vậy,” xơ Ignatius nói. “Ông ấy cố gắng đem đến cho cả hai mẹ con một cuộc sống tốt hơn, thứ ông ấy không thể mang lại cho hai người.”

“Arthur nói khuôn mặt ông ấy bị biến dạng nặng nề đúng không?” Mẹ nhìn tôi. “Trông ông ấy... trông ông ấy thế nào? Ông ấy có tử tế với con không?”

“Arthur,” tôi lại gắt lên. “Arthur Kilsaney. Ông ấy là em trai Laurie phải không?”

Mẹ gật đầu và nước mắt lại rơi xuống.

“Thêm một điều dối trá nữa sau một điều dối trá khác từ mấy người,” tôi nói, lần này không tức giận như trước. Tôi không còn hơi sức nữa.

“Ông ấy không hề muốn thế,” mẹ nói, bà cũng đã kiệt sức. “Bây giờ mẹ đã hiểu tại sao ông ấy luôn phản đối điều đó. Ông ấy nói luôn muốn trở thành bác của con. Chúng ta chưa bao giờ nói ông ấy là anh trai mẹ. Không hề, cho đến khi con con tự đoán mò như thế, rồi sau đó...” Bà khoát tay, cảm thấy sự lố bịch của toàn bộ câu chuyện.

Sau đó, Weseley đi vào phòng. “Okay, cảnh sát đang trên đường tới. Cô không sao chứ?” Anh nhìn tôi. “Ông ấy có làm cô đau không?”

“Không, không đâu,” tôi xoa mắt. “Ông ấy đã cứu tôi thoát khỏi Rosaleen.”

“Nhưng tôi nghĩ ông ta...”

“Không,” tôi lắc đầu.

“Tôi nhốt ông ấy lại trong căn phòng ngủ đó.” Weseley nói đầy hối lỗi, lấy chìa khóa phòng từ trong túi ra. “Tôi cứ nghĩ ông ta đang định hành hung cô.”

“Ồ, không.” Con tức giận của tôi đã dịu đi nhiều. Giờ tôi cảm thấy thương cảm cho ông ta. Ông đã bảo vệ tôi. Ông đã gửi quà cho tôi. Ngày sinh nhật thứ mười tám. Tất nhiên ông phải nhớ rồi. Và tôi đã cảm ơn ông như thế nào? Tôi đã nhốt ông lại.

“Arthur đâu rồi?” xơ Ignatius hỏi.

“Ông ấy tới ngôi nhà một tầng gặp Rosaleen.”

Thế rồi tôi nhớ ra. Quyển nhật ký. “Không,” tôi loay hoay cố ngồi dậy lần nữa.

“Con yêu, con cố nằm nghỉ,” mẹ nói, cố ấn tôi nằm xuống nhưng tôi đã bật dậy.

“Ông ấy cần ra khỏi đó,” tôi hét hoảng. “Tôi đã làm gì ở đây suốt từ lúc ấy tới giờ chứ? Weseley, gọi cứu hỏa đi, nhanh lên.”

“Tại sao?”

“Con yêu, giờ hãy nằm nghỉ đi,” mẹ lo lắng nói. “Nằm xuống và...”

“Không, nghe con nói đã. Weseley, chuyện đó được nói đến trong nhật ký. Tôi cần ngăn nó lại. Gọi cứu hỏa ngay đi.”

“Tamara, đó chỉ là một quyển sách thôi, nó chỉ là..”

“Luôn đúng từng ngày một cho tới lúc này,” tôi đáp.

Anh ta gật đầu.

“Cái gì vậy?” mẹ đột nhiên hỏi, bước ra phía cửa sổ.

Từ phía xa, trên ngọn cây, từng đụn khói bốc lên trời.

“Rosaleen,” xơ Ignatius nói đầy căm phẫn, giọng nói bà làm tôi lạnh toát, “Gọi cứu hỏa đi,” bà nói với Weseley .

“Đưa tôi chìa khóa,” tôi nói, giật lấy chìa khóa và chạy ra khỏi căn phòng. “Con cần cứu ông ấy ra. Con sẽ không để mất ông ấy lần nữa.”

Tôi nghe thấy tất cả họ gọi tôi trong lúc tôi chạy, nhưng tôi không dừng lại, tôi không lắng nghe. Tôi chạy qua giữa những thân cây, hướng theo mùi khói, chạy thẳng về phía ngôi nhà một tầng. Tôi vừa mất người cha đã nuôi dạy tôi, tôi không định để mất thêm một người cha nữa.

Chương 24: Cô bé con

Ngày xưa ngày xưa có một cô bé sống trong ngôi nhà một tầng. Cô bé là em gái út của một người chị gái thông minh và một người anh đẹp trai đến mức làm người ta ngoái lại nhìn trên đường, và cả người lạ cũng tìm đến bắt chuyện. Cô bé là một đứa trẻ mà một số người hẳn gọi là đứa con bất ngờ. Với bố mẹ cô bé, những người đã thôi có con từ lâu, cô bé không chỉ là một đứa con ngoài kế hoạch mà còn không được hoan nghênh, và cô biết rõ điều đó. Ở tuổi bốn mươi bảy và sau hai mươi hai năm kể từ lần cuối cùng có con, mẹ cô hoàn toàn không được sự chuẩn bị cho sự xuất hiện của một đứa trẻ nữa. Các con bà đều đã lớn và chuyển đến sống ở nơi khác, con gái lớn Helen của bà tới Cork làm giáo viên tiểu học, còn con trai Brian tới Boston, nơi cậu trở thành một nhà phân tích máy tính. Hai người con hiếm khi về nhà, chi phí đi lại quá đắt đỏ với Brian và mẹ anh thích tới Cork hơn vào các kì nghỉ. Cô bé út không hề biết hai người lạ mặt cô hiếm khi gặp và luôn tự xưng là anh chị cô. Họ có con lớn hơn cả cô, họ biết rất ít con người cô và những gì cô muốn. Cô bé xuất hiện quá muộn, cô đã lỡ mất mọi liên hệ tất cả bọn họ cùng có với nhau.

Ba cô bé là người đánh cá và thợ săn ở khu lãnh địa lâu đài Kilsaney, nằm phía bên kia con đường. Mẹ cô là người nấu bếp. Cô rất thích vị trí của gia đình mình, ở thật gần bên một khung cảnh huy hoàng như thế, đến mức lũ trẻ ở trường coi cô như một phần của nó. Cô bé thích mê việc gia đình họ có đặc quyền biết những mẩu chuyện tán gẫu mà không ai được biết. Họ luôn là người được hưởng những món quà giáng sinh hậu hĩnh, thức ăn còn thừa, vải vóc, giấy dán tường thải ra từ những lần trang hoàng nội thất hay thải đồ cũ. Khu lãnh địa hoàn toàn thuộc về sở hữu tư nhân, nhưng cô bé được phép chơi bên trong khuôn viên. Đó là vinh hạnh lớn lao với cô bé, và không có gì cô bé không sẵn sàng làm để làm gia đình vui lòng, những việc

vật trong nhà, chạy tới chỗ ba Joe của cô tới chỗ người làm vườn Paddy đem theo lời nhắn của mẹ cần bắt con gì, chuẩn bị loại rau nào cho bữa tối.

Cô bé thích mê những ngày được phép vào lâu đài. Nếu cô nhớ nhà trong những ngày ở trường, thì khi cô về mẹ cô không thể không cho cô sang lâu đài. Họ thật tốt trong chuyện đó, ông bà Kilsaney. Họ cho phép mẹ cô được mang con đi làm vì biết rõ bà không thể để con lại ở nơi nào khác, cũng như không ai khác có thể đảm bảo ba bữa ăn cho họ đầy đủ đến thế, cho họ ăn ngon đến thế trong khi đồng tiền cứ giảm dần theo năm tháng. Cô bé lặng lẽ ngồi trong một góc khu bếp rộng lớn, từ đó quan sát mẹ mình mồm hôi nhễ nhại cả ngày bên những cái nồi bốc hơi nghi ngút và một lò lửa đỏ rực. Cô bé luôn im lặng, không gây ra bất cứ rắc rối gì nhưng ghi nhận tất cả. Cô bé để ý đến công việc nấu nướng của mẹ, song cũng lưu tâm tới những gì diễn ra trong lâu đài.

Cô để ý thấy mỗi khi ông Kilsaney cần đưa ra quyết định, ông ta lại biến mất trong căn phòng gỗ sồi và đứng giữa phòng, chấp tay sau lưng trong khi nhìn chằm chằm vào các bậc tiền bối đang ngạo nghễ nhìn xuống ông ta từ những bức tranh chân dung sơn dầu khổ lớn lồng khung thiếp vàng cầu kỳ. Sau đó ông sẽ ra khỏi căn phòng gỗ sồi, cầm ngẩng cao, bắt tay vào hành động đầy khí thế như một người lính vừa có một cuộc trao đổi tốt đẹp với thượng cấp của mình.

Cô bé cũng biết bà Kilsaney mê mẩn đến ngớ ngẩn thế nào chín con chó của bà ta, rồi chạy khắp nhà như lên cơn điên để bắt chúng, chẳng để ý gì đến những thứ diễn ra quanh mình. Và chỉ để tâm tới mấy con chó của bà ta, nhất là con chó giống King Charles tinh quái tên là Messy, con chó duy nhất không tài nào dạy dỗ cho thuần được, kẻ thu hút phần lớn ý nghĩ và hầu như toàn bộ lời nói của bà. Bà ta không hề nhận ra hai đứa con trai nhỏ đang bày trò ngoài sân để được mẹ để ý tới, cũng như yêu chiều mà chồng bà dành cho cô hầu gái chẳng mấy hấp dẫn Magdelene, người phô ra một cái răng đen sì khi cô ta mỉm cười và dành phần lớn thời gian quét bụi

phòng ngủ của ông bà chủ tại lâu đài Kilsaney trong khi bà Kilsaney ra ngoài đi dạo cùng lũ chó.

Cô bé cũng biết điều làm bà Kilsaney hóa điên chính là những bông hoa héo rũ. Bà ta sẽ kiểm tra từng lọ hoa khi đi ngang qua, gần như ám ảnh. Bà ta sẽ mỉm cười thích thú khi cứ ba ngày một lần, người nữ tu lại đến mang theo những bó hoa tươi từ khu vườn có tường bao của nhà. Sau đó, ngay sau khi cánh cửa đóng lại, bà sẽ cầm chúng lên, vừa cắn nhẩn vừa ngắt bỏ bất cứ thứ gì không được hoàn hảo. Cô bé yêu bà Kilsaney, yêu những bộ vest vải tuyết và những đôi ủng cưỡi ngựa màu nâu bà đi kể cả vào những ngày không cưỡi ngựa. Tuy nhiên, cô bé không bao giờ cho phép mình bước chân vào nhà nếu bà không biết. Cô bé thần tượng bà, nhưng nghĩ bà là một kẻ điên.

Cô bé không nghĩ nhiều tới ông chồng công khai đùa giỡn với cô hầu gái xấu xí, dùng chổi lông phủ bụi cù mông cô ta và đùa nghịch còn trẻ con hơn cả chính cô bé. Ông ta nghĩ cô bé còn quá nhỏ để hiểu chuyện. Cô bé chẳng thích ông ta cho lắm, song ông ta nghĩ cô bé là một con nhóc ngu ngốc.

Cô bé quan sát mọi thứ. Cô đã tự hứa với chính mình sẽ luôn biết mọi thứ diễn ra trong ngôi nhà của mình.

Cô rất thích quan sát hai cậu con trai. Hai cậu luôn bày đủ trò nghịch ngợm tinh quái, luôn chạy khắp nhà, hắt đổ và đánh vỡ đủ thứ đồ đạc, làm cô hầu phòng kêu thét lên, gây ra những cảnh náo loạn âm ỉ. Cô bé luôn dõi theo cậu anh mọi lúc, cậu ta là người bắt đầu mọi trò nghịch ngợm, còn cậu em, nhạy cảm hơn, luôn là người hòa theo vì muốn canh chừng cho anh trai mình. Laurence là anh, hay Laurie như người ta vẫn hay gọi cậu. Cậu ta không bao giờ để ý đến cô bé, nhưng cô luôn có mặt ở đó, ngoài rìa, cảm thấy là người ngoài cuộc dù không được mời, cùng chơi trong trí tưởng tượng của cô.

Cậu em trai, Arthur, hay Artie như mọi người vẫn gọi, để ý tới cô bé. Cậu ta không rủ cô bé chơi cùng, cậu ta không làm bất cứ điều gì theo ý muốn của chính mình, cậu bé chỉ đơn thuần tuân theo các ý tưởng của anh, nhưng nếu Laurie làm điều ngớ ngẩn gì đó, cậu sẽ nhìn về phía cô bé, đảo mắt một cái để pha trò cho cô. Cô lại muốn thà cậu ta đừng làm thế thì hơn. Laurie mới là người cô bé mong muốn để ý đến mình, và cậu ta càng không để mắt đến cô, mong ước của cô bé càng lớn thêm. Đôi lúc, khi cậu ta có một mình và đang chạy, cô bé liền cố ý đứng trên đường của cậu. Cô muốn cậu ít nhất cũng nhìn cô hoặc dừng lại, hay hét lên với cô, nhưng cậu chẳng bao giờ làm thế. Cậu ta chạy vòng qua cô. Nếu cậu ta đi tìm Artie thì hai anh em họ đang chơi trốn tìm, cô bé sẽ giúp cậu bằng cách chỉ chỗ nấp của cậu em. Laurie không đón nhận sự giúp đỡ của cô bé, cậu đi tìm chỗ khác và gọi lớn Artie là mình chịu thua. Cậu ta không muốn bất cứ thứ gì từ cô bé.

Cô bé rất hay nghỉ học ở nhà, đơn giản vì khi đó cô có thể dành thời gian ở lâu đài. Nghỉ hè là quãng thời gian tuyệt vời nhất, khi cô bé có mọi ngày tự do cho riêng mình để ở lại trong khu lãnh địa mà không cần giả bộ ho hay bị đau bụng. Chính trong một kỳ nghỉ hè như thế, khi cô bé lên bảy, Artie lên tám còn Laurie chín tuổi, một ngày nọ, trong lúc cô bé đang ở ngoài sân tha thẩn chơi một mình như mọi khi, mẹ cô bé gọi cô vào lâu đài. Hôm đó nhà Kilsaney vắng nhà, tới chỗ người anh em họ ở Balbriggan săn cáo. Bà Kilsaney đã gọi người nấu bếp lên phòng bà ta để giúp bà mặc đồ, một chiếc váy lụa màu ô liu dài quét sàn có đính ngọc trai và cái áo khoác lông thú. Mẹ cô trở thành người quán xuyến lâu đài trong ngày, và khi cô bé tới trước lâu đài, cô có thể nói ngay từ vẻ mặt hai cậu bé là họ đang không mấy thoải mái.

“Hôm nay quả là một ngày đẹp trời để ra ngoài chơi, hít thở không khí trong lành và không làm quán chân tôi,” mẹ cô nói. “Rosaleen cũng sẽ chơi với hai cậu.”

“Cháu không muốn chơi với bạn ấy,” Laurie vùng vằng, vẫn không chịu nhìn cô bé, nhưng ít nhất cô cũng biết mình không phải vô hình với cậu ta, và dù sao cậu cũng nhìn thấy cô.

“Hãy cư xử đàng hoàng với em nhé, các chàng trai. Chào các anh nào, Rosaleen.”

Hai cậu bé mím chặt môi, mẹ cô bé liền gắt lên với hai anh em.

“Xin chào, Rosaleen,” cả hai cậu bé lẩm bẩm, Laurie nhìn xuống đất, còn Artie rụt rè nhìn cô bé mỉm cười.

Trước đó cô bé chưa bao giờ được gọi bằng tên. Khi nghe thấy tên mình nói ra trên môi người anh, cô cảm thấy như mình vừa được đặt tên thánh vậy.

“Giờ thì đi chơi đi,” mẹ cô bé nói và hai cậu bé chạy ào đi. Rosaleen theo sau.

Sau khi ba đứa trẻ đã chạy sâu vào vạt rừng, chúng dừng lại khi Laurie tới quan sát một tổ kiến.

“Tớ là Artie,” cậu em trai nói.

“Đừng nói chuyện với nó,” Laurie cau kinh, nhặt một cái que dưới đất lên, vung vẩy xung quanh như thế đang chiến đấu.

Laurie tảng lờ em trai và cô bé, mãi mê chọc que vào lỗ trên thân cây. Bất ngờ chúng nghe thấy tiếng nói, vậy là Laurie, tai động lên nghe ngóng, đi về phía tiếng nói. Cậu ta giơ tay lên, cả ba dừng lại, nấp nhìn qua tán cây và thấy Paddy, người làm vườn, đang bò trên hai đầu gối lách người qua mấy bụi mâm xôi, trong khi bên cạnh ông ta, trên xe cút kít, một cô bé năm tuổi với mái tóc vàng bạch kim đang nằm.

“Ai thế nhỉ?” Laurie hỏi, giọng nói của cậu gửi tín hiệu cảnh báo tới thẳng tim Rosaleen, nhưng qua phản kích trước cơ hội trò chuyện đầu tiên

của hai người, cô bé trả lời, tim đập thình thịch, ý thức về giọng nói của mình, mong muốn mọi thứ hoàn hảo dành cho Laurie.

“Đó là Jennifer Byrne,” cô bé nói, nghiêm nghị và chuẩn mực hệt như bà Kilsaney. “Paddy là ba cô bé.”

“Rủ cô ấy cùng chơi đi,” Laurie nói.

“Nhưng nó chỉ là một con nhóc thôi mà,” Rosaleen phản đối.

“Cô bé rất đáng yêu,” Laurie nói, trong lúc quan sát cô bé lười biếng nằm trên xe cút kít.

Từ hôm đó trở đi, luôn là bốn người họ. Laurie, Artie, Rosaleen và Jennifer cùng chơi với nhau mỗi ngày. Jennifer vì cô bé được mời tham gia, Rosaleen vì mấy người kia buộc phải chấp nhận cô bé. Rosaleen luôn nhớ điều đó. Ngay cả khi Laurie hôn cô trong bụi cây hay khi hai người họ là một cặp trong vài tuần ngắn ngủi, cô luôn biết Jennifer là người anh thích. Vẫn luôn là thế. Cô ta hút hồn cậu, dù cô ta nói gì hay làm điều bộ cử chỉ gì, Laurie luôn bị thu hút, luôn muốn ở bên cạnh.

Jennifer ngày càng xinh đẹp khi năm tháng trôi qua, cho dù bản thân cô hoàn toàn không nhận ra. Bộ ngực nở nang, vòng eo thon thả, phần hông tròn trịa, tất cả đột ngột xuất hiện chỉ trong một mùa hè. Không còn mẹ từ năm ba tuổi, cô bé chẳng khác gì một cậu con trai nghịch ngợm, trèo vắt vèo trên cây, chạy đua cùng Artie và Laurie, cởi phăng quần áo và nhảy xuống hồ bơi mà chẳng buồn để ý tới thế giới xung quanh. Cô luôn cố gắng rủ Rosaleen cùng tham gia, nhưng chẳng hiểu nổi tại sao cô bạn lại không muốn. Về phần mình, Rosaleen kiên nhẫn chờ đợi thời cơ. Cô biết những hành động nghịch ngợm kiểu con trai sẽ làm hai cậu bé dần phát chán, họ sẽ mất dần sự quan tâm, và đến một ngày sẽ muốn tìm một người phụ nữ thực sự, và cô sẽ là người phụ nữ đó. Cô sẽ giống như bà Kilsaney, sẽ quán xuyến lâu đài, nấu ăn, dạy dỗ đàn chó, đảm bảo rằng người nữ tu chỉ mang đến cho mình những bó hoa tươi nhất. Cô mơ Laurie một ngày kia sẽ là của cô, họ sẽ cùng nhau sống trong lâu đài, cô sẽ để tâm tới bày chớ và những

bông hoa trong khi Laurie nhận lấy cảm hứng trong căn phòng gỗ sồi từ các bậc tiền bối của anh treo trên tường.

Khi hai cậu con trai rời nhà vào học trường nội trú, Laurie chỉ viết thư cho Jennifer. Artie thì viết thư cho cả hai cô gái. Rosaleen không bao giờ để Jennifer biết chuyện này, cô giả bộ cả mình nữa cũng nhận được một lá thư nhưng nội dung lá thư quá riêng tư để có thể đọc to lên. Jennifer dường như chẳng bao giờ tỏ vẻ quan tâm, cô tự tin vào tình bạn đến mức càng khiến Rosaleen ghen tị. Khi các chàng trai vào đại học, chứng đa xơ cứng của mẹ Rosaleen trở nên trầm trọng hơn rất nhiều, ông bố già nua của cô ốm nặng, họ cần tiền, trong khi hai anh chị Rosaleen ở quá xa để có thể giúp đỡ và hai người này trông cậy cả vào cô em mà họ chưa biết để chăm sóc ba mẹ. Rosaleen buộc phải thôi học, đến làm việc ở lâu đài, Jennifer tiếp tục phối phối, lên tận Dublin chơi để thăm hai chàng trai. Đó là những ngày đen tối nhất với Rosaleen. Thời gian trôi qua thật lâu và buồn chán khi không có họ, cô gái sống hy vọng Laurie quay về, sống với cái đầu mơ mộng về mọi điều đã là quá khứ và mừng rỡ tưởng tượng những gì có thể đến trong tương lai. Trong khi ba người kia ở trên thành phố tha hồ tung tăng bay nhảy: Laurie học tại trường Mỹ thuật, gửi về nhà những tác phẩm bằng thủy tinh, Artie theo học nghề làm vườn, Jennifer liên tục được chào mời làm mẫu mỗi khi bước chân ra khỏi cửa. Khi họ về nhà vào các kỳ nghỉ, cuộc sống của Rosaleen không thể hạnh phúc hơn, và cô thậm chí mong Laurie nhìn mình như cách anh nhìn Jennifer.

Cô không biết mối quan hệ lãng mạn giữa hai người họ đã kéo dài được bao lâu. Cô chỉ có thể đoán nó bắt đầu ở Dublin, trong khi cô ở nhà vật lông gà và mổ cá. Rosaleen tự hỏi liệu có bao giờ hai người họ định nói cho cô biết hay không, nếu không có cái ngày bối rối đó, khi cô dẫn anh tới gốc cây táo để cuối cùng thổ lộ cho anh hay cảm xúc của cô, để chỉ cho anh dòng chữ khắc trên cây. *Rose yêu Laurie*. Cô đã quá tin chắc anh sẽ kinh ngạc, sẽ nhận ra con người thật của cô, nhận ra cô đã quán xuyến lâu đài chu đáo ra sao khi anh vắng nhà, sẽ hiểu cô tháo vát đến mức nào. Cô đã mừng rỡ ra ngày hôm ấy từ nhiều tháng, nhiều năm trước.

Nhưng thực tế đã không diễn ra như thế. Nó đã không diễn ra chính xác như cô gái hình dung trong suốt những năm, những tháng lăm lũi một mình trong căn bếp của lâu đài. Khi đó cuộc đời trở nên thật tối tăm và lạnh lẽo, ba cô qua đời, hai anh em ở trường đại học quay về dự tang lễ, chị cô định đưa mẹ tới sống ở Cork nhưng không có mẹ ở bên, Rosaleen chẳng còn gì nữa. Cô hứa sẽ chăm sóc bà chu đáo. Jennifer luôn dành cho cô một tình bạn gần bó, Rosaleen chấp nhận nó trong khi luôn căm ghét cô. Căm ghét mọi thứ cô ấy nói, mọi việc cô ấy làm, căm ghét việc Laurie yêu cô ấy.

Mùa hè năm 1990, Jennifer có thai. Cuộc sống của Rosaleen vỡ tan từng mảnh. Jennifer được gia đình Kilsaney mở rộng vòng tay chào đón. Bà Kilsaney hào hứng dẫn cô đi khoe tủ quần áo, bộ váy cưới, mọi thứ đáng ra phải thuộc về Rosaleen. Jennifer và ba cô được mời ăn tối hàng tuần. Rosaleen nấu ăn cho họ. Cảm giác ê chề đã vượt quá mức có thể bù đắp.

Đứa trẻ ra đời, sớm hơn dự kiến hai tuần, không còn đủ thời gian tới bệnh viện, Rosaleen đã chạy đi giữa đêm khuya để gọi bà xơ già. Một bé gái chào đời. Người ta đặt tên cho cô bé là Tamara, theo tên người mẹ đã qua đời của Jennifer khi cô còn bé xiu. Cặp đôi trẻ vẫn chưa làm đám cưới nhưng vẫn sống trong lâu đài. Rosaleen và Arthur trở thành mẹ và cha đỡ đầu. Lễ rửa tội được tiến hành trong nhà nguyện của lâu đài. Tất cả từng là giấc mơ của Rosaleen. Nhưng cuộc sống ở lâu đài chẳng hề dễ dàng. Gia đình Kilsaney đang gặp khó khăn trong việc duy trì nó, nguồn tiền cạn dần, họ lâm vào cảnh tuyệt vọng. Với ngân quỹ căn phòng cần được chăm chút, sưởi ấm, sửa chữa, chi phí là quá lớn. Các thành viên trong gia đình gặp nhau vào bữa tối để bàn bạc về chuyện đó, Rosaleen, như thể nấp trong tường, có thể nghe thấy mọi chuyện.

Có lẽ họ nên mở cửa lâu đài cho công chúng thưởng ngoạn. Cho phép công chúng vào tất cả ngày thứ bảy tới ngắm nghía nhà họ, chụp hình những chiếc bàn viết từ thế kỷ 18 cũng như căn phòng gỗ sồi treo đầy những bức chân dung, rồi tại căn nhà nguyện, hay những lá thư cổ được

viết từ nhiều thế hệ trước giữa các quý ông và quý bà, giữa chính khách và những kẻ nổi loạn vào thời kỳ rối ren.

“Không,” nghe đến đó bà Kilsaney thế nào cũng la lên, “Tôi không thể để họ tới thăm chúng ta như thể chúng ta là sở thú được, mà dù thế làm cách nào chúng ta duy trì nổi nơi này đây? Có bán vé hai bảng rưỡi cho mỗi người lớn cũng chẳng đủ để chữa mái, cũng chẳng đủ trả lương cho Paddy hay hóa đơn sưởi.”

Dẫu vậy họ cũng tìm ra một giải pháp. Hai nhà kinh doanh bất động sản Timothy và Geogre Goodwin trên chiếc xe Bentley của họ vào ngày đẹp nhất trong năm, hai người không tin nổi mắt mình khi nhìn thấy khu lãnh địa, phong cảnh, các hồ nước những con hươu và đám gà lôi. Không khác gì một công viên thiên nhiên. Hai vị khách nhìn đâu cũng thấy ra tiền. Timothy Goodwin, một quý ông bảnh bao nhưng cộc cằn bất nhả mặc vest có gi lê với quyền sec nhét trong túi trong ngay lập tức phải lòng khu đất. Geogre Goodwin chỉ dán mắt nhìn Jennifer Bryne. Hôm ấy là ngày hạnh nhất trong đời Rosaleen. Khi phục vụ họ trong bữa tiệc tại phòng ăn lớn, cô không thể không quan sát Geogre Goodwin chỉ dán mắt nhìn Jennifer như thế nào, anh ta kiêu hãnh với Laurie song lại dành rất nhiều thời gian chơi với đứa bé ra sao. Tất cả mọi người tại bàn đều thấy điều đó, tất nhiên Laurie cũng thấy. Jennifer rất dễ mến nhưng cô tôn thờ Laurie.

Hai vị khách trở lại nhiều lần để đo đạc, để dẫn tới các nhà thầu xây dựng, kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên gia đánh giá. Geogre quay lại thường xuyên hơn ba anh ta, sau khi nắm quyền điều hành dự án. Rosaleen nhìn thấy cơ hội giành lại Laurie. Một buổi tối nọ, cô nghe lỏm thấy Geogre hứa hẹn dành cho Jennifer mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Ai cũng bị Jennifer mê hoặc, đó là lỗi của cô ta, cô ta mời gọi quyền rũ, trói buộc người khác trong mạng nhện của mình mà không hề biết đã hủy hoại cuộc sống của bao nhiêu người. Trong khi Jennifer thừa nhận Geogre Goodwin là một người đàn ông vui vẻ và tử tế, cô gái từ chối lời tỏ tình của anh ta.

Nhưng trong mắt Rosaleen thì không phải vậy.

Laurie bắt gặp cô đang khóc sưng cả mắt. Thoạt đầu, cô không chịu nói gì với anh, cô không muốn làm anh bị tổn thương. Đây không phải là chuyện của cô, Jennifer là bạn cô. Nhưng rồi anh dịu dàng gắng hỏi cô khiến cô kể lại những gì cô thấy. Cô cảm thấy khổ sở vì đã gây ra nỗi đau đang biểu hiện trong mắt anh. Đến mức thiếu chút nữa cô đã thu về những lời nói của mình ngay tại đó, ngay lúc đó, nhưng rồi anh cầm lấy tay cô, siết chặt, ôm chầm lấy cô và nói cô luôn là người bạn thật tốt biết bao, và làm thế nào anh đã không nhận ra điều đó nhỉ, phải, làm sao cô có thể rút lại những lời nói của mình ngay lúc đó chứ.

Sau đó là một buổi tối dài, một cuộc tranh cãi thật lâu. Rosaleen để mặc hai người cãi cọ nhau, những lời tự hai người nói ra sau đó còn gây nhiều rạn vỡ hơn những lời của cô. Laurie không nói với Jennifer chính Rosaleen đã nói cho anh biết chuyện. Và cô để mặc Jennifer gục đầu lên vai mình khóc, trong khi dành cho cô ta vài lời khuyên miễn cưỡng. Tối hôm đó, Jennifer ngủ lại ngôi nhà bên công. Laurie không muốn cô gái ở gần bên anh nữa. Jennifer tới gặp Rosaleen trong khi cô đang vui vẻ dọn nhà bếp, hài lòng vì cuộc cãi vã mới nhất mình đã khơi mào. Cô ấy tới gặp Rosaleen với một lá thư. Rosaleen đã đọc nó, và cho dù cô hiếm khi khóc, nó đã khiến cô rơi nước mắt. Jennifer muốn nhờ bạn mình đưa lá thư cho Laurie. Cô đã đốt đi. Nhưng đứa bé chập chững bước vào. Con bé trông giống ba đến mức khiến cô bị sốc, cô vẫy vẫy lá thư, lừa tòn và cô ném nó vào sọt rác. Rồi cô bế đứa bé lên và mang trả nó về giường. Sau đó Rosaleen quay về nhà.

Đó chính là đêm xảy ra đám cháy. Cô không thể biết chắc liệu lá thư cháy dở đã gây hỏa hoạn hay không, cho dù người ta nói đám cháy bùng phát từ nhà bếp, và chưa từng ai buộc tội cô. Đứa trẻ được Laurie cứu thoát, rồi sau đó anh quay vào lấy vài thứ có giá trị. Theo những gì Jennifer biết, anh đã chết trong lửa. Laurie không muốn Jennifer chăm sóc cho anh chỉ vì cô ấy buộc phải làm thế, vì như anh hiểu, Geogre Goodwin đã giành được trái tim cô và có thể mang lại cho cô nhiều hơn. Cho dù đây là quyết định

của chính anh, một chút thuyết phục từ Rosaleen đã làm Laurie tin rằng đây là quyết định tốt nhất. Anh không thể đem đến gì cho mẹ con cô nữa. Không còn lâu dài, lãnh địa đã bị bán, anh đã mất khả năng điều khiển một cánh tay và một bên chân. Khuôn mặt anh bị bỏng nặng, không nhận ra nổi nữa. Nó trở nên xấu xí như thể anh đang bị thối rữa. Artie phản đối chuyện này. Anh ta không tán thành, song chẳng tài nào thuyết phục được anh trai. Hai người không bao giờ nói chuyện với nhau nữa, cho dù sống cách nhau một con đường.

Suốt nhiều tháng trời, Jennifer đã khóc lóc đau khổ, từ chối không chịu ra khỏi nhà, không chịu sống tiếp. Nhưng người ta cũng chỉ có thể chịu đau khổ nhiều đến thế, nhất là khi có một người đàn ông điển trai thành đạt lịch thiệp gõ cửa nhà cô, mong muốn cứu vớt cô và mang cô đi. Rosaleen lần nữa đứng sau quyết định đó. Cô đã thúc đẩy nó thành hiện thực một cách tuyệt vời. Cô không hề cố ý gây ra hỏa hoạn, không hề có ý làm Laurie khốn khổ bị thương tật như thế, song chuyện đó đã diễn ra và đem lại kết quả có lợi cho cô. Artie dọn đến sống cùng Paddy, hai người cùng chăm lo khu đất. Laurie chuyển tới sống ở ngôi nhà một tầng, nơi Rosaleen có thể chăm lo cả anh và mẹ cô. Anh cảm ơn cô mỗi ngày, nhưng vẫn không thể dành cho cô điều cô mong muốn. Anh không hề yêu cô. Anh trông cậy vào cô để giúp anh sống sót. Khi đó cô mới vỡ lẽ mình chưa bao giờ có được anh theo cách cô muốn. Cô chưa bao giờ trở thành người nhà Kilsaney. Đến khi Paddy chết và Artie sống một mình trong ngôi nhà bên cổng cũng là lúc cô chuyển chú ý sang anh ta, hay đúng hơn là đáp lại sự quan tâm anh ta vẫn dành cho cô kể từ khi cô còn bé con. Rosaleen cuối cùng cũng trở thành một thành viên nhà Kilsaney, cho dù hai người không bao giờ chính thức dùng đến xưng danh đó, và Laurie vẫn hiện diện trong cuộc sống của cô, cần đến cô. Dù sao đi nữa, Rosaleen chưa bao giờ thích vào thị trấn, và ghét phải nghe những câu chuyện ngồi lê đôi mách của cư dân địa phương về những chuyện họ chẳng biết gì. Thời gian duy nhất cô xuất hiện bên ngoài là khi đi dự lễ Misa và bán rau cô trồng. Mọi việc mua

sấm khác được thực hiện ở thị trấn xa hơn, nơi chẳng có ai sẽ đặt câu hỏi nào với cô.

Đó là chuyện mười tám năm trước và tất cả đều diễn ra suôn sẻ, không phải hoàn hảo, nhưng thực sự suôn sẻ cho tới khi Geogre Goodwin, can đảm tới cùng, đã bảo vệ lãnh địa Kilsaney và không cho phép nó bị bán đi, đồng thời cũng đảo lộn hết mọi sắp xếp của cô, và đưa trẻ kinh khủng trông quá giống ba nó, đáng ra nên là con của cô đã quay lại bước vào cuộc sống của họ làm mọi thứ rồi tung thêm lần nữa. Tất cả có lẽ yên ổn nếu Jennifer đừng luôn miệng đặt ra câu hỏi, nếu cô ta có thể bình phục để cả cô ta và Tamara có thể tiếp tục trở lại cuộc sống của họ ở Dublin. Nhưng cô ta lại quay ngược lại khoảng thời gian cô ta than khóc Laurie và đắm chìm vào trong cùng cách xử sự. Cô ta đã nhâm lẫn, đã than khóc nhâm người, Rosaleen chỉ cần tài chính của hai mẹ con cô ta được thu xếp xong xuôi để bọn họ rời đi càng sớm càng tốt. Nhưng thực tế đã không diễn ra như thế.

Rosaleen lại cần phải sống sót. Bà không thể chịu nổi phải mất thêm bất cứ điều gì nữa. Bà yêu Laurie hơn mọi thứ trong đời mình, nhưng sự dối trá ông ta buộc bà phải giữ lời đã gây quá nhiều bất hạnh cho quá nhiều người. Bây giờ bà nhận ra thật rõ điều đó. Và bà đã quá mệt mỏi. Mệt mỏi vì tranh đấu cho cuộc hôn nhân của mình, với Arthur tuyệt vời đáng yêu, người chưa bao giờ tán thành quyết định của Laurie cũng như việc Rosaleen sau đó quyết định chấp nhận tham gia vào nó. Người chồng điển trai, tốt bụng và nhẹ nhàng của bà đang bị giằng xé mỗi ngày vì lời dối trá với Jennifer và Tamara, ông xứng đáng được hơn thế. Bà đã quá mệt mỏi với việc phải giữ bí mật, mệt mỏi vì không thể nhìn thẳng vào mắt bất cứ ai trong làng vì sợ họ biết những điều bà đã làm, sợ họ đoán được những gì đang diễn ra trong ngôi nhà một tầng và nhà xưởng, nơi khói bốc lên liên tục cả ngày lẫn đêm. Bà muốn mọi thứ biến mất. Bà muốn ngôi nhà một tầng này, nơi luôn giống như nhà tù với bà, nơi trở thành nhà tù với Laurie và mẹ bà, phải biến mất. Bà sẽ giải thoát cho họ.

Bà thu xếp để chắc chắn mẹ mình được an toàn trước khi quết diêm.

Chương 25: Những giấc mơ về người đã khuất

Khi tôi tới ngôi nhà một tầng, có một chiếc xe cảnh sát đậu bên ngoài. Tôi có thể thấy Rosaleen đang ở đó, đứng bên bãi cỏ cạnh mẹ bà. Nói chuyện với bà là viên cảnh sát có vẻ không mấy bình tĩnh, người liên tục hỏi bà liệu trong nhà còn ai không. Rosaleen đang than vãn, đưa hai tay ôm lấy mặt, nhìn trở lại ngôi nhà như thể không thể xác định. Cảnh viên cảnh sát là Arthur, người đang gay gắt quát tháo Rosaleen, chộp lấy hai vai mẹ mà lắc mạnh, cố ép bà trả lời.

“Ông ấy ở trong nhà xường!” cuối cùng mẹ rít lên.

“Không có, tôi tìm rồi,” Arthur hét lên.

“Ông ấy phải ở đó!” mẹ gào lên rin rít. “Ông ấy phải ở đó. Ông ấy luôn khóa phòng ngủ mỗi khi tới xường.”

“Ai?” người cảnh sát hỏi đi hỏi lại. “Ai đang ở trong nhà?”

“Anh ấy không có ở đó,” giọng Arthur lại đi. “Chúa ơi, cô đã làm gì vậy hả?”

“Ôi chúa ơi,” Rosaleen khóc lóc thảm thiết. Mẹ bà lặng lẽ khóc.

Từ đằng xa còi xe rú lên.

Tôi mắc kẹt tất cả họ. Tôi chạy qua họ trong khi không ai để ý, lao xuống lối đi bên cạnh, chui vào qua cửa sau của ngôi nhà một tầng. Khói tràn ngập khắp lối đi, đen và đặc quánh tới mức hít vào làm tôi bị ngạt, phải quỳ sụp xuống nôn ọe và thở hổn hển, mắt tôi cay xè tới mức tôi phải dụi liên hồi, nhưng càng dụi càng cay thêm. Tôi giơ chiếc áo cardigan lên che mặt. Tôi đã xả đầm nước lạnh từ một cái vòi bên ngoài vào cái áo, quần nó ngang miệng và mũi để giúp mình thở được. Nhìn qua một bên mắt mở hé, tôi lần theo tường tìm lối đi. Lốp nhựa lót sàn dưới chân tôi nóng giãy, nóng

và dính đến mức nguy hiểm, đến mức làm cao su ở đế giày tôi dính vào. Tôi dạt sang đi men theo rìa hành lang, nơi có gạch lát. Tôi lần tìm lối tới phòng ngủ của ông. Khi tôi chạm lên tay nắm bằng kim loại, nó khiến tôi bị bỏng đến mức phải buông rời tay ra và co rúm người lại, đưa bàn tay còn lại đỡ lấy bàn tay bị bỏng, ho sặc sụa, mắt cay xè, miệng nôn ọe. Cánh cửa mở cuối lối đi đã ít nhiều giúp một phần khói được tống ra ngoài, và tôi biết cách chỗ mình không xa. Tôi có thể chạy ra khỏi cửa.

Tôi tra chìa khóa vào cửa, hy vọng ổ khóa chưa bị chảy, và xoay chìa. Lùi lại, tôi dùng chân đạp tay nắm cửa xuống, cửa bật mở. Thêm nhiều khói theo tôi vào trong phòng. Mép bức ảnh đã bị cong lên vì sức nóng. Tôi không thể nhìn thấy ngọn lửa nào, chỉ có khói, thứ khói đen kịt đặc quánh làm phổi tôi đau rát. Tôi cố lên tiếng gọi nhưng không thể, chỉ bật ho sặc sụa, hy vọng ông có thể nghe thấy tôi, có thể biết tôi đang ở đây.

Tôi lần tìm lối dọc theo giường, sờ tìm thân hình, sờ lên khuôn mặt... Khuôn mặt đẹp dễ đầy sẹo của ông, cũng giống như tòa lâu đài, mang trong mình câu chuyện khiến tôi bị thu hút về phía nó, thay vì cảm thấy ghê rợn. Đôi mắt ông nhắm nghiền, tôi cảm thấy hai mi mắt ông. Tôi lay ông, đưa tay khắp người ông, cố đánh thức ông dậy. Không ăn thua, ông đã bất tỉnh. Đằng sau mình, tôi cảm thấy hơi nóng dữ dội, cảm thấy lửa. Nó sẽ nhanh chóng vây kín quanh tôi, trong căn phòng dán đầy ảnh này. Tôi kéo rèm lưới ra, đem thêm một chút ánh sáng vào căn phòng xám mờ đầy khói. Tôi sờ cửa sổ, thử tìm cách mở ra. Chúng đều bị khóa. Chẳng có cái chìa nào. Tôi nhấc cái ghế lên, ném vào cửa sổ hết lần này đến lần khác nhưng tôi không thể. Tôi kéo ông đi, nhưng ông quá nặng. Tôi cố dựng ông dậy. Tôi dần trở nên kiệt sức, cạn dần năng lượng, cảm thấy quay cuồng. Tôi nằm xuống cạnh ông, cố đánh thức ông dậy. Tôi cầm lấy tay ông, hai chúng tôi nằm sát cuộn sát vào nhau trên giường. Tôi sẽ không rời xa ông nữa.

Rồi đột nhiên tôi mơ thấy lâu đài, thấy buổi dạ tiệc với một bàn ăn dài đầy gà lôi và heo, mọi thứ đều ngập trong mỡ và nước xốt, rượu vang và sâm panh, vịt và những món rau ngon nhất. Rồi tôi chợt bên xơ Ignatius, bà

hét lớn bảo tôi đẩy mạnh. Tôi không nhìn thấy xơ nhưng có thể nghe thấy bà. Rồi bóng tối trở thành ánh sáng, và căn phòng ngập trong một thứ ánh sáng tuyệt vời, còn tôi trong vòng tay xơ Ignatius. Sau đó, tôi ở trong vườn thủy tinh, chạy, chạy hoài, rồi Rosaleen đuổi theo bèn gót. Tôi đang nắm lấy tay Weseley hết như lúc trước, chỉ có điều không phải Weseley mà là Laurie. Không phải như tôi thấy ông ngày hôm nay, mà là lần đầu tôi thấy ông trong ảnh, đẹp trai, trẻ trung, tinh nghịch. Ông ngoái lại, mỉm cười với tôi, hai hàm răng trắng hoàn hảo của ông mở ra rồi khép lại khi ông cười, và tôi chợt nhận ra chúng tôi mới giống nhau làm sao, và nhớ ra tôi thường tự hỏi tại sao tôi không giống mẹ hay ba, và bây giờ tất cả đều sáng tỏ; cái mũi, đôi môi, gò má của ông, cả đôi mắt nữa, đều giống hệt tôi. Ông đang nắm lấy tay tôi, nói với tôi rằng chúng tôi sẽ ổn cả. Chúng tôi chạy cùng nhau, lúc cười phá lên, lúc lại mỉm cười, chẳng hề lo lắng về Rosaleen vì bà không thể bắt kịp chúng tôi. Ở bên nhau chúng tôi có thể thách thức cả thế giới đuổi kịp mình. Rồi sau đó tôi nhìn thấy ba tôi, ở phía cuối vườn, vỗ tay, cổ vũ chúng tôi chạy như thể tôi đã trở thành một cô bé con trong các cuộc thi chạy ở cậu lạc bộ bóng bầu dục. Laurie biến mất, và trong giây lát chỉ còn tôi và mẹ, chân buộc vào nhau trong một cuộc thi chạy ba chân như chúng tôi vẫn thường tham gia khi tôi hồi bé. Nom mẹ có vẻ lo lắng, bà không cười, rồi mẹ rời khỏi và Laurie lại tới. Chúng tôi lại chạy, lao tới, và đằng kia là bà tôi, cười rộ, reo hò cổ vũ, thúc giục chúng tôi lao tới, hai cánh tay dang rộng, sẵn sàng ôm chầm lấy chúng tôi khi băng qua vạch đích.

Thế rồi những đồ vật thủy tinh trong vườn nổ tung quanh chúng tôi, vỡ vụn thành hàng triệu mảnh nhỏ, và tôi vượt mất tay Laurie. Tôi nghe thấy ba gọi lớn tên mình, và tôi mở bừng mắt. Căn phòng đầy thủy tinh, thủy tinh rải lên người chúng tôi, khắp sàn và khói cuộn cuộn tuôn vào từ ngoài cửa sổ. Tôi nhìn thấy một cái móng vuốt, một cái móng vuốt màu vàng biến mất qua lớp kính và khói tỏa ra ngoài. Nhưng điều đó không ngăn được ngọn lửa. Nó thiêu trụi các bức ảnh lan qua chúng với tốc độ và sự dữ dội ghê gớm đến mức nuốt chửng mọi thứ xung quanh chúng tôi, và

để chúng tôi lại sau cùng. Chúng tôi sẽ là đích tiếp theo. Thế rồi tôi thấy Arthur. Tôi thấy xơ Ignatius. Tôi thấy khuôn mặt mẹ, sống động, hiện hữu, kinh hoàng. Bà đang ở ngoài, đi đi lại lại, nói năng, và bất chấp vẻ hoảng loạn của bà, tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Rồi những cánh tay ôm quanh tôi và tôi đã ra bên ngoài, ho sặc sụa, khạc nhổ, tôi không thể thở nổi, tôi nằm vật xuống cỏ. Trước khi nhắm mắt lại, tôi trông thấy mẹ, cảm thấy bà hôn lên trán tôi, rồi thấy bà ôm chầm lấy Laurie, khóc và khóc, nước mắt bà tuôn chảy xuống đầu ông, như thể chỉ mình chúng cũng đủ để dập tắt đám cháy.

Lần đầu tiên kể từ khi thấy ba nằm trên sàn phòng làm việc của ông ấy, tôi thở phào nhẹ nhõm.

Chương 26: Những điều chúng ta đã học được hôm nay

4 tháng Tám, thứ Sáu

Tôi nghe thấy mẹ và Laurie nói chuyện với nhau cho tới khi mặt trời mọc. Tôi không biết họ nói những gì, nhưng âm điệu đã được cải thiện nhiều so với vài tuần vừa qua. Xơ Ignatius đã giúp hai người tâm sự với nhau qua mọi chuyện. Nó giống như khi có điều tồi tệ hay đáng sợ xảy ra, khi bạn kết thúc nó hay vượt qua nó, bạn sẽ nhẹ nhõm và quên khuấy đi việc nó đáng sợ tới mức nào, hay bạn đã khổ sở tới mức nào và bạn muốn làm lại điều đó một lần nữa, hay bạn chỉ nhớ những phần tốt đẹp, hay bạn tự nhủ với bản thân nó giúp bạn tìm được phần mới mẻ của chính mình.

Mọi thứ đều không ổn trong ngôi nhà này. Mọi thứ đều chẳng hề hoàn hảo. Nhưng thế đấy, nó chưa bao giờ như thế cả. Tuy thế, một con voi bị nhốt trong chuồng đã thoát ra, đã giải thoát, lúc này đang chạy theo các con đường, làm loạn mọi thứ lên trong khi chúng tôi đều cố thuần phục nó. Chuyện này giống như khi người chia bài xáo tung bài lên, ông ta trộn nháo nhào tất cả chúng với nhau, phá hủy đi trật tự chỉ để ông ta có thể xử lý và cuối cùng có thể tìm lại con đường đưa nó trở về trật tự. Đó chính là điều đã xảy ra với chúng tôi. Cách đây rất lâu, mọi thứ bị xáo trộn, tất cả chúng tôi đều tung hê quân bài của mình, cố gắng tìm ý nghĩa của tất cả chúng.

Tôi không nghĩ mẹ hay tôi đến lúc nào đó có thể tha thứ cho Laurie, Rosaleen và Arthur vì đã giấu kín một bí mật như thế với chúng tôi, vì đã duy trì sự dối trá lâu đến thế. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là cố hiểu Laurie làm thế là vì ông muốn điều tốt nhất

cho chúng tôi, cho dù suy nghĩ đó có làm lạc như thế nào. Ông nói với chúng tôi rằng ông làm thế vì ông yêu chúng tôi, ông nghĩ sẽ đem đến cho chúng tôi một cuộc sống tốt đẹp hơn. Điều này thật không thể tha thứ, và vẫn chưa đủ khi nghe tất cả những gì Rosaleen đã nói với ông, bà đã tác động đến suy nghĩ của ông như thế nào, đã nói chừng ấy điều dối trá với ông và mẹ để họ không biết họ làm gì. Điều này không thể tha thứ nhưng chúng tôi vẫn cố hiểu. Có thể khi hiểu thấu đáo, tôi có thể tha thứ cho ông. Có thể khi tôi hiểu được vì sao mẹ và ba đã nói dối tôi về cha ruột thực sự của mình, đến lúc đó tôi có thể tha thứ. Tôi nghĩ tất cả những chuyện đó đều có phần quá xa vời để tôi hình dung. Nhưng có thể tôi cảm ơn Laurie vì đem đến cho tôi một người cha tuyệt vời đến thế. Geogre Goodwin là một người đàn ông tử tế, một người bố đáng kính ngạc, luôn nghĩ tới chúng tôi tới tận phút cuối cùng, cho dù có thể thật làm lạc. Ông đã tranh đấu với ba mình cho tới tận cuối đời ông cụ về việc phát triển dự án ở Kilsaney. Ông biết đó là thứ duy nhất cha ruột của tôi có thể để lại cho tôi, nếu như mọi thứ diễn ra theo đúng cách đáng ra chúng phải diễn ra, nếu ông không qua đời trong vụ hỏa hoạn. Và đó cũng là nhà của mẹ. Nơi bà lớn lên, nơi bà mang theo mọi kỷ niệm, và khi ngân hàng tới gõ cửa, ông vẫn không chấp nhận từ bỏ nó. Tôi thà có lại ba hơn là Kilsaney, nhưng tôi biết ông ấy yêu chúng tôi đến thế nào, cũng như ông đã cố gắng làm gì. Cả hai người cha của tôi đều đã từ bỏ rất nhiều vì chúng tôi. Tôi chỉ có thể cảm ơn họ và cảm thấy may mắn vì được hưởng tình yêu nhiều đến thế từ hai con người. Điều này có thể hoàn toàn không hiểu nổi đối với bất cứ ai khác, nhưng đó là cuộc đời tôi, đó là cách tôi đã học được để thích ứng.

Arthur ngày nào cũng đi đi về về chăm sóc Rosaleen trong bệnh viện. Mơ quả là người may mắn nhất thế giới khi có được ông và chẳng bao giờ biết điều đó. Giờ bà sẽ biết, khi tất cả những người khác quay lưng lại với bà, riêng Arthur vẫn luôn có mặt, bất chấp việc khám phá ra tất cả những điều mơ đã làm, để cố gắng kéo trở lại

người phụ nữ ông yêu. Tôi thấy sự chung thủy của ông đối với mẹ thật là vô biên, nhưng vậy đấy, tôi vẫn chưa bao giờ yêu. Tình yêu có vẻ như luôn gây ra cho người ta những chuyện điên rồ. Ông chỉ muốn mẹ khá lên, nhưng nói nhỏ giữa bạn và tôi, tôi không nghĩ là có lúc nào đó bà có thể thoát ra khỏi nơi ấy. Những gì sai lạc ở Rosaleen đã ăn sâu cắm rễ đến mức nó xuất phát từ cuộc sống trong quá khứ của bà và lan xa vào tận cuộc sống tiếp theo của bà, nhỏ bật rễ bất cứ thứ gì nảy chồi ở đó.

Arthur và Laurence đã đoàn tụ. Arthur sẽ không bao giờ tha thứ cho Laurence vì những gì ông đã làm, vì đã bắt em trai hứa trở thành một phần của câu chuyện này. Nhưng tôi nghĩ ông ấy sẽ tha thứ cho anh trai mình nhanh hơn bản thân. Ông dằn vò chính mình mỗi ngày vì đã không bước tới, không ngăn chặn việc thực hiện kế hoạch đó, vì đã buông xuôi cho sự dối trá lớn dần, quan sát tôi lớn lên trong khi cha ruột tôi đang ở bên kia đường trong một căn phòng, chứng kiến mẹ tôi đau khổ trong lúc tình yêu của bà đang ở ngay bên kia đường. Ông nói, có rất nhiều lí do đã ngăn ông lại, nhưng chứng kiến việc mẹ tôi yêu Geogre nhiều thế nào và chứng kiến ba là người cha tuyệt vời ra sao là lí do lớn nhất. Tôi đoán sẽ dễ dàng nhìn thấy hơn con đường ra khỏi bất cứ cái gì khi bạn đã tìm ra đường thoát cho mình khỏi mê cung đó. Khi bạn mắc kẹt ở giữa, trong vô vàn lần đi lòng vòng khỏi ngõ cụt, thật khó để cảm nhận đúng đắn bất cứ điều gì. Tôi biết rõ cảm giác ấy.

Còn tôi ư? Tôi có chút chao đảo, nhưng thật lạ lùng, tôi lại cảm thấy mình mạnh mẽ hơn. Tôi đã dứt khoát tạm biệt Zoey và Laura sau khi họ đòi chụp ảnh bàn tay bị bỏng của tôi để đăng lên facebook. Tôi dự định sẽ mời Fiona, cô gái đã đưa tôi quyển sách tại đám tang, tới ngôi nhà này. Khi mọi chuyện đã ít nhiều bình lặng trở lại.

Câu chuyện là vậy đấy. Toàn bộ câu chuyện. Như tôi đã nói từ đầu, tôi không trông đợi bạn tin nó, nhưng đây chính là sự thật, từng

từ một. Mọi gia đình đều có những bí mật riêng, phần lớn mọi người sẽ không bao giờ biết chúng, nhưng họ biết có những không gian, những khoảng trống đáng lẽ phải là vị trí của câu trả lời, phải là nơi ai đó ngồi, nơi ai đó từng hiện diện. Một cái tên không bao giờ được nhắc tới, hay chỉ nhắc tới một lần và không bao giờ nhắc lại sau này nữa. Tất cả chúng ta đều có bí mật của riêng mình. Ít nhất là bí mật của chúng tôi giờ đây đã được phơi bày, hay ít nhất bắt đầu hé lộ. Tôi liên tục tự hỏi liệu tôi có thể biết được bao nhiêu về cuộc đời mình nếu không có quyển nhật ký. Đôi lúc, tôi nghĩ rất có thể tôi đã tìm nó sớm hơn hay muộn hơn, song phần lớn thời gian tôi nghĩ đó chính là mục đích của quyển nhật ký, vì gần như chắc chắn nó có một mục đích. Nó dẫn tôi tới đây. Nó giúp tôi khám phá ra các bí mật, nhưng cũng làm tôi trở thành một con người tốt hơn. Nghe có vẻ thật ủy mị, tôi biết, nhưng nó đã giúp tôi nhận ra luôn có những ngày mai. Trước khi tôi tập trung vào hiện tại. Tôi sẽ nói và làm những điều thích hợp hơn để có được thứ tôi muốn vào đúng khoảnh khắc đó, và không bao giờ dành ra một giây để nghĩ xem những quân domino còn lại sẽ đổ xuống như thế nào. Quyển nhật ký giúp tôi thấy được một điều có thể ảnh hưởng tới những cái khác ra sao. Làm tôi có thể tự tạo ra sự khác biệt trong cuộc đời mình, cũng như cuộc đời của những người khác. Tôi luôn nhớ mình đã bị cuốn nhật ký thu hút như thế nào khi mình đang ở trong thư viện lưu động của Marcus, như thể nó ở đó chỉ để đợi tôi ngày hôm ấy. Tôi nghĩ phần lớn mọi người đi vào hiệu sách và không có ý tưởng về thư họ muốn mua. Bằng cách nào đó, những quyển sách nào đó, thuyết phục người ta cầm chúng lên một cách thần kỳ. Đúng sách cho đúng người. Cứ như thế chúng biết trước chúng là một phần của ai, và bằng cách nào chúng có thể tạo ra sự khác biệt, bằng cách nào chúng nó có thể dạy người ta một bài học, đem đến nụ cười trên một khuôn mặt vào đúng thời điểm. Giờ đây, tôi nghĩ khác hơn nhiều về những cuốn sách.

Tôi nghĩ quyển nhật ký có mặt để dành cho riêng tôi.

Khi tôi còn tiểu học, cô giáo thường xuyên yêu cầu chúng tôi viết đoạn ngắn vào cuối mỗi ngày với tựa đề “Những điều tôi đã học được hôm nay.” Tôi cảm thấy trong hoàn cảnh này sẽ rút gọn hơn rất nhiều nếu nói về “Những điều tôi chưa học được,” vì còn gì tôi chưa học nữa đây? Chẳng gì cả. Hoàn toàn chẳng còn gì. Tôi đã học được rất nhiều, tôi đã trưởng thành lên rất nhiều và chuyện này không bao giờ kết thúc. Đến thứ hai, tôi sẽ lại bắt đầu tất cả.

Tôi nghĩ toàn bộ chuyện này – tìm ra tôi là ai – chính là mục đích của quyển nhật ký. Tôi nghĩ sau đám cháy nó sẽ lại trở thành một quyển sổ ghi chép, và tôi đã có thể trả nó lại Thư viện lưu động, trả nó về giá sách phi hư cấu và cho phép một ai khác hưởng lợi từ nó. Nhưng tôi không thể làm thế. Tôi không thể để nó ra đi. Nó tiếp tục nói cho tôi biết ngày mai, và tôi tiếp tục sống ngày mai đó, và đôi lúc phải cố gắng sống cho tốt hơn.

Tôi đóng quyển nhật ký lại, rời lâu đài đi tới vườn quả, nơi tôi hẹn gặp Weseley cạnh cây táo có khắc chữ trên thân.

“Á à,” anh nói, đưa mắt nhìn quyển nhật ký kẹp dưới tay tôi. “Giờ thì sao?”

“Chẳng có gì xấu cả,” tôi ngồi xuống tám khăn trải cạnh anh.

“Anh không tin em. Có chuyện gì vậy?”

“Thực ra về anh và em,” tôi bật cười.

“Chuyện gì về chúng ta?”

Tôi nhướn mày đầy gợi ý về phía anh.

“Ôi, không,” anh giơ hai tay lên làm bộ kinh hoàng. “Vậy là bây giờ ngoài cứu em ra khỏi mấy ngôi nhà đang cháy, anh lại còn phải hôn em nữa ư?”

Tôi nhún vai. “Kiểu là thế.”

“Chuyện đó xảy ra ở đâu vậy ? Ở đây à ?”

Tôi gật đầu.

“Okay. Được thôi,” anh nhìn tôi thật nghiêm túc.

“Được thôi,” tôi trả lời. Tôi hắng giọng. Chuẩn bị sẵn sàng.

“Nó có nói là anh hôn em hay em hôn anh không.”

“Chắc chắn là anh hôn em.”

“Okay.”

Anh im lặng trong khoảnh khắc, rồi ghé lại và dịu dàng hôn lên môi tôi. Giữa cái hôn êm dịu nhất tôi đã từng có, anh mở bừng mắt và lùi lại.

“Em bịa ra chuyện đó, phải không ?” anh hỏi, mở to mắt.

“Ý anh là sao ?” tôi cười phá lên.

“Tamara Goodwin, em vừa bịa ra chuyện đó !” anh cười hết cỡ. “Đưa quyển sách cho anh,” anh giật nó ra khỏi tay tôi và giả bộ dùng nó nện vào đầu tôi.

Tôi ngã nhào xuống tấm khăn trải và nhìn lên cây táo vốn đã chứng kiến nhiều điều.

Weseley cúi đầu, khuôn mặt chúng tôi kề sát nhau, mũi chúng tôi gần như chạm nhau.

“Thực sự thì trong đó viết sao ?” anh nhẹ nhàng nói.

“Viết em nghĩ mọi thứ sẽ ổn cả. Và em sẽ viết tiếp ngày mai.”

“Lúc nào em chả nói thế.”

“Và em luôn làm thế.”

“Thật không ?” anh hỏi, chăm chú nhìn tôi.

“Em nghĩ vậy.”

“Okay,” anh ngồi dậy, kéo tôi dậy theo. “Anh đã mang cái này đến.”

Anh lấy cái túi ni lông trong suốt bên cạnh ra rồi mở túi. Tôi cho quyền nhật ký vào trong đó. Thoạt nhìn khá miễn cưỡng, nhưng khi quyền sách lọt thỏm vào trong đó, tôi biết đây là quyết định đúng.

“Em làm đi.”

Tôi ngược nhìn lên cây táo, lên tất cả những dòng chữ khắc tên bởi mẹ, Laurie, Arthur, Rosaleen và hàng tá người từng có biết bao mơ ước cho ngày mai dưới tán cây này, rồi sau đó tôi quỳ gối xuống và để quyền nhật ký vào cái hố Weseley đã đào, rồi chúng tôi bắt đầu lấp đất lấp kín nó lại.

Tôi không hề nói dối khi tôi nói không thể để quyền nhật ký ra đi. Tôi không thể để nó ra đi. Một cách hoàn toàn.

Xin cảm ơn vì đã đọc câu chuyện của tôi, tôi sẽ lại viết vào ngày mai.

--- HẾT ---